



NXB
TỔNG HỢP
TP. HCM

VHSG
NXB VĂN HOÀ SÀI GÒN



100 CÂU HỎI ĐÁP VỀ
GIÁ ĐỊNH – SÀI GÒN
TP. HỒ CHÍ MINH

Di tích lịch sử - văn hóa

ở Thành phố
Hồ Chí Minh



PHẠM HỮU MỸ, NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG

100 CÂU HỎI ĐÁP VỀ

**DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA
Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



100

CÂU HỎI ĐÁP VỀ
GIA ĐÌNH – SÀI GÒN
TP. HỒ CHÍ MINH



PHẠM HỮU MÝ, NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG

Di tích lịch sử - văn hóa

ở Thành phố Hồ Chí Minh



NXB TỔNG HỢP TP.HCM

VHSG
NXB VĂN HÓA SÀI GÒN

Chủ biên:
CAO TỰ THANH
HỒNG DUỆ
HOÀNG MAI

MỤC LỤC

trang	hỏi/đáp
11	* Lời giới thiệu
13	001. Thế nào là di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh?
16	002. Di tích lịch sử - văn hóa ở Thành phố Hồ Chí Minh có những đặc điểm gì?
19	003. Tại sao phải bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa?
22	004. Những văn bản pháp quy nào đã được vận dụng trong hoạt động bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa?
25	005. Xin cho biết vài nét về hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa ở Thành phố Hồ Chí Minh.
28	006. Di tích gồm những yếu tố cấu thành nào?
30	007. Quy trình để một di tích được xếp hạng gồm những bước nào? Tiêu chí của việc xác định khu vực bảo vệ di tích là gì?
34	008. Cho đến nay Thành phố đã có bao nhiêu di tích được xếp hạng?
35	009. Xin cho biết về di tích khảo cổ Giồng Cá Vồ ở huyện Cần Giờ.
38	010. Xin cho biết về di tích khảo cổ lò gốm Hưng Lợi ở quận 8.
41	011. Xin cho biết về di tích đền thờ Phan Văn Hớn.
45	012. Xin cho biết về di tích lịch sử nơi Nguyễn Tất Thành ở trước khi ra đi tìm đường cứu nước.
47	013. Xin cho biết về di tích lịch sử mộ Phan Châu Trinh ở Thành phố Hồ Chí Minh.
50	014. Xin cho biết về di tích lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng.
54	015. Xin cho biết về di tích lịch sử nơi thành lập Kỳ bộ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Sài Gòn.

- 57 016. Xin cho biết về di tích lịch sử nơi thành lập tổ chức An Nam cộng sản đảng ở Sài Gòn.
- 60 017. Xin cho biết về di tích lịch sử nơi đồng chí Trần Phú hy sinh.
- 64 018. Xin cho biết về di tích lịch sử Địa đạo Phú Thọ Hòa.
- 66 019. Xin cho biết về di tích lịch sử trụ sở báo *Dân chúng*.
- 70 020. Xin cho biết về di tích lịch sử dinh quận Hóc Môn.
- 73 021. Xin cho biết về di tích lịch sử Ngã ba Giồng Hóc Môn.
- 76 022. Xin cho biết về di tích lịch sử đình Cầu Sơn quận Bình Thạnh.
- 79 023. Xin cho biết về di tích lịch sử đình Tân Túc ở huyện Bình Chánh.
- 82 024. Xin cho biết về di tích lịch sử đình Phong Phú ở quận 9.
- 84 025. Xin cho biết về di tích lịch sử Bót Dây Thép ở quận 9.
- 87 026. Xin cho biết về di tích lịch sử Cơ sở in ấn của Hội Ủng hộ Vệ Quốc đoàn tại Sài Gòn.
- 90 027. Xin cho biết về di tích lịch sử trận đánh kho bom Phú Thọ.
- 95 028. Xin cho biết về di tích lịch sử Khám Lớn Sài Gòn và bót Catinat.
- 98 029. Xin cho biết về di tích lịch sử Trụ sở Phái đoàn liên lạc Bộ Tổng Tư lệnh quân đội nhân dân Việt Nam.
- 101 030. Xin cho biết về di tích lịch sử Cơ sở giấu vũ khí của Biệt động Sài Gòn đánh dinh Độc Lập năm 1968.
- 104 031. Xin cho biết về hệ thống di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi.
- 108 032. Xin cho biết về di tích lịch sử Căn cứ Rừng Sác.
- 112 033. Ở Thành phố Hồ Chí Minh, địa điểm nào đã trở thành di tích - nơi tập hợp phong trào đấu tranh của công nhân?
- 117 034. Xin cho biết về di tích lịch sử Láng Le - Bàu Cò ở huyện Bình Chánh.
- 121 035. Xin cho biết về khu di tích lịch sử Dân công hỏa tuyến Mậu thân 1968 của Thành phố Hồ Chí Minh.
- 124 036. Xin cho biết về di tích lịch sử Sở Chỉ huy Tiền phương Phân khu 6.
- 127 037. Xin cho biết về di tích lịch sử Tịnh xá Ngọc Phương.
- 130 038. Xin cho biết về di tích lịch sử chùa Ấn Quang.
- 133 039. Xin cho biết về di tích lịch sử chùa Xá Lợi.
- 136 040. Xin cho biết về di tích lịch sử chùa Long Thạnh.

- 140 041. Xin cho biết về di tích lịch sử dinh Độc Lập.
- 143 042. Xin cho biết về một số địa điểm tiêu biểu trong thời gian chống Pháp đã được Thành phố dựng bia lưu niệm.
- 148 043. Xin cho biết về một số địa điểm tiêu biểu trong thời gian chống Mỹ đã được Thành phố dựng bia lưu niệm.
- 153 044. Những nội dung chính yếu của hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa là gì?
- 156 045. Xin cho biết tiêu chí xếp hạng di tích đối với một di tích kiến trúc nghệ thuật.
- 159 046. Cho đến nay ở Thành phố Hồ Chí Minh đã có bao nhiêu di tích kiến trúc nghệ thuật được xếp hạng?
- 164 047. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật điện Ngọc Hoàng ở quận 1.
- 168 048. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật hội quán Quảng Triệu ở quận 1.
- 172 049. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật đình Nam Chơn ở quận 1.
- 176 050. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật đình Xuân Hòa ở quận 3.
- 180 051. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật đình Vĩnh Hội ở quận 4.
- 183 052. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật đình Khánh Hội ở quận 4.
- 187 053. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật hội quán Nghĩa An ở quận 5.
- 191 054. Xin cho biết về di tích hội quán Minh Hương Gia Thạnh ở quận 5.
- 195 055. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật hội quán Nhị Phú ở quận 5.
- 200 056. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật hội quán Lệ Châu ở quận 5.
- 203 057. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật hội quán Quỳnh Phú ở quận 5.
- 207 058. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật hội quán Hà Chương ở quận 5.
- 211 059. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật hội quán Ôn Lăng ở quận 5.
- 215 060. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật hội quán Nghĩa Nhuận ở quận 5.

- 221 061. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật hội quán Tuệ Thành ở quận 5.
- 225 062. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật đình Tân Kiểng ở quận 5.
- 229 063. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Sắc tứ Huệ Lâm ở quận 8.
- 233 064. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật đình Hưng Phú ở quận 8.
- 237 065. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Hội Sơn ở quận 9.
- 241 066. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Phước Tường ở quận 9.
- 246 067. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật đình Tăng Phú ở quận 9.
- 250 068. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật đình Chí Hòa ở quận 10.
- 254 069. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Giác Viên ở quận 11.
- 258 070. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Phụng Sơn ở quận 11.
- 262 071. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật đình Bình Hòa ở quận Bình Thạnh.
- 266 072. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật nhà cổ dân dụng truyền thống của ông Vương Hồng Sển ở quận Bình Thạnh.
- 270 073. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật lăng Lê Văn Duyệt ở quận Bình Thạnh.
- 276 074. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Sắc tứ Tập Phước ở quận Bình Thạnh.
- 280 075. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật đình Thông Tây Hội ở quận Gò Vấp.
- 284 076. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Sắc tứ Trường Thọ ở quận Gò Vấp.
- 288 077. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật đình An Nhơn ở quận Gò Vấp.
- 292 078. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật đình Phú Nhuận.
- 295 079. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật lăng Võ Di Nguy ở quận Phú Nhuận.

- 299 080. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật lăng Trương Tấn Bửu ở quận Phú Nhuận.
- 303 081. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Giác Lâm ở quận Tân Bình.
- 308 082. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật đình Trường Thọ ở quận Thủ Đức.
- 313 083. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật đình Xuân Hiệp ở quận Thủ Đức.
- 318 084. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật đình Linh Tây ở quận Thủ Đức.
- 323 085. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Thiên Phước ở quận Thủ Đức.
- 328 086. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật đình Tân Thới Nhì ở huyện Hóc Môn.
- 333 087. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật đình Tân Thới Tứ ở huyện Hóc Môn.
- 337 088. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật đình Bình Trường ở huyện Bình Chánh.
- 341 089. Xin cho biết về di tích kiến trúc nghệ thuật đình Càn Thạnh ở huyện Cần Giuộc.
- 345 090. Xin giới thiệu một số liên đối tiêu biểu tại các di tích kiến trúc nghệ thuật ở Thành phố.
- 351 091. Xin giới thiệu một số hoành phi tiêu biểu trong các di tích kiến trúc nghệ thuật ở Thành phố.
- 356 092. Xin giới thiệu một số bài vị tiêu biểu trong các di tích kiến trúc nghệ thuật ở Thành phố.
- 360 093. Xin giới thiệu một số ván bia tiêu biểu trong các di tích kiến trúc nghệ thuật ở Thành phố.
- 364 094. Xin giới thiệu một số tờ sắc phong tiêu biểu trong các di tích kiến trúc nghệ thuật ở Thành phố.
- 368 095. Xin giới thiệu một số hiện vật độc đáo trong các di tích kiến trúc nghệ thuật ở Thành phố.
- 372 096. Xin giới thiệu một số hiện vật độc đáo trong các di tích lịch sử ở Thành phố.
- 377 097. Việc lập hồ sơ xếp hạng di tích ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay có những thuận lợi và khó khăn gì?
- 381 098. Việc bảo vệ di tích ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay có những thuận lợi và khó khăn gì?

- 385 099. Những cơ quan đơn vị tổ chức nào có trách nhiệm trực tiếp trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay?
- 389 100. Xin cho biết tổng quan về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Di tích và Danh lam thắng cảnh Thành phố Hồ Chí Minh.
- 393 * Tài liệu và sách tham khảo

LỜI NÓI ĐẦU

Từ 1986 đến nay, Thành phố Hồ Chí Minh đã trải qua một quá trình đổi mới theo hướng hiện đại hóa và hội nhập với quốc tế rất sôi động. Trên nhiều phương diện, quá trình ấy đã đào thải rất nhiều và rất nhanh các yếu tố lạc hậu, trì trệ và không hợp lý, song cũng chính trong tình hình ấy, văn hóa truyền thống phải tìm được những hình thức tồn tại mới mà cụ thể là trở thành những kiến thức và thông tin phổ cập có thể tác động tích cực tới sinh hoạt xã hội. Mặt khác, bản thân quá trình ấy cũng tác động một cách toàn diện và lâu dài tới đời sống văn hóa - xã hội ở Thành phố, nên việc cung cấp những thông tin cần thiết về nó cũng là cách thức giúp người đọc có một cái nhìn tổng quát về các khuynh hướng và động thái kinh tế - xã hội hiện tại ở Thành phố, từ đó có những ứng xử tích cực và hữu hiệu hơn trong hoạt động của mình. Bộ sách **"Một trăm câu hỏi đáp về Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh"** gồm ba mươi quyển mà Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh và Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn liên kết tổ chức thực hiện này nhằm hướng tới đáp ứng những mục tiêu vừa mang tính cấp thiết vừa mang tính lâu dài ấy. Có thể nói đây là một bộ Địa chí Văn hóa Thành phố dạng sơ giản nhằm phổ cập kiến thức và cung cấp thông tin cho người đọc cả trong lẫn ngoài nước về truyền thống lịch sử - văn hóa và hiện trạng kinh tế - xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh. Dĩ nhiên có thể nêu ra trên ba mươi chủ đề, vấn đề để giới thiệu về Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên do sự hạn chế về lực lượng, thời gian và phương tiện vật chất, trước mắt bộ sách chỉ giới hạn trong ba mươi quyển, cũng là một thử nghiệm bước đầu để sau này nếu có điều kiện sẽ tiến tới biên soạn một bộ Tiểu từ điển bách khoa về Thành phố Hồ Chí Minh. Quyển **Một trăm câu hỏi đáp về di tích lịch sử - văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh** của các tác giả Phạm Hữu Mý, Nguyễn Văn Đường là nằm trong cơ cấu chung nói trên.

Di tích lịch sử - văn hóa ở Thành phố Hồ Chí Minh được hình thành trong quá trình khai phá, xây dựng, đấu tranh của lớp cư dân trong tiến trình lịch sử nhiều năm qua trên vùng đất này. Các di tích khảo cổ ở Thành phố cho thấy cách đây hàng nghìn năm trên địa bàn này đã có sự cư trú của con người thuộc thời kỳ tiền sử và sơ sử. Các di tích kiến trúc nghệ thuật như đình chùa của người Việt, hội quán của người Hoa... là bằng chứng vật chất về các giá trị tinh thần mà cộng đồng Việt Nam ở địa phương đã sáng tạo ra trong quá trình xây dựng và bảo vệ tổ quốc trên địa bàn Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định. Các di tích lịch sử là niềm tự hào của nhân dân Thành phố về quá trình đấu tranh giành độc lập trong thời gian trước 1975. Quyển sách này cố gắng phản ánh nội dung cơ bản của những di sản ấy, những di sản cần và phải được bảo tồn đồng thời phát huy giá trị để sự nghiệp xây dựng Thành phố có thể phát triển một cách hài hòa và bền vững không những trong hiện tại mà còn cả trong tương lai.

Do thời gian gấp rút, cách thức biên soạn tương đối mới mẻ, phạm vi cần đề cập lại quá rộng lớn nên quyển sách chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn và các tác giả hy vọng được người đọc góp ý để sau này nếu có điều kiện tái bản, quyển sách sẽ đạt được chất lượng cao hơn.

Tháng 5. 2006



THẾ NÀO LÀ DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA VÀ DANH LAM THẮNG CẢNH?

Căn cứ Luật Di sản Văn hóa được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29. 6. 2001, có hiệu lực thi hành ngày 01. 01. 2002 thì "Di tích lịch sử - văn hóa là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học". Di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh của Việt Nam được xác định trên cơ sở phải có một trong các tiêu chí:

- Công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử tiêu biểu trong quá trình dựng nước và giữ nước,
- Công trình xây dựng, địa điểm gắn với thân thế và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân của đất nước,
- Công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử tiêu biểu của các thời kỳ cách mạng, kháng chiến,
- Địa điểm có giá trị tiêu biểu về khảo cổ,
- Quần thể các công trình kiến trúc hoặc công trình kiến trúc đơn lẻ có giá trị tiêu biểu về kiến trúc, nghệ thuật của một hay nhiều giai đoạn lịch sử,
- Cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị thẩm mỹ tiêu biểu.

- Khu vực thiên nhiên có giá trị khoa học về địa chất, địa mạo, địa lý, đa dạng sinh học, hệ sinh thái đặc thù hoặc khu vực thiên nhiên chứa đựng những dấu tích vật chất về các giai đoạn phát triển của trái đất.

Trên cơ sở những tiêu chí quy định tại điều 28 Luật Di sản Văn hóa, Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11. 11. 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hóa, tại điều 13 về phân loại di tích, di tích được phân thành bốn loại:

- Di tích lịch sử (di tích lưu niệm sự kiện, di tích lưu niệm danh nhân),

- Di tích kiến trúc nghệ thuật,

- Di tích khảo cổ,

- Danh lam thắng cảnh.

Căn cứ vào giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được chia thành di tích cấp tỉnh, thành phố, di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt quan trọng:

- Di tích cấp tỉnh hoặc Thành phố gồm: công trình xây dựng, địa điểm ghi dấu những sự kiện, những mốc lịch sử quan trọng của địa phương (địa phương tỉnh, Thành phố) hoặc gắn với những nhân vật có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của địa phương trong các thời kỳ lịch sử, công trình kiến trúc, nghệ thuật, tổng thể kiến trúc đô thị có giá trị trong phạm vi địa phương, địa điểm khảo cổ có giá trị trong phạm vi địa phương, cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc nghệ thuật có giá trị trong phạm vi địa phương.

- Di tích quốc gia gồm công trình xây dựng, địa điểm ghi dấu những sự kiện, những mốc lịch sử quan trọng của

dân tộc hoặc gắn với anh hùng dân tộc, các nhà hoạt động chính trị, văn hóa, nghệ thuật và khoa học nổi tiếng có ảnh hưởng quan trọng đối với tiến trình lịch sử của dân tộc, công trình kiến trúc nghệ thuật, tổng thể kiến trúc đô thị và đô thị có giá trị tiêu biểu trong các giai đoạn phát triển nghệ thuật kiến trúc của dân tộc, địa điểm khảo cổ có giá trị nổi bật đánh dấu các giai đoạn phát triển của các văn hóa khảo cổ, cảnh quan thiên nhiên đẹp hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc nghệ thuật hoặc khu vực thiên nhiên có giá trị khoa học về địa chất, địa mạo, địa lý, đa dạng sinh học, hệ sinh thái đặc thù.

- Di tích quốc gia đặc biệt gồm công trình xây dựng, địa điểm gắn với những sự kiện đánh dấu bước chuyển biến đặc biệt quan trọng của lịch sử dân tộc hoặc gắn với anh hùng dân tộc và danh nhân tiêu biểu có ảnh hưởng to lớn đối với tiến trình lịch sử dân tộc, công trình kiến trúc nghệ thuật hoàn chỉnh, nguyên gốc, tổng thể kiến trúc đô thị và đô thị có giá trị đặc biệt đánh dấu các giai đoạn phát triển của nghệ thuật kiến trúc và kiến trúc nghệ thuật Việt Nam, địa điểm khảo cổ có giá trị nổi bật đánh dấu các giai đoạn phát triển quan trọng của các văn hóa khảo cổ nổi tiếng ở Việt Nam và thế giới, cảnh quan thiên nhiên đẹp nổi tiếng hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị đặc biệt quốc gia hoặc khu vực thiên nhiên có giá trị về địa chất, địa mạo, địa lý, đa dạng sinh học và hệ sinh thái đặc thù nổi tiếng ở Việt Nam và thế giới.



DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÓ NHỮNG ĐẶC ĐIỂM GÌ?

Di tích lịch sử - văn hóa ở Thành phố Hồ Chí Minh được hình thành trong quá trình khai phá xây dựng của nhiều tầng lớp cư dân qua các thời kỳ lịch sử và công cuộc đấu tranh giành quyền tự do, độc lập, thống nhất tổ quốc của nhân dân thành phố và cả nước trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Những di tích lịch sử - văn hóa ở thành phố là những dấu ấn về lịch sử - văn hóa, những di tích lịch sử - văn hóa quốc gia ở thành phố và những di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng cấp thành phố đã trở thành di sản văn hóa, di sản cách mạng của thành phố và cả nước.

Để hiểu rõ đặc điểm của di tích ở thành phố, cần dựa trên cơ sở đặc điểm của từng loại hình di tích đã được phát hiện và xếp hạng:

Đặc điểm loại hình di tích khảo cổ, chẳng hạn địa điểm Bến Đò, Hội Sơn thuộc quận 9 hiện nay, qua những cuộc khai quật khảo cổ đã được tiến hành, với các di vật phát hiện ở di tích Bến Đò - Hội Sơn có niên đại cách nay hơn 3.000 năm, điều đó chứng tỏ cách nay hơn 3.000 năm đã có cư dân sinh sống trên vùng đất thuộc Thành phố hiện nay, cụm di tích này là một trong những di tích khảo cổ có niên đại sớm ở Thành phố, mặc dù di tích này chưa

được xếp hạng nhưng cũng cần nhắc tới về loại hình di tích khảo cổ vì nó liên quan đến lịch sử - văn hóa của vùng đất - nay là Thành phố Hồ Chí Minh, các nhà khảo cổ còn phát hiện được những hiện vật khảo cổ có giá trị như ở Long Bình quận 9, Gò Cát quận 2, Rừng Bàng huyện Hóc Môn... Những di tích khảo cổ học Giồng Cá Vồ, Giồng Phệt, Giồng Ao, địa điểm ở khu Bao Đồng huyện Cần Giuộc... trong đó di tích Giồng Cá Vồ đã được xếp hạng di tích quốc gia, di tích này ở vùng ngập mặn gần cửa sông, cửa biển. Các hiện vật được phát hiện cho thấy cách nay khoảng 2.500 năm, cư dân ở đây có sự giao lưu văn hóa khá rộng. Di tích Lò gốm Hưng Lợi - quận 8 có niên đại từ thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XX, chuyên sản xuất đồ gốm để dùng cho sinh hoạt như đồ để đựng nước, nấu ăn, chậu hoa... Nhìn chung di tích khảo cổ cho thấy do điều kiện sống khó khăn nên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có cư dân cư trú khá muộn, chưa phát hiện được di tích khảo cổ nào trên 3.500 năm.

Đặc điểm loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật, trước hết phải kể đến các loại kiến trúc đình, chùa, lăng miếu và hội quán:

Đình của người Việt tại Thành phố Hồ Chí Minh mang đặc thù của ngôi đình ở Nam Bộ, được thăng hoa một bước trên cơ sở tăng thêm yếu tố truyền thống kiến trúc ở miền Trung trong bước đầu người Việt khai phá phương Nam. Thành phố Hồ Chí Minh và Nam Bộ thuộc vùng đất Đàng Trong nên có những nét đặc thù riêng, đặc biệt là trang trí kiến trúc và đối tượng thờ cúng mang nét đặc thù gắn với các yếu tố lịch sử - văn hóa ở vùng đất mới, ví dụ các ngôi đình là sản phẩm của quá trình khai hoang mở đất, lập làng ở Thành phố trước kia.

Chùa ở Thành phố Hồ Chí Minh cũng có đặc điểm riêng, trên cơ sở tiếp thu truyền thống kiến trúc của người Việt

ở vùng Thuận Quảng có biến đổi cho phù hợp với điều kiện lịch sử văn hóa ở Nam Bộ, nhất là những trang trí kiến trúc như bao lam, hoành phi, khám thờ, bàn thờ mang nét đặc thù của vùng sông nước, cây trái phương Nam. Trong quá trình phát triển của lịch sử những yếu tố trang trí nói trên còn ít nhiều có sự tiếp thu các yếu tố phương Tây như lá nho, quả nho, hình con tiện trang trí ở một số đồ vật hay trong trang trí kiến trúc.

Ngoài ra các lăng miếu như lăng Lê Văn Duyệt, lăng Võ Di Nguy, lăng Trương Tấn Bửu là công trình kiến trúc được xây dựng để tôn thờ những nhân vật gắn liền với lịch sử của vùng đất phương Nam, ở góc độ kiến trúc đền thờ, những di tích này có chịu ảnh hưởng kết cấu và không gian kiến trúc của một số đình chùa ở Thành phố.

Ngoài ra hội quán của người Hoa là nơi sinh hoạt cộng đồng trong đó nổi bật là sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống. Kiến trúc hội quán của người Hoa đều thể hiện những nét đặc thù trong văn hóa truyền thống của mỗi nhóm, nhất là ở kiểu dáng kiến trúc cũng như cấu trúc kiến trúc.

Di tích lịch sử ở Thành phố Hồ Chí Minh có đặc điểm khá đặc thù so với các di tích lịch sử ở nhiều tỉnh, thành khác trong cả nước ở chỗ hầu hết là công trình, địa điểm đều gắn với nhân vật, sự kiện lịch sử tiêu biểu của hai thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ. Nhiều di tích lịch sử trong nội thành là cơ sở bí mật của cách mạng, do tổ chức cách mạng đứng ra thuê hoặc mua để sử dụng hoặc người dân có lòng yêu nước tự nguyện đóng góp, hiện nay nằm rải ra trong các khu dân cư, có nhiều khó khăn trong việc phục hồi yếu tố gốc và bảo vệ di tích. Các di tích lịch sử ở ngoại thành mà chủ yếu là căn cứ kháng chiến thì trải qua thời gian nhiều nơi đã không còn nguyên trạng, rất khó phục hồi yếu tố gốc của cảnh quan nên phần nhiều chỉ được bảo tồn dưới dạng dựng bia kỷ niệm.



003

TẠI SAO PHẢI BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA?

Di tích lịch sử - văn hóa là một bộ phận quan trọng của di sản lịch sử - văn hóa dân tộc. Di tích lịch sử - văn hóa dù được xếp vào loại di sản văn hoá vật thể trong Luật Di sản Văn hóa, nhưng bản thân mỗi di tích lịch sử văn hóa bao giờ cũng chứa đựng những giá trị văn hóa vật thể và giá trị văn hóa phi vật thể, trong đó di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu giữ ở rất nhiều dạng khác nhau, trong đó có những nội dung chứa đựng trong các di tích như lễ hội, bí quyết nghề thủ công truyền thống, trong kiến trúc và xây dựng đối với di tích kiến trúc nghệ thuật, văn hóa ẩm thực, trang phục truyền thống dân tộc và những tri thức dân gian khác... yếu tố vật thể đối với di tích có thể được hiểu thông qua những vật thể như phần kiến trúc, các di vật gắn với kiến trúc đó là tượng thờ, đồ thờ cúng.

Dân tộc Việt Nam đã trải qua lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, các di tích lịch sử - văn hóa là dấu ấn, là bằng chứng về truyền thống lịch sử - văn hóa của quốc gia, dân tộc và từng địa phương qua nhiều thế hệ, gắn với sự phát triển của xã hội cũng như những bước thăng trầm trong lịch sử khai phá, xây dựng, đấu tranh để giữ gìn thành quả đạt được, giữ gìn và phát huy những giá trị truyền

thống được chiết lọc tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam nói chung.

Việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa có mối liên hệ hữu cơ với nhau. Phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa là tiền đề và mục đích của việc bảo tồn, bảo tồn di tích tốt sẽ góp phần tạo điều kiện cho di tích phát huy những giá trị vốn có của nó trên nhiều phương diện, và giá trị của di tích được phát huy sẽ mang lại những ý nghĩa và hiệu quả thiết thực về mặt văn hóa - xã hội - kinh tế và khoa học. Ý nghĩa về mặt văn hóa đó là bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống, những giá trị về truyền thống lịch sử trong quá trình khai phá, xây dựng, yếu tố hay giá trị văn hóa và lịch sử là sự kết hợp và sự hun đúc của quá trình lao động sáng tạo, sự đấu tranh xây dựng và bảo vệ tổ quốc của nhiều thời đại và nhiều thế hệ của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Ý nghĩa về mặt xã hội: các di tích lịch sử văn hóa là di sản về lịch sử, di sản văn hóa, là tài sản vô giá có giá trị giáo dục cao về tình yêu lao động sáng tạo, tình yêu quê hương đất nước, tinh thần sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì quốc gia dân tộc, tinh thần phấn đấu vươn lên vì tương lai của tổ quốc qua nhiều thế hệ mà nội dung đã được hàm chứa trong các di sản lịch sử, văn hóa, thông qua các loại hình di tích lịch sử - văn hóa. Bảo tồn nhằm phát huy những giá trị lịch sử, văn hóa còn là một truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc Việt Nam, nên việc làm này luôn chứa đựng ý nghĩa về mặt xã hội sâu sắc.

Ý nghĩa về mặt khoa học: các di sản về lịch sử - văn hóa mãi mãi là nguồn tư liệu gốc về mặt tri thức khoa học trên nhiều lĩnh vực: tri thức dân gian, tri thức về khoa học kỹ thuật trong xây dựng, nghề thủ công truyền thống, tri thức về y dược học cổ truyền, về văn hóa ẩm thực (chế biến tạo ra một món ăn là một khoa học về dinh dưỡng và

y học). Các chiến tích về lịch sử là kết quả của sự vận dụng tri thức khoa học về quân sự qua việc vận dụng kỹ thuật, chiến thuật phù hợp với từng cuộc chiến đấu, phù hợp vị trí hoàn cảnh cụ thể, trong hoàn cảnh khó khăn, phương tiện còn thiếu thốn của quân dân ta trong kháng chiến, những nguồn tri thức đó được bảo tồn để nghiên cứu, phát huy là bài học lịch sử về lĩnh vực khoa học quân sự.

Do vậy có thể nói bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa là góp phần quan trọng bảo tồn giá trị lịch sử, giá trị văn hóa truyền thống, là sự trân trọng giá trị của quá khứ để vận dụng cho hiện tại, định hướng cho tương lai.



004

XIN CHO BIẾT NHỮNG VĂN BẢN PHÁP QUY NÀO ĐÃ ĐƯỢC VẬN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG BẢO TỒN DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA?

Hoạt động bảo tồn di sản văn hóa nói chung đã được dân tộc và nhân dân ta quan tâm trong quá trình lịch sử. Như những công trình kiến trúc, tượng danh nhân lịch sử, danh nhân văn hóa được xây dựng và được bảo tồn theo quy định của nhà nước thời kỳ phong kiến, đặc biệt đến thời Lê, *Luật Hồng Đức* được ra đời có tác động mạnh đến việc bảo tồn những giá trị lịch sử văn hóa truyền thống của dân tộc. Đặc biệt với Cách mạng Tháng Tám 1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã giành được tự do, độc lập, nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Đảng và nhà nước Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quan tâm trong việc bảo tồn các di sản văn hóa. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 65 ngày 23. 11. 1945 về việc thành lập Đông Dương Bác cổ Học viện và bảo vệ cổ tích trên toàn cõi Việt Nam, Sắc lệnh quy định hàng năm ngân sách nhà nước dành một khoản cho hoạt động này. Văn bản pháp lý quan trọng trong lĩnh vực bảo tồn di tích lịch sử văn hóa được vận dụng từ năm 1957 do Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký là Nghị định 519-TTG ngày 29. 10. 1957, trong đó quy định các luật lệ về hoạt động Bảo tồn Bảo tàng: những quy định về liệt hạng di tích, sưu tầm, khai quật di tích, bảo quản, trùng tu sửa chữa, quy

định về nhập khẩu những di vật có giá trị lịch sử. Nghị định còn quy định cơ quan có nhiệm vụ bảo vệ các di tích thuộc sở hữu nhà nước.

Thời kỳ đấu tranh vì hòa bình thống nhất chống đế quốc Mỹ can thiệp và xâm lược, Nhà nước Việt Nam đã có những chỉ thị, thông tư là văn bản pháp lý sát thực trạng trong lãnh đạo thực hiện hoạt động bảo vệ di sản văn hóa nói chung và liên quan đến bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, như Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 1999-VG ngày 15. 5. 1958 về việc cấm đào mộ cổ, Thông tư của Thủ tướng số 442-TTG ngày 9. 11. 1960 về việc bảo vệ các di sản văn hóa, ngăn chặn hoạt động xuất khẩu cổ vật trái phép, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ ngày 13. 12. 1963 về bảo vệ và quản lý những sách, tài liệu văn hóa bằng chữ Hán, chữ Nôm, Chính phủ có Thông tư ngày 29. 4. 1966 về việc bảo vệ di tích lịch sử, di tích nghệ thuật và hang động.

Sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa nói chung và lĩnh vực bảo tồn di tích lịch sử văn hóa nói riêng ngày càng đòi hỏi được nâng cao phù hợp với thực tiễn, ngày 31. 3. 1984 Pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh được Quốc hội và Hội đồng Nhà nước thông qua. Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) có Nghị định số 288-HĐBT ngày 31. 12. 1985 quy định việc thi hành Pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh. Đồng thời, Bộ Văn hóa (nay là Bộ Văn hoá Thông tin) cũng có Thông tư số 206/VH-TT ngày 22. 7. 1986 hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh.

Hiện nay trong hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc nói chung, bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa nói riêng, chúng ta có Luật Di sản Văn hóa được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa

Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 26. 6. 2001 và có hiệu lực từ ngày 1. 1. 2002, luật gồm 7 chương, 79 điều luật. Nhằm thực hiện tốt Luật Di sản Văn hóa, Chính phủ có Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11. 11. 2002 quy định chi tiết việc thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hóa, Nghị định gồm 9 chương, 56 điều. Nhằm bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa, Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin đã ban hành quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh kèm theo Quyết định số 05/2003/QĐ-BVHTT ngày 6. 2. 2003, gồm 9 chương, 25 điều. Để có biện pháp xử lý những hành động cố ý gây tổn hại hay xâm phạm di tích lịch sử, văn hóa, chính phủ ban hành Nghị định số 56/2006-NĐ-CP ngày 6. 6. 2006 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động văn hóa thông tin.

Luật di sản văn hóa, Nghị định số 56/2006-NĐ-CP, Nghị định số 92/2002/NĐ-CP, Quyết định số 05/2003/QĐ-BVHTT hiện là những văn bản quy phạm pháp luật và cơ sở pháp lý cao nhất được vận dụng trong lĩnh vực Bảo tồn Bảo tàng nói chung, trong đó có lĩnh vực bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa.



005

XIN CHO BIẾT VÀI NÉT VỀ HOẠT ĐỘNG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH?

Sau khi miền Nam được giải phóng, hoạt động bảo tồn di tích lịch sử văn hóa ở Thành phố Hồ Chí Minh đã được triển khai hoạt động, phòng Bảo tồn - Bảo tàng thuộc Sở Văn hóa - Thông tin được thành lập có chức năng tham mưu quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn - bảo tàng, đồng thời có chức năng hướng dẫn, kiểm tra hoạt động và thực hiện hoạt động nghiệp vụ về bảo tồn di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn Thành phố. Bên cạnh đó, hoạt động về chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực bảo tồn di tích lịch sử văn hóa ở Thành phố Hồ Chí Minh còn phải kể đến các Trung tâm Văn hóa và nhà Truyền thống ở các quận, huyện. Đến 1986 hoạt động bảo tồn di tích trên địa bàn Thành phố do Phòng Di tích thuộc Bảo tàng Cách mạng Thành phố thực hiện. Đến 1998 Ban Quản lý di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh Thành phố thuộc Sở Văn hóa và Thông tin được hình thành theo Quyết định số 3154/QĐ-UB-NC của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16. 6. 1998 và chính thức hoạt động từ tháng 3. 1999 đến nay.

Về việc bảo tồn di tích lịch sử văn hóa ở Thành phố từ sau giải phóng đến nay, trước hết phải kể tới hoạt động

kiểm kê di tích theo yêu cầu của Cục Bảo tồn - Bảo tàng. Được sự chỉ đạo của Sở Văn hóa - Thông tin Thành phố, Phòng Bảo tồn và tiếp theo là Phòng Di tích đã tiến hành kiểm kê di tích, nhưng chủ yếu là thống kê các đình chùa, theo đó Thành phố Hồ Chí Minh có 260 đình và 933 chùa. Nhằm nắm tổng thể di tích trên địa bàn Thành phố làm cơ sở cho việc lập kế hoạch từng bước lập hồ sơ xếp hạng di tích, Ban quản lý di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh Thành phố đã phối hợp với các đơn vị liên quan ở quận, huyện tiến hành tổng điều tra di tích trên toàn địa bàn Thành phố, công việc được tiến hành từ năm 1999 đến năm 2003, gồm tất cả các loại hình di tích như di tích kiến trúc nghệ thuật gồm đình, chùa, nhà cổ dân gian truyền thống, công trình kiến trúc cổ đô thị, mộ cổ... Kết quả điều tra bước đầu về di tích trong đó có tổng số 138 công trình địa điểm dự kiến có thể hội đủ tiêu chí lập hồ sơ xếp hạng di tích, có 54 công trình kiến trúc cổ đô thị, 11 nhà cổ dân gian truyền thống, 45 mộ cổ, còn lại là di tích lịch sử, di tích khảo cổ, danh lam thắng cảnh.

Để có cơ sở khoa học và cơ sở pháp lý trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích, việc di tích được xếp hạng là yêu cầu hết sức quan trọng, vấn đề này đã và đang được các cơ quan chuyên môn của Thành phố khẩn trương thực hiện.

Nói đến hoạt động bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa không thể không đề cập tới hoạt động tu bổ, tôn tạo, phục hồi di tích và giải quyết tình trạng di tích bị xâm hại. Hoạt động tu bổ, tôn tạo, phục hồi di tích luôn được các ngành chức năng của Thành phố quan tâm, hoạt động này còn được sự quan tâm của đơn vị, tổ chức đang trực tiếp quản lý di tích, nhất là đối với di tích kiến trúc nghệ thuật, có di tích đã đầu tư hàng tỷ đồng cho công việc tu bổ. Do đặc thù của loại hình di tích lịch sử, nhiều di tích qua thời

gian và điều kiện lịch sử không còn giữ được yếu tố nguyên trạng, nên đã phải phục hồi tôn tạo và phải tiến hành trưng bày bổ sung nhằm tái tạo giá trị và tính xác thực của di tích.

Nhờ bảo tồn được nhiều giá trị nguyên gốc của các di tích lịch sử văn hóa, nên trong thời gian qua Thành phố đã thu hút được một số lượng lớn lượt du khách cả trong lẫn ngoài nước tới tham quan các di tích kiến trúc nghệ thuật như đình chùa, hội quán cũng như các di tích lịch sử cách mạng như địa đạo Củ Chi, dinh Độc Lập... Nhằm có cơ sở vững chắc cho việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn Thành phố và nhằm có định hướng lâu dài cho hoạt động này, Thành phố đang triển khai kế hoạch lập quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích giai đoạn từ nay cho đến năm 2020.



006

DI TÍCH GỒM NHỮNG YẾU TỐ CẤU THÀNH NÀO?

Những yếu tố cấu thành di tích là những giá trị vốn có của di tích, căn cứ vào tiêu chí cụ thể của từng loại di tích, nếu hội đủ sẽ được lập hồ sơ xếp hạng di tích và do cơ quan có thẩm quyền ra quyết định.

Đối với di tích khảo cổ, tiêu chí xác định di tích khảo cổ là địa điểm có giá trị tiêu biểu về khảo cổ. Đối tượng nghiên cứu của khảo cổ là di tích và di vật gắn với di tích được nghiên cứu thông qua phương pháp khai quật và nghiên cứu khảo cổ học, một công trình, địa điểm khảo cổ học được xếp hạng di tích để bảo tồn đòi hỏi phải có giá trị tiêu biểu có thể phục vụ khách tham quan, nhà nghiên cứu, những dấu hiệu tầng văn hóa của di tích và các di vật tại di tích giúp chúng ta hiểu biết về các vấn đề lịch sử, văn hóa, khoa học về một thời kỳ hay giai đoạn lịch sử, hoặc đặc điểm lịch sử, văn hóa ở vùng hay khu vực có liên quan.

Đối với di tích kiến trúc nghệ thuật là quần thể các công trình kiến trúc hoặc công trình kiến trúc đơn lẻ có giá trị tiêu biểu về kiến trúc, thể hiện nét nghệ thuật của một hay nhiều giai đoạn lịch sử. Điều đó có nghĩa là kiến trúc ấy phải mang dấu ấn về nghệ thuật hay kiến trúc phản ánh tính lịch sử trong lịch sử kiến trúc của thời kỳ hay giai

đoạn lịch sử, các đồ vật hoặc hoa văn trang trí trên kiến trúc phản ánh yếu tố hay dấu ấn văn hóa và thẩm mỹ có tính lịch sử tiêu biểu cho thời kỳ lịch sử hoặc thời đại hay một truyền thống lịch sử, văn hóa.

Đối với di tích lịch sử, gồm có loại di tích lưu niệm sự kiện, lưu niệm danh nhân:

Di tích lưu niệm sự kiện là công trình, địa điểm -nơi diễn ra sự kiện lịch sử, tùy tính chất, giá trị và ý nghĩa của sự kiện lịch sử diễn ra tại địa điểm để làm căn cứ để xếp hạng là di tích cấp tỉnh (Thành phố) hoặc di tích quốc gia hoặc di tích quốc gia đặc biệt quan trọng.

Di tích lưu niệm danh nhân là công trình, địa điểm gắn liền hoặc có sự liên hệ mật thiết với quá trình hoạt động, hoặc nơi diễn ra sự kiện lịch sử tiêu biểu của nhân vật lịch sử, danh nhân lịch sử như các anh hùng dân tộc, các nhà hoạt động cách mạng tiêu biểu của thời kỳ hoặc gắn liền với sự kiện lịch sử có ý nghĩa.

Những yếu tố cấu thành di tích như đã nêu - tùy từng loại hình di tích các yếu tố cấu thành này được hình thành bởi yếu tố chủ quan và khách quan của quá trình hình thành và phát triển của những đặc điểm địa lý, môi trường văn hóa, lịch sử của vùng hay khu vực và được bảo tồn xuất phát từ yếu tố phát huy truyền thống về văn hóa, lịch sử của dân tộc ta, mặc dù các di tích ấy luôn bị tác động bởi nhiều yếu tố của đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội có tính lịch sử.



**QUY TRÌNH ĐỂ MỘT DI TÍCH ĐƯỢC
XẾP HẠNG GỒM NHỮNG BƯỚC NÀO?
TIÊU CHÍ CỦA VIỆC XÁC ĐỊNH
KHU VỰC BẢO VỆ DI TÍCH LÀ GÌ?**

Một di tích được xếp hạng phải có hồ sơ xếp hạng di tích được cấp có thẩm quyền quyết định xếp hạng, với quy định, quy trình và thủ tục như sau:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thành phố quyết định xếp hạng di tích cấp tỉnh, Thành phố. Giám đốc Sở Văn hóa và Thông tin các tỉnh, Thành phố có trách nhiệm trước chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thành phố trong việc kiểm kê, phân loại di tích, lập hồ sơ xếp hạng di tích cấp tỉnh, Thành phố trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành phố để xem xét, quyết định xếp hạng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Thành phố có trách nhiệm chỉ đạo lập hồ sơ di tích cấp quốc gia trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin quyết định xếp hạng di tích quốc gia. Các di tích được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định xếp hạng di tích cấp Thành phố, và hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin đều được Hội đồng xét duyệt di tích của Thành phố thẩm định, tư vấn.

Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin lập hồ sơ di tích tiêu biểu của Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đề nghị Tổ chức Giáo dục - Khoa học và Văn hóa

của Liên Hiệp Quốc xem xét đưa vào danh mục di sản thế giới. Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Hội đồng Di sản Văn hóa quốc gia.

Thủ tướng Chính phủ quyết định xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, quyết định việc đề nghị Tổ chức Giáo dục - Khoa học và Văn hóa của Liên Hiệp Quốc xem xét đưa di tích tiêu biểu của Việt Nam vào danh mục di sản văn hóa thế giới.

Hồ sơ xếp hạng di tích gồm:

- Đơn đề nghị xếp hạng của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích.

- Lý lịch di tích (hay còn gọi là lý lịch khoa học di tích), lý lịch di tích được xác lập trên cơ sở nghiên cứu khoa học những nội dung liên quan đến di tích nhằm xác định giá trị của di tích theo yêu cầu của tiêu chí xác định đối với mỗi loại hình di tích.

- Bản đồ vị trí và chỉ dẫn đường đến di tích.

- Bản vẽ mặt bằng tổng thể, các mặt cắt ngang, cắt dọc, bản vẽ những kết cấu và chi tiết kiến trúc có chạm khắc tiêu biểu của di tích tỷ lệ 1: 50.

- Tập ảnh màu khảo tả di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc di tích (nếu có) với cỡ 9 cm x 12 cm trở lên.

- Bảng thống kê di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc di tích.

- Bảng dập, dịch văn bia, câu đối, đại tự và các tài liệu Hán Nôm hoặc tài liệu bằng các loại ngôn ngữ khác về di tích.

- Biên bản và bản đồ khoanh vùng các khu vực bảo vệ các di tích có dấu của Ủy ban nhân dân các cấp, của Sở Địa chính, Sở Văn hóa - Thông tin. Trong thực tế hiện nay có nơi còn có sự xác nhận đóng dấu của cơ quan trực tiếp

lập hồ sơ di tích là bảo tàng hoặc ban quản lý di tích các tỉnh, Thành phố, Phòng Văn hóa Thông tin Tuyên truyền quận, huyện. Việc xác định khu vực bảo vệ di tích có ý nghĩa quan trọng đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích. Theo quy định tại điều 32 của Luật Di sản văn hóa và điều 16 của Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11. 11. 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hóa, một di tích có thể có khu vực bảo vệ I và II:

Khu vực bảo vệ I gồm di tích và vùng được xác định là yếu tố gốc cấu thành di tích, phải được bảo vệ nguyên trạng. Đối với di tích là công trình xây dựng, địa điểm gắn với các sự kiện lịch sử, thân thể và sự nghiệp của các danh nhân thì phạm vi khu vực I phải bảo đảm phản ánh những diễn biến tiêu biểu của sự kiện lịch sử, những công trình lưu niệm gắn với danh nhân liên quan đến di tích đó.

Đối với di tích là địa điểm khảo cổ thì phạm vi khu vực bảo vệ I phải bảo đảm giữ nguyên trạng toàn bộ phạm vi khu vực đã phát hiện các di vật, địa hình, cảnh quan có liên quan trực tiếp đến môi trường sinh sống của chủ thể đã tạo nên địa điểm khảo cổ đó.

Đối với di tích là quần thể các công trình kiến trúc nghệ thuật hoặc công trình kiến trúc đơn lẻ thì việc xác định khu vực bảo vệ I phải bảo đảm giữ nguyên trạng các công trình vốn có của di tích bao gồm sân, vườn, ao, hồ và cả các yếu tố khác có liên quan đến di tích.

Đối với danh lam thắng cảnh thì việc xác định khu vực bảo vệ I phải bảo đảm tính toàn vẹn của cảnh quan thiên nhiên, địa hình, diện mạo và các yếu tố địa lý khác chứa đựng sự đa dạng sinh học và hệ sinh thái đặc thù hoặc các dấu tích vật chất về các giai đoạn phát triển của trái đất, cũng như cảnh vật do con người tạo ra trong quá trình lịch sử.

Việc xác định chỉ có khu vực bảo vệ I được áp dụng trong trường hợp di tích đó nằm trong khu vực dân cư hoặc liền kề các công trình xây dựng mà không thể di dời. Đối với di tích gồm nhiều công trình xây dựng, địa điểm phân bố trên phạm vi rộng thì phải xác định khu vực bảo vệ I cho từng công trình xây dựng, địa điểm.

Trong trường hợp không xác định được khu vực bảo vệ II thì việc xác định chỉ có khu vực bảo I đối với di tích cấp tỉnh, Thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định, đối với di tích quốc gia do Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin quyết định, đối với di tích quốc gia đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Khu vực bảo vệ II là vùng bao quanh khu vực bảo vệ I của di tích, có thể xây dựng những công trình phục vụ việc phát huy giá trị di tích, nhưng không làm ảnh hưởng đến kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên, môi trường - sinh thái của di tích. Việc xây dựng các công trình ở khu vực bảo vệ II phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin đối với di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt, đối với di tích cấp tỉnh, Thành phố phải có sự đồng ý bằng văn bản của chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành phố nơi có di tích đó.



CHO ĐẾN NAY THÀNH PHỐ ĐÃ CÓ BAO NHIÊU DI TÍCH ĐƯỢC XẾP HẠNG?

Cho đến nay tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có 86 di tích được xếp hạng. Tính đến hết tháng 9. 2006, thành phố có 54 di tích quốc gia trong đó 26 là di tích lịch sử, 26 là di tích kiến trúc nghệ thuật, 2 là di tích khảo cổ và 32 di tích cấp thành phố trong đó 16 là di tích lịch sử, 16 là di tích kiến trúc nghệ thuật.

Vì nhiều lý do, các công trình - địa điểm được xếp hạng di tích nói trên hiện do nhiều cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, chẳng hạn dinh Thống Nhất hiện do Văn phòng II của Chính phủ quản lý, bót Dây Thép ở quận 9 do Ban Chỉ huy quân sự, Viện Kiểm sát nhân dân quận quản lý, địa điểm lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng do Xí nghiệp liên hiệp Ba Son quản lý, ngoài ra còn có không ít là do tư nhân sở hữu hay trực tiếp quản lý. Tình hình này khiến cho việc bảo vệ, sửa chữa cũng như khai thác, phát huy giá trị di tích ở thành phố khó được thực hiện một cách thống nhất và đồng bộ.



XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KHẢO CỔ GIỒNG CÁ VỎ Ở HUYỆN CẦN GIỜ.

Di tích Giồng Cá Vồ là di tích khảo cổ thuộc ấp Hòa Hiệp xã Long Hòa huyện Cần Giờ Thành phố Hồ Chí Minh. Di tích này đã được cán bộ của Ban Khoa học Xã hội Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Viện nghiên cứu xã hội Thành phố Hồ Chí Minh) phát hiện về khai quật năm 1993. Di tích này cũng được Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh và Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam - Hà Nội tiến hành khai quật với quy mô lớn vào năm 1994 và đã tìm được rất nhiều hiện vật có giá trị nghiên cứu khảo cổ học.

Đặc điểm của di tích Giồng Cá Vồ là gò đất đỏ, xung quanh được bao bọc bởi thảm thực vật rừng ngập mặn và kênh rạch thông ra biển. Qua kết quả khai quật và nghiên cứu, các nhà khoa học đã xác định tại địa điểm này, cư dân cổ sống ở đây đã từng sử dụng giồng đất làm nơi cư trú và là nơi sản xuất gốm, sau đó đã biến nơi đây thành khu mộ táng. Đặc trưng của mộ táng ở đây là dùng chum gốm hình cầu để mai táng hoặc cải táng với mật độ dày đặc. Niên đại của di tích này được các nhà nghiên cứu xác định khoảng trên dưới 2.500 năm.

Nói đến giá trị của di tích Giồng Cá Vồ, trước hết là nói đến giá trị của các hiện vật. Đây là nguồn tư liệu quý

giúp chúng ta nghiên cứu về lịch sử, văn hóa của vùng đất này và mối liên hệ, giao lưu với các vùng và khu vực trong lịch sử. Hiện vật tìm được tại di tích Giồng Cá Vồ hết sức phong phú và đa dạng về đồ gốm, ngoài các chum gốm hình cầu dùng để mai táng, còn phải kể đến các loại hiện vật với nhiều kiểu loại: nồi, chậu, bát mâm bông, cà ràng, tượng đất nung. Đồ trang sức hết sức đa dạng về chất liệu, loại hình như chất liệu đá quý (mã não, đá ngọc), đất nung, thủy tinh, vàng, đồng, sắt, xương, vỏ các loài nhuyễn thể... Các loại trang sức như khâu chuỗi, khuyên tai hai đầu thú, khuyên tai ba múi, vòng đeo, nhẫn...

Các loại công cụ, vũ khí bằng sắt như: giáo, lao, kiếm, rìu, dao, đục, lưỡi câu, công cụ vũ khí bằng đồng như rìu đồng, giáo đồng. Di tích khảo cổ Giồng Cá Vồ cùng với những địa điểm Giồng Phệt, Giồng Am... đã hình thành một hệ thống các di tích "văn hóa Giồng" của cư dân cổ sống trên vùng đất ngập mặn vùng cửa sông cửa biển thuộc vùng đất Thành phố cách nay hơn 2.000 năm đã được cư dân thời kỳ này khai phá, xây dựng hình thành yếu tố lịch sử - văn hóa khá đặc thù. Thông qua các hiện vật được phát hiện ở di tích Giồng Cá Vồ cho thấy cư dân cổ ở đây đã có sự giao lưu kinh tế văn hóa rộng rãi với các cư dân cổ ở khu vực thuộc vùng Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ hiện nay, xa hơn nữa là cư dân thuộc văn hóa Sa Huỳnh thuộc Trung Bộ Việt Nam hiện nay, đồng thời còn cho thấy có dấu ấn của sự giao lưu với một số nền văn hóa khu vực hải đảo thuộc Đông Nam Á hiện nay.

Bảo tồn di tích khảo cổ Giồng Cá Vồ có một ý nghĩa rất quan trọng, trước hết là giúp các nhà khoa học có điều kiện tiếp tục nghiên cứu những vấn đề lịch sử văn hóa của vùng đất này thông qua di vật và di tích, đồng thời thông qua những dấu ấn của sự giao lưu văn hóa qua các hiện vật đã phát hiện được và tiếp tục nghiên cứu, phát hiện, sẽ

giúp chúng ta hiểu được những vấn đề tiền sử, sơ sử không chỉ ở Thành phố Hồ Chí Minh mà còn ở các vùng phụ cận khác, cũng như đối với khu vực Đông Nam Á. Để bảo tồn và phát huy giá trị di tích khảo cổ Giồng Cá Vồ, hiện nay Thành phố Hồ Chí Minh đã và đang triển khai Dự án bảo tồn phát huy giá trị di tích thông qua kết quả khai quật gắn với trưng bày tại chỗ được bảo quản bằng nhà có mái che để phục vụ các nhà nghiên cứu, khách tham quan đến với di tích này.



010

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KHẢO CỔ LÒ GỐM HƯNG LỢI Ở QUẬN 8.

Lò gốm Hưng Lợi phường 16 quận 8 hiện nay, xưa thuộc làng Hòa Lục, nằm cạnh kênh Ruột Ngựa được xây dựng vào năm 1772, lò gốm Hưng Lợi được phát hiện và đào khảo sát vào tháng 4. 1997. Nhằm giúp cho việc nghiên cứu lịch sử - văn hóa Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh nhân kỷ niệm 300 năm Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh, di tích lò gốm Hưng Lợi đã được Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành khai quật vào cuối 1997 đầu 1998. Mặc dù đã bị người dân đào lấy đất của lò gốm, nhưng với dấu vết còn lại vẫn cho thấy khuôn viên của lò gốm khá rộng, có quy mô, nhiều vùng, ao còn lại cho biết đó là dấu tích của việc khai thác nguyên liệu đất làm gốm. Với kết quả khai quật, các nhà nghiên cứu đã xác định được lò gốm này đã từng trải qua ba giai đoạn phát triển:

- Giai đoạn I là lò gốm chuyên sản xuất các loại lu, vại và các đồ đựng có kích thước lớn. Với vùng sinh lầy, nước lợ và có thể có cả nước mặn xâm nhập, lu, vại được sản xuất đã đáp ứng nhu cầu sử dụng để tích trữ nước ngọt, nhất là nước mưa có vai trò quan trọng của cư dân ở đây và thậm chí với đường thủy thuận lợi như kênh Ruột Ngựa, kênh Lò Gốm nối liền với sông Cần Giuộc, do đó sản phẩm

đồ đựng lu, vại được sản xuất ở đây còn để giao thương với khu vực đồng bằng miền Tây Nam Bộ rất thuận tiện làm cho nghề sản xuất đồ gốm nhất là lu, vại trở thành nhu cầu lớn của cư dân trong vùng và tạo điều kiện cho nghề làm gốm này tồn tại và phát triển.

- Giai đoạn II của sự phát triển lò gốm Hưng Lợi là sản xuất các loại sản phẩm đồ dùng để nấu như siêu, ơ, lu, chậu, tại nơi đây chủ nhân lò gốm đã chuyển từ sản xuất lu, vại với kích thước lớn sang sản xuất những đồ gốm có kích thước nhỏ, mỏng đòi hỏi kỹ thuật cao hơn và đáp ứng nhu cầu sử dụng ngày càng nhiều của cư dân trong vùng với bằng chứng đặc biệt rõ nét là những dấu tích để lại cho thấy là các lu còn nguyên hoặc phế phẩm hay bị vỡ đã được dùng làm móng để gia cố cho tường lò để tạo thành lò sản xuất các đồ đun, nấu và đồ đựng, bên cạnh đó là khối lượng lớn các sản phẩm đồ đun nấu, đồ đựng bị vỡ được để lại thành đồng ở vị trí phía đuôi của lò.

- Giai đoạn thứ III là giai đoạn sản xuất sản phẩm gốm có men, như đồ gốm sứ có men xanh, trắng, men nhiều màu, trong đó có các sản phẩm như tô, bát, đĩa, cốc, ly, muống... với nhiều loại hoa văn trang trí quen thuộc đặc trưng của Nam Bộ như mai, điều, hoa lá. Lò gốm Hưng Lợi chỉ tồn tại đến trước năm 1945, có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau, theo lời kể của người cao niên ở đây cho rằng do nguồn nguyên liệu sản xuất đồ gốm sau này phải vận chuyển từ xa đến, nên chi phí sản xuất cao và đặc biệt vùng này thường xuyên bị giặc Pháp đánh phá, nhiều người đã phải bỏ nghề đi làm nơi khác, nên lò gốm đã ngưng hoạt động.

Với giá trị tiêu biểu của di tích có tác dụng trong việc nghiên cứu về sự phát triển lịch sử, văn hóa của vùng đất Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định - Thành phố Hồ Chí Minh, di tích lò gốm Hưng Lợi đã được Bộ Văn hóa Thông tin

xếp hạng là di tích quốc gia ngày 25. 4. 1998. Di tích lò gốm Hưng Lợi cần được bảo tồn và phát huy giá trị của dấu ấn về lịch sử - văn hóa của Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình hình thành và phát triển.



011

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH ĐỀN THỜ PHAN VĂN HÓN.

Năm 1862, triều đình nhà Nguyễn ký hòa ước nhường ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ trong đó có khu vực Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay cho quân Pháp xâm lược. Tuy nhiên nhân dân trên vùng nhượng địa dưới sự lãnh đạo của Trương Định vẫn kiên quyết chiến đấu bất chấp lệnh bãi binh của triều đình. Sau khi chiếm được Sài Gòn, thực dân Pháp đẩy mạnh việc xây dựng bộ máy cai trị đồng thời ra sức đàn áp các phong trào yêu nước. Tuy nhiên đến 1885, quanh Sài Gòn vẫn còn nhiều người yêu nước tiến hành tấn công quân địch ở Sài Gòn, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa do Nguyễn Văn Bường lãnh đạo với hàng nghìn người tham gia. Theo kế hoạch, quân khởi nghĩa chuẩn bị lực lượng tập trung quanh Sài Gòn, kết hợp với lực lượng những người yêu nước đang trong các trại lính, cơ quan chính quyền của quân địch làm nội ứng sẽ bất ngờ đánh chiếm Sài Gòn. Do việc thực hiện kế hoạch không đúng như dự tính và thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các cánh quân, nên cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng bị quân địch ngăn chặn, đánh bại, Nguyễn Văn Bường và nhiều người khác bị bắt.

Mặc dù cuộc khởi nghĩa trên bị thất bại, một cuộc khởi nghĩa khác lại được chuẩn bị do Phan Văn Hón và Nguyễn Văn Quá lãnh đạo, các ông chọn kế hoạch đánh chiếm

Dinh quận Hóc Môn, sau đó thừa thắng tiến thẳng về Sài Gòn. Quân khởi nghĩa chọn Dinh quận Hóc Môn là điểm tiến đánh đầu tiên, vì ở đây có tên Đốc phủ Trần Tử Ca có rất nhiều nợ máu với nhân dân, do đó khi khởi nghĩa nổ ra sẽ được nhân dân tham gia để trả thù chế độ cai trị hà khắc và ác độc của quân Pháp và tay sai. Hơn nữa, Hóc Môn và một số vùng lân cận là nơi nhân dân có truyền thống đấu tranh chống lại sự áp bức bóc lột từ thời Nguyễn, và ở Dinh quận Hóc Môn, quân khởi nghĩa còn có nội ứng là ông Phan Văn Võ (Cai Võ).

Đêm 8. 2. 1885, cuộc khởi nghĩa nổ ra, cánh quân khởi nghĩa với lực lượng ở Vĩnh Lộc, Gò Mây, Mỹ Hạnh, Tân Thới Nhất do Phan Văn Hớn, Nguyễn Văn Quá lãnh đạo và lực lượng vùng Quán Tre, Trung Chánh, Mỹ Hòa do Phan Văn Hồ chỉ huy. Quân khởi nghĩa đánh chiếm Dinh quận Hóc Môn thành công, Đốc phủ Ca và vợ bị bắt, tên Ca bị chặt đầu treo lên cột đèn ở chợ Hóc Môn. Thừa thắng lực lượng khởi nghĩa tiến thẳng về Sài Gòn, quân khởi nghĩa khi đến Bình Hòa đã anh dũng chiến đấu với quân Pháp, nhưng do thua kém về vũ khí nên bị thất bại. Các cánh quân khác thấy tình hình như vậy phải tự giải tán rút lui. Quân Pháp tập trung nhiều lực lượng đánh chiếm lại Dinh quận Hóc Môn, nhưng không bắt được Phan Văn Hớn và Nguyễn Văn Quá, vì lúc này Phan Văn Hớn đã rút về Gò Mây (Vĩnh Lộc), Nguyễn Văn Quá cũng rút về Tràm Lặc (Mỹ Hạnh). Quân địch yêu cầu hai ông phải nộp mình, nếu không chúng sẽ giết tất cả nghĩa quân mà chúng bắt được và sẽ tàn sát nhân dân, vì vậy hai ông đã phải nộp mình cho chúng.

Sau khi khởi nghĩa thất bại, thực dân Pháp đã truy lùng, bắt những người tham gia khởi nghĩa, nhất là ở vùng Mười tám Thôn Vườn Trầu và phật dân làng ở đây bằng cách tăng thuế, được phân bổ bổ sung vào số thuế của từng làng

trong năm 1885. Cuối cùng Tòa thượng thẩm Bình Hòa của thực dân đã mở phiên tòa xét xử và tuyên án tử hình 14 người, nhiều người bị chung thân khổ sai, đầy biệt xứ hay cầm tù từ 5 đến 15 năm, ngoài ra còn phải bồi thường thiệt hại do đốt phá Dinh quận Hóc Môn.

Ngày 30. 3. 1886 nhằm 25 tháng 2 âm lịch, Phan Văn Hớn và Nguyễn Văn Quá bị xử chém. Phan Văn Hớn được nhân dân và gia tộc an táng tại quê làng Tân Thới Nhứt và lập đền thờ tại đây. Nguyễn Văn Quá được đưa về an táng và lập đền thờ tại quê là xã Mỹ Hạnh (huyện Đức Hòa, tỉnh Long An).

Phan Văn Hớn sinh năm 1829 tại làng Tân Thới Nhứt, từng làm Hương quản, tham gia phong trào chống Pháp của Trương Định giữ chức Quản nên nhân dân gọi là Quản Hớn, sau đó ông tham gia các các hội kín nhằm hoạt động gây dựng phong trào yêu nước chống Pháp. Ông từng bị quân Pháp đày ra Côn Đảo 5 năm, khi trở về lại tiếp tục hoạt động chống Pháp, là người đứng đầu cuộc khởi nghĩa Mười tám Thôn Vườn Trầu, còn gọi là "Trận Thập bát phù viên", ông mất đi, nhân dân kính trọng và biết ơn gọi ông với tên Phan Công Hớn. Cuộc khởi nghĩa Mười tám thôn Vườn Trầu đã trở thành cuộc khởi nghĩa gây tiếng vang lớn thời bấy giờ.

Năm 1959, mộ của ông bà Phan Văn Hớn và đền thờ đã được nhân dân làng Tân Thới Nhứt trùng tu tôn tạo khang trang như hiện nay. Đền thờ Phan Công Hớn nay thuộc ấp Tây Bắc Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, được xếp hạng là di tích lịch sử cấp Thành phố ngày 31. 12. 2003.

Đền thờ Phan Văn Hớn được xây dựng gồm có chính điện và hậu điện, trên đỉnh mái chính điện có lưỡng long triều nguyệt, bàn thờ chính giữa thờ ông Phan Công Hớn là chữ Thân, hai bên có bàn thờ Tả ban, Hữu ban, gian hậu điện thờ ông bà nội, ngoại họ Phan.

Lễ giỗ ông được tổ chức vào ngày 25 tháng 2 âm lịch., nghi thức cúng lễ theo nghi thức cổ truyền, có nhạc lễ, lễ sinh, có chính tế, bồi tế, lần lượt các lễ: sơ tiến lễ, á hiến lễ, chung hiến lễ, hiến tửu, hiến nước, hiến trà và đọc văn khấn... Lễ giỗ này được gia đình cùng chính quyền địa phương tổ chức trang trọng hàng năm, được nhân dân tham gia đông đảo, thể hiện lòng biết ơn người đã có công trong công cuộc đánh giặc ngoại xâm, một tấm gương về lòng yêu nước thương dân. Lễ giỗ Phan Công Hớn được tổ chức hàng năm là sự thể hiện truyền thống đạo lý uống nước nhớ nguồn của nhân dân Việt Nam.



012

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ NƠI NGUYỄN TẮT THÀNH Ở TRƯỚC KHI RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC.

Trương Gia Mô và Hồ Bá Bang, Trần Lê Chất (Hồ Bá Bang và Trần Lê Chất là người của phong trào Duy Tân và là người có chân trong Hội Minh Tân ở Sài Gòn) đã chuẩn bị mọi điều kiện để đưa Nguyễn Tất Thành vào Sài Gòn vào ngày 19. 9. 1910, Nguyễn Tất Thành được gọi với tên là Văn Ba.

Đến Sài Gòn, Văn Ba được bố trí ở nhà ông Lê Văn Đạt là người bà con bên mẹ của ông Trương Gia Mô ở vừa chiếu xóm Cầu Rạch Bần, nay là nhà số 185/1 đường Cô Bắc quận 1. Hai ngày sau, Văn Ba được đưa đến tại Liên Thành Thương quán, cơ sở của công ty Liên Thành ở Sài Gòn số 1-2-3 Quai Testard - nay là nhà số 3 và số 5 đường Châu Văn Liêm phường 14 quận 5. Trong thời gian ở đây, Văn Ba thường đến thăm người cha là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc cũng đang sống ở Sài Gòn. Suốt thời gian gần một năm sống ở Sài Gòn, Văn Ba vừa dạy học vừa đi làm và học nghề ở trường thợ máy Ecole des Mecaniciens, có lúc đi bán báo ở cảng Sài Gòn để kiếm sống và tìm hiểu cuộc sống của công nhân và nhân dân lao động. Trong thời gian này, Văn Ba đã quen một số người Việt làm ở hãng Năm Sao như Nguyễn Văn Hùm, Bùi Văn Viên, hãng tàu Năm Sao thường chạy tuyến hàng hải Sài Gòn - Đà Nẵng,

Colombo và một số cảng của Pháp. Được biết hãng này đang tuyển "bồi", Văn Ba và một số người Việt Nam đã đến xin việc và được hãng thu nhận. Ngày 4. 6. 1911 Văn Ba tạm biệt Liên Thành Thương quán xuống làm việc tại chiếc tàu Pháp mang tên Amiral Latouche Treville. Ngày 5. 6. 1911, tàu rời khỏi Sài Gòn, Văn Ba (Nguyễn Tất Thành) bắt đầu con đường ra nước ngoài tìm đường cứu nước.

Sau nhiều năm bôn ba ở nước ngoài, người đến với chủ nghĩa Mác-Lênin để tìm ra con đường cứu nước và giải phóng dân tộc, trở thành người sáng lập Đảng cộng sản Việt Nam, vị lãnh tụ của cách mạng Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của người, Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở vùng Đông Nam Á ra đời, người là vị chủ tịch đầu tiên của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa - Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã dành trọn cuộc đời cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam và đóng góp to lớn vào phong trào cách mạng của thế giới.

Căn nhà Nguyễn Tất Thành ở trước khi ra nước ngoài tìm đường cứu nước nay là nhà số 5 đường Châu Văn Liêm phường 14 quận 5 được Bộ Văn hóa (nay là Bộ Văn hóa Thông tin) quyết định xếp hạng là di tích lịch sử quốc gia theo Quyết định số 1288-VH/QĐ ngày 16. 11. 1988. Nguyên trạng là một nhà phố có một tầng lầu, nền lát gạch bông, mái lợp ngói âm dương, cầu thang bằng gỗ. Năm 1997, di tích được trùng tu, Để phát huy giá trị di tích phục vụ khách tham quan, việc trưng bày tại di tích đã được thực hiện, nội dung trưng bày gồm một số hình ảnh liên quan đến công ty Liên Thành, hình ảnh về Sài Gòn thời kỳ 1910 - 1911. Di tích lịch sử này đã trở thành địa điểm tham quan của khách trong và ngoài nước, nơi giáo dục truyền thống yêu nước của nhân dân Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ Thành phố Hồ Chí Minh.



013

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ MỘ PHAN CHÂU TRINH Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Phan Châu Trinh sinh ngày 9. 9. 1872, quê ở làng Tây Lợi, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc thôn Tây Hồ, xã Tam Phước, thị xã Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam). Năm 1900 đỗ Cử nhân, năm 1901 đỗ Phó bảng, được phong chức Thừa biện bộ Lễ, tên hiệu là Tây Hồ và biệt hiệu là Hy Mã.

Với lòng yêu nước, không chấp nhận chế độ cai trị của thực dân Pháp và chính quyền tay sai, năm 1905 Phan Châu Trinh đã từ bỏ quan trường và cùng Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng vào Phan Thiết và xây dựng phong trào Duy Tân ở đây. Năm 1906, ông đi Nhật gặp Phan Bội Châu để cùng tìm đường cứu nước, trong khi đó ở miền Trung, phong trào Duy Tân đang phát triển và ở trong Nam là phong trào Minh Tân, đỉnh cao của phong trào Duy Tân là vụ chống thuế ở miền Trung mà mở đầu là ở Quảng Nam năm 1908, thực dân Pháp và triều đình nhà Nguyễn cho rằng phong trào này do Phan Châu Trinh khởi xướng nên đẩy ông ra Côn Đảo, năm 1911 mới thả nhưng lại quản thúc ở Mỹ Tho. Sau đó ông yêu cầu nhà cầm quyền cho sang Pháp. Tại Pháp ông liên hệ với Nguyễn Ái Quốc, Phan Văn Trường và tiếp tục các hoạt động yêu nước, nên

đến 1914 bị bắt giam ở ngục La Santé chín tháng. Năm 1922, ông viết bản luận tội gửi Khải Định, tờ Thời báo Đông Pháp dịch bài bảy điều luận tội này là "Bảy tội chém".

Tháng 6. 1925, thực dân Pháp chấp thuận cho ông về Sài Gòn, cùng về có chí sĩ Nguyễn An Ninh, khi tàu cập bến Sài Gòn được đông đảo nhân dân đón rước. Ông tới ngụ ở khách sạn Chiêu Nam Lầu (49 Nguyễn Huệ hiện nay), sau đó tới nhà số 54 đường Pellerin của ông Huỳnh Đình Diển (Pasteur hiện nay). Về Sài Gòn, Phan Châu Trinh hai lần diễn thuyết về "đạo đức luân lý Đông Tây" và "Quản trị và dân trị", luận bàn về cải cách dân chủ. Báo cáo số 446 ngày 1. 7. 1925 và công điện ngày 26. 7. 1925 của mật thám Nam Kỳ cho thấy thực dân theo dõi ông từng bước.

Sau hai lần diễn thuyết trên, Phan Châu Trinh bệnh nặng, được Nguyễn An Ninh, Phan Văn Trường, Trần Huy Liệu hết lòng chăm sóc, Nguyễn Sinh Huy cũng từ Sa Đéc lên thăm. Mặc dù được danh y Nguyễn An Cư hết lòng cứu chữa, nhưng do bệnh quá nặng, ngày 24. 3. 1926 Phan Châu Trinh đã trút hơi thở cuối cùng lúc 9 giờ 30 phút tại nhà số 54 Pellerin. Khoảng 100.000 đồng bào mọi giới đã dự đám tang đưa thi hài ông đến nơi an nghỉ, nhiều bài thơ văn liên đới được gởi đến phúng điếu, ngày tang lễ của ông có một số cuộc bãi khóa, bãi công nổ ra ở Sài Gòn. Đám tang Phan Châu Trinh đã trở thành một nơi tập hợp của tinh thần ái quốc.

Nơi an nghỉ cuối cùng của ông là nghĩa trang của Hội Tương tế Gò Công, thuộc làng Tân Sơn Nhứt tỉnh Gia Định. Năm 1930, Hội Trung Kỳ ái hữu cùng con cháu Phan Châu Trinh đã xây dựng đền thờ ông tại số 23 đường Nguyễn Huy Tự, phường Đa Kao quận 1, gần chợ Tân Định hiện nay. Thể theo nguyện vọng của gia đình, một ngôi đền mới mô phỏng hình dáng ngôi đền cũ được xây dựng ngay cạnh mộ ông. Mộ và đền thờ Phan Châu Trinh ở số 9 Phan Thúc

Duyên phùng 4 quận Tân Bình hiện nay, với một khuôn viên khá rộng, được tôn tạo trang nghiêm. Mộ và đền thờ Phan Châu Trinh được xếp hạng là di tích lịch sử quốc gia theo Quyết định số 3211/QĐ-BT ngày 12. 12. 1994 của Bộ Văn hóa. Tại đây có phòng trưng bày giới thiệu thân thế và sự nghiệp của ông. Ngày giỗ hàng năm của ông được các ban ngành đoàn thể của quận và Thành phố cùng gia đình tổ chức trang trọng để bày tỏ lòng tri ân với một nhà yêu nước nhiệt huyết.



014

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LƯU NIỆM CHỦ TỊCH TÔN ĐỨC THẮNG.

Sau khi nắm quyền cai trị, thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa, lập ra nhiều đồn điền, xưởng máy, bóc lột các tầng lớp nhân dân Việt Nam, xã hội Việt Nam do đó cũng bị phân hóa sâu sắc. Sài Gòn trở thành trung tâm chính trị với nhiều hoạt động sôi nổi gồm nhiều khuynh hướng khác nhau, dưới nhiều hình thức khác nhau, như vấn đề sống còn của dân tộc trái với quan điểm "Pháp Việt đề huê", giữa quan điểm cách mạng và cải lương, bạo động và ôn hòa, nhiều loại sách báo ra đời, đặc biệt là hoạt động diễn thuyết, mít tinh, biểu tình mang dấu ấn của hoạt động đấu tranh tư tưởng. Đặc biệt là trong khi chờ đợi Bản yêu sách 8 điểm gửi Hòa hội Versailles và Quốc hội Pháp năm 1919, Nguyễn Ái Quốc lại đưa Bản yêu sách 4 điểm gửi chính phủ các nước đồng minh và chính phủ Pháp nói riêng. Bản yêu sách 4 điểm của Nguyễn Ái Quốc được một số tờ báo ở Sài Gòn đưa tin, tờ *La Tribune Indigène* đã in Bản yêu sách thành hàng nghìn bản để phát hành rộng rãi, yêu sách 4 điểm trong đó có nội dung: đại xá toàn thể chính trị phạm Việt Nam, cải cách pháp lý Đông Dương, tự do báo chí và tự do tư tưởng, tự do lập hội và tự do hội họp.

Năm 1920, từ tháng 1 đến tháng 3 ở Sài Gòn đã nổ ra hai cuộc bãi công của thủy thủ ở Sài Gòn, rồi bãi khóa ở

trường Chasseloup Laubat (là trường lớn nhất ở Nam Kỳ lúc bấy giờ), tiếp theo là bãi công của công nhân Ba Son, bãi khóa ở trường Bá Nghệ Sài Gòn được cho là có liên quan đến Tôn Đức Thắng.

Trong hơn hai thập niên đầu của thế kỷ XX, nhiều hội được thành lập như hội kín của người lao động nghèo, Công hội đầu tiên ở Sài Gòn được hình thành năm 1921, hoạt động của Công hội bên cạnh mục đích tương trợ tầng lớp công nhân còn thể hiện tinh thần đấu tranh chống chế độ tư bản của thực dân Pháp, những hội viên của Công hội là những công nhân có tư tưởng tiến bộ, họ hội họp luân phiên ở nhà của từng hội viên nhân dịp có đám giỗ hoặc có tiệc, nơi có nhiều hội viên như ở nhà máy Ba Son, hãng Faci thì tổ chức thành nhóm. Năm 1925, ông Ka Hiêm lãnh đạo tổ Công hội đỏ ở Nhà đèn Chợ Quán là hội viên của đình Bình Đông, nên đã sử dụng đình làm cơ sở của Công hội đỏ, từ 1925 - 1928 nhiều cuộc họp của tổ Công hội Nhà đèn Chợ Quán đã được tổ chức ở đình Bình Đông, có sự tham dự của Tôn Đức Thắng để tuyên truyền về chủ nghĩa Mác và lòng yêu nước cho hội viên.

Tổ chức Công hội ở Sài Gòn do Tôn Đức Thắng (lúc đó là thợ máy Nhà đèn Chợ Quán) làm Hội trưởng, Nguyễn Văn Côn (thợ nguội ở hãng Faci) là Hội phó, Thư ký là một công nhân tên Mạnh ở Nhà đèn Chợ Quán, Thủ quỹ là Sâm, là thợ điện Nhà đèn Sài Gòn.

Từ 1919 đến 1925, ở Sài Gòn có nhiều cuộc bãi công, trong đó cuộc bãi công ở xưởng Ba Son từ ngày 4 đến ngày 12. 8. 1925 có tiếng vang rất lớn, được nhiều báo chí ở Sài Gòn nhắc đến. Xưởng này có hàng ngàn công nhân, số đông là thợ có tay nghề cao, là công xưởng Hải quân duy nhất của Pháp ở Đông Dương. Những người lãnh đạo Công hội đỏ đã lãnh đạo công nhân nhân dịp đoàn

chiến hạm của Pháp trong đó có chiếc tàu chiến Michelt cập xưởng Ba Son cần sửa chữa gấp để đi Trung Quốc nhằm tăng thêm sức mạnh của Pháp ở Trung Quốc. Nhân dịp này, công nhân Ba Son đã đưa ra yêu sách, yêu cầu số thợ bị bắt đi được làm việc trở lại, tăng lương thêm 20%, ngày lãnh lương phải được nghỉ trước 30 phút như thường lệ, tức là lúc 17 giờ (thường lệ này đã bị tên kỹ sư Courtiat mới ở Pháp sang gạt bỏ, bắt công nhân phải làm hết giờ - đến 17 giờ 30 phút mới được lãnh lương). Mặc dù Thống đốc Nam Kỳ đã triệu tập đại biểu của công nhân Ba Son ra lệnh đến ngày 12. 8 tất cả công nhân phải trở lại làm việc, nếu không sẽ sa thải hết công nhân và đóng cửa xưởng, nhưng đe dọa không được, cuối cùng chúng phải nhượng bộ tăng lương 10%. Cuộc bãi công giành được thắng lợi, đồng thời còn thể hiện tinh thần quốc tế vô sản.

Cuộc bãi công của công nhân Ba Son dưới sự tổ chức và lãnh đạo của tổ chức Công hội đỏ, đứng đầu là Hội trưởng Tôn Đức Thắng là sự kiện mở đầu phong trào đấu tranh có tổ chức, có lãnh đạo đối của công nhân Sài Gòn.

Xưởng cơ khí số 323 đường số 12 trong khuôn viên xưởng Ba Son là nơi Tôn Đức Thắng từng làm việc nhiều năm, là nơi chứng kiến nhiều hoạt động của Công hội đỏ, tổ chức Công hội có nhiều cuộc đấu tranh của công nhân ở các hãng, xưởng của tư bản Pháp ở Sài Gòn. Từ 1926, Tôn Đức Thắng đã gia nhập tổ chức Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội do Nguyễn Ái Quốc sáng lập, một số hội viên của Công hội do Tôn Đức Thắng lãnh đạo cũng tham gia tổ chức cách mạng này.

Xưởng cơ khí số 323 đường số 12 trong khuôn viên xưởng Ba Son gắn liền với nhiều hoạt động có ý nghĩa lịch sử của Chủ tịch Tôn Đức Thắng thời kỳ ở Sài Gòn, nên đã được Bộ Văn hóa (nay là Bộ Văn hóa Thông tin)

ra Quyết định số 1034/QĐ/BT công nhận là di tích lịch sử "Địa điểm lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng". Hiện nay ở đó có phần trưng bày những tư liệu liên quan đến Chủ tịch Tôn Đức Thắng, đặc biệt là quá trình học tập, lao động và những hoạt động của ông ở Sài Gòn.



015

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ NƠI THÀNH LẬP KỲ BỘ VIỆT NAM THANH NIÊN CÁCH MẠNG ĐỒNG CHÍ HỘI Ở SÀI GÒN.

Sài Gòn là thủ phủ của chính quyền thực dân Pháp ở Nam Kỳ và là nơi xảy ra hay chứng kiến nhiều biến cố lịch sử có tầm quan trọng trong lịch sử đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam, đồng thời nơi đây cũng là nơi diễn ra nhiều sự kiện chính trị với những chính kiến và xu hướng chính trị khác nhau trong thời buổi nhiều nhượng bởi chính sách cai trị thâm độc của thực dân Pháp để gây ra sự phân hóa xã hội mạnh mẽ ở những năm 20 thuộc nửa đầu thế kỷ XX ở trong nước nói chung và ở Sài Gòn nói riêng, nhiều đảng phái chính trị ra đời như Đảng Lập hiến Đông Dương với chủ trương "Pháp Việt duề huề" dĩ nhiên chỉ là ảo vọng về lời hứa Pháp Việt bình đẳng của thực dân và về sau đã trở thành tay sai cho thực dân Pháp, Đảng Thanh niên với Nguyễn An Ninh là linh hồn, và lấy ý tưởng muốn đề cao cao vọng của thanh niên, nhưng đảng này không có điều lệ chặt chẽ, ai muốn tham gia chỉ việc ghi tên và đeo băng vàng trên tay, đến 1926 Nguyễn An Ninh bị bắt thì Đảng Thanh niên suy yếu rồi lụi tàn, đến 1928 ở Sài Gòn còn có một tổ chức là Việt Nam quốc dân đảng nhưng không có thực lực chính trị.

Từ 1926 đến 1928 ở Sài Gòn có một tổ chức đảng mang khuynh hướng của một đảng mácxít mang tính vô sản quốc

tế của chủ nghĩa Mác-Lênin đã hình thành và phát triển, là Thanh niên Cách mạng đồng chí hội do Nguyễn Ái Quốc sáng lập năm 1925 và mở lớp huấn luyện chính trị tại Quảng Châu cho các cán bộ của hội. Tháng 10. 1926, sau khi học xong khóa đào tạo ở Quảng Châu, Phan Trọng Bình và Nguyễn Văn Lợi được cử về hoạt động ở Sài Gòn. Cuối 1926 tổ chức Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Nam Kỳ ra đời, nhiều hội viên của Công hội đỏ đã gia nhập tổ chức này, số hội viên đông, nên Kỳ bộ lâm thời được thành lập, đồng chí Phan Trọng Bình giữ chức vụ Bí thư. Lãnh tụ của Công hội Sài Gòn là Tôn Đức Thắng trở thành ủy viên thường vụ của Kỳ ủy. Nhiều hội viên của Kỳ bộ tiếp tục được cử đi học ở Quảng Châu rồi về nước mở lớp huấn luyện ngắn ngày cho các hội viên mới. Tài liệu huấn luyện là cuốn *Đường Kách mệnh* của Nguyễn Ái Quốc.

Đến 1928, tổ chức Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội phát triển mạnh, hầu hết các tỉnh ở Nam Kỳ đều có hội viên, do đó những người lãnh đạo đã quyết định tiến hành Đại hội chính thức - Đại hội kỳ bộ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội họp tại phòng 5, khách sạn Tân Hòa đại lộ Bonard (nay là phòng 5 nhà số 88 đường Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh). Đại hội lại tiếp tục bầu đồng chí Phan Trọng Bình làm Bí thư Chi bộ.

Hoạt động của Kỳ bộ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội hoạt động khá mạnh đã xuất bản được tạp chí *Bôn-xê-vích*, báo *Công nông bình* và thực hiện "vô sản hóa", hội viên của hội đi vào làm công nhân ở nhà máy, bến cảng, thậm chí làm phu khuân vác, một mặt là để tự rèn luyện và mặt khác là để có điều kiện thuận lợi giác ngộ quần chúng.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tổng bộ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội, tháng 3. 1929, Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Nam Kỳ đã bầu kỳ bộ mới, đồng chí Phạm Văn Đồng đã được bầu làm bí thư.

Sau đại hội toàn quốc được tổ chức ở Hương Cảng, Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội Nam Kỳ được cải tổ thành An Nam cộng sản đảng, Việt Nam thanh niên cách mạng ở Bắc Kỳ được cải tổ thành Đông Dương cộng sản Đảng. Cuối tháng 2. 1930, hai tổ chức này hợp nhất với Đông Dương cộng sản Liên đoàn thành Đảng cộng sản Việt Nam.

Tổ chức Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội nói chung và kỳ bộ Nam Kỳ là tổ chức có vai trò quan trọng cho việc chuẩn bị về tổ chức và tư tưởng cũng như hành động của Đảng cộng sản ở Việt Nam. Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Nam Kỳ có vai trò quan trọng trong việc vận động, giác ngộ quần chúng và đặc biệt là thanh niên Nam Kỳ về quan điểm yêu nước và đường lối đấu tranh cách mạng chống chủ nghĩa thực dân đế quốc và sự áp bức của bọn tay sai cường hào ác bá.

Với ý nghĩa quan trọng của sự kiện lịch sử này, phòng số 5 nhà số 88 đường Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Bộ Văn hóa công nhận là di tích lịch sử quốc gia theo Quyết định số 1288-VH/QĐ ngày 16. 11. 1988.



016

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ NƠI THÀNH LẬP TỔ CHỨC AN NAM CỘNG SẢN ĐẢNG Ở SÀI GÒN.

Tại Đại hội của Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Hương Cảng tháng 5. 1929, đoàn đại biểu Bắc Kỳ đặt vấn đề cần thành lập với tên gọi là một tổ chức đảng Đảng cộng sản, đại biểu Nam Kỳ không tán thành chính thức đưa việc này tại hội nghị, mặc dù đồng ý cần thiết phải thành lập Đảng cộng sản.

Đoàn đại biểu Bắc Kỳ đã bỏ hội nghị ra về, sau đó thành lập Đông Dương cộng sản đảng, các đại biểu ở lại hội nghị đã bầu ra Tổng bộ mới có nhiệm vụ cải tổ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội, thành lập các chi bộ và chuẩn bị thành lập Đảng cộng sản. Sau Đại hội, đoàn đại biểu Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Nam Kỳ về cũng tích cực chuẩn bị cho việc thành lập Đảng cộng sản.

Ngày 20. 7. 1929, hai đồng chí Đỗ và Lê của Tổng bộ ở Hương Cảng đã viết thư cho Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Nam Kỳ, đồng chí Châu Văn Liêm và một số đồng chí đã gặp đồng chí Trần Tư Chính đại diện cho Đông Dương cộng sản đảng để bàn việc hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng cộng sản (trong lúc này ở Sài Gòn có 3 tổ chức cộng sản có cùng lý tưởng nhưng

tổ chức và đường hướng hoạt động không có sự thống nhất, đó là Thanh Niên Cách mạng đồng chí hội, Tân Việt cách mạng đảng, Việt Nam Quốc dân đảng), do vậy sự việc không thành. Đồng chí Châu Văn Liêm đã cùng với một số đồng chí khác đã tập hợp tại nhà đồng chí Liêm tại đường Hamelin (đường Lê Thị Hồng Gấm hiện nay), cuộc họp đã nhất trí quyết định chọn những người ưu tú trong Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội hình thành tổ chức An Nam cộng sản đảng vào đầu tháng 8. 1929.

Cuối 1929, Hồ Tùng Mậu, Lê Duy Điểm, Châu Văn Liêm và một số đồng chí thuộc tổ chức An Nam cộng sản đảng đang ở Trung Quốc đã thành lập chi bộ để sinh hoạt gọi là chi bộ An Nam cộng sản đảng. Khi về Sài Gòn, đồng chí Châu Văn Liêm đã triệu tập hội nghị, thành phần là các đại biểu đã được chọn lựa ở các tỉnh thuộc Nam Kỳ để thành lập An Nam cộng sản đảng, gồm 30 đồng chí. Hội nghị được tổ chức tại một phòng ở lầu hai, nhà số 1 đường Philippini (nay là phòng 1, lầu hai, nhà số 1 đường Nguyễn Trung Trực, phường Bến Thành, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh). Hội nghị chọn thuê địa điểm này để tổ chức vì đây là khách sạn, do đó các đại biểu từ các nơi về thuận lợi hơn, phần nào tránh được sự theo dõi của mật thám Pháp. Hội nghị đã được tiến hành đúng ý định và thành công tốt đẹp, các đại biểu dự hội nghị đã trở thành đảng viên và được giao nhiệm vụ xây dựng và phát triển Đảng thông qua việc bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho quần chúng công nhân, người lao động để thành lập chi bộ, các chi bộ được thành lập, sinh hoạt theo sự chỉ đạo của lãnh đạo tổ chức An Nam cộng sản đảng. Tháng 11. 1929, Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của An Nam cộng sản đảng chính thức được thành lập, đồng chí Châu Văn Liêm làm Bí thư, lúc này An Nam cộng sản đảng đã có hệ thống tổ chức vững mạnh và có tổ chức quần chúng ở khắp các tỉnh Nam Kỳ. Ngay tại Sài Gòn, An Nam cộng

sản đảng đã được xây dựng và thành lập một tổ chức lấy tên Tổng Công hội Nam Kỳ bao gồm công hội ở các xí nghiệp và của thợ thủ công.

An Nam cộng sản đảng ra đời và đi vào hoạt động tuyên truyền, vận động quần chúng lao động đặc biệt là công nhân, nhằm tuyên truyền, giác ngộ tinh thần yêu nước - một chủ nghĩa yêu nước, hoạt động yêu nước và cách mạng đòi hỏi tính tự giác, có tổ chức, kỷ luật, đồng thời kết hợp tăng cường tuyên truyền phổ biến chủ nghĩa Mác - Lênin trong công nhân, phát động phong trào đấu tranh, chống khủng bố, An Nam cộng sản đảng đã lãnh đạo nhiều cuộc đấu tranh của công nhân, nhân dân lao động ở Nam Kỳ. An Nam cộng sản đảng là một trong ba tổ chức cách mạng tiền thân của Đảng cộng sản Việt Nam, sự thành lập và hoạt động của An Nam cộng sản đảng trong phong trào cách mạng Việt Nam trước khi có sự hợp nhất các tổ chức đảng thành Đảng cộng sản Việt Nam mang lại nhiều đóng góp to lớn có ý nghĩa trong lịch sử hình thành và phát triển của Đảng cộng sản Việt Nam và sự nghiệp cách mạng đấu tranh giành độc lập dân tộc, dân chủ ở Việt Nam. Vì vậy, nơi thành lập An Nam cộng sản đảng đã được Bộ Văn hóa công nhận là di tích lịch sử theo Quyết định số 1288-VH/QĐ ngày 16. 11. 1988.



017

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ NƠI TRẦN PHÚ HY SINH.

Trần Phú sinh ngày 1. 5. 1904 tại thôn An Thổ, xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Năm 1922 ông làm giáo viên tại một trường tiểu học ở Vinh, tham gia hoạt động cách mạng được đưa sang học chính trị ở Quảng Châu 5 tháng, sau đó được đưa sang đào tạo tại trường Đại học Phương Đông thời gian 1927 - 1930, gia nhập tổ chức An Nam cộng sản đảng tháng 4. 1928.

Tại Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ nhất năm 1930, Trần Phú được bầu làm Tổng Bí thư và là Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam, Trần Phú đã soạn thảo luận cương chính trị của Đảng cộng sản Đông Dương. Sau Hội nghị này toàn bộ Thường vụ Trung ương Đảng về Sài Gòn bám trụ để duy trì hoạt động và lãnh đạo phong trào cách mạng. Sài Gòn vốn là nơi hội tụ của phong trào dân tộc và dân chủ được đẩy mạnh, phong trào công nhân phát triển mạnh với nhiều cuộc bãi công lớn nhằm chống lại chế độ cai trị của thực dân Pháp. Chủ nghĩa Mác - Lênin cũng được truyền bá ở Sài Gòn khá sớm và rộng, đặc biệt những tư tưởng và quan điểm yêu nước, dân chủ và cách mạng của Nguyễn Ái Quốc đã sớm được tưới vào vùng đất có truyền thống và tinh thần yêu nước và đấu tranh từ thời phong kiến nhà Nguyễn, nhất là từ khi thực dân Pháp đánh chiếm Sài Gòn.

Vào năm 1929 tại Sài Gòn đã xuất hiện những nhóm cộng sản hoạt động tích cực, năng động là Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn, các tổ chức cộng sản này sớm thấm nhuần đường lối cách mạng do Nguyễn Ái Quốc truyền bá qua tác phẩm *Đường Kách mệnh* và được Nguyễn Ái Quốc chỉ đạo thống nhất lực lượng thành Đảng cộng sản Việt Nam.

Tổng Bí thư Trần Phú đã chủ trì hội nghị lần thứ II của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại nhà số 236 Richand (nay là đường Nguyễn Đình Chiểu quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh). Hội nghị diễn ra từ ngày 13. 3 đến ngày 11. 4. 1931, Hội nghị đã kiểm điểm tình hình đấu tranh chống thực dân Pháp trong cả nước và đề ra những nhiệm vụ cấp kỳ về tổ chức Đảng, củng cố và đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở cách mạng, nhiệm vụ lãnh đạo quần chúng, đặc biệt là lực lượng thanh niên, công nhân...

Ngày 18. 4. 1931, Trần Phú bị mật thám Pháp bắt tại số nhà 66 đường Champagne (nay là đường Lý Chính Thắng quận 3), nơi là cơ quan in ấn của Đảng. Bọn mật thám đã áp giải đồng chí Trần Phú về bót Pôlô ở đường Galliemi, tra tấn bằng mọi cực hình. Sau đó Trần Phú bị đưa về bót Catinat (nay là số 164 đường Đồng Khởi quận 1) tiếp tục tra tấn hết sức dã man, nhưng đồng chí vẫn giữ được khí tiết bất khuất của người cộng sản. Không khai thác được gì, quân thù đã đưa Trần Phú về giam ở Khám Lớn để chờ ngày xét xử. Tại đây sức khỏe của Trần Phú bị suy kiệt, kẻ thù muốn tạm thời duy trì sự sống của đồng chí để khai thác những bí mật của Đảng, nên ngày 26. 8. 1931 đưa đồng chí đến trại giam trong bệnh viện Chợ Quán để trị bệnh nhưng vẫn phải mang số tù 518431.

Khi được biết Trần Phú chuyển về nhà thương Chợ Quán, các chiến sĩ cách mạng bị giam ở Khám Lớn đã thông báo với các đồng chí ở trại giam và nhà thương Chợ

Quán để họ chăm lo giúp đỡ đồng chí Trần Phú. Các đồng chí ở trại giam Chợ Quán đã liên hệ với những y bác sĩ có tâm đức ở đây quan tâm và ưu tiên điều trị, nhưng đồng chí Trần Phú biết rằng không thể sống được đã yêu cầu các đồng chí ở đây chuyển thuốc ưu tiên cho đồng chí khác để họ có thể sống để tiếp tục sự nghiệp cách mạng. Các đồng chí ở chung phòng giam với Trần Phú đã tận tình chăm sóc. Biết bị lao nên Trần Phú không chịu ăn chung với các đồng chí của mình vì sợ lây bệnh. Trần Phú bị giam ở khu cách ly, nhưng thừa lúc bọn cai tù ở đây mở cửa nhiều người đã sang thăm và chăm lo cho đồng chí, trong đó có Nguyễn Văn Nhung (đồng chí Nhung sau 30. 4. 1975 về công tác tại Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Cửu Long, nay đã qua đời). Ngày 6. 9. 1931 khi đồng chí Nhung thăm thấy Trần Phú quá yếu, đã gọi y tá của bệnh viện yêu cầu cấp cứu nhưng họ không đến, đồng chí Trần Phú quá yếu lại bị nhọt ở cổ nên nói năng rất khó. Tuy nhiên biết Trần Phú không thể qua khỏi cơn nguy kịch, đồng chí Nhung đã ghé sát tai Trần Phú hỏi "Thứ hai dịch đưa tôi về khám, đồng chí có muốn nhấn nhủ gì không", cố gắng hết sức đồng chí Trần Phú nói lời nhắc nhở "Hãy giữ vững ý chí chiến đấu". Vì Trần Phú quá yếu, các đồng chí ở cùng trại giam đã yêu cầu y tá chuyển đồng chí qua phòng giam cá nhân để tiện chăm sóc. Vì không có cáng, nên họ phải khiêng Trần Phú bằng tay, nhưng chưa đến phòng cá nhân, đồng chí Trần Phú đã trút hơi thở cuối cùng. Thi hài của đồng chí được đặt ở phòng cá nhân để làm lễ truy điệu, toàn thể tù nhân trong trại đã đứng đọc hành lang để mặc niệm đồng chí người Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam.

Trại giam trong bệnh viện Chợ Quán do thực dân Pháp xây dựng để giam những người cách mạng bị bệnh, phần nhiều do chúng đánh đập gây ra, sau này đế quốc Mỹ cũng còn dùng để giam cầm các nhà cách mạng. Thi hài Trần

Phú do Pháp chôn cất, nên một thời gian dài chưa tìm thấy, mãi đến gần đây mới phát hiện được di cốt của đồng chí và nhiều chiến sĩ cách mạng đã bị kẻ thù bí mật chôn vùi ở công viên Lê Thị Riêng quận 10 hiện nay. Nơi đây đã được dựng bia ghi nhớ công lao và chí khí chiến đấu của người Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam và các chiến sĩ cách mạng.

Khu trại giam trong bệnh viện Chợ Quán nơi Trần Phú hy sinh đã được xếp hạng là di tích lịch sử theo Quyết định số 1288-VH/QĐ của Bộ Văn hóa ngày 10. 11. 1988. Nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Trần Phú, Ban Quản lý di tích và danh lam thắng cảnh Thành phố Hồ Chí Minh đã sưu tầm tương đối đầy đủ các tư liệu có liên quan tới tiểu sử và sự nghiệp cách mạng của đồng chí để trưng bày tại di tích, nhằm tạo điều kiện giúp khách tham quan hiểu đầy đủ thêm về thân thế, sự nghiệp của đồng chí Trần Phú.



018

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ ĐỊA ĐẠO PHÚ THỌ HÒA.

Địa danh Phú Thọ Hòa là vùng đất do hai thôn Lộc Hòa và Phú Thọ nhập lại, trước đây thuộc tổng Tân Phong, huyện Tân Long, hiện nay ở cạnh đường Địa Đạo phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú.

Năm 1947, chi bộ Phú Thọ Hòa gồm Nguyễn Văn Tiếng, Lâm Quốc Đăng, Lê Thanh... chủ xưởng đào Địa đạo Củ Chi để bám trụ chống giặc Pháp. Những người tham gia đào phải tuyên thệ: phải tuyệt đối trung thành với cách mạng, phải tuyệt đối giữ bí mật, phải tích cực đào địa đạo.

Mới đầu tổ đào địa đạo chỉ có 6 người, sau đó được một số chiến sĩ chi đội 12 tăng cường, thời gian tiến hành đào thường từ 1 giờ sáng đến gần 3 giờ sáng, phải mất 6 tháng địa đạo mới hoàn thành, với chiều dài trên 600 m từ ấp Lộc Hòa đến ấp Bình Long. Nấp hầm bằng gỗ, phía trên đắp đất trồng cỏ, các lỗ thông hơi hình loa kèn dưới rộng trên nhỏ, các miệng hầm xuống địa đạo đặt trong các bụi rậm, đường địa đạo có chỗ hai tầng chồng lên nhau, có đường làm nghỉ trang bằng cách làm đường cụt, nhưng ở phía dưới đường cụt là địa đạo và hầm (ở địa đạo Phú Thọ Hòa có 3 hầm ngầm), mỗi hầm chứa từ năm đến bảy người, trong những tình huống khó khăn chi bộ Phú Thọ Hòa và chi đội 12 thường họp dưới hầm ngầm.

Địa đạo Phú Thọ Hòa là nơi che giấu cán bộ Việt Minh trong những năm 1947 - 1948 đồng thời cũng là nơi ém quân để xuất kích đánh địch, như trận phản công bất ngờ cuối năm 1947 khi quân Pháp mở cuộc càn quét vùng này, các chiến sĩ ta đã từ địa đạo bất ngờ xông lên phản công gây cho chúng nhiều thiệt hại. Năm 1950 một đơn vị đặc công đã ém quân dưới địa đạo để xuất kích đánh vào sân bay Tân Sơn Nhất, cả hai lần đánh kho bom Phú Thọ Hòa tháng 8. 1952 và tháng 6. 1954 các chiến sĩ ta cũng sử dụng địa đạo này để ém quân. Suốt thời gian chống Pháp, để bảo vệ địa đạo nhiều chiến sĩ ta đã hy sinh, có người bị bắt rồi bị chúng đày đi Côn Đảo.

Sang thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, ta vẫn sử dụng địa đạo này để ém trú, mặc dù tháng 4. 1966, một tên tề ở làng Phú Thọ là Phùng Sanh đã chỉ điểm cho địch đến dùng xe ủi đất để san, ủi càn phá, phá hỏng một số đoạn địa đạo. Khoảng giữa năm 1966 chúng lại đến bao vây khu vực địa đạo, nhưng đồng chí Chín Hoàng (xã đội trưởng), Tư Râu (chính trị viên) và 5 du kích đã bất ngờ vượt lên chủ động đánh địch để phá vây, rời khỏi địa đạo an toàn. Năm 1967, địch phát hiện ra hầm ngầm trong khu vực địa đạo, tấn công và bắt được chị Nguyễn Thị Út (thường gọi là Út Cười) và một người tên Sơn đày ra Côn Đảo.

Công trình địa đạo Phú Thọ Hòa được Bộ Văn hóa (nay là Bộ Văn hóa Thông tin) công nhận là di tích lịch sử theo Quyết định số 1460-QĐ/VH ngày 28. 6. 1996.



019

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ TRỤ SỞ BÁO DÂN CHÚNG.

Đầu những năm ba mươi của thế kỷ XX, đời sống của nhân dân ở Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định hết sức khó khăn, giá gạo, giá lúa xuống thấp và còn không bán được, công nhân bị giảm lương và sa thải, từ 1930 nhiều cuộc bãi công đã nổ ra ở khắp nơi như ở nhà máy xe lửa Dĩ An, nhà đèn Chợ Quán, hãng rượu Bình Tây, nhiều cuộc biểu tình có truyền đơn, khẩu hiệu, cờ đỏ búa liềm, khẩu hiệu có những nội dung "Công nông binh liên hiệp", "Vô sản toàn thế giới liên hiệp lại", "Thi hành luật ngày làm tám giờ", "Tăng lương", "Không được đánh đập"... Vùng ngoại ô ở Sài Gòn, Gia Định cũng có nhiều cuộc đấu tranh của nông dân kết hợp với cuộc đấu tranh của công nhân. Nhưng đến giữa 1931 do tổ chức của Đảng cộng sản và của các Công hội, Nông hội bị tổn thất nhiều nên phong trào tạm lắng xuống, nhưng đông đảo quần chúng đã biết đến vai trò tiên phong của Đảng cộng sản Việt Nam.

Từ năm 1933, Sài Gòn nổ ra sự kiện tranh cử hội đồng Thành phố Sài Gòn, phong trào công nhân với tổ chức "Sổ Lao động", đứng đầu là Nguyễn Văn Tạo, ông là nhà báo, và là đảng viên cộng sản, tổ chức này vừa in phát truyền đơn, vừa tuyên truyền bằng miệng. Năm 1935 lại có cuộc bầu cử hội đồng Thành phố Sài Gòn, Nguyễn Văn Tạo lại đứng đầu "Sổ Lao động".

Sau năm 1936, do ảnh hưởng cuộc chiến thắng của Mặt trận bình dân Pháp trong cuộc tổng tuyển cử Quốc hội Pháp và ảnh hưởng cuộc tổng bãi công thắng lợi của giai cấp công nhân Pháp hồi tháng 5 - 6. 1936, cuộc tổng bãi công đã huy động hàng triệu công nhân. Ở Sài Gòn - Chợ Lớn cũng diễn ra những cuộc bãi công với quy mô lớn, kéo theo là khắp vùng ngoại ô và tỉnh Gia Định, buộc Chính phủ Nam Kỳ phải có những nhượng bộ. Đảng cộng sản Đông Dương quyết định thành lập Mặt trận dân tộc chống đế quốc, đòi tự do dân chủ và cải cách xã hội, lực lượng nông cốt là công nhân, nông dân.

Ủy ban hành động được thành lập ở nhiều nơi từ thành thị đến nông thôn, các nhà máy đồn điền. Từ 1937, nhiều xu hướng chính trị đã hình thành như nhóm Tờ rớt kít, nhóm dân tộc, và những người cộng sản. Sự công kích nhau không chỉ trực diện mà còn thể hiện qua báo chí như các tờ *La Lutte*, *L'Avant Garde*, *Le Peuple*. Tờ *Dân chúng* (chữ quốc ngữ) của Đảng cộng sản in ấn và phát hành công khai không thèm xin phép nhằm tuyên truyền đường lối chủ trương của Đảng cộng sản, là cơ quan nói lên tiếng nói của Đảng cộng sản Việt Nam ở Sài Gòn. Noi theo tờ *Dân Chúng*, sau đó nhiều tờ báo khác ra đời cũng không xin phép chính quyền thực dân.

Báo *Dân chúng* ra đời năm 1938 do đồng chí Nguyễn Văn Cừ, nguyên Tổng Bí thư Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam và đồng chí Hà Huy Tập chỉ đạo. Trụ sở báo đặt chung với trụ sở báo *Le Peuple* tại số 43 đường Hamelin, nay là số 43 đường Lê Thị Hồng Gấm, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ 1936 đến 1937, cả nước có gần 1.000 cuộc bãi công. Các cuộc bãi công dân được tổ chức chặt chẽ, có sự lãnh đạo, chính quyền thực dân đã có nhiều nhượng bộ, chấp nhận yêu sách, nhưng một mặt chúng lại tăng cường đàn

áp, khủng bố, hăm dọa. Báo *Dân chúng* đã kêu gọi công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động "Phải kiên quyết đấu tranh thì pháp luật mới được nhìn nhận. Không đấu tranh thì đâu có pháp luật, pháp luật đó cũng không được thực hiện".

Báo *Dân chúng* một mặt tuyên truyền về chủ nghĩa quốc tế vô sản, đồng thời vận động chủ nghĩa yêu nước theo tinh thần của Nguyễn Ái Quốc, phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc và xác định chỉ có giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến nhất trong xã hội hiện nay mới có đủ tư cách và điều kiện lãnh đạo đồng thời có nhiệm vụ lịch sử kế thừa truyền thống đấu tranh của ta trong điều kiện bị thực dân, áp bức, do đó phải phát huy truyền thống đấu tranh giải phóng dân tộc để làm cách mạng. Báo *Dân chúng* cũng tích cực đấu tranh chống phá Tờ rút kít, tuyên truyền đường lối quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam (lúc này là Đảng cộng sản Đông Dương), cổ động quần chúng thực hiện các khẩu hiệu dân chủ và chống chủ nghĩa phát xít, cổ vũ cho Mặt trận dân chủ Đông Dương, ủng hộ Mặt trận dân chủ đấu tranh chống phát xít ở Tây Ban Nha, Trung Quốc, ủng hộ Mặt trận bình dân Pháp, ủng hộ Liên bang Xô viết.

Báo *Dân chúng* ra đời từ chỗ không hợp pháp đến chỗ buộc chính quyền thực dân phải công nhận tính hợp pháp. Sau hơn một năm hoạt động tại số 43 Hamelin, trụ sở của báo *Dân chúng* chuyển về số 51E đường Colonel Grinaud (nay là đường Phạm Ngũ Lão). Trước sự phát triển và uy tín của báo *Dân chúng*, ngày 7. 9. 1939 chính quyền thực dân ra lệnh đóng cửa và tịch thu toàn bộ tài sản của tòa báo, ra lệnh cho mật thám lùng bắt những người biên tập và những người cộng tác với báo. Trước tình hình bị khủng bố, lãnh đạo tờ báo đã phải thay đổi liên tục bốn lần, nhà in của báo cũng phải chuyển nhiều nơi. Trong hơn một

năm hoạt động, báo *Dân chúng* ra được 81 số, là tờ báo ra được nhiều số thứ ba trong số các tờ báo ở Sài Gòn lúc bấy giờ, đồng thời có vai trò tích cực trong việc tuyên truyền đường lối chân chính và con đường cách mạng đúng đắn. Tờ báo thực sự trở thành cơ quan quan trọng của Đảng cộng sản Việt Nam đưa quan điểm, đường lối của Đảng đến với quần chúng nhân dân, các nhà hoạt động yêu nước, các chiến sĩ cách mạng, là tờ báo có đông bạn đọc nhất trong lịch sử báo chí trước Cách mạng Tháng Tám 1945. Tờ báo đã đăng bài đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc trong thời kỳ đấu tranh dân chủ. Báo *Dân chúng* là tờ báo đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam, một điểm son trong lịch sử báo chí Việt Nam. Địa điểm đầu tiên của trụ sở báo *Dân chúng* đã được Bộ Văn hóa (nay là Bộ Văn hóa Thông tin) công nhận là di tích lịch sử theo Quyết định số 1288-VH/QĐ ngày 16. 11. 1988.



020

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ ĐINH QUẬN HỌC MÔN.

Cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ được chuẩn bị từ tháng 3. 1940, đến tháng 7. 1940 Hội nghị Xứ ủy Nam Kỳ mở rộng họp ở Mỹ Tho để bàn về việc lấy vũ khí chuẩn bị cho quân khởi nghĩa, bàn về điều kiện phát động khởi nghĩa và điều kiện tiến hành khởi nghĩa. Tại hội nghị này tuy có ý kiến khác nhau về nhận định thời cơ, nhưng mọi người đều phấn khởi chờ ngày khởi nghĩa và đã cử đồng chí Phan Đăng Lưu đi ngay ra Bắc để xin ý kiến của Trung ương. Nhận được sự chỉ đạo của Trung ương hoãn dự định khởi nghĩa của Nam Kỳ (vì cho rằng thời cơ chưa được chín muồi), nhưng khi đồng chí Phan Đăng Lưu vừa về đến Sài Gòn thì bị địch bắt, trong khi đó lệnh khởi nghĩa đã được phát đi không hoãn lại được.

Cuộc khởi nghĩa nổ ra trong lúc các lực lượng ở trong nội thành theo kế hoạch là lực lượng ngồi nổ phát tín hiệu cho lực lượng ngoại thành tiến vào Thành phố nhưng các lực lượng trong nội thành lại chưa liên kết được. Đặc biệt lực lượng binh lính ở thành pháo thủ là lực lượng nổi dậy quan trọng để lấy súng đạn phân phát cho quân khởi nghĩa nhưng đã bị cấm trại, kho súng bị khóa mọi người không được ra vào, mặt khác ngay trong ngày 22. 11. 1940, đồng chí trưởng ban khởi nghĩa vừa hội ý với Bí thư Xứ ủy về

thời điểm khởi nghĩa trên đường về đã bị địch bắt, do vậy đêm 22 rạng sáng ngày 23 khởi nghĩa ở Sài Gòn đã không nổ ra.

Theo kế hoạch đêm ngày 22, quân khởi nghĩa từ ngoại thành sẽ vào nội thành để đúng 0 giờ sẽ phối hợp đánh chiếm các địa điểm trọng yếu của địch, đánh vào Khâm Lớn để giải cứu các cán bộ và lãnh tụ của cách mạng. Mặc dù quân khởi nghĩa ở ngoại thành đã tiến vào nội thành chờ tín hiệu khởi nghĩa, theo kế hoạch khởi nghĩa phải nổ ra, nhưng do không thành, nhiều cánh quân cả trong nội thành và ngoại thành như ở Đức Hòa đã tự giải tán.

Lực lượng ở Bến Lức đã đánh chiếm được đồn Bến Lức và đánh chiếm được nhiều vùng quanh đồn nhưng nhận được tín hiệu Sài Gòn khởi nghĩa đã không nổ ra, mặc dù lực lượng khởi nghĩa có 500 chiến sĩ, 72 khẩu súng, nhưng đã phải chôn súng rồi chia tay tản về các nơi như Đồng Tháp, Rừng Sác.

Ở Cần Giuộc, lực lượng khởi nghĩa đã tập trung đúng giờ quy định, nhưng không nhận được tín hiệu súng nổ ở Sài Gòn, lực lượng này cũng đã tự giải tán. Tuy nhiên, du kích ở Phước Lại vẫn đánh chiếm đồn, nhưng hôm sau quân địch chiếm lại, nhiều du kích đã bị bắt và sau đó bị địch tử hình.

Tuy khởi nghĩa ở Sài Gòn không nổ ra, nhưng khởi nghĩa vẫn nổ ra ở Hóc Môn. Chiều ngày 22. 11. 1940, cánh quân do Đỗ Văn Lợi chỉ huy đã đột nhập vào thị trấn, cải trang làm dân thường để áp sát chờ lệnh tấn công đồn. Một cánh quân khác được giao nhiệm vụ sẽ đánh chiếm công sở, cánh quân do Phạm Văn Sáng, Đặng Công Bình chỉ huy đã đánh chiếm nhà việc diệt một tên địch, thu 4 khẩu súng rồi tiến thẳng về Hóc Môn.

Đêm 22. 11. 1940, ở chợ Hóc Môn có diễn hát, quân khởi nghĩa từ các xã đã trà trộn cùng những người xem hát để chờ khởi nghĩa. Đến 24 giờ đêm vẫn chưa thấy có tín hiệu khởi nghĩa ở Sài Gòn, nhưng những người chỉ huy vẫn quyết tâm tấn công đồn Hóc Môn đúng giờ hẹn. Lúc 0 giờ, một nữ du kích giả làm dân thường chạy vào đồn kêu lính ra bắt cướp, khi một số tên lính vừa ra khỏi đồn thì bị tước khí giới, các cánh nghĩa quân đã xông vào đồn chiếm được tầng trệt, còn tầng lầu trên do tên Bùi Ngọc Thọ quận trưởng và một số lính cố thủ (đồn Hóc Môn được xây bằng đá xanh kiên cố, có một trung đội lính khố xanh thường xuyên đồn trú). Mặc dù một số lính hoang mang đã bỏ chạy, số còn lại cố thủ trên lầu cùng tên Bùi Ngọc Thọ kiên quyết bắn trả lực lượng khởi nghĩa và điện báo về cho địch ở Sài Gòn và Thủ Dầu Một ứng cứu. Quyết tâm bất bằng được tên quận trưởng Thọ, một chiến sĩ tên Dây đã leo lên ống thoát nước mưa để lên lầu, nhưng đến giữa chừng bị trúng đạn hy sinh. Sau đó viện binh của địch đến, nghĩa quân không thể cầm cự được đã phải rút lui.

Khởi nghĩa Nam Kỳ diễn ra ở Hóc Môn tuy không giành được thắng lợi như ý muốn nhưng đã nêu một tấm gương sáng về tinh thần phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng. Nhân dân Hóc Môn đã ghi một dấu ấn về tinh thần dũng cảm không sợ hy sinh của các chiến sĩ cách mạng trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp và tay sai.

Đình quận Hóc Môn, nơi diễn ra sự kiện lịch sử tiêu biểu trong đợt Nam Kỳ khởi nghĩa ngày 23. 11. 1940 ở Sài Gòn - Gia Định đã được Bộ Văn hóa công nhận (xếp hạng) là di tích lịch sử theo Quyết định số 2015/QĐ/BT ngày 16. 12. 1993, là di tích lịch sử loại hình lưu niệm sự kiện.



021

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ NGÃ BA GIỒNG HỌC MÔN.

Ngã ba Giồng nay thuộc xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là địa điểm thực dân Pháp dùng làm nơi xử bắn các chiến sĩ cách mạng, trong đó có những người là lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông Dương (nay là Đảng cộng sản Việt Nam) sau khi khởi nghĩa Nam Kỳ ngày 23. 11. 1940 bị thất bại.

Khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại, thực dân Pháp và tay sai ra sức lùng sục để bắt những người lãnh đạo và những người đã tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Các nơi giam giữ khác như Khám Lớn Sài Gòn, bót Catinat chật cứng người bị bắt đưa về giam giữ và tra hỏi, nên chúng phải dùng kho hàng Khánh Hội, trại Lazaret ở Nhà Bè (cạnh phà Bình Khánh hiện nay), nhà thương Chợ Quán, nhà tù Phú Mỹ để giam giữ những người yêu nước, các chiến sĩ cách mạng, không ít người dân bị chúng nghi ngờ cũng bị bắt giam. Để thị uy nhằm trấn áp nhân dân, chúng đã chọn Ngã tư Giếng Nước và Ngã ba Giồng ở Hóc Môn, một trung tâm của phong trào yêu nước và cách mạng để xử bắn các chiến sĩ cách mạng. Nguyễn Văn Cừ, Phan Đăng Lưu đã bị xử bắn tại Ngã ba Giồng vào ngày 28. 8. 1941.

Nguyễn Văn Cừ sinh ngày 9. 7. 1912 ở làng Phù Khê, tổng Nghĩa Lập, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Đồng chí đã

từng học ở Trường Bưởi, sau đó dạy học ở làng Hà Bồ, huyện Từ Sơn. Năm 1929, đồng chí là đảng viên của tổ chức Đông Dương cộng sản đảng, năm 1930, đồng chí là đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương (nay là Đảng cộng sản Việt Nam). Giữa năm 1930, đồng chí bị Pháp bắt đày ra Côn Đảo, bị giam cùng xà lim với đồng chí Lê Duẩn, Hoàng Quốc Việt. Năm 1936, được trả tự do và tích cực hoạt động ở Xứ ủy Bắc kỳ. Đầu năm 1938, đồng chí vào Sài Gòn dự Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Bà Điểm (ngày 29 và ngày 30. 3. 1938), tại hội nghị này, đồng chí được bầu làm Tổng Bí thư. Đến tháng 2. 1939 bị thực dân Pháp trục xuất ra Bắc, đồng chí đã viết bài *Tự chỉ trích* ký tên là Trí Cương được báo *Dân chúng* đăng tháng 7. 1939. Tháng 9. 1939, đồng chí lại vào Sài Gòn chủ trì hội nghị lần thứ VI của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tại nhà ông Phạm Văn Hy tại ấp Đông Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn. Ngày 13. 1. 1940, khi đồng chí đến một cơ sở ở đường Nguyễn Tấn Nghiệm (nay là đường Trần Đình Xu, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1), thì bị mật thám của Pháp bắt đưa vào giam tại Khám Lớn Sài Gòn. Mặc dù tra tấn bằng mọi cực hình, nhưng chúng không khai thác được gì ở đồng chí. Ngày 3. 9. 1940, thực dân mở phiên tòa xét xử các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Lê Duẩn, Vũ Đình Hiếu..., kết án Nguyễn Văn Cừ 5 năm tù giam. Nhưng sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, chúng lại kết tội đồng chí là chủ trương bạo loạn, có liên quan đến cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, nên kết án tử hình đồng chí tại phiên tòa đại hình. Ngày 28. 8. 1941, thực dân đã xử bắn đồng chí tại Ngã ba Giồng.

Phan Đăng Lưu sinh ngày 5. 5. 1912 ở xã Trảng Thạch, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Đồng chí đã từng học tại trường Pháp - Việt ở Vinh, có thời gian làm việc ở Sở Canh nông Bắc Kỳ. Đồng chí tham gia tổ chức Tân Việt cách mạng đảng, tại Đại hội ngày 14. 7. 1928, đồng chí

được bầu làm Ủy viên thường vụ Tổng bộ và phụ trách công tác tuyên huấn. Đồng chí là một trong những người chủ trương thống nhất ba tổ chức Đảng. Cuối 1928, đồng chí sang Quảng Châu, khi đến Hải Phòng bị bắt và kết án 7 năm tù khổ sai. Đến 1930, đồng chí bị đưa về nhà lao Buôn Ma Thuột. Năm 1936, đồng chí được trả tự do và được bầu vào Xứ ủy Nam Kỳ, Ủy viên Trung ương Đảng, nhưng phụ trách các hoạt động của Đảng ở Huế. Ngày 14. 7. 1940, đồng chí Võ Văn Tần bị bắt, Ban Thường vụ Xứ ủy Nam Kỳ triệu tập Hội nghị đại biểu toàn xứ Nam Kỳ ở Mỹ Tho, đồng chí Phan Đăng Lưu thay mặt Trung ương dự hội nghị. Tại hội nghị này có bàn về khởi nghĩa, do việc nhận định về thời cơ khởi nghĩa chưa thống nhất, đồng chí ra Bắc báo cáo để xin chủ trương của Trung ương. Trung ương quyết định hoãn cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ vì cho rằng cả điều kiện khách quan và chủ quan đều chưa chín muồi, đồng chí Phan Đăng Lưu tức tốc về Sài Gòn để hoãn khởi nghĩa, nhưng vừa về đến Sài Gòn thì bị địch bắt, do đó không kịp truyền đạt chỉ thị của Trung ương. Đồng chí bị giam ở Khám Lớn Sài Gòn. Ngày 25. 3. 1941, thực dân Pháp đưa đồng chí ra tòa lần thứ nhất, đến ngày 3. 4. 1941, chúng đưa đồng chí ra tòa lần thứ hai và kết án tử hình đồng chí cùng một số chiến sĩ cộng sản khác. Ngày 28. 8. 1941, đồng chí bị xử bắn cùng Nguyễn Văn Cừ tại Ngã ba Giồng. Thực dân chôn xác hai đồng chí tại vùng đất gọi là đất thánh Chà (nay là khu nhà dân đối diện công viên Lê Văn Tám).

Bộ Văn hóa Thông tin đã xếp hạng di tích Ngã ba Giồng theo Quyết định số 39/2002/QĐ-BVHTT ngày 30. 12. 2002.



022

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ ĐÌNH CẦU SƠN QUẬN BÌNH THẠNH.

Đình Cầu Sơn mới đầu được xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ XIX, ở vị trí ngã ba của con kênh Lòng Tảo (nay là kênh Thanh Đa), đến năm 1932, đình được dời về vị trí hiện nay, trước tháng 5. 1946 thuộc hộ 19, xã Thạnh Mỹ Tây, hiện nay địa chỉ ở số 118 Xô Viết Nghệ Tĩnh, khu phố 2, phường 26, quận Bình Thạnh. Mặc dù đình bị di chuyển và trải qua những thăng trầm, nhưng hiện đình còn lưu giữ được những cổ vật quý như ba cặp liễn năm 1860, 1861, 1864, hoành phi năm 1872, điều đó chứng tỏ đình Cầu Sơn đã có cách nay hơn 100 năm.

Trước Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945, cùng với nhiều địa bàn khác của Thành phố Sài Gòn, ở các khu vực Cầu Bông Thị Nghè, Cầu Sơn đã có lực lượng Thanh niên Tiền phong, thủ lĩnh Thanh niên Tiền phong ở Cầu Sơn là Nguyễn Bán, Nguyễn Hưng, Nguyễn Văn Nam. Địa điểm đăng ký Thanh niên Tiền phong mới đầu ở trường học của thầy giáo Nguyễn Văn Lạc, sau đó đình Cầu Sơn đã được chọn làm trụ sở của Thanh niên Tiền phong, trở thành nơi học tập chính trị, tập sử dụng vũ khí và kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu. Đình Cầu Sơn đã dùng nhà túc để chứa lương thực, lo cơm nước cho lực lượng Thanh niên Tiền phong.

Khoảng 10 giờ sáng ngày 25. 8. 1945, đồng chí Nguyễn Bản chỉ huy một số lực lượng Thanh niên Tiền phong từ đình Cầu Sơn tham gia đoàn biểu tình của quần chúng chiếm nhà hàng Thanh Mỹ Tây, cờ đỏ sao vàng được kéo lên tại đây. Cùng thời gian trên, một nhóm Thanh niên Tiền phong khác do Phạm Văn Hùng chỉ huy đã tiến hành chiếm nhà thương Thị Nghè, chiến lợi phẩm thu được là lương thực và thuốc chữa bệnh. Trong Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945, Thanh niên Tiền phong Cầu Sơn đã góp phần cùng nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn giành chính quyền về tay nhân dân.

Chưa đầy một tháng sau Cách mạng Tháng Tám, thực dân Pháp gây hấn trở lại. Đáp lời kêu gọi của Ủy ban hành chánh kháng chiến Nam Bộ chuẩn bị kháng chiến, giữa tháng 9. 1945, mặt trận Thị Nghè được thành lập cùng mặt trận Cầu Kiệu để bao vây quân Pháp trong nội thành Sài Gòn. Đình Cầu Sơn lại được chọn làm sở chỉ huy, kho hậu cần cho mặt trận Thị Nghè, tại đây có lực lượng cận vệ, đội giao liên và bộ phận trực chiến. Tham gia chiến đấu tại mặt trận Thị Nghè gồm có công an xung phong, lực lượng Nam tiến từ miền Trung vào, hai đại đội dân tộc ít người từ Phan Thiết cũng được điều động đến tăng cường cho Mặt trận Thị Nghè cũng đóng tại đình Cầu Sơn. Từ 23. 9. 1945 đến 30. 10. 1945, các chiến sĩ mặt trận Thị Nghè chỉ với vũ khí thô sơ đã diệt hàng trăm quân địch, đẩy lui nhiều cuộc tấn công của chúng.

Sau khi quân địch phá được vòng vây, chiến sĩ ở nhiều mặt trận quanh nội thành chuyển về chiến khu An Phú Đông. Quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định bước vào thời kỳ chuẩn bị kháng chiến lâu dài, đình Cầu Sơn vẫn được sử dụng làm địa điểm liên lạc và trú quân của trụ sở 2 Công an Tân Bình từ 1946 đến 1947, từ đây các chiến sĩ ta xuất phát để trừng trị bọn tay sai ác ôn của Pháp. Năm

1948, Công an xung phong, Phân đội 16 thuộc Chi đội 6 trung đoàn 306 Phạm Hồng Thái cũng tập kết ở đình Cầu Sơn rồi tiến vào tấn công quân Pháp ở bót Bà Chiêu và Thị Nghè. Năm 1949 đình Cầu Sơn trở thành nơi đặt hộp thư bí mật của công an xung phong - sau này là công an quận 5.

Trong thời kỳ chống Mỹ từ 1954 đến 1971, đình Cầu Sơn luôn là cơ sở để các chiến sĩ liên lạc và vận động quần chúng, trao đổi tình hình và giao nhiệm vụ những đơn vị như chi bộ hộ 19, Lữ đoàn biệt động 316, bộ phận quân báo A34. Trong đợt tổng tiến công và nổi dậy năm 1968, đình Cầu Sơn là nơi tập kết lương thực, phương tiện quân y cho các chiến sĩ quân giải phóng, nơi đặt trạm y tế dã chiến cứu chữa thương binh tiểu đoàn Phú Lợi (K3), các chiến sĩ ở trung đoàn Đồng Nai bị thương tại các trận địa ở Thị Nghè, cầu Băng Ky, đồng Ông Cộ và một số thương binh ở nơi khác được đưa về đây. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, đình Cầu Sơn đã chuẩn bị vải để phân phát cho bà con khu vực quanh đình may gần 200 lá cờ Mặt trận dân tộc giải phóng. 8 giờ sáng ngày 30. 4. 1975, những lá cờ này đã được treo ở cổng đình, khu vực hẻm đình, trụ sở nhân dân ấp 8 và khu vực ngã tư Hàng Xanh, cờ được treo bởi anh Hoàng Côn và Trần Văn Anh. Sau khi Sài Gòn được giải phóng, đình Cầu Sơn được sử dụng làm địa điểm làm việc của Ban Văn hóa thông tin phường, đến 1989 giao lại cho Ban Quý tế đình quản lý sử dụng.

Với sự đóng góp của Ban Quý tế và các hội viên của đình Cầu Sơn trong suốt hai thời kỳ kháng chiến, đình Cầu Sơn đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xếp hạng là di tích lịch sử theo Quyết định số 117/2005/QĐ-UB ngày 12. 7. 2005.



023

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ ĐÌNH TÂN TÚC Ở HUYỆN BÌNH CHÁNH.

Đình Tân Túc được xây dựng vào đầu thế kỷ XIX, khoảng trước hoặc sau năm 1836. Mới đầu thôn Tân Túc thuộc tổng Long Hưng Trung, huyện Tân Long, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định, năm 1888 là xã Tân Túc thuộc Trung huyện, tỉnh Chợ Lớn, trước cách mạng Tháng Tám 1945, làng Tân Túc thuộc xã Tân Túc, huyện Trung Quận, tỉnh Chợ Lớn, làng Tân Túc lúc này có 8 ấp. Từ năm 1956 đến nay, xã Tân Túc thuộc huyện Bình Chánh.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đình Tân Túc luôn luôn là cơ sở của phong trào yêu nước và cách mạng:

Từ 1915 đến 1917, đình Tân Túc là địa điểm hoạt động của Thiên Địa hội, các hội viên của Thiên Địa hội đã dùng đình là địa điểm luyện tập và bàn kế hoạch đánh Pháp. Đêm 12. 12. 1916 các hội viên Thiên Địa hội đã tập trung tại đình Tân Túc để tiến đánh Khâm Lớn Sài Gòn, nhằm giải cứu lãnh tụ của mình là Phan Xích Long (còn gọi là Phan Phát Sanh), cuộc giải cứu không thành, một số lớn thành viên tham gia bị bắt. Hội kín của phong trào yêu nước nhóm Nguyễn An Ninh cũng sử dụng đình Tân Túc là nơi diễn thuyết cho bà con ở khu vực Chợ Đệm,

từ đó nhiều người có lòng yêu nước ở đây đã có sự giác ngộ lý tưởng cách mạng, nhất là lực lượng thanh niên.

Để chuẩn bị cho cuộc biểu tình phản đối thực dân Pháp đã đàn áp đã man những người biểu tình ngày 4. 6. 1930 (Cuộc biểu tình Bà Hom), đêm ngày 10 và sáng ngày 11. 6. 1930, hàng nghìn người ở khu vực Tam Tân đã kéo về Chợ Đệm, đình Tân Túc - đình Tân Túc trở thành địa điểm trú đóng cho những người lãnh đạo cuộc biểu tình tập hợp lực lượng và triển khai phát lệnh xuất phát. Khoảng 6 giờ sáng ngày 1. 6. 1930, lệnh xuất phát đã được truyền, đoàn người đã sẵn sàng cò, biếu ngữ tập trung tại đình rồi tuần hành hướng về Chợ Lớn để đòi yêu sách, giảm tô thuế, bãi bỏ việc đấu giá công điền, chống bắt phu vào các đồn điền cao su. Đoàn biểu tình đến An Lạc bị nhiều binh lính của chính quyền tay sai Pháp chặn lại, đàn áp và bắt đi hàng trăm người trong đó có ông Nguyễn Văn Thế - người dẫn đầu đoàn biểu tình bị chúng công tay bắt đi cách biệt đoàn biểu tình, cuộc biểu tình đã trở thành cuộc đấu tranh trực diện với kẻ thù. Trong khởi nghĩa Nam Kỳ 1940, đình Tân Túc là nơi cất giữ những tài liệu bí mật, truyền đơn và cờ búa liềm để chuẩn bị khởi nghĩa. Đêm 23 rạng 24. 11. 1940, truyền đơn cất giữ ở đình đã được dùng đi rải ở Chợ Lớn, Tân Bửu và huyện Bình Chánh.

Trong Cách mạng Tháng Tám 1945, đình Tân Túc được chọn làm hội quán của lực lượng Thanh niên Tiền phong gồm đoàn "Hồ Huấn Nghiệp", đoàn "Huỳnh Công Viễn", đoàn "Quản Hạnh" và đoàn "Thủ khoa Huân", hậu sở của đình là nơi hội họp, khuôn viên đình là nơi luyện tập của hàng trăm Thanh niên Tiền phong (luyện tập võ nghệ do thầy Ba Tắc truyền dạy, sử dụng vũ khí, tập đội hình do ông Đội Bộn huấn luyện). Ngày 24. 8. 1945, đồng chí Lê Văn Bảy đã chỉ huy các đội viên của đoàn Hồ Huấn Nghiệp từ đình Tân Túc kéo đến chiếm trụ sở Nhà Làng, chính

quyền ngụy ở đây đầu hàng, cờ tam sắc bị hạ thay vào là cờ đỏ sao vàng, tiếp theo là nhiều cờ đỏ sao vàng được treo ở Chợ Lớn và ở ngay cổng đình Tân Túc. Sau ngày Nam Bộ kháng chiến, đình Tân Túc được sử dụng làm trụ sở Ủy ban hành chánh kháng chiến và là nơi tập trung lương thực để cung cấp cho mặt trận Chợ Đệm. Đến năm 1947, Ủy ban hành chánh kháng chiến xã Tân Túc dời về ấp 2 Chùa Tre, nhượng lại đình Tân Túc cho Quốc vệ đội tức Công an vũ trang Chợ Lớn làm trụ sở. Từ 1950 đến 1954, đình Tân Túc vẫn luôn là cơ sở của kháng chiến, khi hiệp định Genève được ký kết, đình Tân Túc được Chi bộ Đảng ở địa phương dùng làm nơi tuyên truyền phổ biến nội dung hiệp định Genève, đồng thời phổ biến tình hình, nhiệm vụ mới cho các cán bộ cốt cán và quần chúng tích cực.

Trong thời chống Mỹ, đình Tân Túc vẫn luôn là cơ sở che chở cho lực lượng du kích xã, cơ sở của cách mạng, như đồng chí Năm Muôn, Tư Miên, Ba Nhuận là đảng viên ở địa phương luôn dựa vào đình để liên hệ và hoạt động, đình Tân Túc là cơ sở tập kết cho du kích xã tấn công đại đội địa phương quân của ngụy tại ngã ba Quán Chuối vào ngày 26. 6. 1968.

Với quá trình đóng góp cho cách mạng trong suốt hai thời kỳ kháng chiến, đình Tân Túc đã được xếp hạng là di tích lịch sử của Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 325/2003/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 31. 12. 2003.



024

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ ĐÌNH PHONG PHÚ Ở QUẬN 9.

Đình Phong Phú được xây dựng từ cuối thế kỷ XIX, địa chỉ hiện nay thuộc khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong suốt hai thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đình Phong Phú luôn là một cơ sở cách mạng.

Thời kỳ chống thực dân Pháp giai đoạn từ 1945 đến 1954: Trong Cách mạng Tháng Tám, lực lượng Thanh niên Tiền phong của làng Phong Phú đã dùng nơi đây làm lễ tuyên thệ thành lập và cũng dùng địa điểm này để luyện tập chiến đấu, với sự trưởng thành về lực lượng và khả năng chiến đấu, lực lượng Thanh niên Tiền phong của làng phát triển thành lực lượng bộ đội địa phương. Trong Cách mạng Tháng Tám 1945 lực lượng này đóng luôn tại đình, và được hội đình chăm lo cung cấp lương thực thực phẩm và vũ khí. Sau khi Nhật đảo chính Pháp, bộ đội địa phương ở đình đã tiến đánh đồn của Nhật, thu được 5 khẩu súng. Đặc biệt hội trưởng đình Phong Phú lúc bấy giờ là chủ tịch Ủy ban hành chánh kháng chiến của xã, do đó ông đã vận động, tuyên truyền hoạt động của hội phục vụ tích cực cho cuộc kháng chiến, kêu gọi nhân dân ủng hộ chính quyền cách mạng trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Thời kỳ chống Mỹ xâm lược: Đình Phong Phú lần nữa tiếp tục truyền thống yêu nước chống kẻ thù xâm lược, là nơi dừng chân của nhiều chiến sĩ cách mạng khu vực quận Thủ Đức, cung cấp tiền bạc lương thực, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cho cách mạng trong khả năng có thể cho các cán bộ cách mạng.

Năm 1960, toàn bộ thành viên trong ban quản trị của hội đình đã bị bắt vì hoạt động ủng hộ cho cán bộ cách mạng, mặc dù bị giam cầm và tra khảo, nhưng toàn bộ ban quản trị không ai khai báo tiết lộ hoạt động ủng hộ cách mạng của ban quản trị cũng như các hội viên của đình.

Tại đình có một khám thờ thần được sử dụng như một "hầm nấp" để giấu cán bộ khi cần kíp và một hầm ngầm bí mật, cửa hầm được đặt ở nhà tắm ở góc phải phía sau trong khuôn viên đình, còn cửa kia để thoát ra ngoài tường sau đình lúc đó là rừng cao su chỉ cách tường rào khoảng 7 m, hai hầm này vẫn còn nguyên vẹn, chứng tỏ Ban quản trị và hội viên đình Phong Phú đã giữ được bí mật và an toàn trong việc che giấu và nuôi dưỡng các chiến sĩ cách mạng trong kháng chiến chống Mỹ. Xã Tăng Nhơn Phú được phong tặng là xã anh hùng ngày 20. 10. 1976, trong thành tích này có phần đóng góp của ban quản trị và các hội viên đình Phong Phú.

Sau ngày Sài Gòn và toàn miền Nam được giải phóng 30. 4. 1975, hội đình Phong Phú đã dành một phòng làm phòng truyền thống, ghi nhớ những anh hùng liệt sĩ trong hai cuộc kháng chiến và thờ cúng những người đã xả thân cho độc lập dân tộc.

Đình Phong Phú đã được Bộ Văn hóa công nhận là di tích lịch sử theo Quyết định số 57-VH/QĐ ngày 7. 1. 1993. Năm 1998 nhân kỷ niệm lịch sử 300 Sài Gòn, di tích này đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đầu tư tu bổ ngôi đình nhằm bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống.



025

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ BÓT DÂY THÉP Ở QUẬN 9.

Bót Dây Thép được thực dân Pháp xây dựng, lúc đầu chỉ là nơi truyền và nhận tin, có ba cột ăng-ten cao từ 70 m đến 80 m gọi là nhà Dây Thép, nhưng sau đó chúng lại dùng nơi đây để giam cầm, tra khảo và giết hại những người hoạt động yêu nước và cách mạng, thậm chí cả dân thường bị nghi ngờ là du kích cũng bị bắt về đó giam giữ để tra hỏi, do vậy có tên là Bót Dây Thép. Bót Dây Thép hiện nay ở phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bót này do bọn lính lê dương đóng giữ, từ cuối 1945 chỉ huy là Trung úy Pirolet, tên này đã biến nhà Dây Thép thành một nơi gây tội ác man rợ và thảm khốc đối với nhân dân quanh vùng Tăng Nhơn Phú, đặc biệt khi quân Pháp gây hấn trở lại sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Hưởng ứng lời kêu gọi Nam Bộ kháng chiến, Thanh niên Tiền phong, Thanh niên Cứu quốc ở vùng Tăng Nhơn Phú đã tích cực hoạt động để trừng trị những tên tay sai cho Pháp, khiến quân giặc ở Bót Dây Thép run sợ. Tuy vậy bọn chúng vẫn tăng cường dùng bạo lực để trấn áp phong trào chống Pháp. Tại Bót Dây Thép, ngoài Pirolet còn có tên Ách Râu (vì tên này có râu rậm ở quai hàm nên được gọi là Ách Râu), tên này tàn ác khét tiếng, thường xuyên

chỉ huy lính đi vào làng lùng sục, bắt bớ rồi đưa về bót tra tấn, phụ nữ thì bị hãm hiếp, số người bị bắt đưa về ngày càng đông, lúc đầu chúng còn nhốt ở ngoài sân được vây bởi những tấm tôn và ván gỗ, sau đó đào hầm, trên đây bằng những tấm gỗ dày và nặng, sử dụng cả hầm chứa máy nổ để nhốt. Hằng ngày chúng tiến hành tra khảo, có người bị chúng treo ngược, đổ nước xà phòng vào miệng, vào mũi, nướng cây sắt rồi đâm vào bắp chân. Nhiều người bị tra khảo nhưng chỉ là nông dân bị bắt nên không khai thác được gì, chúng cũng quy họ là chính trị phạm rồi mang ra cầu Bến Nọc cách Bót Dây Thép khoảng 2 km để bắn rồi ném xác xuống sông. Thậm chí ở Bót Dây Thép có người bị giết chết bằng cách chém đầu, chúng dùng xe bò chở xác ra cầu Bến Nọc ném xuống sông, nên các gia đình có người thân bị bắt vẫn thường xuyên phải ra mò tìm xác để kiếm người thân.

Những hầm chúng dùng để nhốt người quá nhỏ hẹp, nhưng lại quá đông người nên nhiều người bị ngộp thở mà chết. Đối với hầm máy khi chúng đưa lên tra khảo, nhiều người kiệt sức không lên được chúng đã dùng dây thông lọng vào cổ kéo lên, khi lên vẫn bị trói. Có trường hợp tra khảo chúng bắt mọi người ngồi vòng tròn phía trước cột cờ sau đó kêu từng người ra bàn tra hỏi, nếu không khai mà tên chỉ điểm đầu trùm bao bố gậy đầu ra hiệu là Việt Minh sẽ bị đè úp mặt lên phản gỗ để tên Ách Râu chặt đầu rồi buộc mọi người chuyền tay nhau hôn lên mặt, lên miệng và cắn vành tai.

Tháng 6. 1947, sau khi Thanh niên Tiền phong của Nguyễn Văn Banh, Nguyễn Văn Hưng phục kích giết tên Ách Râu nhưng bị lầm tên Pháp khác cũng có râu, Pirolet đã bắt tất cả những người bị nhốt ở hầm lên rồi bắt người này cột cổ người kia, sau đó dùng dây thép xuyên qua lòng bàn tay lòi tất cả đến trước đình Phong Phú bắt quỳ xuống

rồi xả súng bắn toàn bộ 24 người. Cuối 1947, bọn Pháp lần lượt đưa những người còn bị chúng giam giữ ở đây ra cầu Bến Nọc để bắn. Tổng số người bị chúng bắt giữ ở Bót Dây Thép từ cuối 1945 đến 1947 và giết hại là trên 600, phần lớn ở Thủ Đức, xã Tăng Nhơn Phú và vùng xung quanh 6 xã.

Bót Dây Thép đã được Bộ Văn hóa xếp hạng là di tích lịch sử theo Quyết định số 57-VH/QĐ ngày 18. 01. 1993. Đây là di tích lịch sử ghi dấu tội ác tày trời của thực dân Pháp. Hiện nay tại cầu Bến Nọc cũng đã dựng bia khắc ghi tội ác của quân Pháp, địa điểm trước đình Phong Phú đã dựng đài liệt sĩ ghi công các anh hùng, liệt sĩ đã hy sinh vì độc lập của dân tộc.



026

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ CƠ SỞ IN ẤN CỦA HỘI ỦNG HỘ VỆ QUỐC ĐOÀN TẠI SÀI GÒN.

Cơ sở in ấn của Hội Ủng hộ Vệ Quốc đoàn, hiện nay là địa chỉ số 122/351 đường Ngô Gia Tự, phường 8, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ 1952 Hội Ủng hộ Vệ Quốc đoàn đã chọn căn nhà lúc đó là địa chỉ số 122/351 Minh Mạng (nhà số 122/351 đường Ngô Gia Tự hiện nay) làm cơ sở bí mật của Hội, căn nhà lúc đó là nhà gỗ, vách ván, lợp lá, diện tích 62 m², toàn bộ khuôn viên rộng 12 m dài 32 m, phía trước có một căn chòi nhỏ khoảng 4,5 m², bao quanh bởi hàng rào tre và nằm trong khu lao động có tên là Xóm Vườn Lài. Cơ sở được nguy trang là tiệm làm đàn, giao cho một hội viên tên Hà Minh Lân chịu trách nhiệm quản lý, vật liệu thô chất ở căn chòi để nguy trang làm trạm gác, các loại gỗ và vật liệu làm đàn chất đầy căn nhà.

Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn chỉ đạo cần phải xây dựng một căn hầm bí mật để in tài liệu nên tổ đào hầm đã được thành lập. Rút kinh nghiệm của lần đào hầm trước, ở Gò Vấp (được gọi là hầm A), lần này hầm đã được thiết kế hai ngăn, thành hầm phụ và hầm chính, bằng cách đào một hố trước là miệng hầm vừa một người chui sâu khoảng 2 m và mở rộng thành một đường hầm, ở hầm chính được

đào theo vòng tròn, chính giữa để thành cột đất hình tròn nhằm giữ đất bên trên và đỡ gây tiếng động. Việc đào hầm thường chỉ được tiến hành vào giữa đêm, chòi ở phía ngoài làm trạm gác, có đèn báo hiệu, dụng cụ đào hầm là xà beng bản lớn, cuốc nhỏ cán ngắn, đất được đưa lên miệng hầm được chuyên chở đi vào buổi sáng sớm hôm sau. Hầm chính có kích thước 3,5 m x 3,2 m x 1,7 m, trên nóc hầm có đà chịu lực, tường và nền được lát xi măng để chống thấm nước. Hầm phụ để nghỉ trang có kích thước 3,4 m x 0,6 m x 1,8 m, để đi vào hầm chính phải qua hầm phụ có đoạn địa đạo dài 1,2 m ngang 0,45 m, có một cánh cửa bằng gỗ ngăn giữa miệng hầm chính và hầm phụ có bản lề mở rất khít với vách, bề ngoài trét xi măng hết với vách tường. Nắp cửa để xuống hầm phụ qua hầm chính là 4 viên gạch tạo thành ô có kích thước 0,4 m x 0,4 m ghép khít trên miệng gỗ, phía trên nắp hầm được nghỉ trang bằng tủ đựng quần áo có hai ngăn để che miệng hầm, bên ngăn máng áo dài là miệng hầm có mảnh ván không đóng chốt để đẩy sang ngăn bên kia để mở nắp hầm. Vách có cửa sang hầm chính được đặt một tủ sách để che cửa sang hầm chính và ở hầm này có để máy đánh chữ. Hầm chính để máy in Ronéo, máy đánh chữ, mực in, giấy, bàn ghế làm việc, đèn điện, có đèn để trên báo động, lỗ thông hơi được đào thông ra thành giếng trong sân khuôn viên (hầm này được gọi là hầm B của Hội Ủng hộ Vệ Quốc đoàn). Nhiệm vụ chính của Hội Ủng hộ Vệ Quốc đoàn ở đây là in ấn các tài liệu từ chiến khu An Phú Đông mang đến, sau đó đưa đi các cơ sở bí mật, in truyền đơn để rải vào một số chợ. Tất cả các nhiệm vụ do Đặc khu Sài Gòn - Gia Định và tỉnh ủy Gia Định giao, hội đều hoàn thành như in ấn các nghị quyết về đẩy mạnh phong trào đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Genève, hiệp thương Tổng tuyển cử thống nhất đất nước, đòi quyền dân sinh, dân chủ...

Ngoài việc in ấn, phân phát tài liệu, các hội viên ở đây còn chuẩn bị thuốc chữa bệnh để gởi ra chiến khu.

Sau hơn ba năm hoạt động an toàn, cơ sở này phải ngừng vì cuối năm 1957, một cơ sở khác của Hội Ủng hộ Vệ Quốc đoàn trong nội thành bị địch phát hiện. Đến đầu năm 1958, bọn mật thám đã bắt nhiều hội viên trong đó có Hà Minh Lân - người được giao quản lý căn nhà và vợ anh cũng bị bắt, mặc dù bị tù đầy và tra tấn dã man, tất cả mọi người đều không khai báo. Mặc dù cơ sở bị lộ, từ năm 1958, tên công an Đoàn Văn Khoa ở ngôi nhà này nhưng đến khi Sài Gòn được giải phóng năm 1975, căn hầm vẫn không bị phát hiện.

Cơ sở in ấn của Hội Ủng hộ Vệ Quốc đoàn tại số 122/351 Ngõ Gia Tự được Bộ Văn hóa công nhận là di tích lịch sử theo Quyết định số 1288-VH/QĐ ngày 16. 11. 1988. Căn hầm đến nay đã được tu bổ, bảo quản nguyên vẹn, được Ban quản lý Di tích và Danh lam thắng cảnh Thành phố Hồ Chí Minh sưu tầm và phục chế tư liệu hiện vật liên quan đến di tích để trưng bày nhằm giới thiệu đầy đủ giá trị, ý nghĩa của di tích phục vụ khách tham quan.



XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ TRẬN ĐÁNH KHO BOM PHÚ THỌ.

Trong quá trình cai trị ở Việt Nam, thực dân Pháp luôn luôn không ngừng tăng cường sức mạnh quân sự để đàn áp và đe dọa nhân dân Việt Nam. Nhiều đồn bốt, căn cứ, cứ điểm đã được lập ra nhằm tạo thế phòng thủ, nhất là từ cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945. Ở Sài Gòn, từ năm 1946, lực lượng của quân Pháp ngày càng đông, rồi quân Nhật, quân Anh, sau nhiều trận đánh trong nội thành, quân dân ta đã tiến hành cuộc bao vây không cho chúng từ nội thành ra các vùng ven, tiêu biểu nhất là trận tuyến Cầu Thị Nghè, Cầu Bông, Cầu Kiệu.

Quân Pháp đã bị quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định liên tục tiến đánh trong nội thành và bao vây không cho chúng phát triển ra vùng ngoại ô. Cũng chính trong thời kỳ 1945 - 1954 là thời kỳ quân Pháp đã tăng cường lực lượng và chuẩn bị vũ khí nhiều nhất nhằm kéo dài chiến tranh xâm lược ở Việt Nam và Đông Dương. Riêng ở quanh khu vực Sài Gòn, bọn chúng đã có hai kho bom đạn lớn, đó là kho đạn bên cạnh cầu Thị Nghè (gần Thảo Cầm Viên) và kho bom Phú Thọ, đồng thời chính các kho bom đạn của quân Pháp lại trở thành mục tiêu tấn công của quân dân Sài Gòn nhằm phá hủy sức mạnh quân sự của chúng.

Trận đánh kho đạn bên cạnh Thảo cầm viên (hay còn gọi là kho đạn Thị Nghè):

Kho đạn này đã được thực dân Pháp xây dựng từ rất sớm, cho đến năm 1946 thì kho đạn đã có ở đây mấy chục năm, đây là kho thuốc súng và đạn được người ta cho là lớn nhất ở Nam Đông Dương. Sau khi Nhật đảo chính Pháp, quân Nhật cũng đã sử dụng kho này làm kho chứa súng đạn, sau đó quân Pháp lại tiếp tục chở tới bổ sung, do vậy ngay từ đầu năm 1946 kho đạn này đã được tăng cường thêm súng và đạn với khối lượng lớn. Khu kho đạn có diện tích hàng mấy nghìn mấy mét vuông, việc canh gác kho là do binh lính Âu Phi đảm nhận.

Đúng 10 giờ 30 phút sáng ngày 8. 4. 1946 kho đạn bị ta đánh nổ, tiếng nổ đã gây chấn động cả khu vực, nhiều nhà quanh đó bị sập, đài phát thanh bị hư hỏng nặng, vụ nổ kéo dài cho tới tối ngày 11. 4 mới chấm dứt. Kết quả là 6.000 tấn đạn và thuốc nổ đã bị tiêu hủy, nhiều lính Âu Phi đã bị chết, các chiến sĩ đánh phá kho đạn này cũng đã hy sinh anh dũng và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Trận đánh Kho bom Phú Thọ (tên thường gọi là kho bom Phú Thọ Hòa):

Khi thực dân Pháp quyết tâm xâm lược nước ta và mở rộng quy mô, tính chất cai trị, bọn chúng đã tăng cường sức mạnh quân sự về mọi mặt, trong đó có việc xây dựng các kho bom đạn, và kho bom Phú Thọ là một điển hình. Kho bom được xây dựng trong lô cao su ở phía Đông Bắc Chợ Lớn (nay là khu vực quanh công viên Tân Phước, phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, nằm bên đường Nguyễn Thị Nhỏ). Kho bom có chiều dài 1,5 km, chiều rộng 1 km, bên trong có các đường để xe đi lại vận chuyển xăng dầu, bom đạn. Nói là kho bom, nhưng thực chất là một khu kho với nhiều loại: kho đạn có mái che, kho bom để dưới hầm, các bồn xăng lộ thiên.

Cấu trúc hàng rào bảo vệ (theo các tài liệu ghi là 12 lớp, nhưng qua điều tra của cán bộ Ban Quản lý Di tích và Danh lam thắng cảnh Thành phố gặp trực tiếp nhân chứng thì hàng rào bảo vệ có 6 lớp, gồm: lớp hàng rào thứ nhất là hàng rào đơn, cọc gỗ với ba hàng thép gai, lớp thứ hai là hàng rào kiểu mái nhà, lớp thứ ba là hàng rào đơn dưới hào và đặt mìn, lớp thứ tư là kiểu cũi lợn, lớp thứ năm hàng rào bùng nhùng, lớp thứ sáu hàng rào ô vuông). Tổng cộng gồm 50 kho bom, đạn xăng dầu ở khu kho này và được chia thành khu A và khu B: Khu A nằm phía Tây Bắc đường Lăng Cha Cả (nay là đường Lý Thường Kiệt), đây là khu kho được bảo vệ bằng bờ đất dày khoảng 1 m bao quanh, mỗi kho có chiều dài 20 m, rộng 15 m, Khu B ở hướng Đông Nam xây bằng gạch, mái lợp tôn, mỗi kho có chiều dài 20 m, rộng 10 m, ở khu vực này có 10 bồn xăng, mỗi bồn dài từ 7 m đến 8 m, đường kính từ 3 m đến 4 m.

Việc đánh kho bom Phú Thọ Hòa là nhằm phá hủy phương tiện chiến tranh của thực dân Pháp ở Sài Gòn, đồng thời cũng là "góp lửa" nhằm đánh bại ý chí xâm lược của thực dân Pháp khi mà chúng đang bị quân ta bao vây ở cứ điểm Điện Biên Phủ.

Kế hoạch đánh kho bom Phú Thọ Hòa được Đặc Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn lúc bấy giờ do đồng chí Nguyễn Văn Linh (Muội Cúc) làm Chính ủy và đồng chí Đào Tấn Xuân (Năm Thành) làm Phó Chính ủy giao cho đặc công Khu Sài Gòn - Chợ Lớn thực hiện. Vì kho bom ở đây đã bị đại đội 3721 thuộc tiểu đoàn Quyết tử 950 phá hủy ngày 31. 8. 1952, nên khi xây dựng lại Pháp đã xây dựng kiên cố và bảo vệ rất nghiêm ngặt với hàng rào kẽm gai, chốt chòi canh, quân bảo vệ gồm lính Âu Phi và lính ngụy canh gác ngày đêm cẩn mật, lính tuần tiểu có chó béc giê.

Để nắm tình hình kho bom, đặc công ta đã cài người vào đội ngũ công nhân làm thuê và trinh sát đột nhập khảo sát trực tiếp gồm đồng chí Nguyễn Văn Cự đại đội trưởng và các chiến sĩ Bùi Văn Ba, Phạm Văn Hai, Hà Quang Minh... Qua ba đợt trinh sát, đột nhập, các tổ trinh sát đã vẽ được sơ đồ kho bom, quy luật tuần tra và các hàng rào, lỗ cốt, tháp canh...

Lực lượng đánh kho bom gồm 10 người: Nguyễn Văn Cự, Phạm Văn Hai, Bùi Văn Ba, Hà Quang Minh (Minh Dục), Trần Ngọc Bích, Mai Văn Ổn (Phạm Văn Nguyên), Nguyễn Văn Nết, Phạm Văn Tron (Trần), Dương Gia Lương (Lê Đình Sâm) và đồng chí Phép (không nhớ họ).

Ngày 30. 5. 1954 lực lượng đánh kho bom đã tập kết tại khu căn cứ Vĩnh Lộc - Trung Huyện. Đêm 31. 5. 1954 đã ém quân ở khu vực gần kho bom. Tối ngày 01. 6. 1954 lực lượng đánh kho bom chia thành 2 tổ, tổ 1 gồm ba đồng chí đánh kho bom là Bùi Văn Ba, Trần Ngọc Bích, Phạm Văn Tron, tổ 2 gồm bảy đồng chí còn lại đánh 26 kho bom lần lượt vượt qua các hàng rào. Đến 23 giờ toàn đội đã vào trung tâm kho bom và nhanh chóng đặt chất nổ vào các kho bom, đạn và kho xăng. Đến 0 giờ 30 phút đặt chất nổ xong, các chiến sĩ ta lần lượt theo đường cũ rút ra ngoài. Khoảng 3 giờ 10 sáng ngày 2. 6. 1954 kho bom bắt đầu phát nổ, khói lửa ngút trời, bọn địch điều động lực lượng ứng cứu nhưng không cứu được mà còn bị tổn thất thêm, kết quả kho bom bị san bằng. Báo *Thần chung* tại Sài Gòn số ra ngày 6. 6. 1954 đã đăng hai bức ảnh về vụ nổ kho bom này vào lúc trời còn tối và buổi sáng ngày 2. 6. 1954.

Trận đánh đã phá hủy hàng chục nghìn tấn bom, đạn, hàng chục triệu lít xăng, nhiều lính Âu Phi, lính Pháp bị chết. Trận đánh kho bom Phú Thọ đã hòa nhịp vào chiến công chung khắp chiến trường Việt Nam, đặc biệt là chiến trường Điện Biên Phủ, cũng là sự đánh dấu thời kỳ cáo

chung của chế độ xâm lược và cai trị của thực dân Pháp ở Việt Nam và Đông Dương.

Địa điểm diễn ra trận đánh kho bom Phú Thọ đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xếp hạng là di tích lịch sử theo Quyết định số 22/2005/QĐ-UB ngày 01. 02. 2005.



028

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ KHÁM LỚN SÀI GÒN VÀ BÓT CATINAT.

Khám Lớn Sài Gòn ở vị trí hiện nay là Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh số 65 đường Lý Tự Trọng, bót Catinat hiện là Trụ sở Sở Văn hóa Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh. Tại hai nơi này, thực dân Pháp đã gây ra nhiều tội ác, đã bắt giam và tra tấn dã man những người yêu nước và nhiều chiến sĩ cách mạng Việt Nam.

Khám Lớn Sài Gòn do thực dân Pháp xây dựng năm 1866, lúc đó là số 33 đường Lagrandière, là nhà tù được xây dựng sớm ở Sài Gòn. Do vậy trong những cuộc khởi nghĩa thời kỳ đầu chống Pháp, Khám Lớn luôn là đối tượng của những người yêu nước đánh chiếm nhằm giải thoát cho những người bị chúng giam giữ ở đây, chẳng hạn như cuộc khởi nghĩa Mười tám thôn Vườn Trầu của Phan Công Hớn 1885. Cuộc khởi nghĩa tháng 12. 1916 do Nguyễn Hữu Trí chỉ huy cũng tập trung đánh vào Khám Lớn với mục đích giải thoát Phan Xích Long và các tù chính trị khác bị giam ở đây. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940 cũng đặt mục tiêu quan trọng cần phải tiến đánh để giải cứu các nhà yêu nước, các lãnh tụ cách mạng bị chúng giam ở đây. Ngày 1. 1. 1940 vì quá đông người bị nhốt tại Khám Lớn nên Pháp phải chuyển một số tù nhân đi nơi khác, tuy nhiên ở

đây vẫn còn 1.145 người, đến 22. 11. 1940 là 1581 người, đến 31. 12. 1940 là 2.275 người, đến 30. 1. 1941 là 2.676 người, đến 28. 2. 1941 là 2.922 người. Trong khi đó theo thiết kế khám chỉ chứa được 700 người, phòng lớn nhất ở Khám Lớn 377,5 m² mà chúng giam đến 520 người, tức mỗi người chỉ có 0,68 m², hơi thổi nồng nặc. Theo công văn khẩn của Desjardin - Giám đốc Khám Lớn báo cáo với Thống đốc Nam Kỳ ngày 28. 3. 1941 thì có 800 tù nhân bị hoại thư, nhiều người phải cưa chân, tay. Rất nhiều lãnh tụ cách mạng Việt Nam cũng đã bị giam ở đây như Phạm Văn Đồng, Trần Phú, Phan Đăng Lưu... Sau Hiệp định Genève 1954, Khám Lớn được phá đi để xây trường Đại học Văn khoa Sài Gòn, rồi Thư viện Quốc gia của chế độ Sài Gòn, nay là Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Bót Catinat do Pháp xây dựng để làm Sở Mật thám Nam Kỳ, vì nằm trên đường Catinat nên còn có tên là sót Catinat, địa điểm hiện nay là số 164 đường Đồng Khởi, hiện được dùng làm trụ sở Sở Văn hóa và Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh. Trước Cách mạng Tháng Tám, nhiều người yêu nước và chiến sĩ cách mạng bị Pháp bắt đưa về đây và tra tấn bằng nhiều hình thức tàn bạo trước khi đưa xuống các trại giam, từ trại giam không ít trường hợp lại tiếp tục được đưa trở lại đây để chúng tra tấn và khai thác tiếp. Rất nhiều lãnh tụ của các phong trào yêu nước và cách mạng đã bị giam giữ ở đây như Tôn Đức Thắng, Phạm Văn Đồng, Trần Huy Liệu, Nguyễn Duy Trinh, Trần Phú, Lý Tự Trọng, Ngô Gia Tự, Hà Huy Giáp, Nguyễn Thị Minh Khai, có người lâm bệnh mà chết như Trần Phú. Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, nơi đây được sử dụng làm trụ sở của Quốc gia tự vệ Sài Gòn - Chợ Lớn. Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta lần nữa, sót Catinat một lần nữa lại trở thành nơi giam cầm, tra tấn những người yêu nước và cách mạng Việt Nam. Sang thời kỳ Mỹ xâm lược, nơi đây trở

thành trụ sở Bộ Nội vụ của chính quyền Sài Gòn, cũng là nơi chúng sử dụng để tra tấn những người cách mạng trước khi đưa đi các trại giam hoặc đày ra Côn Đảo. Sau đợt Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu thân 1968, nhiều chiến sĩ cách mạng đã bị bắt đưa về đây, chẳng hạn như ông Ngô Toại trong đơn vị Bảo đảm chiến đấu, người được giao quản lý cơ sở bí mật là Sở Chỉ huy Tiền phương Phân khu 6 đã bị tra tấn chết đi sống lại, nhưng không khai thác được gì. Sau đó chúng đày đi ra Côn Đảo, đến khi Hiệp định Paris được ký kết năm 1973 mới được trao trả.

Khám Lớn Sài Gòn và bót Catinat trở thành những nơi ghi dấu tội ác tày trời của quân xâm lược và chính quyền tay sai. Sở Văn hóa Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh đã dựng bia tại hai nơi này để nhắc nhở tội ác của quân xâm lược.



029

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ TRỤ SỞ PHÁI ĐOÀN LIÊN LẠC BỘ TỔNG TƯ LỆNH QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM.

Cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam sau ngót 100 năm được kết thúc bằng chiến thắng quyết định, đó là chiến thắng Điện Biên Phủ, buộc Pháp phải đàm phán và ký kết Hiệp định Genève ngày 20. 7. 1954, trong đó có việc công nhận độc lập, chủ quyền của ba nước Đông Dương, đối với Việt Nam có điều khoản quy định việc ngừng bắn, việc tập kết, chuyển quân giữa hai miền Nam - Bắc, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời, để chờ tổng tuyển cử thống nhất đất nước ngày 20. 7. 1954. Một Ủy ban Quốc tế để giám sát việc thi hành Hiệp định được thành lập, Ấn Độ làm chủ tịch, hai nước ủy viên là Ba Lan và Canada.

Tiếp theo là Ủy ban Liên hiệp đình chiến đã được thành lập tại hội nghị ở Trung Giã (Lạng Sơn), thành phần gồm Ủy ban Quốc tế và hai bên tham chiến là Quân đội nhân dân Việt Nam và quân đội Pháp. Ủy ban đình chiến sẽ hoạt động ở cả hai miền Nam Bắc của Việt Nam. Phái đoàn đại diện Quân đội nhân dân Việt Nam ở miền Nam do đồng chí Phạm Hùng làm Trưởng đoàn có trụ sở ở Phụng Hiệp (Cần Thơ) để tổ chức tập kết và chuyển bộ đội từ Nam ra Bắc, hết thời hạn quy định chuyển quân, phái đoàn đã trở về Hà Nội.

Phái đoàn liên lạc Bộ Tổng Tư lệnh quân đội nhân dân Việt Nam cạnh Phân ban Quốc tế Giám sát và Kiểm soát đình chiến đã vào Sài Gòn tháng 4. 1955, trụ sở của đoàn là một biệt thự tại số 61 đường Liên tỉnh 2, ấp Đông Ba, xã Phú Nhuận, tỉnh Gia Định (nay là số 87A đường Trần Kế Xương, phường 7, quận Phú Nhuận). Phái đoàn gồm 16 người, do đồng chí Phạm Hùng làm Trưởng đoàn.

Đoàn có nhiệm vụ theo dõi việc thi hành Hiệp định, chuẩn bị cho ngày Tổng tuyển cử trên toàn quốc, nắm tình hình để báo cáo với Trung ương. Sự có mặt và hoạt động của Phái đoàn liên lạc Bộ Tổng Tư lệnh quân đội nhân dân Việt Nam cạnh Phân ban Quốc tế Giám sát và Kiểm soát đình chiến tại Sài Gòn đã tạo cho nhân dân miền Nam một niềm tin đấu tranh đòi kẻ địch nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Genève. Mặc dù trụ sở của phái đoàn luôn bị theo dõi và canh gác chặt chẽ, nhưng nhiều đồng bào yêu nước với lòng mong mỏi đất nước sớm được thống nhất, vẫn đến gặp phái đoàn để cung cấp hàng hóa và nhìn ảnh Bác Hồ.

Thực dân Pháp đã rút quân khỏi Việt Nam năm 1956, nhưng Mỹ đã có kế hoạch thỏa hiệp với Pháp để thay thế Pháp can thiệp vào Việt Nam, nên nhiều điều khoản của Hiệp định Genève chúng đã không thực hiện và đưa Ngô Đình Diệm lên làm Tổng thống, bày ra trò bầu cử quốc hội rồi ban hành hiến pháp. Thực tế là đế quốc Mỹ muốn dựng lên một chính quyền mới ở miền Nam và xóa bỏ Hiệp định Genève. Mỹ, Diệm đã trắng trợn tuyên bố không chịu trách nhiệm bảo vệ phái đoàn của ta, đồng thời tổ chức những cuộc gây rối bằng cách cho người đến gây gổ đập phá trụ sở, gây cản trở việc đi lại của phái đoàn, thậm chí bọn chúng còn tổ chức việc nghe trộm điện thoại. Phái đoàn ta đã liên tục đấu tranh đòi Ủy ban Quốc tế Giám sát và Kiểm soát đình chiến can thiệp và phái đoàn luôn nhận được sự ủng hộ của những người yêu nước. Kẻ địch đã vì

phạm và không thực thi những cam kết của Hiệp định Paris, trắng trợn xóa bỏ Hiệp định, dựng lên một chính phủ mới ở miền Nam, xóa bỏ việc hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất đất nước. Trước tình hình đó, phái đoàn ta được Trung ương chỉ thị trở về Hà Nội tháng 5. 1958.

Qua hơn ba năm hoạt động (từ tháng 4. 1955 đến tháng 5. 1958), phái đoàn đại diện quân đội nhân dân Việt Nam hoạt động ở miền Nam tại Phân ban Quốc tế Giám sát và Kiểm soát đình chiến ở miền Nam, đã nắm rõ âm mưu không thi hành Hiệp định Genève của địch và biết được diễn tiến của tình hình làm cơ sở cho việc nhận định, đánh giá dã tâm của kẻ thù nhằm chuẩn bị cho một cuộc chiến đấu mới, đó là thời kỳ đấu tranh chống Mỹ và chính quyền tay sai của chúng ở miền Nam. Sự có mặt của đại diện quân đội nhân dân Việt Nam ở Sài Gòn đã mang lại niềm tin cho nhân dân miền Nam trong cuộc đấu tranh tiếp theo vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, thống nhất đất nước.

Trụ sở Phái đoàn liên lạc Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam cạnh Phân ban Quốc tế Giám sát và Kiểm soát tại Sài Gòn đã được Bộ Văn hóa công nhận là di tích lịch sử theo Quyết định số 1288-VH/QĐ ngày 16. 11. 1988.



030

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ CƠ SỞ GIẤU VŨ KHÍ CỦA BIỆT ĐỘNG SÀI GÒN ĐÁNH DINH ĐỘC LẬP NĂM 1968.

Nhằm chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân 1968 của chiến sĩ biệt động Sài Gòn, đơn vị "Bảo đảm" (tức bảo đảm phục vụ chiến đấu) thuộc Quân khu Sài Gòn - Gia Định đã được giao nhiệm vụ xây dựng cơ sở bí mật để cất giấu vũ khí, công việc này được chuẩn bị từ năm 1967, một số hầm bí mật để chứa vũ khí đã được xây dựng ở một số địa điểm trong Thành phố, trong đó có hầm giấu vũ khí tại số 287/70 đường Nguyễn Đình Chiểu nay thuộc phường 10, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn hộ 287/70 đường Phan Đình Phùng (nay là đường Nguyễn Đình Chiểu) được đồng chí Nguyễn Văn Trí, Chính trị viên đơn vị Bảo đảm thống nhất với ông Trần Văn Lai (Năm Lai) mua đầu năm 1967, ông Lai là người của đơn vị Bảo Đảm, mật danh là J9 T700, bên ngoài là nhà thầu khoán mang tên Năm USOM. Khi mua nhà xong, kết hợp với việc sửa chữa nhà, ông tiến hành đào hầm bí mật để chứa và giấu vũ khí theo kế hoạch được giao. Công việc làm hầm đến giữa tháng 7. 1967 thì xong, hầm có kích thước dài 2 m, ngang 1,2 m, cao 2,5 m, vách và nền hầm được tô bằng xi măng để chống thấm, miệng hầm được đậy nắp bằng khối sáu viên gạch 0,20 m x 0,20 m gắn trên

mặt bản xi măng, giữa là lỗ khoen nhỏ có răng ốc để vặn chốt cầm mở nắp hầm khi cần.

Để chở súng đạn mang về cất giấu ở hầm này, đơn vị Bảo đảm đã phải tính nhiều cách, như làm bộ ván rộng ruột do chiến sĩ biệt động Trần Phú Cường, bí danh Năm Mộc đóng rồi chuyển ra xã Phước Hiệp - Củ Chi ở địa điểm gần Bàu Mây - Suối Cụt, tại đây vũ khí được đặt vào lòng bộ ván, sau đó ông Chín Tềng, một cơ sở cách mạng dùng xe bò chở về điểm hẹn ở Củ Chi rồi chuyển lên xe biển số EC 6045 do một chiến sĩ Biệt động là Ba Bảo chở về Sài Gòn.

Những lần khác thì vũ khí được giấu trong cuộn cà tăng (là loại tấm đan bằng tre để dựng vách), có lần lại giấu lựu đạn trong lòng chậu kiểng để chở về hầm. Vũ khí được giấu ở đây gồm thuốc nổ, kíp nổ, dây cháy chậm, súng AK và đạn, B40, lựu đạn. Vũ khí ở đây đã được dùng để đánh dinh Độc Lập vào tết Mậu Thân 1968.

Sáng ngày mừng một tết, 15 chiến sĩ đội 5 Biệt động, trong đó có một nữ y tá bí danh Chín Nghĩa do Trương Hoàng Thanh chỉ huy đã đến tập kết tại nhà anh Lê Tấn Quốc (bí danh Bảy Rau Muống, chiến sĩ biệt động) tại số 436/58 đường Hoàng Đạo (nay là đường Trần Văn Đang), đến 22 giờ đêm toàn đội đã đến nhà đồng chí Năm Lai vào hai cửa trước và sau, rồi mang vũ khí lên xe ô tô đậu sẵn trong nhà, đồng chí Năm Lai lái xe trong nhà ra sát hai xe của đội 5, chuyển thủ pháo và chất nổ, vũ khí lên hai xe, xe đi đầu do Mai Văn Năm lái và hai đội viên vũ khí ở xe này chủ yếu là thủ pháo và chất nổ, xe sau là súng AK và lựu đạn do Lê Tấn Quốc lái có chỉ huy trưởng Ba Thanh, Chín Nghĩa và một đội viên, đồng chí Sáu Rồi là chính trị viên sử dụng xe honda đi trước trinh sát, đúng 1 giờ 30 sáng mừng 2 tết toàn đội xuất phát.

Gần đến dinh Độc Lập phía đường Nguyễn Du, lính gác phát hiện bắt dừng lại, đoàn xe vẫn tiến, chúng báo động, các chiến sĩ trên xe đi đầu bắn hạ mấy tên này rồi dùng xe chở bộc phá lao vào để phá cổng, nhưng bộc phá không nổ, tổ đột phá vẫn lọt được vào bên trong, địch bắn ác liệt, hai chiến sĩ hy sinh, các chiến sĩ còn lại phải ở phía ngoài triển khai chiến đấu trên đường Nguyễn Du. Tại đây, các chiến sĩ ta đã bắn cháy một xe Jeep của Mỹ khi chúng lao tới, liền đó xuất hiện xe Jeep chở lính từ đường Thủ khoa Huân phóng tới, khi chúng đến gần, chiến sĩ ta ném 5 quả lựu đạn tiêu diệt toàn bộ địch trên xe. Sau 30 phút địch kéo đến càng đông, có cả xe bọc thép, đến 4 giờ sáng đội trưởng Trương Hoàng Thanh hy sinh, đội còn 8 người rút vào nhà 56 Thủ khoa Huân lên lầu 3 cố thủ, đồng chí Lê Tấn Quốc chốt chặn cầu thang bị hy sinh, 7 chiến sĩ còn lại đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, sau đó bị địch bắt.

Cơ sở giấu vũ khí đánh dinh Độc Lập năm 1968 đã được Bộ Văn hóa công nhận là di tích lịch sử ngày 16. 11. 1988. Nhân dịp kỷ niệm 30 năm giải phóng Thành phố, Ban quản lý Di tích và Danh lam thắng cảnh Thành phố đã sưu tầm tư liệu, phục chế hiện vật - vũ khí có liên quan để trưng bày giới thiệu về di tích lịch sử này.



031

XIN CHO BIẾT VỀ HỆ THỐNG DI TÍCH LỊCH SỬ ĐỊA ĐẠO CỬ CHI.

Địa đạo Củ Chi đã trở thành địa điểm quen thuộc của nhiều người cả trong nước lẫn nước ngoài, vì đã có hàng triệu lượt người đã từng đến tham quan khu di tích này.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ hai, tại xã Phước Vĩnh An và Tân Phú Trung vào năm 1947 - 1948, ở đây đã từng có các hầm và địa đạo để phục vụ chiến đấu. Năm 1997 - 1998 Thành phố Hồ Chí Minh đã cho phục hồi khoảng 100 m địa đạo ở Tân Phú Trung.

Hệ thống địa đạo ở Củ Chi tiếp tục được phát triển trong kháng chiến chống Mỹ, trong đó có khu địa đạo ở xã Phú Mỹ Hưng nằm ở phía Bắc Củ Chi, Địa đạo Bến Đình ở xã Nhuận Đức.

Để chuẩn bị cho cuộc chiến đấu chống Mỹ, từ 1961 ở xã Phú Mỹ Hưng đã có địa đạo trong lòng đất, đó là những đường hầm. Sang 1962 cuộc kháng chiến chống Mỹ bước vào giai đoạn quyết liệt, Bí thư Khu ủy Sài Gòn - Gia Định Võ Văn Kiệt đã chỉ thị thành lập Ban chỉ đạo xây dựng căn cứ với tên gọi là căn cứ Phú Hiệp, công trình lấy ngày 3. 2 tức ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam làm ngày khởi công, sau đó các hầm ngầm, địa đạo tiếp tục được phát triển thêm ở những năm sau

với hàng trăm km địa đạo. Địa đạo Phú Mỹ Hưng gồm ba khu, khu trung tâm dành cho lãnh đạo cao cấp, một khu gồm hầm ngầm văn phòng và hầm ngầm hội họp, một khu là nơi đóng quân của đội phòng vệ - tiểu đoàn Vinh quang. Khu địa đạo gồm có hệ thống giao thông hào, ụ chiến đấu, lòng địa đạo có chỗ được thiết kế làm hai tầng, miệng địa đạo và lối thông hơi thường được thiết kế gần ụ mối và các bụi rậm, nắp đây là những miếng gỗ trên đắp đất trồng cỏ, có chỗ miệng địa đạo được thiết kế là hầm chông.

Tháng 1. 1966 Mỹ huy động trên 3.000 quân đến càn quét với sự hỗ trợ của xe tăng, pháo binh, máy bay, trận càn mang tên Crimp nhưng thất bại.

Ngày 8. 1. 1967, quân địch tiếp tục mở cuộc càn lớn mang tên Cedar Fall, với trên 12.000 quân, đủ quân binh chủng phối hợp đánh phá ác liệt địa đạo Phú Mỹ Hưng, trong đó có cả máy bay B52 ném bom rải thảm và dùng bom xăng đốt cháy cả khu rừng, nhiều đoạn địa đạo bị sụp, xóa đi nhiều chốt quan sát và miệng hầm nhưng vẫn không phá hủy được địa đạo. Tháng 3. 1967 Mỹ lại tiếp tục mở trận càn vào khu địa đạo Phú Mỹ Hưng, mặc dù cũng bị máy bay B52 rải bom nhưng các chiến sĩ ta vẫn kiên cường chiến đấu gây thiệt hại và tổn thất nặng cho sư đoàn Tia chớp nhiệt đới, sư đoàn Anh cả đỏ, sư đoàn 25 ngụy làm cho kẻ địch bàng hoàng khiếp sợ về "Địa đạo chiến" của ta.

Địa đạo Bến Đình thuộc xã Nhuận Đức huyện Củ Chi, từ 1964 đến 1967 tại đây đã có hệ thống địa đạo của sáu xã phía Bắc Củ Chi, năm 1968 Huyện ủy Củ Chi cho gia cố và phục hồi với chiều dài tổng cộng khoảng 15 km làm căn cứ của Huyện ủy, trong đó đào thêm hệ thống giao thông hào, bố trí các hầm chông, bãi mìn và các ổ chiến đấu. Huyện ủy Củ Chi đóng trong hệ thống căn cứ Khu ủy Sài Gòn - Gia Định và Trung ương Cục. Nhiều đồng

chỉ lãnh đạo từng đến và trực tiếp chỉ đạo Quận ủy Củ Chi lãnh đạo quân dân trên địa bàn Củ Chi như Võ Văn Kiệt (thời gian 1960 - 1965), Trần Hải Phụng (thời gian 1962 - 1968), Nguyễn Văn Linh (thời gian 1966)...

Dựa vào hệ thống địa đạo này, quân dân Củ Chi đã từng bao vây bức rút đồn nguy ở An Nhơn Tây năm 1964, phối hợp cùng tiểu đoàn Quyết thắng đập tan cuộc càn quét của trung đoàn 8 thuộc sư đoàn 5 ngày 9. 5. 1965, diệt gần 400 tên, thu 270 súng, từ 8 đến 20. 1. 1966 đã đánh bại sư đoàn Anh cả đỏ của Mỹ, từ đây xuất hiện các "Dùng sĩ diệt Mỹ". Kết hợp với bộ đội chủ lực, du kích Củ Chi đã đánh bại Lữ đoàn 199 ngày 26. 1. 1966, diệt hơn 300 tên, bắn rơi 20 máy bay các loại, tháng 6. 1967 bộ đội địa phương Củ Chi chỉ với 47 tay súng đã bắn cháy 21 xe tăng thiết giáp, diệt 117 tên Mỹ tại ấp Gò Đình. Xuân Mậu thân 1968 du kích và bộ đội địa phương Củ Chi đã tập kích lữ đoàn 2 sư đoàn 25 của Mỹ, ngày 29 và 30. 11. 1968 đã đánh tan cuộc càn quét của trung đoàn 46 sư đoàn 25 của Mỹ, từ năm 1971 đến năm 1972, bộ đội địa phương và du kích Củ Chi đã tham gia hơn 100 trận đánh lớn nhỏ với sự kết hợp "Ba mũi giáp công", năm 1973 du kích xã Trung Lập Hạ đẩy lùi cuộc càn quét của địch, năm 1974 bộ đội địa phương và du kích xã Nhuận Đức đã đẩy lùi cuộc càn của tiểu đoàn 2 trung đoàn 50 nguy khi càn vào Bến Đình, diệt 10 tên, trong chiến dịch Hồ Chí Minh, quân dân Củ Chi đã giết và bắn bị thương 47 tên địch, bắt sống 347 tên trong đó có 25 sĩ quan từ cấp úy đến cấp tá, thu được 579 súng các loại.

Củ Chi được Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tặng danh hiệu "Củ Chi đất thép thành đồng". Kết thúc chiến tranh, Củ Chi có 15/21 xã và 29 cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng, cùng nhiều cá nhân đơn vị được tặng huân chương, huy chương.

Để ghi nhớ công lao của các chiến sĩ đã hy sinh vì sự nghiệp hòa bình thống nhất đất nước, một ngôi đền đã được xây dựng tại Củ Chi mang tên Đền Bến Dược.

Địa đạo Phú Mỹ Hưng được Bộ Văn hóa (nay là Bộ Văn hóa Thông tin) công nhận là di tích lịch sử Quốc gia số 54/VH/QĐ ngày 29. 4. 1979. Địa đạo Bến Đình được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng di tích quốc gia theo Quyết định số 101/QĐ-BVHTT ngày 15. 12. 2004.



XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ CĂN CỨ RỪNG SÁC.

Rừng Sác Cần Giờ năm 1910 thuộc tổng Cần Giờ có sáu xã và thuộc tỉnh Gia Định, năm 1920 Cần Giờ thuộc quận Nhà Bè, tỉnh Gia Định, năm 1947 thuộc tỉnh Cap Saint Jacques, năm 1954 thuộc tỉnh Phước Tuy, năm 1965 thuộc tỉnh Biên Hòa, sau ngày giải phóng đổi tên là huyện Duyên Hải thuộc tỉnh Đồng Nai, đến tháng 2. 1978 được đổi tên là huyện Cần Giờ thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Cần Giờ có truyền thống đấu tranh anh dũng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng.

Năm 1934 tại vùng Cần Giờ đã có chi bộ Đảng hoạt động tuyên truyền cách mạng. Cần Giờ từng là nơi che giấu nhiều chiến sĩ cách mạng sau khi khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940 thất bại. Lực lượng võ trang cách mạng đầu tiên có mặt ở Rừng Sác là lực lượng của Dương Văn Dương lấy tên là Bình Xuyên, sau Cách mạng Tháng Tám 1945, lực lượng này tham gia Mặt trận Việt Minh. Suốt chín năm kháng chiến chống Pháp, nhiều tổ chức đã về trụ tại Rừng Sác, như cấp ủy, chính quyền, công an, phụ nữ ở Gò Công, Bà Rịa, Vũng Tàu, Tân An, Chợ Lớn, lãnh đạo lực lượng kháng chiến ở Sài Gòn như Liên hiệp Công đoàn, Công an Xung phong... Ngày 21. 2. 1948 trung đoàn 300 được thành

lập tại ấp Gia Thuận, xã Lý Nhơn gọi là trung đoàn Dương Văn Dương.

Năm 1949 đội Biệt động Rừng Sác đã bắt sống được tàu Klataken chở lương thực, máy phay, máy gò, máy tiện và hàng trăm xe đạp, đánh chìm tàu Louberbier trọng tải 7.000 tấn trên sông Lòng Tàu. Tối 19. 3. 1950 đội Biệt động của trung đoàn 300 đã dùng súng cối 82 mm bắn vào tàu Stichden và Anderson đậu ở sông Sài Gòn, góp sức cùng nhân dân Sài Gòn biểu tình chống Mỹ, ngày 19. 3. 1950 trở thành ngày toàn quốc chống Mỹ.

Từ tháng 6. 1951 đến tháng 7. 1954 các chiến sĩ Rừng Sác đã đánh chìm 32 tàu địch, hạ nhiều đồn bót, tháng 3. 1951 đánh bại địch tiến vào chiến khu Cần Giờ, tháng 7. 1953 tiêu diệt địch ở bót Bà Nghĩa, từ tháng 1 đến tháng 6. 1954 các chiến sĩ Rừng Sác đã đánh 38 trận lớn nhỏ, diệt 141 tên địch, 50 tên bị thương, bắt sống 42 tên và thu được nhiều súng đạn các loại.

Thời kỳ chống đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai, do tầm quan trọng của khu vực Rừng Sác trên đường thủy từ biển vào Sài Gòn, nên Mỹ ngụy coi đây là "đặc khu", tập trung lực lượng mạnh để "bình định". Phía ta cũng coi đây là địa bàn quan trọng, quyết tâm xây dựng ở đây làm căn cứ và làm bàn đạp tiến công địch, hoạt động ở đây là T10 sau đổi là Đoàn 10 Đặc công Rừng Sác và thành lập Đặc khu Rừng Sác là đặc khu quân sự do Quân ủy Miền lãnh đạo, ngày 1. 1. 1966 quân số ở đây có 614 người gồm 3 cơ quan, 6 đơn vị cấp đại đội, có đặc công thủy, có đội súng cối 82 mm, DKZ 57, đơn vị trinh sát, đơn vị vận chuyển hàng chiến lược.

Các trận đánh tiêu biểu của Đoàn 10 gồm trận đánh chìm tàu Victory ngày 23. 8. 1966, trận pháo kích lễ Quốc khánh ngụy quyền Sài Gòn ngày 1. 11. 1966 bằng DKZ

75 phá tan buổi lễ, gây tiếng vang đối với dư luận trong nước và ngoài nước.

Ngày 25. 12. 1967 một tổ chức của đội 5 Đoàn 10 đã dùng thủy lôi 100kg đánh chìm tàu 10.000 tấn.

Trận đánh ngày 22. 8. 1968 Đoàn 10 đã nã đạn DKZ vào Dinh Độc Lập và Đại sứ Mỹ, trên sông Lòng Tàu 5 chiếc tàu quân sự bị đánh cháy.

Đêm 11 rạng sáng 12. 11. 1972, 4 đồng chí đội 32 đã tiến đánh kho đạn Thành Tuy Hạ, đã đánh nổ 23 nhà kho chứa thuốc nổ, 9 nhà kho chứa đạn bom napan tạo ra đám cháy khổng lồ kéo dài hai ngày đêm.

Trận đánh kho xăng Nhà Bè lúc 0 giờ 5 phút ngày 3. 12. 1973 của đội 5 đã tiêu hủy 35 triệu galon xăng dầu (khoảng 140 triệu lít), 12 bồn butagaz, một xà lan dầu 1.200 tấn, một cơ sở trộn nhớt, một khu nhà lính, sau trận đánh đội 5 được tặng Huân chương Quân công hạng nhất.

Trong thời kỳ chống Mỹ, Đoàn 10 Rừng Sác dù phải sống trong điều kiện khó khăn với rừng ngập mặn, nhiều kênh rạch, thiếu nước ngọt và lương thực... nhưng vẫn chiến đấu đạt nhiều thành tích như diệt 6.200 tên Mỹ và nguy quân, đánh chìm 356 tàu thuyền chiến đấu, đánh đắm 133 tàu vận tải từ 800 tấn đến 13.000 tấn, bắn rơi 29 máy bay trực thăng, gây thiệt hại lớn kho bom Thành Tuy Hạ và kho dầu Nhà Bè, phá nhiều đồn bót và chốt dã ngoại của địch...

Với thành tích đạt được trong chiến đấu, Đoàn 10 Rừng Sác đã được tuyên dương là đơn vị Anh hùng, đội 5 Đoàn 10 hai lần được tuyên dương anh hùng.

Đoàn 10 được tặng nhiều Huân chương Quân công, Huân chương Chiến công, hàng nghìn bằng khen, giấy khen của các cấp, nhiều chiến sĩ Đoàn 10 được tặng danh hiệu Anh hùng. Xã Lý Nhơn và xã Cần Thạnh, huyện Cần Giờ

được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Căn cứ Rừng Sác Cần Giờ được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng di tích lịch sử theo Quyết định số 101/2004/QĐ-BVHTT ngày 15. 12. 2004.



033

Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, ĐỊA ĐIỂM NÀO ĐÃ TRỞ THÀNH DI TÍCH - NƠI TẬP HỢP PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA CÔNG NHÂN?

Nhà số 14 đường Cách mạng Tháng Tám hiện nay, từ năm 1947 đến năm 1954 là đường Nguyễn Văn Thỉnh, năm 1950 là trụ sở của Liên đoàn công nhân tư sở, năm 1952 đổi tên là Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam. Tháng 3. 1954 Đại hội lần thứ I, Trần Quốc Bửu được bầu làm Chủ tịch và giữ chức đó cho đến khi Sài Gòn được giải phóng ngày 30. 4. 1975 (Trần Quốc Bửu nguyên là Phó Bí thư Đảng Cần Lao Nhân Vị, là nhân viên phòng Nhì của Pháp và sau này là nhân viên CIA của Mỹ, có nhiều nợ máu với cách mạng và công nhân, nông dân). Từ 1955 đến 1975 đường này đổi tên là Lê Văn Duyệt, sau ngày giải phóng đổi tên là đường Cách mạng Tháng Tám, nhà số 14 đường Cách mạng Tháng Tám hiện là trụ sở của Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhà số 14 Cách Mạng Tháng Tám đã trở thành nơi tập hợp công nhân trong nhiều Nghiệp đoàn ở Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định và vùng lân cận để đấu tranh.

Do Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam có mối liên hệ chặt chẽ với Liên đoàn Lao công Pháp và sau này có mối liên hệ với một số Nghiệp đoàn của Mỹ, nên có ảnh hưởng rất lớn, do vậy Ban Công vận Khu ủy Sài Gòn - Gia Định

quyết tâm phải thâm nhập Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam để nắm tình hình và định hướng hoạt động cho phong trào đấu tranh của công nhân bằng cách bí mật gài người tham gia vào hệ thống tổ chức Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam. Anh Trần Quang Sang tham gia Liên đoàn Lao công Gò Công, đã gây dựng được hàng chục nghìn đoàn viên Liên đoàn, do tổ chức đấu tranh đòi chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành Hiệp định Genève về Hiệp thương Tổng tuyển cử thống nhất đất nước, đã bị quy tội âm mưu lật đổ chính quyền và tội lợi dụng Liên đoàn hoạt động chính trị, nên bị bắt và bị tù đầy, sau khi ra tù đã tham gia vào Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam, được giữ chức Phó Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam, là người có cảm tình với phong trào đấu tranh của công nhân và có tinh thần cách mạng. Ở nhiều Nghiệp đoàn công nhân thuộc Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam đã có những Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam như: Nghiệp đoàn Công nhân Ngân hàng có Phạm Hoàng Bá, Phạm Văn Hỷ là người lãnh đạo Nghiệp đoàn công nhân Ngân hàng (đã bị hy sinh trong tù năm 1973), Phan Lưu Chi là Ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam phụ trách khối nông dân, Phạm Thị Hồng Diễm, Đoàn Văn Thới - Công chức Phật tử, Huỳnh Tấn Thanh - Nghiệp đoàn vận tải, Trần Văn Tư - Nghiệp đoàn xe buýt, Nguyễn Văn Vàng - Nghiệp đoàn giáo chức tư thục, Phạm Văn Ất - Nghiệp đoàn Hỏa xa, Hà Xuân Thọ là cán bộ của Ban Công vận Xứ ủy Nam Bộ là ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam phụ trách khối đồn điền. Những cán bộ Đảng viên trong các tổ chức của hệ thống Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam đã giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng và định hướng hoạt động đấu tranh có tổ chức cho nhiều công nhân ở các nghiệp đoàn. Bên cạnh đó còn phải kể đến những cán bộ Công vận người Hoa trong Ban Hoa vận của Khu ủy hoạt động ở nhiều xí nghiệp, nhà máy có đông

công nhân người Hoa như: Quách Lan Anh, Vương Vĩnh Hội, Quách Ngân Anh, Dư Huệ Liên, Hà Tăng, Nghi Đoàn...

Tại nhà số 14 Cách Mạng Tháng Tám hiện nay - nơi đã từng là địa điểm tập hợp các cuộc đấu tranh của công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, dựa vào tính hợp pháp để đấu tranh công khai, nhưng vẫn giữ nguyên tắc bí mật của Đảng, với vai trò lãnh đạo trong cương vị là người trong Ban Chấp hành của Nghiệp đoàn, cán bộ ta đã hưởng ứng nhiều cuộc đấu tranh của công nhân, kết hợp đòi quyền lợi chính đáng của công nhân với việc biểu lộ lập trường chính trị, nhiều cuộc đấu tranh của công nhân đã lấy địa điểm trụ sở Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam để tập trung đấu tranh.

Qua cuộc đấu tranh ngày 25. 11. 1953 của hai trăm đại biểu đoàn thể các nghiệp đoàn cơ sở của Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam tại 14 Nguyễn Văn Thịnh quyết định Tổng đình công trên toàn quốc ủng hộ cuộc đấu tranh của Nghiệp đoàn Duyên Hải, buộc Thị trưởng Hải Phòng bị cách chức. Cuộc đấu tranh ngày 1. 5. 1955 tại nơi đây diễn ra cuộc mít tinh của hàng chục nghìn vạn người, đòi chấm dứt bạo lực, đòi có Bộ Luật Lao động chính thức cho Việt Nam, đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy dệt Vimitex năm 1964 được nhiều Nghiệp đoàn khác ủng hộ, sáng ngày 21. 9. 1964 đông đảo công nhân, người lao động và sinh viên đã tập trung về Trụ sở Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam, đông nghẹt cả đoạn đường từ Hồng Thập Tự đến ngã sáu Phù Đổng với khoảng ba mươi nghìn người, sau đó kéo đến đòi gặp Dương Văn Minh và Nguyễn Khánh yêu cầu Bộ lao động và chính quyền giải quyết yêu cầu của công nhân Vimitex: công nhân được tự do hội họp ở trụ sở Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam và với nghiệp đoàn có quyền

bảo vệ quyền lợi, quyền đình công... Năm 1966 có cuộc đình công của chủ hãng dẹt Nam Hòa đòi thả công nhân bị bắt, hãng dầu Caltex đòi tăng lương, chống sa thải, chống kỳ thị, cuộc đấu tranh làm tê liệt 10 công trình quân sự của nhà thầu Mỹ. Cuối năm 1966, 5.000 công nhân cảng bãi công chống Mỹ sa thải 600 công nhân cảng, làm ba tàu chở hàng của Mỹ không bốc được hàng, phải huy động quân đội bốc dỡ. Năm 1967, 700 công nhân hãng dầu ESSO Sài Gòn bãi công vì đuổi việc công nhân vô cơ. Năm 1968 là năm có nhiều cuộc bãi công: ngày 1. 1. 1968 là công nhân ngành điện nước, đến ngày 12. 1. 1968 thêm công nhân cảng bãi công, Mỹ nguy phải huy động Cảnh sát bắt gom công nhân trở lại làm việc với lệnh trung dụng, ngày 15. 1. 1968 lại có hàng nghìn công nhân xe buýt, dẹt, cao su hưởng ứng sự bãi công của công nhân điện nước, cảng, đứng trước nguy cơ bãi công lan rộng mặc dù đã dùng biện pháp mạnh nhưng vẫn không ngăn chặn được, nguy quyền phải chấp nhận yêu sách của công nhân, tăng lương 12% từ tháng 9. 1967.

Ngày 13. 12. 1969, 300 công nhân xe buýt mở đại hội tại trụ sở Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam rồi chiếm trụ sở một tháng, rồi tiến chiếm dinh Thủ tướng nguy, tiểu đoàn cảnh sát võ trang nguy đã mang kẽm gai rào trụ sở Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam, công nhân kéo ra dụng độ với cảnh sát, một số người bị thương. Liên hiệp Đồ thành triệu tập hội nghị hơn 100 nghiệp đoàn phát động tổng đình công vào ngày 7. 1. 1970. Chỉ một ngày đình công đã gây tổn thất là 18 tàu quân sự Mỹ tại các cảng không dỡ được hàng, công nhân hãng Shell, Esso, Caltex không chịu tiếp nhiên liệu cho các xe chở dầu. Ngày 1. 6. 1970 Liên hiệp Nghiệp đoàn Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định phát động bãi công đã thu hút hàng trăm nghiệp đoàn tham gia hưởng ứng cuộc đình công của công nhân kho

tồn trữ Thủ Đức bị chúng sa thải, đòi tăng lương, đòi tự do nghiệp đoàn.

Ngày 5. 10. 1971 Trần Quốc Bửu tổ chức cuộc đình công chống cộng nhưng bị công nhân trong nghiệp đoàn Lao công tẩy chay, do đó có thể nói Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam do Trần Quốc Bửu làm Chủ tịch đã bị tê liệt.

Sang năm 1973, 1974 có những cuộc đấu tranh của 12.000 tài xế tắc xi, xe lam đòi giảm giá xăng dầu, cuộc đấu tranh của hơn 18.000 tài xế xích lô đập đòi giảm giá biển số xe.

Địa điểm 14 đường Cách mạng Tháng Tám hiện nay từng là nơi tập trung công nhân tham gia biểu tình, đấu tranh của nhiều nghiệp đoàn thuộc tổ chức Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam dưới chế độ ngụy quyền Sài Gòn tay sai của đế quốc Mỹ. Những người yêu nước và cách mạng trong hệ thống tổ chức của Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam có vai trò to lớn trong những cuộc đấu tranh của công nhân và người lao động thời kỳ này.

Nhà số 14 đường Cách Mạng Tháng Tám đã được Ủy ban nhân dân Thành phố xếp hạng di tích lịch sử theo Quyết định số 139/2003/QĐ-UB ngày 5. 8. 2003.



034

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ LÁNG LE - BÀU CÒ Ở HUYỆN BÌNH CHÁNH.

Láng Le - Bàu Cò là tên dân gian gọi khu vực này, là nơi có nhiều lán nước và bàu nước tích đọng quanh năm, do đó có nhiều tôm cá và có nhiều loại cò, le le tìm đến kiếm ăn, nên dân gian gọi vùng này là Láng Le - Bàu Cò hay gọi đơn giản là vùng Láng Le, cũng còn được gọi là vùng "Tam Tân", gồm ba xã Tân Kiên, Tân Tạo, Tân Nhựt, hiện đều thuộc huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Láng Le - Bàu Cò là nơi giàu truyền thống cách mạng và có bề dày lịch sử kháng chiến chống xâm lược. Từ những năm đầu thế kỷ XX, khi phong trào yêu nước chống Pháp phát triển, vùng này đã là cơ sở của tổ chức Thiên Địa hội, nhà yêu nước Nguyễn An Ninh cũng từng đến vùng này để diễn thuyết và tổ chức "Hội kín".

Khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, nơi đây đã sớm có tổ chức chi bộ Đảng lãnh đạo. Ngày 4. 6. 1930, nhân dân biểu tình chống bắt phu, đấu tranh đòi giảm tô thuế, giặc Pháp đã đàn áp dã man những người tham gia biểu tình, một số người đã hy sinh, một số bị thương và nhiều người bị bắt. Mặc dù vậy, đến ngày 11. 6. 1930, nhân dân Tam Tân vẫn cùng nhân dân tổng Long Hưng Thượng tập trung ở Tân Túc rồi kéo về Chợ Lớn phản đối tội ác của giặc Pháp. Cuộc biểu tình lại một lần nữa bị đàn áp.

Tháng 8. 1930, Tỉnh ủy Chợ Lớn họp tại ấp 6 xã Tân Nhựt nhằm củng cố các tổ chức Đảng và lập ra Ủy ban Hành động để cùng với Ủy ban Hành động Sài Gòn - Gia Định và cả Nam Kỳ tổ chức đấu tranh chống thực dân Pháp.

Trong khởi nghĩa Nam Kỳ 1940, lực lượng khởi nghĩa ở Tân Nhựt, Tân Tạo và Tân Kiên đã chuẩn bị sẵn sàng lực lượng để tiến về Sài Gòn, ở Tân Kiên bọn tề đã bị bắt, nhưng do không nhận được tín hiệu khởi nghĩa ở Sài Gòn, nên các lực lượng này đã tự giải tán.

Để chuẩn bị cho kế hoạch Tổng khởi nghĩa tháng 8. 1945, Xứ ủy Nam Bộ đã hai lần tổ chức hội nghị mở rộng ở xã Tân Kiên để bàn về ngày giờ Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn. Khởi nghĩa đã nổ ra ngày 24. 8. 1945 ở Tân Nhựt, Tân Tạo, nhân dân ở đây đã giành được chính quyền, tiếp theo là ở Tân Kiên vào ngày 25. 8. 1945.

Khi thực dân Pháp gây hấn trở lại, suốt chín năm kháng chiến, vùng Láng Le - Bàu Cò một lần nữa kiên cường chống Pháp. Ngày 23. 5. 1946, chi đội 12 đã tiến đánh bọn Pháp và Việt gian, diệt 9 tên, bắt sống 2 tên, thu 11 khẩu súng.

Để tiêu diệt lực lượng cách mạng ở vùng Láng Le - Bàu Cò, ngày 15. 4. 1948, vào lúc khoảng 3 giờ sáng, thực dân Pháp đã huy động hàng nghìn quân, chủ yếu là lính Âu Phi với xe lội nước, tàu đổ bộ, được máy bay và pháo binh yểm hộ đã từ nhiều hướng bao vây và tiến công, càn quét vào vùng Láng Le - Bàu Cò. Ở hướng Đông Nam, chúng chia thành hai mũi tiến đánh vào xã Tân Tạo, Tân Kiên. Hướng Đông Bắc, có xe lội nước tiến vào Láng Le. Hướng Nam gồm xe lội nước, tàu chiến, theo đường sông ra Chợ Đệm tiến về Kênh Xáng hòng chặn đường rút lui của ta.

Chúng hy vọng sẽ tiêu diệt toàn bộ lực lượng kháng chiến của Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định.

Tham gia trận chống càn này gồm lực lượng của bốn đại đội của trung đoàn 308, hai tiểu đoàn của trung đoàn Phạm Hồng Thái, một bộ phận của trung đoàn 312, bộ phận vũ trang của Vệ quốc đội, công an Sài Gòn - Chợ Lớn, dân quân du kích của Trung Huyện. Được sự giúp đỡ của nhân dân địa phương, một số đơn vị của ta đã dùng cảm mưu trí chủ động tiến đánh địch ở Hòa Thới, tại cầu Mỹ Phú (Tân Kiên), tại ấp Tân Lợi Tây (Tân Tạo) và một số nơi khác. Tại rạch Lươn Sâu và gò chợ Trịnh Khánh An, ta đã tập trung hỏa lực rồi đánh giáp lá cà diệt gọn một đại đội quân Miên do Pháp tuyển mộ, mở đường cho hơn 3.000 dân Tam Tân cùng lực lượng vũ trang dân quân du kích vượt Kênh Xáng sang đất Tân Bửu vào rừng tràm Bà Vụ an toàn.

Trong trận chống càn tại Láng Le - Bàu Cò ngày 15. 4. 1948 ta tiêu diệt khoảng 300 tên địch, bắt sống 30 lính đánh thuê, phá hủy 5 xe quân sự, thu một máy thông tin liên lạc, 85 khẩu súng các loại. Phía ta có 32 chiến sĩ anh dũng hy sinh, 40 đồng chí bị thương, 17 đồng chí mất tích. Trong số những người hy sinh có đồng chí Nguyễn Văn Hạo tiểu đoàn trưởng chi đội 15, đồng chí Nguyễn Văn Keo tiểu đoàn phó tiểu đoàn Ký Con thuộc trung đoàn Phạm Hồng Thái.

Khi Hiệp định Genève được ký kết, nhân dân Láng Le - Bàu Cò lại tiếp tục đấu tranh đòi thi hành Hiệp định, từ ngày 7 đến ngày 9. 8. 1954, hơn 1.000 người đã đấu tranh đòi trừng trị tên Đội Tuần giết người tàn ác, đòi bồi thường tính mạng cho người bị giết, đòi thi hành hiệp định Genève, tên quận trưởng quận Gò Đen đã phải xin lỗi và xoa dịu.

Trong kháng chiến chống Mỹ, quân dân Láng Le - Bàu Cò lại tiếp tục phong trào đấu tranh của mình: ngày 5. 10.

1960, 12 ấp ở xã Tân Nhựt đồng loạt nổi dậy, nổi trống, mõ, diệt mật thám chỉ điểm. Lực lượng cách mạng ở đây đã làm chủ "lôm" căn cứ cách mạng ở Láng Le - Bàu Cò và tạo thành thế liên hoàn với vùng căn cứ Vườn Thơm - Bà Vù.

Tháng 2. 1966, tiểu đoàn 2 Bình Tân cùng du kích xã Tân Nhựt đã bắn rơi 3 máy bay, ngày 14. 10. 1966, cũng tại Tân Nhựt, đại đội 2 tiểu đoàn 6 Bình Tân lại cùng dân quân du kích xã tiêu diệt và làm tan rã tiểu đoàn 30 Biệt động ngự. Trong chiến dịch Mậu thân 1968, Tân Tạo đã được chọn là nơi đặt Sở Chỉ huy Tiền phương 2 và tiểu đoàn 6 Bình Tân đóng quân.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, chiều ngày 29. 4. 1975 du kích Tân Tạo đã chiếm trụ sở ngục quyền tại xã, sáng ngày 30. 4. 1975, du kích và hàng trăm đồng bào Tân Nhựt đã giành lại chính quyền, bắt 40 tên ngục, thu toàn bộ vũ khí. Sau đó, lực lượng nổi dậy ở các xã Tân Nhựt, Tân Túc đã cùng đoàn quân vũ trang tiến vào chiếm trụ sở quận lý Bình Chánh.

Hiện nay, tại một địa điểm thuộc khu vực Láng Le - Bàu Cò xã Tân Nhựt, gần sông chợ Đệm đã có tượng đài, bia ghi chiến công và Nhà truyền thống để trưng bày, giới thiệu truyền thống đấu tranh cách mạng của quân dân qua hai thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Với những sự kiện lịch sử diễn ra tại Láng Le - Bàu Cò, địa điểm này đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xếp hạng di tích lịch sử theo Quyết định số 138/2003/QĐ-UB ngày 5. 8. 2003.



**XIN CHO BIẾT VỀ KHU DI TÍCH LỊCH SỬ
DÂN CÔNG HỎA TUYẾN MẬU THÂN 1968
CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**

Khu di tích Dân công hỏa tuyến Mậu thân 1968 của Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay thuộc ấp 4, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh.

Nhằm phục vụ cho bộ đội chiến đấu trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu thân năm 1968 tiến đánh vào Sài Gòn của Phân khu II khi có trận đánh của bộ đội địa phương như tiểu đoàn 6 Bình Tân hay bộ đội của sư đoàn 9, ta đã thành lập lực lượng Dân công hỏa tuyến để đắp đường, nấu cơm tải đạn và chuyển thương binh về tuyến sau. Lực lượng Dân công hỏa tuyến xã Vĩnh Lộc chủ yếu là nam, nữ thanh niên từ 16 đến 19 tuổi, có em chỉ 15 tuổi cũng xung phong tham gia, phụ nữ chiếm đa số. Dưới sự vận động của cơ sở cách mạng nông cốt, sự lãnh đạo của Huyện ủy Bình Tân, cấp ủy xã Vĩnh Lộc, chi bộ ở các ấp Tân Hòa 1, Tân Hòa 2, Thới Hòa, lực lượng Dân công hỏa tuyến xã Vĩnh Lộc đã có hàng trăm người tham gia, không ngại gian khổ, không quản hy sinh, khi có yêu cầu là sẵn sàng lên đường phục vụ chiến đấu.

Khi phục vụ trận đánh, dân công hỏa tuyến ở Vĩnh Lộc thường sắp xếp thành đoàn, mỗi đoàn có khoảng 50 đến 60 người tùy theo nhu cầu phục vụ. Trạm tập trung thường

không cố định, thường thì tập trung ở ấp 5 hiện nay, khi thì tập trung ở các gia đình cơ sở cách mạng nông cốt. Dân công hỏa tuyến chuyển thương binh từ Tân Hòa, Vĩnh Lộc về Bình Thủy, Đức Hòa, Long An, từ Long An đoàn lại chuyển vũ khí, lương thực cho bộ đội ở tiền tuyến.

Sự kiện đáng lưu ý nhất là lần phục vụ đợt II của Tổng tiến công và nổi dậy Mậu thân 1968, vào đêm ngày 15. 6. 1968 (ngày 20. 5 âm lịch), đoàn dân công Vĩnh Lộc được giao nhiệm vụ đưa thương binh vượt bung Láng Sấu về Đức Hòa - Long An, sau đó tải đạn phục vụ bộ đội đang vây đánh Sài Gòn. Khi đoàn dân công vừa tới cánh đồng bung Láng Sấu thì bị máy bay địch bắn pháo sáng phát hiện và đã xả đạn vào đoàn dân công làm 35 người hy sinh, 25 người còn sống trong đó có một số người bị thương.

Bất chấp nguy hiểm, ngay sau đó bà con ở ấp Tân Hòa 1, Tân Hòa 2 đã ra bung cứu chữa những người bị thương, những người hy sinh được đưa lên xe bò chở về, sáng hôm sau các gia đình có con em hy sinh đã tổ chức an táng. Trong số 35 người hy sinh có 31 người là dân công hỏa tuyến gồm 6 nam, 25 nữ, trong đó có 5 người đã lập gia đình (2 nữ, 3 nam), 1 thanh niên của gia đình cách mạng đi theo đoàn, 3 chiến sĩ bộ đội chủ lực, đến nay vẫn chưa rõ họ tên và đơn vị. Những người còn sống và những gia đình có thân nhân hy sinh bị địch khủng bố, có người bị địch bắt giam như chị Nguyễn Thị Hai. Trong số các dân công hy sinh có nhiều người được truy tặng Huân chương kháng chiến hạng II. Những người còn sống và có công vận động người tham gia dân công đều được tặng huân chương, bằng khen.

Năm 1969, nhân dân ở ấp Tân Hòa 1, Tân Hòa 2 đã lập một ngôi miếu tại bung Láng Sấu để thờ những người đã hy sinh ở đây. Năm 1980, xã Vĩnh Lộc đã xây dựng

bia tưởng niệm các liệt sĩ dân công tại ngã tư đường Dân Công.

Tinh thần dũng cảm của các dân công Vĩnh Lộc đã để lại tấm gương sáng về tình yêu quê hương đất nước, sẵn sàng vì sự nghiệp kháng chiến chống xâm lược vì hòa bình, độc lập dân tộc thống nhất Tổ quốc.

Địa điểm nơi diễn ra sự kiện lịch sử đêm 15. 6. 1968 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định xếp hạng di tích lịch sử theo Quyết định số 119/2005 QĐ-UB ngày 12. 7. 2005. Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh đã đầu tư kinh phí và đã hoàn thành việc tu bổ tân tạo nâng cấp nhằm phát huy giá trị của di tích trong giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng.



036

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ SỞ CHỈ HUY TIỀN PHƯƠNG PHẦN KHU 6.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu thân 1968 trên toàn miền Nam, Thành phố Sài Gòn - cơ quan đầu não của chính quyền tay sai của Mỹ và là nơi những cơ quan chóp bu của Mỹ trực tiếp chỉ huy cuộc chiến xâm lược, do đó Thành phố Sài Gòn là một trọng điểm quan trọng có ý nghĩa chiến lược trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy này, lực lượng Biệt động của ta ở Sài Gòn thuộc Phân khu 6 được giao tiến đánh những điểm trọng yếu như Đài Phát thanh của chính quyền ngụy, dinh Độc Lập, Tòa Đại sứ Mỹ...

Để chuẩn bị vũ khí và cơ sở hoạt động cho chiến sĩ ta ở nội thành Sài Gòn nói chung và đặc biệt là cho đợt Tổng tiến công và nổi dậy, nhiều cơ sở bí mật đã được chuẩn bị để làm trụ sở liên lạc và nhiều hầm vũ khí đã được chuẩn bị. Nhà số 7 đường Yên Đỗ (nay là đường Lý Chính Thắng) là một trong những cơ sở bí mật, do đồng chí Nguyễn Văn Trí (Hai Đỏ), Thủ trưởng đơn vị "Bảo Đảm" chỉ đạo mua căn nhà này và giao cho ông Ngô Toại là chiến sĩ của đơn vị quản lý, ở đây mở tiệm phở Bình, ba chiến sĩ biệt động được bố trí là người giúp việc cho tiệm phở, tiệm phở là nơi đông người qua lại, nên rất thuận tiện cho việc sử dụng nơi đây là địa điểm liên lạc, tiếp nhận tài liệu. Từ năm

1967 đã có nhiều cán bộ chiến sĩ khi đi công tác vào nội thành đã đóng trú tại đây, nơi đây cũng đã từng là nơi tổ chức những cuộc họp của các chiến sĩ thuộc đơn vị phân khu 6.

Để chuẩn bị cho chiến dịch tết Mậu thân 1968, đơn vị Bảo Đảm đã giao cho cơ sở này gấp rút chuẩn bị lương thực, thực phẩm cho khoảng 100 người dùng trong một tháng và nơi đây được chọn làm Sở Chỉ huy Tiền phương Phân khu 6. Đến sát tết, nhiều chiến sĩ thuộc Sở Tiền phương Phân khu 6 đã lần lượt đến đây, mới đầu trung đội nữ của đơn vị diện dài, y tá, giao liên, họ đến lẻ tẻ mỗi ngày vài người, rồi lần lượt những chiến sĩ khác đến bằng các phương tiện khác nhau như xe đạp, xe máy và đi bộ. Gần đến ngày cuộc tiến công, nhiều cán bộ chỉ huy đã đến để kiểm tra sự chuẩn bị như Nguyễn Văn Trí, Nguyễn Đức Hùng (Tư Chu), Ngô Thanh Vân (Ba Đen)... Đến ngày 29 tết nhiều chiến sĩ khác của Sở chỉ huy Phân khu 6 đã đến đây từ nhiều địa điểm, có người từ Trảng Bàng - Tây Ninh, khoảng 10 giờ sáng ngày 29, tại tiệm phở Bình đã có hơn 40 cán bộ chiến sĩ có mặt. Đêm mừng 1 tết (ngày 30. 1. 1968) đồng chí Võ Văn Thanh (Ba Thắng), từ cơ sở bí mật số 241/5 đường Bạch Đằng - Bình Thạnh đến để giao nhiệm vụ cho một số cán bộ chỉ huy cụm được mời đến lúc 20 giờ 30 phút. Đúng 23 giờ kém 15 phút đồng chí Ba Thắng - Chính ủy Sở chỉ huy Tiền phương Phân khu 6 - đọc lời hiệu triệu của Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng và nhắc lại lời thề "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh" và phổ biến giờ "G" để các cụm Biệt động phát lệnh xung kích tiến công vào mục tiêu đầu não quân Mỹ và chính quyền ngụy ở Sài Gòn, đến giờ hành động, đồng chí Tư Tăng - cụm trưởng cụm 4 - rời sở chỉ huy đi xích lô máy đến số 65 Nguyễn Bình Khiêm (lúc này là nhà may Quốc Anh) là nơi đóng quân của đội 4 có nhiệm vụ tấn công Đài phát thanh, Ngô Thanh Vân (Ba Đen) chỉ huy

đơn vị tấn công Tòa Đại sứ Mỹ cũng rời Sở chỉ huy về triển khai công tác tác chiến.

Sáng mùng 3 Tết ngà tư đường Yên Đổ - Hai Bà Trưng, bọn địch đã chặn hàng rào bằng kẽm gai di động, dựng chốt bằng những bao cát và chặn người qua lại hai đầu đường Yên Đổ. Linh quân cảnh và cảnh sát dã chiến đã từ nhà bên cạnh leo vào sân thượng của nhà số 7 Yên Đổ, phía dưới, lính bộ binh và lính dù đập cửa xông vào nhà, con gái ông Ngô Toại tên là Hải chạy lên lầu báo tin thì bị nhiều tên cảnh sát chĩa súng bắt nằm tại chỗ, chúng ủa lên lầu bắt mọi người nằm úp mặt xuống sàn nhà và lục soát mọi nơi, 13 chiến sĩ ta bị địch bắt trong đó có ông Ngô Toại và con rể là Nguyễn Kim Bach, ngay đêm hôm đó chiến sĩ Phạm Văn Bảy, Nguyễn Huy Xích đã hy sinh trước những đòn đánh đập để tra hỏi của địch. Ngày hôm sau chúng đến bắt tiếp vợ và con gái ông Ngô Toại đưa về Tổng Nha cảnh sát để tra hỏi. Ông Ngô Toại bị chúng lột hết quần áo và trói chặt chân tay vào ghế để tra tấn dùng gậy đánh, đổ nước vào miệng, đốt tóc... nhưng vẫn không hề khai báo, không nhận đây là cơ sở của biệt động Sài Gòn, sau cùng chúng đẩy ông ra Côn Đảo, tại nhà tù Côn Đảo, ông vẫn trung kiên giữ vững khí tiết của người cách mạng, cho đến khi Hiệp định Paris được ký kết, năm 1973 ông được trao trả ở Lộc Ninh.

Nhà số 7 Lý Chính Thắng (số 7 Yên Đổ trước giải phóng) là Sở chỉ huy Tiền phương Phân khu 6 trong Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu thân 1968 được Bộ Văn hóa công nhận là di tích lịch sử ngày 16. 11. 1988. Nơi đây đã thu hút nhiều đoàn khách và cá nhân người nước ngoài đến tham quan và đã ghi cảm tưởng vào sổ lưu niệm những lời cảm phục về tinh thần chiến đấu vì hòa bình, độc lập dân tộc, thống nhất đất nước của quân và dân ta.



VÌ SAO TỊNH XÁ NGỌC PHƯƠNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN LÀ DI TÍCH LỊCH SỬ?

Tịnh xá Ngọc Phương được Ni trưởng Huỳnh Liên xây dựng năm 1958, lúc đầu chỉ là một am nhỏ, đến 1972 được xây dựng lại thành ba khu nhà có hai tầng, trên khuôn viên khoảng 2.500 m², địa chỉ hiện nay là số 498/1 đường Lê Quang Định, phường 1, quận Gò Vấp. Tịnh xá Ngọc Phương gắn liền với sự nghiệp hoạt động kết hợp giữa đạo và đời của Ni sư Huỳnh Liên.

Khi đế quốc Mỹ đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, đứng trước cuộc đấu tranh chống xâm lược và sự hy sinh của đồng bào, cùng với nhiều người yêu nước vì hòa bình, độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, Ni trưởng Huỳnh Liên đã tham gia cách mạng đồng thời tích cực vận động các Ni và tín đồ tham gia đấu tranh chống Mỹ xâm lược và chính quyền Nguyễn Văn Thiệu.

Trong những năm quân dân miền Nam và cả nước sôi sục đấu tranh, kiên cường kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược và chế độ tay sai, Ni trưởng Huỳnh Liên đã vận động và gây dựng Tịnh xá Ngọc Phương làm cơ sở cho cách mạng, như tiếp tế những yêu cầu cần thiết trong đó có thuốc chữa bệnh và lương thực cho Ban Kinh tài, Ban Văn nghệ Tây Nam Bộ, Ban An ninh liên quận 4, Mặt khu Long An, Chiến khu D. Tịnh xá Ngọc Phương đã trở thành

nơi hội họp an toàn của Quận ủy và Ban An ninh liên quận 4, nơi che giấu nhiều cán bộ trong các tổ chức cách mạng.

Những tổ chức hoạt động đấu tranh công khai, như Phong trào phụ nữ đòi quyền sống, Mặt trận nhân dân tranh thủ đòi hòa bình, Phong trào dân tộc tự quyết, Ủy ban cải thiện chế độ lao tù cũng thường được Tịnh xá Ngọc Phương tạo điều kiện thuận lợi để hội họp. Phong trào đấu tranh của sinh viên, thanh niên học sinh cũng dựa vào Tịnh xá Ngọc Phương để hội họp và tổ chức những cuộc bãi khoá và biểu tình chống Mỹ, Ngụy, Tịnh xá Ngọc Phương trở thành Tổng hành dinh của các cuộc biểu tình.

Với sự vận động của các Ni sư Tịnh xá Ngọc Phương, các Ni giới Khất sĩ ở Sài Gòn đã tích cực tham gia và trở thành nòng cốt của những cuộc biểu tình, công khai đòi thả tù chính trị, chống bắt lính, đòi tự do dân chủ. Đặc biệt Ni trưởng Huỳnh Liên đã gây được tiếng vang lớn trong lần phối hợp với đồng bào Công giáo của Thành phố tố cáo chính sách xâm lược tàn ác và thâm độc của Mỹ để tổ chức cuộc tuyệt thực kéo dài một tuần lễ trước Dinh Độc Lập, biểu tình ngồi ở ngã tư Bảy Hiền hai ngày ba đêm, tham gia ngày "Ký giả đi ăn mày" nhân dịp Thượng nghị sĩ Mac Govern đến dòng chúa Cứu Thế ở đường Kỳ Đồng.

Hiệp định Paris được ký kết, các Ni sư ở Tịnh xá Ngọc Phương cùng phong trào của các ngành, các giới đòi chính quyền Ngụy thi hành Hiệp định Paris để lập lại hòa bình. Chính quyền Sài Gòn cho rằng Tịnh xá là một địa điểm gây bất ổn cho chế độ, nên ngày 27. 10. 1974 chúng đã phong tỏa Tịnh xá bằng cách dùng hàng rào kẽm gai có bánh xe di động bịt kín đường Lê Quang Định nhằm cô lập Tịnh xá, đến ngày 30. 4. 1975 Sài Gòn được giải phóng, tịnh xá mới được giải tỏa.

Với những đóng góp vào phong trào đấu tranh chống Mỹ của Tịnh xá Ngọc Phương và Ni trưởng Huỳnh Liên, địa điểm này đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích lịch sử ngày 15. 10. 1994 theo Quyết định số 2754/QĐ/BT.



038

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ CHÙA ẤN QUANG?

Chùa Ấn Quang hiện nay lúc đầu chỉ là một ngôi nhà tranh được gọi là chùa Ứng Quang. Năm 1950, hòa thượng Thích Thiện Hòa tiếp quản, xây dựng lại chính điện, đổi tên chùa Ứng Quang thành Ấn Quang, qua nhiều năm xây dựng, đến 1966 kiến trúc chùa có diện mạo như hiện nay, ở địa chỉ hiện nay là số 23 đường Sư Vạn Hạnh, phường 9, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ 1950 đến 1975, chùa Ấn Quang là Phật học đường Nam Việt, là nơi đào tạo tăng tài của Phật giáo Nam Bộ.

Thời gian 1959 - 1961, chùa Ấn Quang là trụ sở Văn phòng thường trực của Giáo hội tăng già Nam Việt, thời gian 1969 - 1975 là nơi đặt văn phòng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Năm 1981, các tổ chức Phật giáo ở Việt Nam tổ chức đại hội thống nhất bầu các thành viên Trung ương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, từ đó đến nay, chùa Ấn Quang là trụ sở của Văn phòng Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời cũng là trụ sở của Ban Đại diện Phật giáo quận 10.

Chùa Ấn Quang có truyền thống đấu tranh vì hòa bình, chống xâm lược và chế độ tay sai, đồng thời ủng hộ phong trào đấu tranh của sinh viên ở Sài Gòn:

Dưới thời chính quyền Ngô Đình Diệm, để ủng hộ phong trào đấu tranh của Phật giáo ở Huế bị chính quyền phong tỏa chùa và bắt bớ tăng ni, Phật tử yêu nước, chùa Ấn Quang đã tổ chức cầu siêu, trưng bày hình ảnh các Phật tử bị sát hại tại Huế, đòi nhà cầm quyền đáp ứng những nguyện vọng của Phật giáo.

Ngày 24. 10. 1963, Phái đoàn Liên hợp quốc đến Sài Gòn để thị sát tình hình miền Nam. Nhận được thư của hòa thượng Thích Tịnh Khiết tố cáo những tội ác do chính quyền Ngô Đình Diệm gây ra ở nhiều nơi, ngày 28. 10. 1963 đoàn đã đến chùa Ấn Quang để tiếp xúc và đã được giới thiệu những nơi cần đến tìm hiểu, như Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo, một số gia đình Phật tử, học sinh, sinh viên, một số tăng ni bị giam trong các nhà tù. Đặc biệt, ngày 1. 11. 1963, để nắm tình hình cụ thể hơn, phái đoàn đã cử một thành viên của đoàn đến làm việc riêng với hòa thượng Thích Tịnh Khiết. Qua kết quả nắm tình hình của Phái đoàn Liên hợp quốc tại Sài Gòn đã có tác động lớn tới những người có lương tri và yêu chuộng hòa bình thế giới đấu tranh vì hòa bình ở Việt Nam.

Ngày 4. 8. 1970, Ủy ban Phụ nữ đòi quyền sống đã làm lễ ra mắt tại hội trường chùa Ấn Quang, với sự chứng kiến của đông đảo quần chúng. Ủy ban Phụ nữ đòi quyền sống đã đòi đế quốc Mỹ rút khỏi miền Nam, đòi lập chính phủ thực sự đại diện cho nhân dân, đòi quyền sống và phục hồi nhân phẩm cho phụ nữ. Chủ tịch của Ủy ban là luật sư Ngô Bá Thành. Trong quá trình hoạt động, Ủy ban đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo, mít tinh, tuần hành để đòi những quyền lợi thiết thực, đồng thời đòi lập lại hòa bình, chấm dứt chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Phong trào phụ nữ đòi quyền sống ở Sài Gòn đã tác động đến nhiều tỉnh thành phố lớn ở miền Nam, góp phần vào phong trào đấu tranh chính trị chống lại chế độ tay sai và những hành động tàn ác của Mỹ.

Trong hai năm 1969 - 1970 tại Sài Gòn, phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên đã thường xuyên nổ ra để phản đối chế độ nguy quyền Sài Gòn, phản đối Mỹ xâm lược Việt Nam, nhiều sinh viên đã trốn lính. Được sự giúp đỡ của hòa thượng Thích Thiện Hòa, Tổng hội sinh viên học sinh Sài Gòn đã tổ chức cuộc họp mặt giữa đại diện sinh viên Sài Gòn và đại diện sinh viên một số nước tại hội trường chùa Ấn Quang ngày 10. 7. 1970. Trong cuộc họp mặt này Charles Palmer, Chủ tịch Tổng hội sinh viên Mỹ đã bày tỏ sự ủng hộ của sinh viên Mỹ đối với phong trào đấu tranh của sinh viên Sài Gòn. Sinh viên Cao Nguyên Lợi là ủy viên báo chí của Tổng hội sinh viên Sài Gòn thông báo tình hình đấu tranh của sinh viên Sài Gòn chống Mỹ xâm lược và chính quyền tay sai, cảm ơn sự ủng hộ của sinh viên thế giới đối với phong trào đấu tranh của sinh viên Sài Gòn. Một vật kỷ niệm của sinh viên Sài Gòn trao cho sinh viên nước ngoài tham dự là chiếc gậy tâm vòng sơn nửa xanh nửa đỏ, trên có những dòng chữ màu vàng ghi bài thơ của sinh viên Trần Quang Long:

*Con sẽ vót thơ thành chông
Xuyên vào gan lũ giặc
Con sẽ mài thơ thành kiếm sắt
Chặt đầu văn nghệ tay sai.*

Sau cuộc họp này, hàng nghìn sinh viên, học sinh Sài Gòn và cả sinh viên quốc tế đã xuống đường phố Sài Gòn tuần hành, hình tượng chim bồ câu trắng đã được Huỳnh Tấn Mẫn và Charles Palmer giương lên, biểu trưng cho tình hữu nghị vì hòa bình.

Với những đóng góp vào phong trào đấu tranh yêu nước vì hòa bình, thống nhất tổ quốc cùng việc chấn hưng Phật giáo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, chùa Ấn Quang được xếp hạng là di tích lịch sử theo Quyết định số 120/2005/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12. 7. 2005.



XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ CHÙA XÁ LỢI Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Chùa Xá Lợi hiện tọa lạc tại địa chỉ 89 đường Bà Huyện Thanh Quan phường 7, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Chùa được khởi công xây dựng ngày 5. 6. 1956, hoàn thành ngày 2. 5. 1958. Chùa Xá Lợi đã từng là cơ sở của nhiều tổ chức Phật giáo như trụ sở của Ủy ban Liên hiệp Phật giáo Hoa-Việt năm 1959, Văn phòng của Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam năm 1964, trụ sở của Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo chống kỳ thị tôn giáo từ 25. 5. 1963 đến tháng 1. 1964, nơi diễn ra đại hội thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất từ 31. 12. 1963 đến 4. 1. 1964, Viện Cao đẳng Phật học Sài Gòn từ 1964 đến 1966, trụ sở của Văn phòng II Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ 1981 đến 1993.

Trong phong trào chống kỳ thị tôn giáo của Ngô Đình Diệm, cùng với giới Phật giáo toàn miền Nam, giới Phật giáo ở chùa Xá Lợi đã có đóng góp không nhỏ vào việc chống chính sách kỳ thị tôn giáo, đồng thời đấu tranh chống lại chế độ độc tài Ngô Đình Diệm.

Ngày 25. 5. 1963, Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo được thành lập đã cùng với các giáo phái tập hợp tại chùa Xá Lợi để công bố bản tuyên ngôn của Tổng hội Phật giáo Việt Nam ở miền Nam, đòi chính quyền Ngô Đình Diệm

phải chấp nhận nguyện vọng của giới Phật giáo được ghi trong bản tuyên ngôn do Tổng hội Phật giáo trao cho Ngô Đình Diệm, trong đó có năm nguyện vọng là thu hồi lệnh triệt phá cờ Phật giáo, Phật giáo phải được hưởng chế độ đặc biệt như các hội truyền giáo của đạo Thiên chúa, chấm dứt việc bắt bớ khủng bố tín đồ Phật giáo, tăng ni Phật tử được tự do truyền đạo và hành đạo, chính phủ phải đền bồi cho những người bị chết trong cuộc xô xát giới Phật giáo ở Huế.

Ngày 30. 5. 1963, Phật tử ở Sài Gòn và các tỉnh tổ chức biểu tình tuyệt thực yêu cầu chính quyền thực hiện năm nguyện vọng của Phật giáo, trong đó tại chùa Xá Lợi và Ấn Quang có hàng trăm tăng ni tham gia tuyệt thực. Chính quyền Ngô Đình Diệm đã đưa công an và mật vụ bao vây chùa Xá Lợi để cô lập và khủng bố tinh thần tăng ni. Ngày 11. 6. 1963, Hòa thượng Thích Quảng Đức đã tự thiêu để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm, sau đó được đưa về quán tại chùa Xá Lợi, trụ sở Hội Phật học Nam Việt. Chính quyền Ngô Đình Diệm đã phong tỏa các chùa, chùa Xá Lợi bị bao vây chặt chẽ, nhưng hàng nghìn người vẫn đến để viếng hòa thượng Thích Quảng Đức. Đứng trước cuộc đấu tranh mạnh mẽ của Phật tử, chính quyền Diệm đã ký với Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo thông cáo chung cam kết thực hiện các yêu cầu của Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo, nhưng sau đó chính quyền Diệm không thực hiện, do đó đến ngày 15. 7. 1963 chư tăng chùa Xá Lợi và lãnh đạo của phong trào Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo đã đấu tranh bằng cách tuyệt thực. Sáng 17. 7. 1963, hàng trăm tăng ni tập hợp tại chùa Xá Lợi và điều hành đòi chính quyền Diệm thi hành bản thông cáo chung, đoàn diễu hành bị cảnh sát đàn áp, nhiều người bị bắt giữ, mãi đến ngày 20. 7. 1963 chúng mới chịu thả những người bị bắt giữ.

Tiếp tục phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm, hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo, ngày 18. 8. 1963, hơn 30.000 người đã tập trung quanh khu vực chùa Xá Lợi tham dự cuộc tuyệt thực. Ngày 21. 8. 1963, chính quyền Ngô Đình Diệm ra lệnh tấn công các chùa được coi là căn cứ của cuộc đấu tranh. Tại chùa Xá Lợi, lực lượng đặc biệt của Diệm đập tung cửa xông vào ném lựu đạn cay, những người chống cự bị chúng đánh đập, hơn 200 tăng ni và lãnh đạo Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo bị cảnh sát bắt, có người bị giết vì cho rằng đó là "Việt cộng trá hình", các tăng ni bị bắt bị cho là "làm loạn".

Việc đàn áp Phật giáo đã gây ra một làn sóng phản nộ của mọi tầng lớp xã hội, nhiều cuộc biểu tình của học sinh, sinh viên và phụ nữ nổ ra ở nhiều nơi, đặc biệt là vụ tự thiêu đòi tự do tín ngưỡng của Phật giáo của hòa thượng Thích Quảng Hùng ở chợ Bến Thành đã gây tiếng vang trên thế giới, Liên Hiệp Quốc đã phải can thiệp, cử người đến điều tra hành động của chính quyền và tình trạng Phật giáo ở miền Nam, đặc biệt là ở Sài Gòn.

Cùng với các hoạt động đấu tranh yêu nước khác chống lại chế độ độc tài Ngô Đình Diệm diễn ra trên toàn miền Nam, phong trào Phật giáo đấu tranh vì bình đẳng tôn giáo ở Sài Gòn, mà nổi bật là vai trò tập hợp của chùa Xá Lợi đã góp phần làm chế độ độc tài Ngô Đình Diệm nhanh chóng sụp đổ bởi cuộc đảo chính vào tháng 11. 1963, mà nhiều người gọi đây là cuộc thay ngựa giữa dòng trong mưu đồ của đế quốc Mỹ để xác lập chính quyền tay sai mới của chúng.

Chùa Xá Lợi, nơi diễn ra cuộc đấu tranh chống lại chế độ độc tài Ngô Đình Diệm được xếp hạng là di tích lịch sử theo Quyết định số 116/2005/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12. 7. 2005.



040

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ CHÙA LONG THANH Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Chùa Long Thạnh hiện nay tọa lạc ở số 1756, khu phố 1, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đặt nền cho việc xây dựng chùa là hòa thượng Trí Tân, húy là Tổ Đạt năm 1740 đã xây dựng một ngôi chùa nhỏ mang tên Long Thạnh tự. Qua quá trình tồn tại hơn 265 năm, chùa có diện mạo như hiện nay và đã qua chín đời Hòa thượng trụ trì. Từ 1878 đến 1915, chùa Long Thạnh là trung tâm hoằng pháp, đào tạo ra những cao tăng nổi tiếng của Phật giáo Nam Kỳ như: Tổ Long Quang Đạt Thanh (nguyên Pháp chủ Giáo hội Tăng già Nam Việt), hòa thượng Như Trí (Lê Khánh Hòa), Tổ Từ Phương chùa Giác Hải, hòa thượng Từ Vân chùa Hội Khánh Bình Dương, hòa thượng Như Bằng chùa Từ Ân... Hòa thượng Thích Bửu Ý trụ trì chùa Long Thạnh từ 1944 đến 1996 là người đã cống hiến cả cuộc đời cho đạo pháp và dân tộc. Chùa Long Thạnh hiện còn lưu giữ hai bảo vật là tượng Phật bằng đồng nặng 1.600 kg có từ thời hòa thượng Trí Tâm (1740 - 1779) và chuông đồng (Đại hồng chung) đúc năm 1779 nặng 165 kg.

Trải qua nhiều thăng trầm và biến cố, nhất là thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, các hòa

thượng trụ trì chùa Long Thạnh đã cống hiến công sức vào sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc.

Trong cuộc khởi nghĩa Mười tám thôn Vườn Trầu năm 1885, hòa thượng Hoan Hỷ đã tham gia và được giao nhiệm vụ lo về lương thực cho lực lượng khởi nghĩa, sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại hòa thượng Huệ Tâm bị bắt đày ra Côn Đảo. Sang đầu thế kỷ XX khi tổ chức Thiên Địa hội phát triển, nhiều hòa thượng chùa Long Thạnh đã tham gia tổ chức này, chùa cũng trở thành địa điểm hội họp. Hòa thượng Quảng Chơn trụ trì chùa Long Thạnh là thành viên trong lãnh đạo của tổ chức Thiên Địa hội ở vùng này cũng từng bị Pháp bắt bớ tra khảo nhưng không buộc tội được nên phải thả, ra tù hòa thượng lại tiếp tục tuyên truyền lòng yêu nước thương nòi cho tăng ni Phật tử.

Từ 1944 đến 1996, hòa thượng Thích Bửu Ý làm trụ trì chùa Long Thạnh, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc. Khi Cách mạng Tháng Tám nổ ra, hòa thượng Bửu Ý đã cùng nhiều tăng ni Phật tử tham gia lực lượng diễu hành ủng hộ Việt Minh ở Sài Gòn ngày 25. 8. 1945, sau đó tham gia Mặt trận Việt Minh và là Ủy viên Mặt trận Việt Minh xã Tân Tạo. Từ tháng 10 đến tháng 12. 1945, đã vận động tăng ni Phật tử phục vụ bộ đội tại mặt trận Phú Lâm - Chợ Đệm, chùa Long Thạnh được dùng làm Sở chỉ huy và là nơi tập kết hậu cần của bộ đội Dương Văn Ty, trong gần hai tháng, hòa thượng cùng tăng ni Phật tử đã lo lương thực, nấu cơm phục vụ bộ đội.

Để thực hiện tiêu thổ kháng chiến, chùa Long Thạnh bị phá chỉ để lại phần hậu điện để thờ, chuông chùa đưa vào căn cứ, sau đó quân Pháp phá luôn hậu điện, năm 1946 Pháp bắt hòa thượng Bửu Ý, nhưng vấp phải sự đấu tranh của nhân dân, chúng đã phải trả tự do cho ông. Năm 1947 hòa thượng Bửu Ý là Ủy viên Ban Chấp hành Phật giáo

cứu quốc Nam Bộ, phụ trách phong trào Phật giáo Sài Gòn - Gia Định. Từ 1948 đến 1950 chùa được xây dựng lại đơn sơ để làm địa điểm liên lạc, hội họp của tổ công tác thuộc Mặt trận Liên Việt xã Tân Tạo. Tháng 8. 1950 ông lại bị quân Pháp bắt, bị tra hỏi đánh đập, nhưng chúng vẫn không khai thác được gì đáng phải thả ra. Năm 1955 hòa thượng Bửu Ý là cán bộ của Ban Trí vận Đặc khu Sài Gòn - Gia Định, từ 1954 đến 1960, đồng thời chùa cũng trở thành cơ sở liên lạc của Ban Trí vận Đặc khu Sài Gòn do Hòa thượng Thích Minh Nguyệt phụ trách.

Từ 1965 đến 1975, chùa Long Thạnh là cơ sở hoạt động của chi bộ Trung tâm lãnh đạo phong trào Phật giáo do Lê Quốc Sử làm Bí thư, ngoài ra còn có các đồng chí Nguyễn Văn Cúc, Cao Hoàng Tân, Nguyễn Minh Phát. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, chùa Long Thạnh là địa điểm ém quân của bộ đội chủ lực tiến đánh địch hướng trục lộ 10, Phú Lâm để mở đường tiến vào Sài Gòn, hoạt động của nhà chùa trong dịp này đã cung cấp lương thực, cứu chữa thương binh và phục vụ công tác tử sĩ, sau đó cùng nhân dân chăm lo xây dựng chính quyền.

Sau ngày giải phóng, hòa thượng Thích Bửu Ý vẫn tích cực tham gia các hoạt động. Lần lượt làm Phó Chủ tịch Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước Thành phố và Ủy viên Mặt trận Tổ quốc Thành phố từ tháng 6. 1975, đến 1980 là Phó Ban vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam kiêm Phó ban soạn thảo Hiến chương, đến Đại hội Phật giáo tháng 11. 1981 được bầu là thành viên Hội đồng Chứng minh và Phó Chủ tịch hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam liên tiếp ba nhiệm kỳ, năm 1982 là Phó Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh... Với những đóng góp ấy, hòa thượng đã được Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Thành phố và tổ chức

Châu Á vì hòa bình tặng huy chương kháng chiến, nhiều bằng khen và giấy khen.

Với những đóng góp của tăng ni Phật tử chùa Long Thạnh trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, chùa Long Thạnh đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xếp hạng là di tích lịch sử ngày 12 tháng 10 năm 2005 theo Quyết định số 182/2005/QĐ-UB.



041

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ DINH ĐỘC LẬP.

Di tích dinh Độc Lập nay thuộc địa chỉ 135 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Với khuôn viên rộng 12 ha, kiến trúc đầu tiên được xây dựng trên nền đất thuộc khuôn viên dinh Thống đốc Nam Kỳ hay còn gọi là dinh Norodom, vì mặt tiền cắt ngang đường Norodom (nay là đường Lê Duẩn). Dinh Thống đốc Nam Kỳ được Lagrandière đặt viên đá đầu tiên để khai trương, công trình xây dựng vào ngày 23. 02. 1863, đến ngày 25. 9. 1869 hoàn thành phần kiến trúc, đến năm 1875 phân trang trí kiến trúc hoàn thành, công trình mới hoàn chỉnh.

Năm 1955, dinh được bàn giao cho chính quyền Ngô Đình Diệm. Năm 1962, dinh bị ném bom làm hư hỏng nặng, Ngô Đình Diệm quyết định cho xây mới lại toàn bộ, đặt tên cho công trình là dinh Độc Lập, bản vẽ thiết kế do kiến trúc sư Ngô Viết Thụ thực hiện. Đến cuối 1963, Ngô Đình Diệm bị lật đổ, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu lên thay và tiếp tục xây dựng. Năm 1966, công trình xây dựng được hoàn thành.

Dinh Độc Lập có 4 tầng, tầng thượng có sân đáp máy bay lên thẳng, với 95 phòng, mỗi phòng có cấu trúc và trang trí khác nhau, tùy theo công năng sử dụng, tầng hầm

là hệ thống điện đài. Dinh Độc Lập trở thành thủ phủ của chính quyền Sài Gòn trong suốt quá trình đế quốc Mỹ tiến hành xâm lược Việt Nam.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968, cùng nhiều địa điểm khác ở Sài Gòn như Đại sứ quán Mỹ, Đài phát thanh, Bộ Tổng tham mưu nguy... dinh Độc Lập cũng bị các chiến sĩ Biệt động Thành phố Sài Gòn tiến đánh, gây cho chính quyền Nguyễn Văn Thiệu sự bất ngờ, choáng váng và hoang mang.

Ngày 8. 4. 1975, nhân dịp quân đội Thiệu cử phi đội đi ném bom, Nguyễn Thành Trung lái chiếc máy bay F-5E của Mỹ trang bị cho chính quyền Sài Gòn đã tìm cách quay lại ném bom rồi bay ra vùng giải phóng. Cùng với sự thất bại của quân đội Thiệu đang diễn ra ở nhiều nơi, sự kiện này đã khiến Nguyễn Văn Thiệu hoang mang cực độ, để rồi khi phòng tuyến phòng thủ từ xa là Phan Rang và Xuân Lộc bị đánh tan, ngày 21. 4. 1975 Nguyễn Văn Thiệu đã từ chức và giao lại chính quyền cho Trần Văn Hương, rồi khỏi dinh Độc Lập và trốn chạy ra nước ngoài. Ông Hương làm tổng thống được một tuần lại giao cho Dương Văn Minh.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, dinh Độc Lập là một trong những mục tiêu trọng điểm. Quân đoàn 2 thuộc mũi tiến công hướng đông và đông nam được giao tiến đánh dinh Độc Lập, trong đó có lữ đoàn xe tăng 203, sư đoàn 304, được lệnh tiến thẳng vào dinh. Xe tăng T54 mang số 843 do trung úy đại đội trưởng đại đội 4 Bùi Quang Thận là trưởng xe đã cho xe húc nghiêng cánh cổng phụ, xe tăng T59 mang số 390 do trung úy Vũ Đăng Toàn chính trị viên đại đội 4 là trưởng xe đã cho húc bật cánh cổng chính rồi tiến thẳng vào dinh. Bùi Quang Thận nhảy khỏi xe chạy lên sân thượng hạ cờ vàng ba sọc đỏ của chế độ Sài Gòn, kéo cờ giải phóng lên. Lúc 10 giờ 30 phút tại dinh Độc

Lập đã diễn ra sự kiện toàn bộ Nội các của chính quyền Sài Gòn đầu hàng và đến đúng 11 giờ 30 phút, chính phủ Dương Văn Minh đã phải tuyên bố đầu hàng tại Đài phát thanh Sài Gòn.

Dinh Độc Lập đã thành tiêu điểm đánh dấu sự chiến thắng toàn vẹn của quân và dân ta trong suốt cuộc kháng chiến hơn hai mươi năm chống sự can thiệp và xâm lược của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai của chúng, giành lại hòa bình, độc lập, thống nhất tổ quốc.

Tháng 12. 1975, tại nơi đây đã diễn ra Hội nghị Hiệp thương thống nhất đất nước và phòng họp tại dinh Độc Lập được gọi với tên là Hội trường Thống Nhất (có ý kiến cho rằng dinh Độc Lập được đổi tên là Hội trường Thống Nhất).

Dinh Độc Lập đã được đặc cách công nhận là di tích lịch sử quốc gia theo Quyết định số 77A/VH-QĐ ngày 25. 6. 1976 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin. Di tích dinh Độc Lập đã thu hút đông đảo khách tham quan trong nước và quốc tế, hiện nay Ban Giám đốc ở đây đang tiếp tục chỉ đạo việc nghiên cứu sưu tầm hiện vật liên quan đến di tích nhằm tạo điều kiện phát huy giá trị của di tích tốt nhất, đồng thời đang chuẩn bị đề nghị nâng di tích thành di tích quốc gia đặc biệt quan trọng.



042

XIN CHO BIẾT VỀ MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM TIÊU BIỂU ĐÃ ĐƯỢC THÀNH PHỐ DỰNG BIA GHI SỰ KIỆN LỊCH SỬ TRONG THỜI GIAN CHỐNG PHÁP.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định ngót một trăm năm đã ghi dấu biết bao sự kiện lịch sử, trước hết là những tội ác của thực dân Pháp với nhân dân, những người yêu nước và nhiều nhà cách mạng Việt Nam. Đồng thời đây còn là nơi diễn ra nhiều sự kiện tiêu biểu về lòng yêu nước và tinh thần chiến đấu dũng cảm của quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định trong kháng chiến chống Pháp, đặc biệt là những nơi ghi dấu sự kiện - đánh dấu sự thành công của quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định trong cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân hồi Cách mạng Tháng Tám 1945:

Về những nơi đã được dựng bia lịch sử ghi dấu tội ác của thực dân Pháp, trước tiên phải kể đến bia lịch sử dựng tại nơi từng là Khám Lớn Sài Gòn do thực dân Pháp xây dựng năm 1866, là trại giam do Pháp xây dựng khá sớm ở Sài Gòn, địa điểm nay là Thư viện Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, nơi đây thực dân Pháp đã giam cầm nhiều người yêu nước và các chiến sĩ cách mạng Việt Nam. Do vậy Khám Lớn Sài Gòn đã trở thành mục tiêu của nhiều cuộc khởi nghĩa của quân dân Sài Gòn - Gia Định để giải

thoát những người yêu nước, chiến sĩ cách mạng khỏi chốn này. Bia do Sở Văn hóa và Thông tin dựng năm 2000.

Bót Catinat do thực dân Pháp xây dựng để làm Sở Mật thám của Pháp, nơi đây chúng đã tra tấn những người bị mật thám Pháp bắt để tra hỏi, trước khi đưa về các trại giam. Trong thời gian chúng tra tấn để khai thác, chúng đã nhốt những người bị chúng bắt trong những căn hầm ở đây. Bia ghi sự kiện lịch sử này được Sở Văn hóa và Thông tin Thành phố dựng năm 1999 tại số 164 đường Đồng Khởi, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bia tưởng niệm nơi đồng chí Trần Phú hy sinh (Bệnh viện Chợ Quán) nay là Bệnh viện Nhiệt Đới số 199 đường Bến Hàm Tử, phường 1, quận 5 và bia dựng tại công viên Lê Thị Riêng, quận 10 - nơi đồng chí Trần Phú bị chúng đem chôn giấu tại đây.

Bia sự kiện Nam Kỳ khởi nghĩa dựng tại khuôn viên Bệnh viện Đa khoa Hóc Môn thuộc đường Bà Triệu khu phố 1, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn - nơi đây ngày 28. 8. 1941, bọn thực dân Pháp đã xử bắn đồng chí Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Hữu Tiến (Hải Đông).

Bia tại ấp Bến Đò, xã Tân Phú, huyện Củ Chi - nơi đây ngày 26. 11. 1940 thực dân Pháp đã cho lính đến bao vây và càn quét giết hại nhiều người dân vô tội ở khu vực ấp Bến Đò.

Bia dựng tại ấp 3 xã Bình Hưng Hòa, huyện Bình Chánh - nơi đây đã diễn ra cuộc thảm sát ngày 25. 7. 1946, thực dân Pháp đã giết hại 26 nông dân vì không chịu khai báo nơi đóng quân của Việt Minh.

Nhà bia tưởng niệm nơi xảy ra sự kiện thực dân Pháp thảm sát 24 người vô tội. Vào tháng 6. 1947, chúng đã bắt những người bị giam ở "Bót Dây Thép" và dùng dây kẽm

gai xỏ tay họ dẫn về đây để bắn và đã giết hại toàn bộ 24 người, địa điểm hiện nay là khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú, quận 9.

Trước tình hình thua trận ở nhiều nơi, quân Pháp đã lường đến việc thất bại, tiến tới chấm dứt chiến tranh, trao đổi tù binh, từ 1952, quân Pháp đã cho xây dựng trại giam ở Hạnh Thông Tây - Gò Vấp để giam các chiến sĩ ta. Nơi đây, bia lịch sử đã được dựng để ghi dấu tội ác của quân Pháp.

Bia tưởng niệm sự kiện ngày 10. 7. 1954 tại khu vực nay là ấp Bàu Sim, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, thực dân Pháp đã đàn áp dã man và giết chết 53 đồng bào, đồng chí trong cuộc biểu tình đòi bọn Mỹ can thiệp và chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện Hiệp định Genève lập lại hòa bình, độc lập cho dân tộc Việt Nam và thống nhất Tổ quốc.

Suốt quá trình kháng chiến chống thực dân Pháp ở Sài Gòn, nhiều sự kiện lịch sử trên địa bàn Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay đã được dựng bia lịch sử:

Bia ghi sự kiện lịch sử đêm 22 rạng ngày 23. 11. 1940, quân dân Hóc Môn đã đánh chiếm Dinh Quận Hóc Môn trong khởi nghĩa Nam Kỳ. Bia được dựng trong khuôn viên trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn số 1 đường Lý Nam Đế, khu phố 5, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bia ghi sự kiện ngày 20. 8. 1945 tại rạp Nguyễn Văn Hào (nay là rạp Công Nhân) số 30 đường Trần Hưng Đạo, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Mặt trận Việt Minh công khai ra mắt quần chúng để lãnh đạo nhân dân chuẩn bị tiến hành Cách mạng Tháng Tám ở Sài Gòn và Nam Bộ.

Bia tại công viên trước trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1), bia ghi sự kiện ngày 25. 8. 1945 đông đảo đồng bào Thành phố Sài Gòn và các tỉnh lân cận đã tập trung về đây để mít tinh mừng Cách mạng Tháng Tám thành công ở Nam Bộ và Ủy ban hành chánh lâm thời Nam Bộ ra mắt nhân dân.

Bia tại Công viên 30 tháng 4 gần ngã ba đường Phạm Ngọc Thạch và đường Lê Duẩn, nơi đây ngày 25. 8. 1945 Lâm ủy hành chánh kháng chiến Nam Bộ và Xứ ủy Nam Kỳ ra mắt trước hàng triệu đồng bào Sài Gòn và các tỉnh lân cận mít tinh hưởng ứng ủng hộ Việt Minh. Cũng tại nơi đây ngày 02. 9. 1945, hơn nửa triệu người cũng đã tập trung về đây để nghe lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập qua đài phát thanh.

Bia tưởng niệm chiến công ở Mặt trận cầu Thị Nghè, bia dựng ở dạp cầu Thị Nghè, phía quận Bình Thạnh, nơi đây ngày 23. 9. 1945 quân dân ở Mặt trận cầu Thị Nghè, chỉ với vũ khí thô sơ, nhưng đã chặn đứng quân Pháp gần một tháng, không cho chúng từ nội thành Sài Gòn bung ra ngoại thành.

Bia dựng tại Công viên Dạp Nam phường 3, quận 8 hiện nay, bia ghi chiến công nơi quân dân hộ 17 và hộ 18, ngày 23. 9. 1945 đã đánh chiếm kho súng của Nhật để dùng trong thời kỳ Nam Bộ kháng chiến.

Bia tại ấp 4 xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh ghi chiến công của Bộ đội An Điền vào ngày 26. 6. 1946 đã kiên cường chống lại trận càn của Pháp, có 42 người đã hy sinh trong trận chống càn này.

Bia và tượng đài tại ấp 1 xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh ghi lại chiến công và tinh thần chiến đấu dũng cảm

của các chiến sĩ Vệ Quốc đoàn tại khu vực Láng Le - Bàu Cò ngày 15. 4. 1948.

Nhằm ghi nhận sự kiện trong chiến đấu của quân dân miền Nam, các phóng viên của ta luôn bám sát chiến trường để ghi lại hình ảnh ở chiến trường, bia kỷ niệm sự kiện vào cuối năm 1947, tại trụ sở Liên lạc ngành Điện ảnh tại Sài Gòn đã chuẩn bị và tiếp tế vật tư điện ảnh cho Tổ nhiếp ảnh Quân khu 8 ở chiến khu Đồng Tháp, địa điểm diễn ra sự kiện đã được dựng bia, địa chỉ hiện nay là số 55B Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1 (Cung Văn hóa Thành phố).

Từ 1950, phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp và chính quyền tay sai bóc lột công nhân và nhân dân lao động ở Sài Gòn phát triển mạnh, nhiều cuộc biểu tình đã nổ ra ở Sài Gòn, tiêu biểu là sự kiện ngày 23. 3. 1951, trên 400 công nhân các hãng dầu ở Nhà Bè biểu tình tại cổng hãng Socony (nay là khu A kho xăng dầu Nhà Bè), công nhân đấu tranh đòi không được đánh đập công nhân, tăng lương, giảm giờ làm việc.

Trên đây là một số bia ghi dấu nơi diễn ra sự kiện lịch sử trong thời kỳ đấu tranh của nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định chống thực dân Pháp xâm lược và tay sai, nhằm để thế hệ hôm nay và mai sau ghi nhớ về những sự kiện này.



043

XIN CHO BIẾT VỀ MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM TIÊU BIỂU ĐÃ ĐƯỢC THÀNH PHỐ DỰNG BIA GHI SỰ KIỆN LỊCH SỬ TRONG THỜI GIAN CHỐNG MỸ.

Trước nguy cơ thất bại của thực dân Pháp ở Việt Nam, đế quốc Mỹ đã có âm mưu và kế hoạch thay chân Pháp để xâm lược Việt Nam và dựng lên chính quyền tay sai ở miền Nam để cai trị. Hơn hai mươi năm tiến hành xâm lược, đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai đã gây ra nhiều tội ác đối với nhân dân miền Nam, nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định. Quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã cùng quân dân miền Nam và đồng bào cả nước kiên cường chiến đấu vì độc lập dân tộc, thống nhất tổ quốc. Nhiều sự kiện lịch sử diễn ra ở vùng Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã được Đảng, chính quyền và nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh dựng bia lịch sử để lưu lại một số sự kiện lịch sử tiêu biểu đã diễn ra ở Thành phố này:

Bia ghi sự kiện lúc 6 giờ 30 phút ngày 19. 3. 1950, đồng bào đồng bào, học sinh, trí thức Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã họp mít tinh để phản đối đế quốc Mỹ can thiệp vào Đông Dương tại trường Tôn Thọ Tường (nay là trường Thalmann). Ngày 19. 3. 1950 đã được chọn là ngày toàn quốc chống Mỹ. Bia lưu niệm sự kiện lịch sử này đã được dựng trước cửa trường Thalmann, địa chỉ số 8 đường Trần Hưng Đạo, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1.

Bia tại số 29 Huỳnh Khương Ninh, phường Đa Kao, quận 1, ghi lại sự kiện lịch sử vào tháng 7. 1956, nơi đây đồng chí Lê Duẩn - Bí thư Xứ ủy Nam Bộ đã soạn thảo bản đề cương "Đường lối cách mạng miền Nam".

Bia dựng tại tổ 5, ấp An Bình, xã Trung An, huyện Củ Chi, ghi dấu sự kiện vào tháng 5. 1961, Khu ủy Sài Gòn đã họp và quyết định hợp nhất Gò Vấp và Hóc Môn thành quận Gò Môn để tăng cường sự thống nhất về sức mạnh trong lãnh đạo và chỉ đạo kháng chiến. Cũng tại xã Trung An, ngày 12. 11. 1964 quân địch đã tiến hành càn quét nơi đây, trung đội Gò Môn đã kiên cường chiến đấu, 22 đồng chí đã anh dũng hy sinh, nhiều đồng bào đã bị chúng giết hại.

Bia kỷ niệm trận đánh Nhà máy xe lửa Chí Hòa được dựng tại Xí nghiệp Đoạn đầu máy xe lửa Chí Hòa, phường 11, quận 3, kỷ niệm trận đánh ngày 27. 4. 1967 của Biệt động Sài Gòn vào Nhà máy xe lửa Chí Hòa nhằm phá hủy phương tiện chuyên chở quân lính và vũ khí từ Sài Gòn ra miền Trung, kết quả phá hủy 10 đầu máy xe lửa và một số vật dụng khác.

Trong kháng chiến chống Mỹ, thanh niên Sài Gòn luôn sôi sục đấu tranh, tại địa điểm nay là Nhà Văn hóa Thanh Niên số 4 Phạm Ngọc Thạch, phường Bến Thành, quận 1, đã từng là trung tâm đấu tranh công khai của thanh niên Sài Gòn - Gia Định trong cuộc đấu tranh chống Mỹ xâm lược và chính quyền tay sai, bia kỷ niệm phong trào đấu tranh của Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh đã được dựng tại đây.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu thân 1968, quân dân Sài Gòn và toàn miền Nam đã đồng loạt tiến đánh các cơ quan trọng yếu của địch, Sài Gòn bị rung động, nhiều địa điểm đã diễn ra cuộc chiến đấu quyết liệt của quân dân Sài Gòn - Gia Định và đã được dựng bia sự kiện:

Để tưởng nhớ các chiến sĩ Biệt động Sài Gòn đã hy sinh trong trận tấn công vào Đại sứ quán Mỹ và Đài phát thanh Sài Gòn ngày 31. 1. 1968, bia tưởng niệm sự kiện đã được dựng tại trước tòa Đại sứ quán Mỹ (nay là Lãnh sự quán Mỹ) số 4 đường Lê Duẩn, quận 1 và bia dựng tại khuôn viên trụ sở Đài Tiếng nói Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - số 3 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1.

Phong trào nổi dậy của quần chúng trong dịp tết Mậu thân diễn ra ở nhiều nơi, trong đó phải kể đến sự kiện ngày 05. 5. 1968, nhân dân ở khu vực Cầu Kho và khu vực đường Cô Giang (nay là phường Cầu Kho và phường Cô Giang, quận 1) được lực lượng võ trang "Quận 2" phát động đã nổi dậy, quân địch bỏ chạy và làm chủ địa bàn trong nhiều giờ, bốn chiến sĩ lực lượng võ trang tuyên truyền quận 2 đã hy sinh ở đây, để lưu niệm sự kiện này, hai bia lịch sử đã được dựng, một ở trường Chương Dương phường Cầu Kho, một ở hẻm 83 đường Đề Thám, phường Cô Giang, quận 1.

Mùng 4 tết Mậu thân 1968, lực lượng vũ trang liên quận 2-4 đã chiến đấu chống càn tại khu vực cư xá Tôn Thất Thuyết, nay thuộc phường 3, quận 4, đã đập tan nhiều cuộc phản kích của Mỹ ngụy, bốn chiến sĩ của ta đã anh dũng hy sinh, bia tưởng niệm sự kiện lịch sử đã được dựng tại nơi đã diễn ra sự kiện này.

Rạng sáng ngày 5. 5. 1968, ban Hoa Vện T4 đã cùng nhân dân quận 5, tiến đánh Tòa Hành chánh quận 5 và làm chủ cơ quan này hơn 1 giờ, tạo được tiếng vang cùng quần dân Thành phố trong cuộc Tổng tiến công tết Mậu thân năm 1968. Bia ghi sự kiện lịch sử này đã được dựng ở phía trước (bên phải) Ủy ban nhân dân quận 5 hiện nay.

Trong cuộc Tổng tiến công tết Mậu thân 1968, Nguyễn Minh Hoàng và 11 chiến sĩ (nay vẫn chưa xác định được

tên tuổi) đã anh dũng hy sinh trong cuộc chiến đấu để bảo vệ các đồng chí lãnh đạo của Thành ủy Sài Gòn - Gia Định. Bia tưởng niệm này được dựng tại vị trí ngã ba Lê Đại Hành - Tân Phước, cạnh hẻm 74 trước nhà 74/2 và 74/6A Lê Đại Hành, phường 7 quận 11.

Tại khu vực quận 10 hiện nay, trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu thân 1968, nơi đây đã diễn ra những trận chiến đấu ác liệt giữa quân giải phóng với Mỹ ngụy tại ngã ba Vườn Lài, nay tại vị trí gần ngã ba đường Ngô Gia Tự, Vĩnh Viễn, Sư Vạn Hạnh thuộc phường 2 quận 10, bia ghi sự kiện trận đánh đã được dựng tại đây.

Khu vực thuộc đường Lò Siêu và đường 3 tháng 2 quận 11 hiện nay, năm 1968 Mỹ ngụy đã điên cuồng dùng bom đạn hủy diệt nhà cửa của nhân dân ở khu vực này, làm hàng trăm người bị chết, để khắc sâu tội ác này, bia tưởng niệm những người đã chết do Mỹ ngụy gây ra đã được dựng ở đây.

Với tinh thần quyết tâm chiến đấu, vào cuối đợt II của cuộc Tổng tiến công năm 1968, trên địa bàn thuộc khu vực phường 20, quận Tân Bình hiện nay vào ngày 31. 7. 1968 bộ đội và du kích địa phương đã kiên cường, dũng cảm đánh địch suốt 7 ngày đêm, gây cho địch nhiều thiệt hại. Trong trận đánh này, 40 du kích đã anh dũng hy sinh, bia tưởng niệm các chiến sĩ anh dũng hy sinh đã được dựng tại địa điểm thuộc tổ 44, phường 20, quận Tân Bình hiện nay.

Những địa điểm nơi diễn ra các sự kiện lịch sử trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968 của quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, đã được xếp hạng là di tích lịch sử và nhiều địa điểm đã được dựng bia ghi dấu sự kiện. Những bia lịch sử được nêu ở đây chưa phải là tất cả, còn nhiều bia khác được Ủy ban nhân dân các quận, huyện dựng chưa được kể ở đây, điều đó thể hiện

tinh thần quyết tâm chiến đấu của quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định cùng quân dân cả nước vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, vì hòa bình, thống nhất tổ quốc. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân dân toàn miền Nam đã buộc Mỹ ngụy phải đàm phán tại hội nghị Paris, khai mạc vào ngày 13. 5. 1968, để rồi đến 27. 1. 1973 phải ký Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.



044

NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH YẾU CỦA HOẠT ĐỘNG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA LÀ GÌ?

Hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di tích là hoạt động mang tính khoa học về chuyên môn và quản lý đối với di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị di tích có mối liên hệ hữu cơ với nhau, vừa là tiền đề vừa là điều kiện của nhau:

Về hoạt động bảo tồn di tích: Để có cơ sở xác định bước đầu giúp cho việc lập quy hoạch, di tích cần được nghiên cứu thông qua các khâu nghiệp vụ, tiếp theo tiến tới lập hồ sơ xếp hạng di tích nếu xét thấy hội đủ tiêu chí. Mỗi địa phương hay Thành phố đều cần có bước điều tra tổng thể những công trình, địa điểm có dấu hiệu là di tích lịch sử - văn hóa, trên cơ sở nghiên cứu bước đầu để phân loại và lập danh sách, sau đó từng bước có kế hoạch lập hồ sơ xếp hạng di tích.

Hồ sơ xếp hạng di tích bao gồm: đơn đề nghị xếp hạng của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý di tích, lý lịch khoa học về di tích, bản đồ vị trí và bản đồ chỉ dẫn đường đi đến di tích, bản vẽ mặt bằng tổng thể, các mặt cắt ngang, cắt dọc, bản vẽ những kết cấu và chi tiết kiến trúc tiêu biểu của di tích tỷ lệ 1/50 (đối với di tích kiến trúc nghệ thuật), tập ảnh màu (nếu có) khảo tả di tích,

di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc di tích (cỡ 9cm x 12cm trở lên), bản dập, dịch văn bia, câu đối, đại tự và các tài liệu Hán Nôm hoặc các tài liệu ngôn ngữ khác về di tích, biên bản và bản đồ khoanh vùng các khu vực bảo vệ di tích có dấu xác nhận của Ủy ban nhân dân các cấp, của Sở Địa chính và Sở Văn hóa và Thông tin, tờ trình về việc xếp hạng di tích theo quy định tại khoản 1 điều 31 của Luật Di sản Văn hóa. Khi một di tích được cấp có thẩm quyền ra quyết định xếp hạng di tích thì di tích đó có đủ cơ sở khoa học và cơ sở pháp lý để bảo tồn.

Khi di tích đã được xếp hạng, để di tích được bảo tồn lâu dài và có điều kiện phát huy giá trị thì hoạt động của công tác bảo tồn là thực hiện việc bảo quản, tu bổ, gia cố di tích, những hoạt động này nhằm bảo vệ các di tích lịch sử - văn hóa trước những tác động xấu của môi trường tự nhiên và xã hội, bảo đảm giữ gìn tối đa các yếu tố nguyên gốc và các giá trị chân xác của di tích về các mặt vị trí, cấu trúc, chất liệu, kỹ thuật truyền thống, chức năng nội thất, ngoại thất, cảnh quan liên quan và các yếu tố khác của di tích nhằm bảo vệ và phát huy các giá trị của di tích, bảo đảm hài hòa giữa di tích với môi trường cảnh quan xung quanh. Các hoạt động trên khi thực hiện đều phải tuân theo quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh ban hành kèm theo Quyết định số 05/2003/QĐ-BVHTT ngày 6. 2. 2003 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin.

Về hoạt động phát huy giá trị di tích: Hoạt động bảo tồn di tích nhằm sử dụng để phát huy giá trị của các loại hình di tích lịch sử - văn hóa nói chung. Tuy nhiên, vì loại hình di tích lịch sử ở nước ta nói chung có những nét đặc thù, nhiều di tích đã từng phải trải qua thời gian dài trong quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước, do đó bên cạnh các hoạt động bảo tồn nhằm tạo điều kiện cho việc phát

huy giá trị di tích, việc nghiên cứu sưu tầm tư liệu để trưng bày bổ sung tại di tích có tác dụng và ý nghĩa hết sức đặc biệt. Rất nhiều di tích do tính chất, hoàn cảnh đặc biệt của lịch sử, có những vật chứng không còn và đôi khi có những vật chứng liên quan đến di tích do đã trở thành kỷ vật của nhân chứng lịch sử, do đó cần sưu tầm, hay phục chế lại nhằm dựng lại đầy đủ những yếu tố lịch sử gắn với di tích một cách khách quan, khoa học thông qua việc trưng bày sẽ góp phần đem lại những giá trị chân xác và đầy đủ về di tích.

Di tích lịch sử được phát huy giá trị là chỉ khi có công chúng đến với di tích và chỉ khi họ cảm nhận được giá trị ý nghĩa của di tích ấy, do vậy việc trưng bày tại di tích các hiện vật có tính lịch sử sẽ phát huy giá trị của di tích một cách thiết thực và hiệu quả.



045

XIN CHO BIẾT TIÊU CHÍ ĐỂ XẾP HẠNG DI TÍCH ĐỐI VỚI MỘT DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT.

Tiêu chí xếp hạng di tích đối với một di tích kiến trúc nghệ thuật được quy định tại khoản đ, mục 1, điều 28 Luật Di sản Văn hóa được Quốc hội nước ta thông qua ngày 29. 6. 2001 tại kỳ họp thứ 9, khóa 10 như sau:

"Di tích là quần thể các công trình kiến trúc hoặc công trình kiến trúc đơn lẻ có giá trị tiêu biểu về kiến trúc nghệ thuật của một hoặc nhiều giai đoạn lịch sử".

Luật Di sản Văn hóa đưa ra tiêu chí khái quát chung cho ba cấp di tích kiến trúc nghệ thuật là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh - Thành phố, di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia và di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia đặc biệt. Đối tượng của loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật là quần thể các công trình kiến trúc như kiến trúc cổ đô thị: khu phố, hoặc các công trình kiến trúc đơn lẻ như đình, đền, miếu, từ đường, lăng mộ, hội quán, công sở, nhà ở dân dụng truyền thống và cơ sở tín ngưỡng tôn giáo như chùa chiền, nhà thờ, thánh đường, tu viện. Các đối tượng như đã trình bày ở trên phải có giá trị tiêu biểu về kiến trúc nghệ thuật, phong cách kiến trúc của một giai đoạn lịch sử hay nhiều giai đoạn lịch sử của nước ta được thể hiện và bảo lưu tại quần thể công trình kiến trúc hoặc tại các công trình kiến trúc đơn lẻ cho đến hiện nay.

- Đối với di tích kiến trúc cấp tỉnh, Thành phố, tại khoản b, mục 1 điều 14 của Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11. 11. 2002 có ghi:

"Công trình kiến trúc nghệ thuật, tổng thể kiến trúc đô thị và đô thị có giá trị trong phạm vi địa phương".

Các công trình kiến trúc như đình, đền, miếu, từ đường, lăng mộ, hội quán, công sở, nhà ở dân dụng truyền thống, chùa chiền, nhà thờ, thánh đường, tu viện, có giá trị tiêu biểu về kiến trúc nghệ thuật, phong cách kiến trúc trong phạm vi của một tỉnh, của một Thành phố được Ban quản lý Di tích của Sở Văn hóa và Thông tin tỉnh, Thành phố lập hồ sơ khoa học di tích các công trình đó để Giám đốc Sở Văn hóa và Thông tin trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành phố nhằm xếp hạng đó là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh, cấp Thành phố với mục đích bảo tồn và phát huy giá trị của loại hình di tích đó.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng Xét duyệt công nhận Di tích Lịch sử - văn hóa - Danh lam thắng cảnh Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập vào ngày 4 tháng 4 năm 2003 do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Nguyễn Thành Tài làm Chủ tịch hội đồng. Hội đồng tiến hành xét duyệt hồ sơ di tích cấp Thành phố do Sở Văn hóa và Thông tin thực hiện trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định xếp hạng di tích cấp Thành phố, và xét duyệt hồ sơ di tích cấp quốc gia do Sở Văn hóa và Thông tin lập trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đề nghị Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin ra quyết định xếp hạng di tích cấp quốc gia với mục đích bảo tồn và phát huy giá trị của loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

- Đối với di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia, tại khoản b, mục 2 có ghi "Công trình kiến trúc nghệ thuật,

tổng thể kiến trúc đô thị và đô thị có giá trị tiêu biểu trong các giai đoạn phát triển nghệ thuật kiến trúc của dân tộc".

Các công trình kiến trúc nghệ thuật như đình, đền, miếu, từ đường, lăng mộ, hội quán, chùa chiền, nhà thờ, thánh đường, tu viện, công sở, nhà ở dân dụng truyền thống, tổng thể kiến trúc đô thị và đô thị có giá trị tiêu biểu về kiến trúc nghệ thuật tâm cơ quốc gia và có giá trị tiêu biểu trong các thời kỳ phát triển nghệ thuật kiến trúc, phong cách kiến trúc của dân tộc ta. Kiến trúc kiểu nhà "Tứ trụ", kiểu nhà "Ba gian hai chái" là kiến trúc tiêu biểu và phổ biến trong tín ngưỡng thờ cúng thần thánh, thờ phật, thờ tổ tiên ông bà của cộng đồng người Việt ở Thành phố Hồ Chí Minh. Các công trình kiến trúc nghệ thuật tiêu biểu này được Ban quản lý Di tích và Danh lam thắng cảnh của Sở Văn hóa và Thông tin tỉnh hoặc Thành phố lập hồ sơ khoa học di tích trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành phố đề nghị Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin ra quyết định xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia với mục đích bảo tồn và phát huy giá trị loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

- Đối với di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia đặc biệt, tại khoản b, mục 3, điều 14 có ghi:

"Công trình kiến trúc nghệ thuật hoàn chỉnh, nguyên gốc, tổng thể kiến trúc đô thị và đô thị có giá trị đặc biệt đánh dấu các giai đoạn phát triển của nghệ thuật kiến trúc và kiến trúc nghệ thuật Việt Nam".

Ở cấp di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia đặc biệt, thì giá trị về nghệ thuật, phong cách kiến trúc của các công trình kiến trúc đặc biệt này được nâng lên ở mức cao nhất, hoàn hảo nhất và phải bảo đảm được nguyên vẹn yếu tố nguyên gốc của các công trình kiến trúc đó.



046

**CHO ĐẾN THỜI ĐIỂM HIỆN NAY,
Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÓ BAO NHIÊU
DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT
ĐÃ ĐƯỢC XẾP HẠNG?**

Cho tới tháng 12. 2005, ở Thành phố Hồ Chí Minh đã có 38 di tích được xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật, trong đó có:

* 26 di tích được Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin ra quyết định xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia là:

1. Điện Ngọc Hoàng: số 73 đường Mai Thị Lựu, phường Đa Kao, quận 1, được xếp hạng theo Quyết định số 2754/QĐ-BT ngày 15. 10. 1994.

2. Hội quán Quảng Triệu: số 122 đường Bến Chương Dương, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, được xếp hạng theo Quyết định số 722/QĐ-BVHTT ngày 25. 4. 1998.

3. Hội quán Nghĩa Nhuận: số 27 đường Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, được xếp hạng theo Quyết định số 43-VH/QĐ ngày 7. 1. 1993.

4. Hội quán Tuệ Thành: số 710 đường Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, được xếp hạng theo Quyết định số 43-VH/QĐ ngày 7. 1. 1993.

5. Hội quán Nghĩa An: số 676 đường Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, được xếp hạng theo Quyết định số 43-VH/QĐ ngày 7. 1. 1993.

6. Hội quán Minh Hương Gia Thạnh: số 380 đường Trần Hưng Đạo, phường 11, quận 5, được xếp hạng theo Quyết định số 43-VH/QĐ ngày 7. 1. 1993.

7. Hội quán Nhị Phủ: số 264 đường Hải Thượng Lãn Ông, phường 16, quận 5, được xếp hạng theo Quyết định số 722/QĐ-BVHTT ngày 25. 4. 1998.

8. Hội quán Lệ Châu: số 586 đường Trần Hưng Đạo, phường 14, quận 5, được xếp hạng theo Quyết định số 1811/1998/QĐ-BVHTT ngày 31. 8. 1998.

9. Hội quán Quỳnh Phủ: số 276 đường Trần Hưng Đạo, phường 11, quận 5, được xếp hạng theo Quyết định số 52/2001QĐ-BVHTT ngày 28. 12. 2001.

10. Hội quán Hà Chương: số 802 đường Nguyễn Trãi, phường 14, quận 5, được xếp hạng theo Quyết định số 52/2001QĐ-BVHTT ngày 28. 12. 2001.

11. Hội quán Ôn Lăng: số 12 đường Lão Tử, phường 11, quận 5, được xếp hạng theo Quyết định số 39/2002/QĐ-BVHTT ngày 30. 12. 2002.

12. Chùa Hội Sơn: số 1A1 đường Nguyễn Xiển, phường Long Bình, quận 9, được xếp hạng theo Quyết định số 42/VH/QĐ ngày 7. 1. 1993.

13. Chùa Phước Tường: số 13/32 đường Lã Xuân Oai, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, được xếp hạng theo Quyết định số 43-VH/QĐ ngày 7. 1. 1993.

14. Đình Chí Hòa: số 475 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường 13, quận 10, được xếp hạng theo Quyết định số 1460-VH/QĐ ngày 28. 6. 1996.

15. Chùa Phụng Sơn: số 1408 đường 3 tháng 2, phường 2, quận 11, được xếp hạng theo Quyết định số 1288-VH/QĐ ngày 28. 6. 1988.

16. Chùa Giác Viên: số 161/35/20 đường Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, được xếp hạng theo Quyết định số 43-VH/QĐ ngày 7. 1. 1993.

17. Lăng Lê Văn Duyệt: số 1 đường Vũ Tùng, phường 1, quận Bình Thạnh, được xếp hạng theo Quyết định số 1288-VH/QĐ ngày 16. 11. 1988.

18. Đình Bình Hòa: số 15/17 đường Chu Văn An, phường 12, quận Bình Thạnh, được xếp hạng theo Quyết định số 43-VH/QĐ ngày 7. 1. 1993.

19. Đình Thông Tây Hội: số 107/1 đường Nguyễn Văn Lương, phường 11, quận Gò Vấp, được xếp hạng theo Quyết định số 2009/1998/QĐ-BVHTT ngày 26. 9. 1998.

20. Chùa Sắc tứ Trường Thọ: số 53/524 đường Phan Văn Trị, phường 7, quận Gò Vấp, được xếp hạng theo Quyết định số 06/2000/QĐ-BVHTT ngày 13. 4. 2000.

21. Lăng Võ Di Ngụy: số 19 đường Cô Giang, phường 2, quận Phú Nhuận, được xếp hạng theo Quyết định số 43-VH/QĐ ngày 7. 1. 1993.

22. Đình Phú Nhuận: số 18 đường Mai Văn Ngọc, phường 10, quận Phú Nhuận, được xếp hạng theo Quyết định số 3744-QĐ/VHTT ngày 29. 1. 1997.

23. Lăng Trương Tấn Bửu: số 41 đường Nguyễn Thị Huỳnh, phường 8, quận Phú Nhuận, được xếp hạng theo Quyết định số 101/2004/QĐ-BVHTT ngày 15. 12. 2004.

24. Chùa Giác Lâm: số 118 đường Lạc Long Quân, phường 10, quận Tân Bình, được xếp hạng theo Quyết định số 1288-VH/QĐ ngày 16. 11. 1988.

25. Đình Trường Thọ: tổ 5, khu phố 8, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, được xếp hạng theo Quyết định số 39/2002/QĐ-BVHTT ngày 30. 12. 2002.

26. Đình Xuân Hiệp: phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, được xếp hạng theo Quyết định số 101/2004/QĐ-BVHTT ngày 15. 12. 2004.

* 12 di tích được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố là:

1. Đình Xuân Hòa: số 129 đường Lý Chính Thắng, phường 7, quận 3, được xếp hạng theo Quyết định số 137/2003/QĐ-UB ngày 5. 8. 2003.

2. Nhà cổ dân dụng truyền thống của ông Vương Hồng Sển: số 9/1 đường Nguyễn Thiện Thuật, phường 14, quận Bình Thạnh, được xếp hạng theo Quyết định số 140/2003/QĐ-UB ngày 5. 8. 2003.

3. Đình Tân Thới Nhì: số 2 đường Lý Nam Đế, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, được xếp theo Quyết định số 23/2005/QĐ-UB ngày 1. 2. 2005.

4. Đình Tân Thới Tứ: ấp Tân Thới Tứ, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, được xếp hạng theo Quyết định số 326/2003/QĐ-UB ngày 31. 12. 2003.

5. Đình Linh Tây: khu phố 2, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, được xếp hạng theo Quyết định số 328/2003/QĐ-UB ngày 31. 12. 2003.

6. Đình An Nhơn: số 72/799 đường Lê Đức Thọ, phường 17, quận Gò Vấp, được xếp hạng theo Quyết định số 20/2005/QĐ-UB ngày 1. 2. 2005.

7. Đình Bình Trường: ấp 1, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, được xếp hạng theo Quyết định số 21. 2005/QĐ-UB ngày 1. 2. 2005.

8. Chùa Thiên Phước: số 37/217, khu phố 8, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, được xếp hạng theo Quyết định số 24/2005/QĐ-UB ngày 1. 2. 2005.

9. Đình Vĩnh Hội: số 240 đường Bến Vân Đồn, phường 5, quận 4, được xếp hạng theo Quyết định số 118/2005/QĐ-UBND ngày 12. 7. 2005.

10. Chùa Sắc tứ Huệ Lâm: số 154 đường Tùng Thiện Vương, phường 11, quận 8, được xếp hạng theo Quyết định số 186/2005/QĐ-UBND ngày 12. 10. 2005.

11. Đình Hưng Phú: số 617/19 đường Bến Ba Đình, phường 9, quận 8, được xếp hạng theo Quyết định số 187/2005/QĐ-UBND ngày 12. 10. 2005.

12. Chùa Sắc tứ Tập Phước: 233 đường Phan Văn Trị, phường 11, quận Bình Thạnh, được xếp hạng theo Quyết định số 188/2005/QĐ-UBND ngày 12. 10. 2005.



047

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐIỆN NGỌC HOÀNG Ở QUẬN 1.

Di tích kiến trúc nghệ thuật Điện Ngọc Hoàng tọa lạc ở số 73 đường Mai Thị Lựu, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được Bộ trưởng Bộ Văn hóa ký Quyết định số 2754/QĐ-BT ngày 15. 10. 1994 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Phía trên cửa chính mặt tiền là bức chạm nổi trên đá hàng chữ Hán "Ngọc Hoàng điện. Quang Tự nhị thập lục niên, Canh tý trọng thu cát lập. Lưu Đồng Quang kính thư" (Điện Ngọc Hoàng. Dựng tháng 8 năm Canh tý Quang Tự thứ 26-1900. Lưu Đồng Quang kính viết).

Điện Ngọc Hoàng tọa lạc trong khuôn viên thoáng rộng, có cổ thụ bóng mát. Cổng điện nằm sát lề đường Mai Thị Lựu, giữa sân là miếu Hộ pháp, ao phóng sinh thả cá và ao phóng sinh thả rùa.

Điện Ngọc Hoàng có kiến trúc tổng thể kiểu "Nội công ngoại quốc", ở trong là chữ "công" với các tòa nhà tiền điện, trung điện, chính điện, ở ngoài là bộ "vi" của chữ "quốc" với các tòa nhà đông lang, tây lang. Kiến trúc mái tổng thể gồm nhiều lớp mái lợp ngói âm dương, diềm mái gắn mảnh gốm men xanh hình lá cây, gờ mái lượn cong.

Mặt tiền có ba cửa, khung cửa chính làm bằng ba khối đá xanh to lớn, trên hai trụ cửa bằng đá chạm chìm câu đối của Phùng Lão Tổ nêu rõ mục đích tu hành được nhà nghiên cứu Trương Ngọc Tường đọc và dịch nghĩa là "Tu tích huyền phương, trấn pháp tham thiên địa, Thiện quả chân tâm, chính đạo chấn càn khôn" (Tu tích phương huyền, trấn pháp cùng trời đất, Quả thiện lòng chân, chính đạo động càn khôn). Mặt tiền được trang trí các hình tượng như gồm men xanh lưỡng long tranh châu (cặp rồng tranh châu), phù điêu gốm vẽ đề tài tùng hổ, sen cò, hoa lá quả, đặc biệt bức phù điêu gỗ "Tứ Diệu diện" (Điện Ngọc Hoàng) tả cảnh sinh hoạt ở thiên đình hết sức đẹp.

Tiền điện là tòa nhà được xây dựng bằng vật liệu gỗ, gạch và đá. Hệ thống cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè bằng gỗ, tường gạch, mái lợp ngói âm dương. Ở đây có các án thờ Môn thần và Thổ địa, hai án thờ bằng gỗ được tạo hình, chạm trổ tinh xảo hình tượng rồng mây và các hoành phi, liễn đối với kỹ thuật chạm chìm chữ Hán tinh tế như "Hạo thiên tuần đức" (Trời cao đức lớn) được làm năm 1900 "Nhập kỳ môn tiên phong chu biến, Do thị lộ đế nhật trùng quang" (Vào cửa này gió tiên khắp chốn, Đi đường này sáng rọi muôn nơi).

Trung điện là tòa nhà được xây bằng tường gạch, kèo mái, đòn tay, rui mè bằng gỗ, mái ngói âm dương. Ở đây có án thờ phật Dược sư với pho tượng phật được làm bằng giấy bồi.

Sát vách tường bên phải và bên trái là các án thờ Đại tướng quân Thanh long với pho tượng bằng giấy bồi cao lớn cười rộng, tay cầm hồng ngọc và kiếm. Đại tướng quân Phục hổ với tượng giấy bồi cao lớn cười hổ, tay cầm vòng sắt và kiếm. Ở đây còn có các hoành phi, liễn đối được chạm trổ tinh xảo hình tượng rồng mây, chim hoa, chữ Hán "Minh quang ư thiên" (Trời cao sáng suốt), "Trạch cập đồng

quần" (Ăn trạch đến với mọi người) được làm năm 1904, "Bắc cực cư tôn trắng huy phi, truyền liên tang tử, Tây phương pháp diệu chiêm hồng trạch, phúc ám đông nam" (Bắc cực ngôi cao sáng chói, gọi nhớ cố hương, Tây phương phép phật diệu kỳ, phúc trùm đông nam) làm năm 1904.

Chính điện là tòa nhà được xây bằng tường gạch, kèo mái, đòn tay, rui mè bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương. Ở đây có án thờ Ngọc Hoàng với pho tượng Ngọc Hoàng cao lớn được làm bằng giấy bồi, thếp vàng. Ngọc Hoàng là đấng công minh cai quản thượng giới, trung giới, hạ giới. Hai bên Ngọc Hoàng có các tượng tiên đồng, tiên cô đứng hầu. Phía trước có sáu pho tượng cao lớn bằng giấy bồi là Nam tào, Bắc đẩu, các thiên thần trực nhật. Bên phải và bên trái án thờ Ngọc Hoàng là các án thờ Bắc Đế do Ngọc Hoàng hóa thân và án thờ phật Chuẩn để diệt ác, trừ tà. Ngoài ra còn có các pho tượng bằng giấy bồi như Thái bạch Kim tinh, Tứ trụ Công tào coi về thời gian, Tứ Thiên vương giữ cổng trời, các thần Sấm, Chớp, Gió, Mây, Mưa, Mặt trời, Mặt trăng, các pho tượng thờ ở tư thế diễn tả lúc Ngọc Hoàng ngồi triều, nghe và giải quyết mọi yêu cầu của chúng sinh tâu lên, trước mặt Ngọc Hoàng có tiên, phật, thánh, thần tham dự. Ở đây còn có các liễn đối làm năm 1905 "Khán hóa thế giới tam song nhân, Xạ phá hồng trần thập bát ty" (Nhìn thế giới bằng ba cặp mắt, Giữ hồng trần bằng mười tám tay). "Thái cực chân vô cực, Huyền thiên cánh hữu thiên" (Thái cực là vô cực, Huyền thiên là trời cao), "Ngọc khánh thanh truyền đồng lễ Đẩu, Chiên đàn khí yết cộng triều Sâm" (Khánh ngọc tiếng vang cùng vái lạy, Chiên đàn hơi ngất thấy châu Sâm).

Đông lang và Tây lang là hai tòa nhà được xây dựng bằng tường gạch, các vì kèo, đòn tay, rui mè bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương. Ở Đông lang có các án thờ Kim hoa thánh mẫu coi việc sinh đẻ của chúng sinh. Quan Thế âm

Bồ tát có Thiện tài Đồng tử, Long nữ hầu hai bên. Thập điện Minh vương gồm mười bức phù điêu mô tả cảnh Minh vương xử án. Thành hoàng với pho tượng bằng giấy bồi cao lớn. Hai bên án thờ Thành hoàng là án thờ Thái tuế và án thờ Lỗ Ban, tượng trưng sự sáng tạo của con người. Ở đây còn có các hoành phi, liễn đối với nội dung răn dạy "Thị thị phi phi địa, Minh minh bạch bạch thiên" (Đất sai sai đúng đúng, Trời rõ rõ ràng ràng). "Cái thế anh hùng, nan cứu vô thường nhị tự, Luân hồi phú quý, hữu như xuân mộng nhất trường" (Phú quý luân hồi, cũng giống một hồi xuân mộng, Anh hùng cái thế, khôn hay hai chữ vô thường).

Điện Ngọc Hoàng tổ chức lễ vía Ngọc Hoàng thượng đế hàng năm vào ngày 9 tháng giêng âm lịch với nghi thức lễ truyền thống.

Các pho tượng cao lớn đang thờ cúng tại Điện Ngọc Hoàng được các nghệ nhân người Hoa và người Việt chế tạo vào khoảng những năm đầu của thế kỷ XX. Trước hết các pho tượng được tạo hình khung ban đầu bằng vật liệu tre đan. Những bộ phận chịu lực chính của pho tượng được làm bằng những thanh tre lớn đã xử lý. Dùng sơn quét lên khung tre đan rồi dùng giấy dó (giấy bản) dán bồi lên. Cứ một lớp sơn người ta bồi một lớp giấy, tạo thành các pho tượng phong phú đa dạng về thể loại, tinh tế về kỹ thuật và sinh động về tư thế cũng như trang phục. Hiện nay Điện Ngọc Hoàng còn lưu giữ được 95 cổ vật gắn với di tích gồm liễn đối, hoành phi, bài vị, tượng, án thờ, lư hương, chân đèn bằng các chất liệu gỗ, giấy bồi, đồng.



048

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT HỘI QUÁN QUẢNG TRIỆU Ở QUẬN 1.

Hội quán Quảng Triệu tọa lạc ở số 122 đường Bến Chương Dương, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin ký Quyết định số 722/QĐ-BVHTT ngày 25. 4. 1998 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Hội quán Quảng Triệu là cơ sở tín ngưỡng dân gian của người Hoa gốc tỉnh Quảng Đông - Trung Quốc. Tại khung cửa bằng đá ở tiền điện, chạm nổi hàng chữ Hán "Quảng Triệu hội quán. Quang Tự tuế thứ Đinh hội trọng hạ" (Hội quán Quảng Triệu. Tháng 5 năm Đinh hội Quang Tự - 1887).

Năm Nhâm tuất (Dân quốc thứ 11 - 1922), hội quán được trùng tu và còn lại đến nay. Kiến trúc tổng thể của hội quán gồm các tòa nhà tiền điện, trung điện, nhà hương, chính điện nằm trên trục dọc, được xây dựng bằng vật liệu gỗ, đá, gạch. Mái các tòa nhà lợp ngói âm dương, diềm mái gắn mảnh gốm men xanh hình lá cây, gờ nóc mái gắn tượng gốm men hình chim phượng hoàng, hình rồng, phía dưới là mảng phù điêu gốm tinh xảo làm năm 1922 tả cảnh sinh hoạt ở cung đình.

Mặt tiền hội quán có ba cửa, cửa chính ở giữa và là cửa ra vào thường ngày, hai cửa nhỏ ở hai bên dẫn vào hai hành lang hội quán. Khung cửa chính của hội quán được làm bằng các khối đá xanh to lớn, trên hai cột đá ở hiên cửa chạm chìm sắc xảo cặp liên đối (phần chữ Hán trong bài viết này do nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh đọc và dịch nghĩa) "Quảng đức hiệp quần sinh, huệ ngã vô cương hoài thánh mẫu, Triệu cơ liên lương quận, tăng kỳ thí quách diệu nam bang" (Đức lớn giúp dân, vô cùng biết ơn Thánh mẫu, Nền to liên hai quận, thêm phần sáng đất Nam bang). Ở hiên trước có hai tượng lân đá được tạo hình và chạm khắc rất mỹ thuật, phía trước cửa chính là hai cột đá vuông làm năm 1922, phần trên của hai cột đỡ hai đà ngang bằng đá và hai vì kèo chông bằng gỗ chạm nổi sống động hình tượng tiên, thánh, chim, hoa.

Tiền điện là tòa nhà xây dựng bằng tường gạch, cột, kèo mái, đòn tay rui mè bằng gỗ, ngói lợp được chở từ Trung Quốc sang. Theo hướng từ ngoài vào, ở đây có các án thờ Phúc đức Thổ thần, thần Môn quan, các án thờ bằng gỗ được chạm lộng, chạm nổi tinh xảo hình tượng mặt trời, chim thú, hoa lá, chữ Hán. Bên cạnh các án thờ có các biển gỗ cấm trên giá làm năm 1922, được chạm nổi tinh tế hình rồng mây, chữ Hán, sơn thếp rực rỡ "Long mẫu nương nương, Thiên Hậu nguyên quân...".

Thiên tỉnh là khoảng sân nhỏ, có đặt tượng phật Quan Âm lộ thiên cao lớn bằng xi măng cốt sắt, phía bên phải và bên trái thiên tỉnh là hai hành lang với cột, kèo, đòn tay, rui mè gỗ, mái lợp ngói âm dương nối liền tòa nhà tiền điện và trung điện. Trên mái của hai hành lang gắn hai mảng phù điêu gốm tả cảnh sinh hoạt của con người, cảnh núi sông, chim thú sống động.

Trung điện là tòa nhà có kiến trúc ba gian được xây dựng bằng tường gạch, hệ thống cột, kèo mái, đòn tay, rui

mè bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương. Những viên đá tảng kê chân cột được tạo hình con tiện và các vì kèo chồng nhiều tầng bằng gỗ rất mỹ thuật. Ở đây có các án thờ Thiên Hậu cung, Ngọc hoàng, Bảo thọ, Bao công, các án thờ bằng gỗ làm năm 1922, được chạm trổ tinh xảo hình tượng lưỡng long triều nhật (cặp rồng châu mặt trời), phía dưới là bức phù điêu tả cảnh sinh hoạt ở thiên đình. Ở đây còn có ba chiếc lư đồng lớn, ba chúc ca đồng được làm vào năm 1922, hai dàn bát bửu, bộ ngũ sự có vẽ những bức tranh tinh tế về đề tài Tam quốc chí. Ngoài ra còn có các liên đối, hoành phi gỗ làm năm 1922 được chạm nổi, chạm chìm tinh tế chữ Hán "Pháp vũ chú Nam thiên, thảo mộc sơn xuyên sinh tứ sắc, Từ vân khai Tây thổ, sĩ nông công cổ mộc ân quang" (Mưa pháp rưới trời Nam, sông núi cỏ cây khoe sắc thắm, Mây lành trùm đất Việt, sĩ công nông cổ đội ơn sâu). "Phúc ẩm nhân quần" (Phúc che loài người).

Nhà hương là tòa nhà có kiến trúc tứ trụ. Bốn cây cột cái bằng gỗ vuông cao lớn đỡ hai vì kèo gỗ có xà câu đầu và con đội, các cây xà phía trước, phía sau, dàn mái tạo cho nhà hương có một gian rộng rãi, thông thoáng, có hai mái trước và sau bằng nhau, hai mái bên trái và bên phải bằng nhau. Ở đây có đặt sáu chiếc lư đồng để mọi người niệm hương và bốn chúc ca bằng đồng làm năm 1922. Các hoành phi, liên đối gỗ chạm chìm tinh tế chữ Hán "Hữu cầu tất ứng" (Có cầu ắt ứng) làm năm 1940. "Bát bách niên hoàn hải chiêu linh, cáp tự dương xuân hữu cước, Tứ vạn khoảnh cụ khu phân phái, quýnh nhiên thu thủy vô ba" (Tám trăm năm trên biển hiển linh, Dương xuân có vết, Bốn vạn khoảnh chia dòng êm ả, sóng gió không nơi) làm năm 1922. Hội quán hiện còn lưu giữ 9 cổ vật gắn với di tích gồm hoành phi, liên đối, lư hương bằng chất liệu gỗ, đồng.

Chính điện là tòa nhà có kiến trúc ba gian hai mái được xây dựng bằng tường gạch, hệ thống cột, kèo mái, đòn tay, rui mè bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương. Ở đây có các án thờ Thiên Hậu Thánh mẫu, bà họ Lâm tên Mặc sinh ngày 23 tháng 3 năm Canh thân (1960), người làng My Châu, huyện Bồ Điền, phủ Hưng Hóa, tỉnh Phúc Kiến. Bà am hiểu về thời tiết, thủy văn, luồng lạch trên biển nên đã chỉ dẫn và cứu giúp cho nhiều thuyền buôn, thuyền đánh cá hành nghề trên biển. Ngày 9 tháng 9 năm Đinh hợi (năm 1987) bà lên núi My Sơn rồi thoát phàm đắc đạo. Từ đó những người hành nghề trên biển và cư dân ven biển đều vẽ hình bà để thờ cúng, cầu xin bà phù hộ cho họ được bình an. Án thờ Thiên Hậu Thánh mẫu bằng gỗ cao lớn được làm vào năm 1922 với kỹ thuật tạo hình và chạm trổ sắc sảo hình tượng lưỡng long triều nguyệt (cặp rồng châu mặt trắng), cột rồng mây, chim hoa, cảnh sinh hoạt nơi cung đình. Án thờ Kim Hoa nương nương, Long Mẫu nương nương, Văn Xương - Bắc Đế, Quan Âm Bồ tát, các án thờ bằng gỗ làm năm 1922 được chạm trổ sống động đề tài chim hoa, mặt trắng. Treo ở cửa Chính điện là bức phù điêu gỗ hình chiếc Thuyền Từ của Thiên Hậu Thánh mẫu được làm năm 1921 với kỹ thuật tạo hình và chạm khắc hết sức tinh tế.

Hội quán Quảng Triệu tổ chức lễ cúng Thiên Hậu Thánh mẫu hàng năm vào ngày 23 tháng 3 âm lịch với nghi thức lễ truyền thống của người Hoa vùng Quảng Đông.

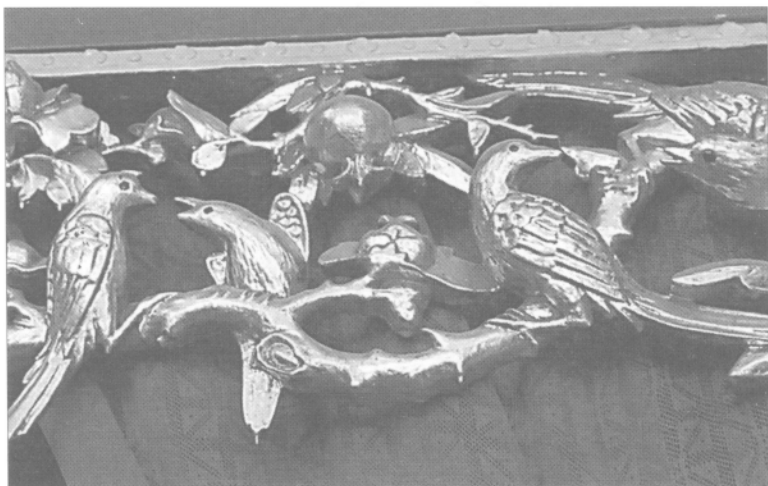


049

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐÌNH NAM CHƠN Ở QUẬN 1.

Đình Nam Chơn tọa lạc ở số 29 đường Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, được Hội đồng Xét duyệt Công nhận Di tích Lịch sử - văn hóa và Danh lam thắng cảnh Thành phố Hồ Chí Minh xét đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp Thành phố (sẽ có quyết định trong thời gian tới).

Tài liệu *Đình Nam Chơn* của bà Phan Thị Lê - Trưởng Ban Quản trị đình Nam Chơn viết ngày 28. 6. 2005 có ghi tại vị trí hiện nay của ngôi đình, xưa kia có miếu Quan Thánh của làng Mỹ Hòa. Miếu ở gần rạch Cầu Bông, tại đây có nhóm người từ thôn Chơn Sáng, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam vào đây lánh nạn, lập xóm Vạn Chài để sinh sống. Họ đem theo năm tờ sắc của Tự Đức để ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853) "Khuông quốc Tĩnh biên Thụ đức Mậu công Huy liệt Trác vĩ Thượng đẳng thân" phong cho Bắc quân Đô đốc Bùi Tá Hán (1496 - 1568) người có công mở mang đất Quảng Nam, "Hoàng mô Vĩ lược Đôn hậu Phủ hựu Trạc dương Trác vĩ Thượng đẳng thân" phong cho Cao Các Quảng Độ, "Hoảng huệ Phổ tế Linh cảm Diệu thông Mặc tướng Trang huy Thượng



Chạm thủng trên gỗ tại đình Nam Chơn ở quận 1.

đăng thần" phong cho Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi, "Hoàng phu Quảng tế Trang nhu Đoan tú Trai thực Trung đăng thần" phong cho Phu nhân Dương Phi, "Quan Thánh Đế Quân". Nhóm người này tự nguyện trao năm tờ sắc cho một kỳ lão địa phương là ông Trần Văn Hiệp cất giữ và bày tỏ nguyện vọng nếu miếu Quan Thánh thờ năm tờ sắc này thì xin đặt tên cho miếu là "Nam Chơn" với ý nghĩa "Chơn Sảng ở Nam Kỳ". Sau đó miếu Quan Thánh được dân làng xây dựng lại và đổi tên là đình Nam Chơn, thờ năm tờ sắc vào khoảng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Về sau ông Trần Văn Hiệp ra Hội An rước thợ vào dựng lại đình Nam Chơn theo kiểu đình làng miền Trung, hoàn thành năm 1946 và còn lại đến hiện nay.

Cổng đình Nam Chơn với hai cột gạch vuông cao lớn, hai mái lượn cong, trên hai cột đắp nổi cặp liền đôi "Nam quốc đồng khâm, vạn cổ giang sơn tồn chính khí, Chơn kinh tự tại, ức niên hương hỏa hộ sùng từ" (Nước Nam cùng kính, muôn thuở núi sông còn chính khí, Chân kinh không đổi, triệu năm hương hỏa mạnh miếu đình), do bình



Gốm cổ tại đình Nam Chơn ở quận 1.

phong Sơn quân (cọp) được đặt ở giữa cổng nên cửa hông bên trái là cửa chính.

Về kiến trúc tổng thể của đình Nam Chơn thì toàn cảnh ngôi đình thiết kế kiểu chữ "môn", ở giữa có hai tòa nhà tiền điện, chính điện, giữa hai tòa nhà là thiên tỉnh. Bên trái là tòa nhà đông lang, hiện nay đang dùng làm Câu lạc bộ truyền thống kháng chiến và Câu lạc bộ Nhà giáo hưu trí quận 1. Tòa nhà bên phải là tây lang cũng đang dùng làm Phòng chẩn trị y học cổ truyền quận 1, phần còn lại là sân đình.

Mặt tiền có hai cửa, phía trên hai cửa đắp nổi hàng chữ Hán "Nam Chơn đình" (Đình Nam Chơn), hai tầng mái lợp ngói âm dương, diềm mái gắn mảnh gốm men xanh hình lá cây, trên gờ nóc mái gắn tượng gốm men cặp rồng tranh châu. Tiền điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ với bốn cây cột tròn bằng xi măng cốt sắt cùng với tường bao xung quanh đỡ lấy hai cây xà vượt và các vì kèo mái của hai tầng mái, giữa hai tầng mái là khoảng trống để tạo sự

thông thoáng, điều hòa của ánh sáng tự nhiên. Ở đây có các án thờ Quan Thánh, Đông hiền, Tây hiền, Thanh Long, Bạch Hổ, Chuẩn Đề, Quan Âm, Bạch mã, Thái giám, các án thờ này bằng gỗ được tạo hình và chạm trổ tinh xảo hình tượng rồng phượng, nho sóc, các cặp lỗ bộ, các cặp hạc, chiêng, trống, mõ. Đặc biệt là ba chiếc đòn gỗ dùng đặt lư hương được tạo hình tròn có bốn chân quỳ, xung quanh chạm nổi, chạm lõng tinh tế đề tài rồng lân giỡn quả cầu và ba bức tranh bằng gỗ chạm nổi rất mỹ thuật cây đào hóa rồng và hình tượng chín con rồng (Cửu long). Thiên tinh và hai hành lang hai bên nối liền tiền điện với chính điện.

Chính điện là tòa nhà ba gian được xây dựng bằng tường gạch, kèo mái, đòn tay, rui mè bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương. Ở đây có án thờ Quan Thánh bằng gỗ với kỹ thuật tạo hình, chạm lõng, chạm nổi sống động đề tài cặp rồng châu mặt trời, rồng mây, giữa án thờ có bài vị chữ "Thần" cao lớn thếp vàng và hộp đựng năm tờ sắc năm 1852 như đã trình bày ở phần trên, cửa án thờ gắn bao lam cửa võng bằng gỗ được chạm thủng tinh xảo hình tượng cặp rồng châu mặt trời. Ngoài ra ở chính điện còn các án thờ Tiền hiền, Hậu hiền, Tả ban, Hữu ban, các án thờ này cũng được làm bằng gỗ và được chạm trổ giống như án thờ Quan Thánh và các hoành phi chạm chìm chữ Hán "Phong điều vũ thuận" (Gió hòa mưa thuận), "Quốc thái dân an" (Nước thịnh dân yên), "An cư lạc nghiệp". Đặc biệt gắn ở cửa chính điện là bức bao lam cửa võng bằng gỗ được chạm thủng rất đẹp hình tượng nho, cúc, sen, vịt sống động và ở hiên cửa còn hai tượng lân cổ bằng gốm men. Tại đình hiện còn lưu giữ một số cổ vật gắn với di tích như sắc phong thần, bình gốm, tượng lân gốm, bao lam, án thờ, bằng chất liệu giấy, gỗ, gốm.

Đình Nam Chơn tổ chức lễ Kỳ yên (Cầu an) hằng năm vào các ngày 15, 16, 17 tháng 6 âm lịch với nghi thức lễ truyền thống.



**XIN CHO BIẾT VỀ
DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT
ĐÌNH XUÂN HÒA Ở QUẬN 3.**

Đình Xuân Hòa tọa lạc ở số 129 đường Lý Chính Thắng, phường 7, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ký Quyết định số 137/2003/QĐ-UB ngày 5. 8. 2003 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố.

Do mặt tiền của đình Xuân Hòa nằm sát lề đường Lý Chính Thắng nên được xây kín bằng bức tường gạch từ mái hiên xuống tới nền, ở giữa bức tường đắp nổi ba chữ Hán "Xuân Hòa đình" (Đình Xuân Hòa), bên dưới là bình phong Sơn quân với cặp liên đối chữ Hán "Hiển hách anh linh long hổ phục, Cao long đức trọng quỷ thần khâm" (Anh linh hiển hách, rồng hổ phục, Công cao đức trọng, quỷ thần nghe), mái đình lợp ngói âm dương, gờ nóc mái ngang phẳng, trang trí tượng gốm men xanh hình cặp rồng tranh châu, gờ mái xuôi thẳng.

Cổng đình cao lớn ở phía bên trái mặt tiền được xây dựng với hai cột vuông bằng xi măng cốt sắt và bốn mái giả ngói, gờ nóc mái lượn cong có gắn tượng gốm men hình cặp rồng tranh châu, ông nhật, bà nguyệt, gờ mái lượn cong, ở các đầu đao gắn tượng gốm hình rồng. Trên hai cột cổng đắp nổi cặp liên đối "Xuân chúc thiên niên, quốc

dân đồng thịnh trị, Hòa cầu vạn cổ, thế giới cộng thanh bình" (Xuân chúc dân nước, ngàn năm thịnh trị, Hòa mong thế giới, muôn thuở thanh bình). Kiến trúc tổng thể của đình gồm các tòa nhà võ ca, tiền điện, chính điện nằm trên một trục dọc, nhà khách nằm ở hông bên trái chính điện, mái các tòa nhà lợp ngói âm dương.

Võ ca là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ với bốn cây cột cái tròn (hai cột gỗ và hai cột xi măng cốt sắt), đỡ hai vì kèo mái, mỗi vì kèo có xà câu đầu và con đội. Từ đầu bốn cột này phát triển các vì kèo ra phía trước, phía sau, bên phải, bên trái bằng những đoạn kèo nối và kèo dầm xiên cùng với các cây xà, dầm mái có đòn tay, rui mè, ngói lợp và 20 cột con có độ cao thấp theo quy định (10 cột gỗ tròn và các cột gạch liền tường xung quanh) đỡ các đoạn kèo nối và đuôi kèo, tạo thành tòa nhà võ ca cao rộng có bốn mái, mái bên phải và bên trái bằng nhau, mái trước dài hơn mái sau do có hiên phía trước. Ở đây có các án thờ Tổ Lễ sanh (ông tổ Lễ), Hội đồng Ngoại, Hữu ban, Tả ban, hiên trước có án thờ thần Nông và liền đối, hoành phi gỗ với kỹ thuật chạm nổi, chạm chìm tinh tế đề tài chữ Hán, chim hoa "Thánh đức tinh linh, hiển hách năng chiêu thiên cổ, Thần ân huệ trạch uông dương quang bố vạn niên" (Đức thánh uy linh, rạng rỡ ngàn năm, Ôn thần thấm khắp, ban bố muôn đời) làm năm Đinh mùi 1907, "Tân Định đình" (đình Tân Định) làm năm Nhâm tý 1852. Theo các bậc kỳ lão địa phương bức hoành phi này đã có ở đình từ rất lâu. Ngày 27. 10. 1879, Pháp lập ra hạt 20 trong đó có thôn Xuân Hòa thuộc tổng Bình Chánh Thượng được tách từ thôn Tân Định thuộc tổng Bình Trị Trung, huyện Bình Dương, từ căn cứ này có thể xác định tên gọi đình Xuân Hòa có từ năm 1879.

Tiền điện là tòa nhà được xây dựng kiểu nhà ba gian, tường gạch, cột, kèo mái, đòn tay, rui mè bằng gỗ, mái lợp

ngói âm dương. Ở đây có chiếc trống gỗ cao lớn treo trên giá, chuông, chuông đồng và mõ gỗ.

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ giống như kiến trúc của tòa nhà võ ca với các kiến trúc gỗ như cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè còn nguyên vẹn, mái trước và mái sau bằng nhau, mái bên phải và mái bên trái bằng nhau. Ở chính điện có án thờ Hội đồng nội bằng gỗ hình chữ nhật cao lớn, xung quanh chạm nổi tinh tế đề tài tứ linh (long lân quy phượng) làm vào khoảng đầu thế kỷ XX, hai dàn lỗ bộ gồm 16 món với cán gỗ tạo hình thân trúc, phần lưỡi được đúc bằng đồng và chạm khắc rất mỹ thuật, các án thờ Chiến sĩ trận vong, Thập loại cô hồn, Hữu ban, Tả ban, Bạch mã bằng gỗ làm năm Đinh mão - 1927. Đặc biệt án thờ thần Thành hoàng bản cảnh bằng gỗ cao lớn làm năm Nhâm tý - 1912, với kỹ thuật chạm lọng, chạm nổi, chạm chìm tinh tế đề tài cặp rồng tranh châu, cột rồng mây và chữ Hán, hai bên là án thờ Hữu ban, Tả ban, hai án thờ làm năm Nhâm tý - 1912 bằng gỗ được chạm lọng tinh xảo hình tượng cặp rồng tranh châu, chạm nổi chim hoa lá quả, ở trước án thờ Thần có cặp hạc gỗ cao lớn làm năm Mậu thìn - 1928. Ở chính điện còn có các hoành phi, liễn đối gỗ chạm chìm, chạm nổi tinh tế đề tài chữ Hán, hoa lá "Xuân Hòa đình" (Đình Xuân Hòa) làm năm Bính ngọ - 1906, "Thần ân chiếu giám" (Ơn thần soi xét) làm năm Đinh mùi - 1907. "Thánh đức anh linh, bố hóa thôn hương bình an Khang thái, Thần ân hiển hách phò trì nội hội phúc thọ tăng long" (Đức thánh anh linh, ban bố xóm thôn bình yên mạnh khỏe, Ơn thần hiển hách, giúp cho hội đình phúc thọ thêm nhiều) làm năm Mậu thìn - 1928.

Hậu điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ giống như tòa nhà võ ca với cột, kèo, xà, đòn tay, rui mè bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương. Ở đây có các án thờ Tiên hiền, Hậu hiền, Hội đồng Hương chức, Lịch đại tổ sư, các án

thờ ốp gạch men đơn giản. Ngoài ra ở đây còn có các cặp liễn đối treo ở cột gỗ được chạm chìm chữ Hán tinh tế. Hiện tại đình Xuân Hòa còn lưu giữ 53 cổ vật gắn với di tích gồm liễn đối, hoành phi, bài vị, án thờ, lư hương, chuông, mõ bằng chất liệu gỗ, đồng.

Đình Xuân Hòa tổ chức lễ Kỳ yên hàng năm vào ba ngày từ 14 đến 16 tháng 2 âm lịch với nghi thức lễ truyền thống cầu cho đất nước thanh bình thịnh vượng.



**XIN CHO BIẾT VỀ
DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT
ĐÌNH VĨNH HỘI Ở QUẬN 4.**

Đình Vĩnh Hội tọa lạc ở số 240 đường Bến Vân Đồn, phường 5, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ký Quyết định số 188/2005/QĐ-UBND ngày 12. 7. 2005 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố.

Địa chí Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 1988 có ghi năm 1888 thôn Vĩnh Hội thuộc tổng Dương Minh, hạt thứ 20. Tại đình hiện còn tờ sắc vua Tự Đức ban cho Thần Thành hoàng bản cảnh thôn Vĩnh Quý, huyện Bình Dương ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853).

Cổng đình được xây kiểu tam quan có ba cửa và hai tầng mái, nóc mái trang trí hình cặp rồng tranh châu, phía trên cửa chính đắp nổi hàng chữ quốc ngữ "Đình Vĩnh Hội", hai bên cửa chính đắp nổi cặp liễn đối "Vĩnh Hội nhất phương trấn uy đức, Danh truyền tứ hướng đẳng hiệu trung" (Vĩnh Hội nơi trấn giữ uy đức, Vang danh khắp chốn bậc hiệu trung). Phía sau cổng đình là bình phong Sơn quân, đắp nổi hàng chữ "Long hổ hội" (Rồng hổ hội) với ý nghĩa là đất thiêng và cặp liễn đối "Hổ cứ sơn lâm phò xã tắc, Long du nguyệt điện tráng sơn hà" (Hổ giữ núi rừng phò xã tắc, Rồng chơi nguyệt điện mạnh non sông). Khu vực sân đình ở phía

trước chính điện được xây dựng tường gạch bao xung quanh và dàn mái lợp tôn kèm để sử dụng như tòa nhà Võ ca.

Kiến trúc mái của chính điện gồm hai tầng mái, mỗi tầng có bốn mái bằng nhau, lợp ngói âm dương. Gờ nóc mái trang trí tượng gốm men cặp rồng tranh châu, gờ mái gắn tượng gốm men xanh hình rồng, cá, dây lá, giữa hai tầng mái có khoảng trống với mục đích tạo cho chính điện thông thoáng, điều hòa ánh sáng tự nhiên. Chính điện có ba cửa, mỗi cửa có bốn cánh cửa gỗ, trên hai trụ cửa giữa đắp nổi cặp liền đối "Vĩnh Hội cơ vũ chấn uy đức, Khánh long ung chúc hựu thế nhân" (Đình Vĩnh Hội vang danh uy đức, Hội Khánh Long nguyện giúp người đời). Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ với bốn cây cột gỗ tròn cao lớn kê trên đá tảng hình chiếc đôn. Đầu trên của bốn cột đỡ hai vì kèo mái trên và được cố định bằng hai cây xà phía trước và phía sau. Từ đầu bốn cột phát triển hai vì kèo ra phía trước, phía sau, ra bên phải, bên trái bằng các đoạn kèo đâm xiên, đâm ngang giống hình nan quạt, tạo thành bốn mái đều nhau. Tiếp tục tạo nên tầng mái bên dưới bằng cách từ vị trí đã định trên thân bốn cây cột cái phát triển các đoạn kèo đâm xiên và đâm ngang ra phía ngoài giống hình nan quạt, phần đuôi của các đoạn kèo này được đỡ bằng tường bao xung quanh cùng với các cây xà, đòn tay, rui mè tạo thành tầng mái dưới có bốn mái bằng nhau nhưng lớn hơn tầng mái trên. Ở đây có các án thờ Chánh Hội đồng, Tả Hội đồng, Hữu Hội đồng, Tiền hiền, Hậu hiền, Quan Thánh, Tả ban, Hữu ban, Bạch mã Thái giám, chiêng, trống, mõ, lũ bộ. Đặc biệt án thờ thần Thành hoàng bản cảnh thôn Vĩnh Hội với bề thờ to lớn bằng xi măng gạch đắp nổi hình rồng mây, tùng trúc, trên bề là án thờ bằng gỗ cao lớn được tạo hình, chạm thủng, chạm nổi, chạm chìm tinh xảo hình tượng cặp rồng châu mặt trời, cột rồng mây, chim hoa lá quả, chữ Hán, giữa án thờ chạm chìm chữ "Thần" thếp vàng to lớn và hộp đựng

tờ sắc vua Tự Đức ban cho thần Thành hoàng bản cảnh thôn Vĩnh Quý ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853) là "Thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng", tờ sắc bằng giấy vàng, nền in hình rồng mây màu trắng, chữ Hán được viết bằng bút lông và mực nho, ấn hình vuông, mực đỏ có bốn chữ "Sắc mệnh chi bảo", nội dung tờ sắc có hai chữ "Vĩnh Quý" được viết lại trên mẫu giấy nhỏ rồi dán đề lên vị trí của hai chữ được viết cùng với nội dung của tờ Sắc. Trong án thờ còn có bài vị gỗ được tạc hình, chạm trổ tinh tế hình rồng mây, chữ Hán "Sắc bản cảnh thành hoàng chi thần" (Sắc: thần Thành hoàng bản cảnh). Hai bên án thờ có hai cây quạt bằng gỗ được làm năm 1904 và hai cây gậy chạm nổi sắc sảo hình tượng rồng mây làm năm 1905. Ở chính điện ngoài chiếc lư đồng ở phía sau án thờ Chánh Hội đồng được làm vào năm Bính thân, đời Quang Tự - 1896 còn có các lư, chân đèn, chiêng bằng đồng, trống, mõ, án thờ bằng gỗ được làm vào khoảng giữa thế kỷ XX.

Nghĩa từ bên trái chính điện là tòa nhà ba gian được xây dựng tường gạch, kèo mái, đòn tay, rui mè gỗ, mái lợp tole kẽm. Ở đây có án thờ cao lớn bằng gỗ hình sập quì, trong có án thờ nhỏ bằng gỗ khảm mảnh trai tinh xảo hình mặt trời, hoa lá và bài vị chạm nổi chữ Hán với nội dung thờ ông Lâm Văn Phước - chánh chủ hội Hội Khánh Long - chết ngày 21 tháng 4 năm Canh ngọ, bài vị chữ quốc ngữ thờ ông Lê Như Uẩn - thư ký sáng lập Hội đình Vĩnh Hội - chết ngày 22 tháng 5 năm Nhâm thìn.

Miếu Ngũ Hành ở bên phải Chính điện được xây dựng bằng gạch, mái lợp ngói, thờ Ngũ hành nương nương là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Hiện tại đình Vĩnh Hội còn lưu giữ 38 cổ vật gồm sắc phong thần, lư, bài vị, án thờ... bằng các chất liệu giấy bản, đồng, gỗ.

Đình Vĩnh Hội tổ chức lễ Kỳ yên hàng năm vào ba ngày 12, 13 và 14 tháng 2 âm lịch với nghi thức lễ truyền thống.



052

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐÌNH KHÁNH HỘI Ở QUẬN 4.

Đình Khánh Hội tọa lạc ở số 71-73 đường Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, được Hội đồng Xét duyệt Công nhận Di tích Lịch sử - văn hóa và Danh lam thắng cảnh Thành phố Hồ Chí Minh xét đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố (sẽ có quyết định trong thời gian tới).

Cho đến nay chưa có nguồn tư liệu thành văn nào nói rõ đình Khánh Hội được thành lập khi nào. *Địa chí Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh* ghi năm 1836 thôn Khánh Hội thuộc tổng Bình Trị Thượng, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định. Tại đình hiện còn tờ sắc vua Tự Đức ban cho thần Thành hoàng bản cảnh thôn Khánh Hội ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853) . Từ những căn cứ này, có thể xác định đình Khánh Hội được xây dựng trong khoảng thời gian từ 1836 đến 1852.

Đình Khánh Hội nằm lọt trong khu dân cư đông đúc, gần sát bờ sông Sài Gòn. Kiến trúc tổng thể của đình gồm tòa nhà chính điện và miếu Ngũ hành nằm ở bên trái chính điện, mái của hai tòa nhà lợp ngói âm dương. Chính điện có hai tầng mái, gờ mái xuôi thẳng có gắn tượng gốm men

hình rồng, sân đình tương đối rộng chạy dài từ phía trước miếu Ngũ hành đến nhà Tiền vãng, ở khu vực sân có bình phong Sơn quân, án thờ Thần nông, án thờ Điều Trì phật mẫu, bên phải chính điện là nhà Tiền vãng có án thờ Tiên sư. Đình có mặt tiền kiểu tam quan, trên khuôn cửa giữa có hàng chữ quốc ngữ "Đình Khánh Hội, thành lập năm 1852, tái lập năm 1937". Trong khuôn cửa giữa có hai cột đắp nổi hình rồng mây được sơn phết rực rỡ. Phần trên mặt tiền gắn tượng gốm men hình ông nhật, bà nguyệt, rồng, nghê, cá hóa rồng. Trên bốn trụ gạch đắp nổi hai cặp liễn đối "Sinh tiền vị quốc chiến công lưu quốc sử, Một hậu an dân linh hiển tự đình trung". (Lúc sống vì nước, chiến công ghi sử sách, Khi mất giúp dân, hiển linh ngay tại đình), "Khánh nhân cầu thần ân, vạn vật hóa sinh, quốc thái dân an, Hội nguyện chúc thánh đức, càn khôn phổ chiếu, phong điều vũ thuận" (Khánh Hội cầu ơn thần, muôn vật sinh sôi, nước thịnh dân yên, Khánh Hội chúc đức thánh, đất trời chiếu khắp, gió thuận mưa hòa). Hiên đình có mái bằng xi măng cốt sắt, trước cửa giữa của chính điện là chiếc lư hương cao lớn bằng đá rửa để mọi người niệm hương trước khi vào chính điện. Phía trên ba khung cửa có 9 ô hình chữ nhật lõm vào mặt tường, trong đó có gắn 14 tượng người cỡ nhỏ bằng gốm men. Chính điện có ba cửa, mỗi cửa có bốn cánh cửa gỗ sơn màu đỏ rực rỡ. Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ, hai tầng mái giống như hai tầng mái của tòa nhà chính điện đình Vĩnh Hội ở phường 5. Bốn cây cột cái tròn cao lớn, các vì kèo mái, xà, đòn tay, rui mè bằng gỗ, tường gạch, mái lợp ngói âm dương. Thờ cúng ở chính điện được bố trí như sau: Ở phía trước cửa gian giữa có án thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh, phía sau là án thờ Hội đồng, hai án thờ này bằng gỗ tương đối cao được trang trí bao lam gắn dưới mặt án, chạm trổ tinh xảo hình tượng nho sọc. Bên trái và bên phải có các án thờ Tiên hiền, Hậu hiền, các án thờ ốp gạch men, trên án có gắn

bằng gỗ chạm chìm tinh tế chữ Hán với nội dung ca ngợi, ghi nhớ công ơn to lớn của các vị Tiền hiền lập làng dựng đình, các vị Hậu hiền gìn giữ vun đắp đình miếu còn lại như hiện nay. Phía sau án thờ Hội đồng có hai dàn lỗ bộ với 16 món binh khí với kỹ thuật đục đồng và chạm trở tinh xảo. Sát vách tường phía bên trái và bên phải chính điện có các án thờ và vật thờ như trống, mõ, chiêng đồng, ngựa Xích thố bằng gỗ cao lớn, án thờ Quan Thánh bằng gỗ làm năm 1903 được chạm trở sắc sảo hình tượng cặp rồng tranh châu, cặp chim phượng hoàng châu mặt trắng, cột chạm nổi rồng mây, chạm chìm chữ Hán tinh tế "Tôn thần hiển hách, phiêu phiêu anh phong quang nhật nguyệt, Anh linh quảng đức, thăng thăng chính khí quán càn khôn" (Thần hiển hách, anh linh phiêu diêu sáng tựa nhật nguyệt, Đức thần lớn, chính khí ngất cao trùm đất trời), tượng Bạch mã, án thờ Phúc Đức chính thần bằng gỗ, trên án thờ có gắn bằng gỗ chạm chìm liễn đối "Bạch phát nhân gian tri công lão, Hoàng kim kính thành tứ phúc nhân" (Tóc trắng người đời biết đến ông, Được vua mến mộ ban phúc nhân). Sát vách tường sau của chính điện là án thờ Thần Thành hoàng bản cảnh bằng gỗ, được chạm lõng tinh xảo hình tượng cặp rồng tranh châu, nho trúc. Giữa án thờ có chữ Thần thếp vàng và chiếc ngai thần, trên ngai có mũ thần. Trong án thờ là hộp gỗ đựng tờ sắc vua Tự Đức ban cho thần Thành hoàng bản cảnh thôn Khánh Hội ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853) là "Thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng". Bên trái và bên phải án thờ thần Thành hoàng bản cảnh là án thờ Tả ban, Hữu ban bằng gạch men, trên án thờ gắn bằng gỗ, chạm chìm chữ Hán ca ngợi công đức to lớn của Tả, Hữu ban. Phía trước án thờ thần còn có cặp hạc gỗ cao lớn đứng trên lưng rùa, biểu tượng cho xã tắc trường tồn và chiếc chuông đồng nhỏ làm năm 1935. Ở chính điện còn có các bức hoành phi chạm chìm tinh tế chữ Hán "Thần linh thiên cổ" (Thần

linh ngàn đời) làm năm 1900, "Khánh Hội thần ân đức chính" làm năm 1900.

Miếu Ngũ Hành là tòa nhà vừa phải nằm ở hông trái chính điện được xây tường gạch, đòn tay, rui mè gỗ, mái lợp ngói âm dương. Miếu thờ Ngũ Hành nương nương tức Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Hiện tại đình còn lưu giữ một số cổ vật gắn với di tích như sắc phong thần, lư hương, án thờ, hoành phi, bài vị bằng các chất liệu giấy bản, đồng, gỗ.

Đình Khánh Hội tổ chức lễ Kỳ yên hàng năm vào ngày 15, 16 và 17 tháng 2 âm lịch với nghi thức lễ truyền thống.



053

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT HỘI QUÁN NGHĨA AN Ở QUẬN 5.

Hội quán Nghĩa An tọa lạc ở số 676 đường Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa ký Quyết định số 43-VH/QĐ ngày 7. 1. 1993 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Hội quán Nghĩa An do người Hoa gốc ở vùng Triều Châu, Quảng Đông, Trung Quốc đến Sài Gòn - Chợ Lớn làm ăn, sinh sống xây dựng. Trên khung cửa bằng đá ở cửa Tiền điện chạm nổi hàng chữ "Nghĩa An hội quán. Đồng Trị tam niên quý đông thượng hoán cốc đán" (Hội quán Nghĩa An. Ngày tốt thượng tuần tháng 12 năm Đồng Trị thứ 3 - 1864), từ căn cứ này có thể xác định hội quán Nghĩa An được xây dựng vào khoảng thời gian từ năm 1864.

Mặt tiền hội quán được xây dựng bằng những phiến đá lớn trên đó có sáu bức chạm chìm tinh tế những khóm trúc, mỗi khóm trúc kèm theo một bài thơ chữ Hán. Trước cửa chính có cặp lân đá sống động, một con ngậm hạt châu, một con giữ con lân con, phía trên treo hình chiếc thuyền từ bằng gỗ chạm khắc tinh tế cảnh sinh hoạt ở thiên đình. Hiên trước có hai vì kèo chồng bằng gỗ được chạm lộng, chạm nổi tinh tế đề tài rồng mây, chim hoa rất mỹ thuật.

Hai bên cửa chính có cặp liễn đối bằng gỗ được làm vào năm Đinh mùi đời Quang Tự - 1907: "Nghĩa đảm trung tâm thường chiêm đế tọa, An dân phụ vật hàm ngưỡng từ phàm" (Nghĩa khí lòng trung giữ gìn ngôi báu, Dân an vật thịnh ngưỡng vọng thuyền từ). Từ cổng nhìn vào hội quán có kiến trúc mái tổng thể gồm ba tầng mái theo chiều cao dần lên, mái lợp ngói ống, diềm mái gắn các mảnh gốm men xanh hình lá cây. Gờ nóc gắn tượng gốm men xanh cặp rồng tranh châu. Các gờ nóc và gờ mái được thiết kế hơi cong theo chiều hướng lên.

Tiền điện là tòa nhà ba gian, hai mái được sáu cây cột cái trong đó có hai cột gỗ tròn, hai cột gỗ hình bát giác, hai cột đá hình vuông đỡ hai vì kèo cùng với xà ngang, xà dọc và dàn mái tạo nên tòa nhà cao ráo, vững chãi. Ở đây hiện có các án thờ Mã Đầu tướng quân có nhiệm vụ coi sóc ngựa Xích thổ cho Quan Thánh với tượng người và ngựa cao lớn. Án thờ Phúc đức (Ông Bổn) bằng gỗ được làm vào năm Quý Mão đời Quang Tự - 1903 với kỹ thuật tạo hình, chạm lọng, chạm nổi tinh tế đề tài cặp rồng châu mặt trời, chim hoa lá quả. Các hoành phi, liễn đối bằng gỗ được chạm nổi tinh tế rồng mây như "Đức biến quần lè" (Đức trùm muôn dân) làm năm 1903, "Nghĩa trọng sơn hà" (Non sông nghĩa nặng) làm năm 1907. Chiếc lư đồng cao lớn có hàng chữ "Quan Thánh đế quân" làm vào năm Đạo Quang thứ 5 - 1825, chiếc lư bằng đá "Phúc đức chính thần" làm năm Quý Mão - 1903.

Thiên tỉnh của hội quán là khoảng sân hình chữ nhật nền được lát bằng những phiến đá lớn. Hai hành lang ở bên phải và bên trái thiên tỉnh nối liền tiền điện với trung điện.

Trung điện cũng có kiến trúc ba gian hai mái tương tự như kiến trúc của tiền điện nhưng với quy mô lớn hơn. Trên cây xà nóc (thượng lương) bằng gỗ có hàng chữ "Đại

Thanh, Quang Tự nhị thập thất niên tuế thứ Tân sửu trọng
đồng nguyệt trùng kiến" (Trùng tu vào tháng 10 năm Tân
sửu, Quang Tự thứ 27 - 1901 nhà Đại Thanh). Thờ cúng
ở đây hiện có: Ân thờ Quan thánh với hàng chữ "Sắc phong
trung nghĩa Quan Thánh đế quân". Ân thờ Văn Xương với
hàng chữ "Sắc phong Tử Chàng Văn Xương đế quân thần
vị". Các hoành phi, liễn đối bằng gỗ chạm nổi tinh tế chữ
Hán gồm "Hạo khí lãng vân" (Chính khí vượt mây) làm
vào năm 1902, "Trạch cập đông nam" (Ơn trùm tới đông
nam) làm năm 1903, "Thiên cổ nhất nhân" (Ngàn thuở một
người) làm năm 1864, "Hải đảo trừ anh linh, hạo khí lãng
vân, phổ thí cửu châu vũ lộ, Nam bang sùng tự sự, tinh
trung bình nhật, trường lưu vạn cổ hình hương" (Hải đảo
anh linh, chính khí vượt mây, ban bố chín châu mưa móc,
Nước Nam tể tự, lòng trung sáng chói, dài lâu muôn thuở
tiếng thơm) làm năm 1868.

Nhà hương có kiến trúc tứ trụ với bốn cây cột gỗ vuông
đỡ 2 vì kèo, bốn cột đá vuông ở vòng ngoài đỡ bốn đoạn
đuôi kèo đâm xiên cùng với dàn mái tạo thành tòa nhà cao
ráo, thông thoáng, mái lợp ngói ống. Ở đây có đặt những
chiếc lư để mọi người niệm hương, trong đó có chiếc lư
bằng đá "Hiệp thiên đại đế" làm năm Quý mão - 1903.
Tám tấm biển bằng gỗ chạm trên giá được chạm khắc tinh
tế đề tài rồng mây, chữ Hán "Thiên Hậu nguyên quân",
"Hiệp thiên đại đế"... làm năm 1903 và các hoành phi, liễn
đối gỗ ca ngợi chí khí, công lao của Quan Thánh.

Chính điện có hai tòa nhà. Tòa nhà thứ nhất có kiến
trúc ba gian hai mái lợp ống. Tòa nhà chính có kiến trúc
tứ trụ với ba tầng mái gồm mười mái kiểu "trùng thiềm
điệp ốc". Bốn cây cột gỗ tròn cao lớn đỡ hai vì kèo chồng,
mỗi vì kèo chồng ba lớp rất kỹ thuật, bốn cây cột phía
ngoài đỡ bốn phần đuôi của hai vì kèo được nối dài. Thờ
cúng ở chính điện hiện có: Ân thờ Quan Thánh đế quân

bằng gỗ cao lớn được làm năm 1902 với kỹ thuật chạm lộng, chạm nổi tinh tế đề tài lưỡng long triều nhật, chim hoa lá quả. Ở giữa án thờ là tượng Quan Thánh cao lớn uy nghi, hai bên có Quan Bình, Châu Thương đứng hầu. Hai án thờ Tài Bạch tinh quân và Hiệp thiên cung bằng gỗ, được chạm lộng, chạm nổi tinh tế đề tài lưỡng long triều nhật, chim hoa, người ngựa, làm vào năm 1903. Ở chính điện còn có hoành phi, liễn đối gỗ ca ngợi chí khí, công lao của Quan Thánh "Hựu ngã bang tộc" (Giúp bang tộc ta) làm năm 1903, "Nghĩa dũng quán cổ kim, ức đương niên phò Hán hưng Lưu, khí tráng sơn hà công bất hủ, An toàn phu trung ngoại, hướng thử nhật ba điềm lãng tĩn, ân chu hải quốc hóa vô biên" (Nghĩa dũng xưa nay, nhớ thuở phò Hán hưng Lưu, khí mạnh non sông công bất hủ, An bình trong ngoài, hiện nay sông yên biển lặng, ơn này dân nước mãi ghi sâu) làm năm 1903. Chiếc chuông đồng "Gia Định tỉnh, Minh Hương xã", chiếc chuông gang to lớn "Nghĩa An hội quán" làm năm Canh Tuất - 1850. Hiện ở hội quán còn lưu giữ 192 cổ vật gắn với di tích gồm liễn đối, hoành phi, bài vị, lư hương, án thờ, ngũ sự, chuông, lỗ bộ... bằng các chất liệu như gỗ, đồng, đá, gang, hợp kim.

Hội quán Nghĩa An tổ chức lễ cúng Quan Thánh đế quân vào ngày 24 tháng 6 âm lịch với nghi thức lễ truyền thống của người Hoa.



054

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH HỘI QUÁN MINH HƯƠNG GIA THẠNH Ở QUẬN 5.

Hội quán Minh Hương Gia Thạnh tọa lạc ở số 380 đường Trần Hưng Đạo, phường 11, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa ký Quyết định số 43-VH/QĐ ngày 7. 1. 1993 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Vào thời điểm từ năm 1679 đến năm 1725 nhóm "Phản Thanh phục Minh" (Lật đổ nhà Thanh khôi phục nhà Minh) từ Trung Quốc chạy sang Việt Nam được chúa Nguyễn cho định cư, trong đó có vùng Sài Gòn - Chợ Lớn hiện nay. Năm 1789 con em của nhóm di thần này đã lập ra làng Minh Hương, sau là Minh Hương xã. Lúc đầu "Minh Hương" có nghĩa là hương hỏa nhà Minh, đến năm 1829 vua Minh Mạng bắt phải thay chữ "hương" là hương hỏa bằng chữ "hương" là quê hương.

Về tên gọi là đình Minh Hương Gia Thạnh hay hội quán Minh Hương Gia Thạnh? Từ năm 1912 trở về trước trong di tích không thấy có hoành phi, liễn đối, bài vị, văn bia nào ghi chép Minh Hương Gia Thạnh được gọi là "Đình Minh Hương Gia Thạnh" mặc dù thờ cúng ở đây tương tự như thờ cúng ở ngôi đình làng của người Việt. Đến năm 1912 trên bức cuốn thư ở cửa tiền điện có hàng chữ "Minh Hương Gia Thạnh hội quán. Tuế thứ Nhâm tý niên trọng



Hội Quán Minh Hương Gia Thạnh ở quận 5.

thu nguyệt công tạo" (Hội quán Minh Hương Gia Thạnh, lập vào tháng 8 năm Nhâm tý - 1912) từ đó Minh Hương Gia Thạnh được gọi là "Hội quán Minh Hương Gia Thạnh". Kiến trúc mái tổng thể của hội quán gồm hai tầng mái, mái chính diện cao hơn hẳn mái Tiền diện, gờ nóc mái và gờ mái hơi cong, gờ nóc mái gắn tượng gốm men hình cặp rồng tranh châu, mái lợp ngói âm dương, diềm mái gắn mảnh gốm men xanh hình lá cây.

Tiền diện là tòa nhà được xây dựng kiểu nhà năm gian bằng tường gạch, hệ thống cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè gỗ, mái lợp ngói âm dương, đá tảng kê chân cột được tạo hình chiếc đòn rất mỹ thuật. Sát vách tường đầu hồi bên phải và bên trái là hai chiếc long sàng kiểu sập gỗ to lớn để thần nghỉ ngơi và nhiều hoành phi, liễn đối gỗ được chạm trổ tinh xảo hình tượng rồng mây, hoa lá, chữ Hán "Gia Thạnh đường" làm năm 1808, "Gia Định tỉnh" và "Minh Hương xã" làm năm 1874, "Minh Hương hội quán" làm năm 1858. Đặc biệt là bức hoành "Sắc tứ thiện tục khả phong" (Ban Sắc tục tốt đáng khen) do vua Tự Đức viết

chữ theo lối chữ thảo tuyệt đẹp vào năm Tự Đức thứ 17 - 1864. "Minh vương vĩnh trị Nam thiên, thiên quang nhật hóa, Hương lý an cư Việt địa, địa lợi nhân hòa" (Vua sáng cai quản trời Nam, sáng khắp thiên hạ, Dân làng ở yên đất Việt, đất lợi người hòa) làm năm Thành Thái thứ 15 - 1903. Ngoài ra, ở đây còn nhiều bàn ghế cổ bằng gỗ khảm trai tinh tế và chiếc đỉnh gang cao lớn làm năm 1845.

Chính điện là tòa nhà năm gian, hai tầng mái được xây dựng tường gạch, hệ thống cột, kèo mái bằng xi măng cốt sắt, mái lợp ngói âm dương, gờ nóc mái gắn tượng gốm men xanh hình cặp rồng tranh châu, nền nhà cao xây đá xung quanh. Giữa hai tầng mái là bức hoành phi to lớn bằng đá màu trắng được gắn vào lan can, chạm nổi tinh tế hàng chữ Hán kiểu chữ thảo "Minh Hương Gia Thạnh" làm năm Minh Mạng thứ 2 - 1821. Ở đây có các án thờ Ngũ thổ, Ngũ cốc, Đông trù tư mệnh, Bản cảnh thành hoàng bằng gỗ cao lớn với kỹ thuật tạo hình, chạm lộng, chạm nổi tinh tế đề tài cặp rồng châu mặt trời, bát tiên (bát tiên), hai án thờ "Trịnh Văn Khác (Trịnh Hoài Đức), Ngô Túc Giản (Ngô Nhơn Tịnh) và Lê Thành hầu (Nguyễn Hữu Cánh), Trần Thắng Tài, hai án thờ bằng gỗ này được chạm trổ tinh xảo hình tượng chim hoa lá quả. Đặc biệt cặp liễn đối do Thượng thư Bộ Lại Trịnh Cán Trai (Trịnh Hoài Đức) cúng hội quán năm Tân ty, năm Minh Mạng thứ 2 - 1821 có giá trị văn học "Minh đồng nhật nguyệt diệu Nam thiên, phượng chữ lân tường gia cấm tú, Hương mãn càn khôn hình Việt địa, long bàn hổ cứ thanh văn chương" (Sáng cùng nhật nguyệt rạng trời Nam, lân múa phượng bay thêm tốt đẹp, Hương đầy trời thơm đất Việt, rồng châu hổ phục thịnh văn chương), câu đối này ghép hai chữ đầu và hai chữ gần cuối của hai vế là "Minh Hương, Gia Thạnh". Ngoài ra, ở chính điện còn có chiếc chuông đồng to lớn chạm nổi hàng chữ "Gia Định thành Minh Hương xã công tạo" (Xã Minh Hương thành Gia Định tạo chuông) và các

văn bia ghi tên các quan lại và những người thi đỗ đóng góp tiền bạc trùng tu hội quán năm Kỷ hợi - 1839, văn bia ghi chép việc trùng tu hội quán năm Tân sửu - 1901. Ở đây còn có nhiều bàn ghế gỗ cổ được khảm mảnh trai hết sức tinh xảo.

Phía sau chính điện là thiên tỉnh hình chữ nhật, nền lát những phiến đá lớn. Bên trái và bên phải thiên tỉnh là hai hành lang ngắn nối liền chính điện với Truy Từ sở (Hậu điện). Hành lang bên phải có chiếc tủ đựng nón, hia của tướng sĩ nhà Minh còn lại trong cuộc di trú sang Việt Nam.

Truy Từ sở là gian nhà được xây dựng bằng tường gạch, hệ thống cột kèo, xà, đòn tay, rui mè bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương, gờ nóc mái gắn tượng gốm men hình cá chép, hình nghê, các cây cột được chạm nổi tinh xảo hình tượng rồng mây, bát tiên, chữ Hán. Ở đây có các án thờ "Tiền khai sáng" (Các bậc khai sáng đời trước), "Tiền Hương mục" (Các vị Hương mục đời trước), "Tiền Hành sai" (Các vị Hành sai đời trước). Các án thờ bằng gỗ này được tạo hình và chạm trổ mỹ thuật hình mặt trời, hoa lá. Các cặp liễn đối được chạm nổi sắc nét ngay trên cột gỗ với đề tài rồng mây, chữ Hán. Bức hoành phi "Truy Từ sở" (Sở Truy Từ) do xã Minh Hương cúng năm Quý mão - 1903. Chiếc đỉnh gang cao lớn được đúc vào năm Nhâm dần đời Đạo Quang - 1842. Hiện tại hội quán còn lưu giữ 167 cổ vật gắn với di tích gồm liễn đối, hoành phi, bài vị, lư hương, đỉnh hương, chuông, án thờ, bàn ghế, văn bia bằng chất liệu gỗ, đồng, gang, đá.

Hội quán Minh Hương Gia Thạnh tổ chức lễ Kỳ yên hàng năm vào các ngày 16 và 17 tháng Giêng âm lịch, tương tự nghi thức lễ truyền thống của đình làng người Việt.



055

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT HỘI QUÁN NHỊ PHỦ Ở QUẬN 5.

Hội quán Nhị Phủ tọa lạc ở số 264 đường Hải Thượng Lãn Ông, phường 16, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ Văn hóa ký Quyết định số 43-VH/QĐ ngày 7. 1. 1993 công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Hội quán Nhị Phủ do người Hoa gốc hai phủ Chương Châu và Tuyên Châu tỉnh Phúc Kiến đến Sài Gòn - Chợ Lớn làm ăn sinh sống xây dựng. Trên chiếc chuông bằng hợp kim to lớn treo ở ngoài đầu hồi bên phải chính điện, đúc nổi hàng chữ "Phong điều vũ thuận, quốc thái dân an. Phúc Kiến Nhị Phủ hội quán chúng thương kính phụng. Quang Tự nguyên niên quý hạ cát nhật lập. Phật Trấn Long Thịnh lô tạo" (Gió hòa mưa thuận, nước thịnh dân yên. Các nhà buôn ở hội quán Nhị Phủ Phúc Kiến kính dâng. Lập ngày tốt tháng 6 năm Quang Tự thứ 1 - 1875. Lò đúc đồng Long Thịnh ở Phật Trấn (Quảng Đông) đúc chuông). Phần chữ Hán trong bài viết này do nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh đọc và dịch nghĩa. Từ căn cứ này có thể xác định hội quán Nhị Phủ được xây dựng trong khoảng thời gian từ năm 1875. Kiến trúc tổng thể của hội quán kiểu "nội công ngoại quốc" giống như kiến trúc tổng thể của điện



Kiến trúc mái hội quán Nhị Phủ ở quận 5.

Ngọc Hoàng ở quận 1, gồm các tòa nhà chính điện ở giữa, tiền điện, hậu điện, đông lang, tây lang ở xung quanh, mái các tòa nhà lợp ngói ống, diềm mái gắn mảnh gốm men xanh hình lá cây. Mặt tiền hội quán được xây dựng gần như mặt tiền của hội quán Ôn Lăng, hội quán Hà Chương, được gắn những phiến đá to lớn, trên các phiến đá chạm nổi tinh xảo hình dây lá. Đây là nét kiến trúc đặc trưng của người Hoa vùng Phúc Kiến với các tầng mái cong vút hoành tráng, gờ nóc mái và gờ mái trang trí tượng gốm men hình rồng, phượng hoàng, cá hóa rồng, ngoài hiên cửa có cặp lân đá làm năm Mậu dần - 1878, được tạo hình và chạm trổ hết sức mỹ thuật. Trên khung cửa chính bằng đá, chạm chìm hàng chữ "Nhị Phủ hội quán" (hội quán Nhị Phủ). Trên hai trụ cửa bằng đá chạm chìm sắc nét cặp liên đối "Phúc thiện họa dâm dụng chiêu quyết đạo, Kiến bang khai thổ duy thiệu phi mô" (Phúc thiện họa dâm cứ xem đạo ấy, Dụng bang mở đất duy học cách này) do Trương nguyên Ngô Lỗ viết chữ.



Chiếc chuông lớn ở hội quán Nhị Phủ ở quận 5.

Tiền điện là tòa nhà ba gian được xây dựng bằng tường gạch, cột, kèo mái, đòn tay, rui mè gỗ, mái lợp ngói ống. Ở đây có các hoành phi, liễn đối gỗ được chạm khắc tinh tế chữ Hán "Bảo ngã lê dân" (Bảo hộ dân ta), "Phúc toàn đức bị" (Phúc tròn đức đủ), "Trạch cập lân phong" (Ơn tới đất bên) các bức hoành phi này được làm năm 1901, "Vĩnh bảo vô cương" (Mãi mãi dài lâu) làm năm 1891, "Phúc đại tứ ngô châu, thanh linh hách trạc kỳ thân chính, Đức ưu thăng thử miếu, đệ trạch quang huy nãi thánh thần" (Phúc lớn giúp châu ta, tiếng thiêng hiển hách nhờ ngay thẳng, Đức cao vào miếu ấy, nhà cửa cao to mới thánh thần) làm năm 1893.

Chính điện là tòa nhà ba gian được xây dựng bằng tường gạch, cột, kèo mái kiểu kèo chồng nhiều tầng rất mỹ thuật và ấn tượng. Xà, đòn tay, rui mè gỗ, mái lợp ngói ống tạo thành tòa nhà cao rộng uy nghi. Thờ cúng chính ở đây là thần Đất (Thổ thần), quen gọi là Ông Bồn (Bản), Thổ Địa công, Đại Bá công. Án thờ Ông Bồn bằng gỗ cao lớn được chạm trổ tinh xảo hình tượng cặp rồng chầu mặt trời, chim hoa lá quả. Các án thờ Thái tuế, Quảng Trạch tôn vương bằng gỗ được chạm trổ tinh xảo giống như án thờ Ông Bồn. Các hoành phi, liễn đối gỗ được chạm nổi, chạm chìm sắc sảo hình tượng rồng mây, hình doi, chữ Hán "Thần lâm phúc địa" (Thần tới đất phúc), "Đức thịnh hóa thần" (Đức thịnh làm thần), "Phúc tinh hoàng đạo, thương lữ đồng an phúc thấu, Đức ý bình di, tứ dân hiệp tụng trình tường" (Sao phúc rạng trời, thương khách yên bề đi lại, Ý lành giữ đạo, chúng dân mến đức ngợi ca), "Phúc tích dân nhân, diện Nam bang nhi hựu trung thổ, Đức triêm tấn thủy, trấn Tây Đê dĩ hộ hạ thương" (Phúc ban cho dân, yên phương Nam mà hộ Trung thổ, Đức nhuần Tấn thủy, trấn Tây Đê (Sài Gòn - Chợ Lớn) để giúp thương nhân) làm năm 1901, "Phúc địa quán Nam bang, lưỡng quận quân lê mông đại trạch, Đức tinh long Việt cảnh, tứ phương chúng thứ mộc thâm ân" (Đất phúc nhất phương Nam, hai quận thầy nhờ đức cả, Sao đức ngồi đất Việt, bốn phương cùng đội ơn sâu) làm năm 1895, "Ngô thổ địa dã" (Thổ địa của ta) làm năm 1864, "Tịch tỵ thần ân" (Ơn thần che chở) làm năm 1901. Chiếu án thờ "Nhị Phủ miếu Phúc Đức chính thần" tức Ông Bồn làm năm 1909 với kỹ thuật chạm nổi tinh tế cảnh sinh hoạt của con người, chim, thú, hoa lá.

Hậu điện là tòa nhà ba gian được xây dựng bằng tường gạch, cột, kèo mái kiểu kèo chồng giống như kèo chồng ở chính điện, xà, đòn tay, rui mè gỗ, mái lợp ngói ống tạo thành tòa nhà cao rộng uy nghi, các viên đá tảng kê chân cột được tạo hình quả táo rất mỹ thuật. Ở đây có các án

thờ Ngọc hoàng, Phật Thích ca, Quan Âm bồ tát bằng xi măng đá rửa, các cặp liễn đối chạm chìm tinh tế chữ Hán "Phúc chỉ tích Nam doanh thương lữ tứ phương ca lạc thổ, Đức trạch thù Tây Cống hình cam thiên tải mộc thần hưu" (Gót phúc tới phương Nam, thương khách bốn phương theo cội phúc, Đức thần che Tây Cống (Sài Gòn), hương thơm muôn thuở đời ơn thần) làm năm 1902, "Phúc hậu vị cư trung, hữu phúc duy trung giai đắc địa, Niên cao danh thuộc trường, tôn niên tức trường cộng xưng công" (Phúc lớn ngôi giữa cung, có phúc giữa cung là đắc địa, Tuổi cao danh ở trước, tuổi cao danh trước thầy xưng ông) làm năm 1901.

Đông lang và tây lang là hai tòa nhà được xây dựng bằng tường gạch, mái lợp ngói ống. Đông lang là nơi tiếp khách, hội họp, ở đây có bức hoành phi và cặp liễn đối gỗ được chạm nổi, chạm chìm tinh tế đề tài chữ Hán, rồng mây, chim hoa, cá nước, bát tiên "Duy thiên lập cực" (Nổi trời dựng đất) làm năm 1899, "Nhị nan tứ mỹ tinh hoa túy, Phú hải quan sơn quảng hậu bao" (chưa rõ nghĩa). Hiện tại hội quán Nhị Phủ còn lưu giữ 66 cổ vật gắn với di tích gồm liễn đối, hoành phi, bài vị, lư hương, ngũ sự, án thờ, chuông, tượng bằng các chất liệu gỗ, đồng, hợp chất.

Hội quán Nhị Phủ tổ chức lễ cúng chính là ngày sinh và ngày mất của ông Bổn hằng năm vào ngày 15 tháng giêng (ngày sinh) và ngày 15 tháng 8 (ngày mất) với nghi thức lễ truyền thống của người Hoa.



**XIN CHO BIẾT VỀ
DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT
HỘI QUÁN LỆ CHÂU Ở QUẬN 5.**

Hội quán Lệ Châu tọa lạc ở số 586 đường Trần Hưng Đạo, phường 14, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin ký Quyết định số 1811/1998/QĐ-BVHTT ngày 31. 8. 1998 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Hội quán Lệ Châu do các chủ lò thợ bạc có uy tín ở Sài Gòn - Chợ Lớn vận động các lò thợ vàng bạc, các tiệm vàng bạc sở tại và các tỉnh miền Đông, miền Tây Nam Bộ quyên góp tiền bạc mua mảnh đất ở Rue des Marins (đường Thủy Bình) tức vị trí của hội quán hiện nay để xây dựng hội quán Lệ Châu với mục đích thờ vị tổ của nghề thợ bạc.

Tại hội quán còn có văn bia trùng tu hội quán Lệ Châu năm Quý ty - 1893. Từ căn cứ này có thể xác định hội quán Lệ Châu được xây dựng trước năm 1893. Kiến trúc tổng thể của hội quán gồm các tòa nhà tiền điện, chính điện nằm trên trục dọc, mái các tòa nhà lợp ngói âm dương, diềm mái gắn mảnh gốm men xanh hình lá cây, gờ nóc mái thẳng có trang trí hình tượng lưỡng nghi (thiếu âm, thiếu dương), hình rồng bằng gốm men. Ở bức xuyên hoa gỗ trên cửa chính có hàng chữ "Lệ Châu hội quán", ở cửa song sắt làm năm 1934 có cặp liên đối "Lệ thủy kim sinh, cơ quốc thái, Châu

đề ngân xuất, nghiệp dân an" (Sông Lệ sinh vàng, nền nước thịnh, Bờ Châu ra bạc, nghiệp dân yên).

Tiền điện là tòa nhà ba gian được xây dựng bằng tường gạch, hệ thống cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè bằng gỗ tạo thành tòa nhà cao rộng uy nghi, mái lợp ngói âm dương, các viên đá tảng kê chân cột được tạo hình con tiện rất mỹ thuật. Tiền điện có ba cửa, mỗi cửa có bốn cánh cửa gỗ chạm thủng chữ thọ, hoa mai. Ở đây có ba án thờ, trên ba án thờ có ba bức bình phong gỗ làm năm 1898, có ba bức tranh phong cảnh lồng kính, xung quanh chạm trổ mỹ thuật cảnh sinh hoạt của con người, nho sóc, chim hoa. Các hoành phi, liễn đối gỗ được chạm khắc tinh tế chữ Hán, rồng mây, hoa lá "Thiên cổ lệ danh" (Lệ Châu tiếng ngàn năm) làm năm 1875, "Ngưỡng triêm vũ hóa" (Mong thấm gọi mưa móc) làm năm 1895, "Kiến nghiệp bác tài" (Tài cao dựng nghiệp) làm năm 1908, "Khai vật thành vụ" (Làm gì được nấy) làm năm 1903, "Thái sơn nhạc chí tinh hoa, xảo trí trường lưu ân đại đức, Cư thánh hiền ư công nghệ, lương trù vĩnh tích hậu lai nhân" (Tinh hoa sông núi, kỹ nghệ tinh xảo còn mãi nhờ ân đức lớn, Công nghệ thánh hiền, bảo tồn và được ghi chép lại cho đời sau) làm năm 1898, "Lệ thủy kim sinh, vạn cổ trường lưu, quốc thái dân an vì chí bảo, Châu đề ngân xuất, thiên thu hằng kết, gia phong vật phụ thị kỳ tran" (Sông Lệ sinh vàng, muôn thuở chảy về, nước thịnh dân yên cực kỳ quý báu, Bờ Châu ra bạc, ngàn năm kết nối, nhà giàu vật thịnh, hết sức kỳ công) làm vào khoảng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Ở đây còn có hai tờ Sắc, một do vua Khải Định ban cho Cao Đình Độ, Cao Đình Hương có công khai lập nghề kim hoàn là "Thần Dục bảo Trung hưng Linh phù" ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 - 1924, một do vua Tự Đức ban cho ông Tổ khai lập nghề kim hoàn là "Tôn thần Dục bảo Trung hưng Linh phù Tổ sư Khai nghệ Đoan túc Cao Đình Hương" ngày 8 tháng 12 năm Bảo Đại thứ 9-1941.

Chính điện là tòa nhà ba gian được xây dựng bằng tường gạch, hệ thống cột, kèo, xà, đòn tay, rui mè gỗ tạo thành tòa nhà cao rộng, mái lợp ngói âm dương. Ở đây có án thờ Tổ nghề thợ bạc bằng gỗ cao lớn được chạm lộng, chạm chìm tinh xảo hình tượng cặp rồng châu mặt trời, cảnh sinh hoạt cung đình, hoa lá quả, án thờ Tiền hiền, Hậu hiền bằng gỗ cũng được chạm khắc giống như án thờ Tổ sư. Phía trước án thờ tổ là chiếc lư đồng cao lớn "Lệ Châu hội" (Hội Lệ Châu) làm năm 1895 với kỹ thuật đúc đồng và chạm khắc rất mỹ thuật, bức bình phong gỗ do Tri phủ Khang Cao Bình cúng năm 1935. Tại chính điện còn có các hoành phi, liễn đối bao lam gỗ được chạm trổ tinh xảo, hình tượng chim hoa, cá nước, chữ Hán "Hội xảo long cơ" (Hội thợ kim hoàn lành nghề) làm năm 1895, "Lịch đại giáo do lai, hậu nhân tuân thủ, điều long minh phượng nghiệp thành, công ngưỡng sáng đoan chi đức, Tiền hiền công vĩnh viễn, cử thế duy trì, trác ngọc tiêu kim nghệ xảo, toàn bằng tâm thụ chi ân" (Tổ truyền lại, người sau theo, nghề chạm khắc rồng phượng đã thành, kính trọng ơn đức tổ, Nghiệp xưa còn, đời sau tiếp, giữa ngọc mài vàng đặt tinh xảo, cùng ghi tạc ơn sâu) làm năm 1895, "Lệ thủy sản thiên tài, lợi phổ đông tây, viễn tiếp chân nguyên thành đại hữu, Châu đề sinh quốc bảo, mỹ triêm nam bắc, bí truyền xảo nghệ tuý đồng nhân" (Sông Lệ sinh của cải, lợi khắp đông tây, tiếp thu chân nguyên nhờ của cải, Bờ Châu sinh bảo vật, đẹp cả bắc nam, kỹ nghệ tinh xảo làm vừa lòng mọi người) làm năm 1895. Chiếc chuông đồng do lò đúc đồng ở Hà Nội đúc vào khoảng cuối thế kỷ XIX. Hiện tại hội quán Lệ Châu còn lưu giữ 52 cổ vật gắn với di tích gồm liễn đối, hoành phi, bài vị, án thờ, lư hương, chuông bằng các chất liệu gỗ, đồng.

Hội quán Lệ Châu tổ chức lễ giỗ tổ nghề kim hoàn vào ngày 7 tháng 2 âm lịch hàng năm với nghi thức lễ truyền thống của người Việt.



057

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT HỘI QUÁN QUỲNH PHỦ Ở QUẬN 5.

Hội quán Quỳnh Phủ tọa lạc ở số 276 đường Trần Hưng Đạo, phường 11, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin ký Quyết định số 52/2001/QĐ-BVHTT ngày 28. 12. 2001 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Hội quán Quỳnh Phủ do người Hoa gốc đảo Hải Nam - Trung Quốc đến Sài Gòn - Chợ Lớn làm ăn sinh sống xây dựng. Trên ván bia thứ 4 gắn ở vách tường bên phải (từ ngoài vào) sân trước của hội quán ghi rõ "Ngô Quỳnh hướng vô hội quán, tự Hàn công Mãn Dực thủy hiệu nghĩa tướng quyền yêu chúng sáng tạo, toại Đạo Quang, Đinh hội niên bốc cơ ư Gia Định chỉ khu, nam hướng tiền đường hậu điện, chu dĩ viên tường, kỳ trung chủ dĩ Thiên Hậu, khuyết công vĩ như hách hách nhiên tại nhân nhĩ mục". (Trước đây bang Quỳnh Phủ ta chưa có hội quán, đến khi ông Hàn Mãn Dực vì nghĩa vận động mọi người quyền góp xây dựng hội quán. Năm Đinh hội đời Đạo Quang - 1827, chọn đất ở Gia Định xây dựng hội quán, quay mặt về hướng nam, trước sảnh sau điện, có tường xung quanh, trong thờ Thiên Hậu, công lao to lớn ấy còn hiển hiện trước tai mắt mọi người". Từ căn cứ này có thể xác định hội quán Quỳnh

Phủ được xây dựng vào khoảng thời gian từ năm 1827. Kiến trúc tổng thể của hội quán gồm các tòa nhà tiền điện, trung điện, nhà hương, chính điện nằm trên trục dọc, mái các tòa nhà lợp ngói ống, diềm mái gắn mảnh gốm men xanh hình lá cây, gờ nóc mái ngang phẳng trang trí tượng gốm men cặp rồng tranh châu. Trên khung cửa chính bằng đá chạm nổi hàng chữ lớn "Quỳnh Phủ hội quán" trùng tu vào tháng 2 năm Ất Hợi đời Quang Tự - 1875, hai bên cửa là cặp liễn đối gỗ to lớn chạm chìm sắc nét chữ Hán "Thiên cung cao bắc cực, Hải quốc nhai nam minh" (Cung Thiên Hậu cao tựa Bắc đẩu, Biển Bà hiển linh tận phương Nam) làm năm 1886.

Tiền điện là tòa nhà ba gian được xây dựng bằng tường bao, cột, kèo mái, đòn tay bằng xi măng cốt sắt, mái lợp ngói ống. Ở đây có các hoành phi, liễn đối bằng gỗ làm vào các năm 1959, 1961 được chạm khắc tinh tế chữ Hán với nội dung ca ngợi ân đức vô biên của Thiên Hậu Thánh mẫu.

Thiên tỉnh là nơi để các loại cây cảnh, bên trái và bên phải thiên tỉnh là hai hành lang ngắn nối liền tiền điện với trung điện.

Trung điện là tòa nhà ba gian được xây dựng bằng tường gạch, cột xi măng cốt sắt, kèo mái, đòn tay, rui mè gỗ tạo thành tòa nhà cao rộng, mái lợp ngói ống, đây là nơi tiếp khách và văn phòng làm việc của Ban quản trị hội quán. Ở đây ngoài các hoành phi, liễn đối gỗ với kỹ thuật chạm nổi, chạm chìm tinh tế đề tài chữ Hán, rồng mây, hoa lá được làm vào các năm Dân quốc thứ 50, 52, 55 còn có các cặp liễn đối như "Chỉ bảo phiệt dĩ thông tân, Hà Hán Giang Hoài, hoa vũ điểm bình thiên xích lãng, Quảng từ hàng nhi lợi tế, đông tây nam sóc, hương vân tán tác cửu châu xuân" (Bè quý qua sông, Hà Hán Giang Hoài, mưa hoa rắc yên

ngàn dặm sóng, Thuyền từ tế độ, Đông Tây Nam Bắc, mây thơm tan rải chín châu xuân) làm năm 1909.

Nhà hương là tòa nhà một gian được xây dựng kiểu tứ trụ, cột bằng xi măng cốt sắt, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè bằng gỗ tạo thành tòa nhà cao rộng, thông thoáng, mái lợp ngói ống. Ở đây, có chiếc lư đồng "Thiên Hậu cung" cao lớn làm năm Quang Tự thứ 19 - 1893, được tạo hình và chạm trổ tinh xảo để mọi người niệm hương trước khi vào chính điện, phía trên chiếc lư có treo bức phù điêu Thuyền từ của Thiên Hậu Thánh mẫu làm năm 1808 với kỹ thuật tạo hình và chạm trổ hết sức mỹ thuật. Ở đây còn có các hoành phi, liễn đối gỗ làm năm 1909 được chạm khắc tinh tế chữ Hán, hình tượng rồng mây, chim hoa "Cao minh bác hậu" (Sáng suốt nhân hậu), bức cuốn thư "Ngưỡng hạo đăng chi ân ba, viễn chí nhi an, thần đăng phổ chiếu, Vĩnh trù mâu khắp dị địa, suy đa ích trí, hữu nghị hằng đồn" (Kính ngưỡng ân đức bao la của Bà, xa gần đều vui thấy do đèn thần chiếu khắp, Gắn bó nơi đất khách quê người, giàu nghèo hơn kém cùng đùm bọc giúp đỡ nhau), "Tú khí chung Châu nhai, ức vạn chúng hàng hải kính dinh, thời kiến anh tài đặc xuất, Trở đầu long Giao Chỉ, thiên bách niên hình hương tấn tiến, hoàn kỳ thánh trạch đồng triêm" (Khí thiêng trùm Châu Nhai, ức vạn nhà buôn đi biển, thấy biết Bà anh tài kiệt xuất, Thờ cúng ở Giao Chỉ, trăm ngàn năm hương đèn thờ cúng, bởi Bà ân đức muôn nơi).

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ, tường gạch, cột bằng xi măng cốt sắt, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè gỗ tạo thành tòa nhà cao rộng uy nghi, mái lợp ngói ống. Chính giữa là án thờ Thiên Hậu Thánh mẫu cao lớn bằng gỗ làm năm 1893 với kỹ thuật chạm khắc tinh tế hình tượng cặp rồng chầu mặt trời, chim hoa, bát tiên rất mỹ thuật. Hai bên là án thờ Long mẫu và Ý Mỹ nương nương làm năm 1893, hai án thờ bằng gỗ này được chạm trổ tinh

xảo hình tượng cặp rồng châu mặt trời, chim hoa, chiếc chuông gang cao lớn làm năm Đinh Hợi đời Đạo Quang - 1827, bộ ngũ sự làm năm 1907, ở đây còn có cặp liễn đối chạm nổi sắc sảo chữ Hán làm năm 1904 "Hỗ nhiên nhi thiên, đương niên hải quốc trừng thanh, kỷ bối vô biên triêm đức trạch, Phủ ngã tắc hậu, thử nhật nam châu mậu dịch, đại gia hữu phúc tiến hình hương" (Như trời cao, nay biển lặng sông êm, nhờ ân đức Bà ban bố, Trấn an ta, nay buôn bán phương Nam, muôn nhà dâng Bà lễ cúng) làm năm 1904, ở án thờ Thủy Vị nương nương có bài vị gỗ chạm nổi chữ Hán "Sắc phong Nghĩa Liệt Chiêu Ứng bách bát anh linh thần vị" (Thần vị 108 anh linh được Sắc ban là Nghĩa Liệt Chiêu Ứng). Hiện tại hội quán Quỳnh Phủ còn lưu giữ 115 cổ vật gắn với di tích gồm liễn đối, hoành phi, bài vị, án thờ, lư, chuông, ngũ sự, tượng bằng các chất liệu gỗ, đồng, hợp kim.

Hội quán Quỳnh Phủ tổ chức lễ cúng chính Thiên Hậu Thánh mẫu hàng năm vào ngày 23 tháng 3 âm lịch với nghi thức lễ truyền thống của vùng đảo Hải Nam.



058

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT HỘI QUÁN HÀ CHƯƠNG Ở QUẬN 5.

Hội quán Hà Chương tọa lạc ở số 802 đường Nguyễn Trãi, phường 14, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh được Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin ký Quyết định số 52/2001/QĐ-BVHTT ngày 28. 12. 2001 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Hội quán Hà Chương do người Hoa gốc phủ Chương Châu tỉnh Phúc Kiến đến Sài Gòn - Chợ Lớn làm ăn sinh sống xây dựng. Tại hội quán hiện còn cặp liễn đối gỗ treo ở hàng cột thứ 3 của trung điện, chạm chìm chữ Hán "An tứ hải chi ba lan, Nam quốc hàm triêm từ mẫu trạch, Phái cửu thiên chi vũ lộ, Hoa Di cộng mộc thánh ân quang. Gia Khánh Kỷ ty trọng xuân cát đán trùng tạo" (Sai 4 biển lạng sóng, nước Nam đội ơn từ mẫu, Khiến 9 trời mưa móc, người Hoa Di tắm gội ơn Bà. Trùng tu hội quán Hà Chương vào ngày tốt tháng 2 năm Kỷ ty đời Gia Khánh - 1809), từ đó này có thể xác định hội quán Hà Chương được xây dựng trước 1809. Hội quán có kiến trúc tổng thể kiểu "nội công ngoại quốc" giống như kiến trúc tổng thể của hội quán Nhị Phủ, gồm các tòa nhà tiền điện, trung điện, chính điện nằm trên trục dọc, đông lang, tây lang, mái các tòa nhà lợp ngói ống, diềm mái gắn mảnh gốm men xanh hình lá cây.

Mặt tiền hội quán gần giống mặt tiền của hội quán Nhi Phủ, hội quán Hà Chương có kiến trúc đặc trưng của vùng Phúc Kiến với các tầng mái cong vút hoành tráng, gờ nóc và gờ mái gắn tượng thần cưỡi thú bay vào vòng lửa, rồng phượng, cá hóa rồng bằng gốm men, vách tường mặt tiền được xây dựng bằng những phiến đá lớn, trên những phiến đá chạm nổi tinh xảo hình bình hoa, chim thú, long mã, xuyên hoa, rồng cá giỡn nước, tùng hổ. Đặc biệt hai chiếc cột hiên bằng đá với kỹ thuật tạo hình cột rồng, chạm nổi sống động hình rồng mây quấn quanh cột, bát tiên, đây là tác phẩm điêu khắc đá rất ấn tượng có giá trị cao về mỹ thuật. Trước cửa chính có hai tượng lân đá được tạo hình và chạm trổ tinh tế, phía trên cửa chính là biển gỗ tạo hình giống chiếc bài vị, chạm nổi hàng chữ "Hà Chương hội quán" làm năm Mậu thìn đời Đồng Trị - 1868, trên hai trụ cửa đá chạm chìm sắc sảo cặp liên "Hà thái ánh An Nam, thiên vận triệu tu hòa chi khánh, Chương lưu thông Trạch quận, địa linh khai phú hữu chi tường" (Ánh ráng sáng phương Nam, vận trời giúp cho hòa thuận, Dòng Chương thông cõi lạ đất thiêng mở nghiệp giàu sang) làm năm 1868.

Tiền điện là tòa nhà ba gian được xây dựng bằng tường gạch, cột, kèo mái, đòn tay, rui mè gỗ, mái lợp ngói ống. Ở đây có các án thờ Ngọc hoàng đại đế, phía sau là các hoành phi, liên đối gỗ được chạm chìm, chạm nổi sắc nét chữ Hán "Vị quốc vị dân" (Vì nước vì dân), "Nam bang trú tích" (nước Nam rõ vết), "Ân lưu hải diện" (Ơn dài cõi biển) các bức hoành phi này làm năm 1901. "Từ giám cao huyền, băng hồ lang ấn Bồ Điền nguyệt, Ân ba quảng bị, ngọc tọa trường lưu Việt Kiều xuân" (Gương lành treo cao, xây băng hồ cho trắng Bồ Điền soi bóng, Sóng ân trùm khắp, dựng tòa ngọc cho đất Việt mãi xuân) làm năm 1871. Nối liền tiền điện với trung điện là hai hành lang bên phải và bên trái sân thiên tỉnh.

Trung điện là tòa nhà ba gian được xây dựng bằng tường gạch, cột gỗ, đặc biệt có hai chiếc cột bằng đá chạm trở mỹ thuật hình tượng rồng mây giống như hai cột rồng ở hiên tiền điện. Kèo mái, xà, đòn tay, rui mè bằng gỗ tạo thành tòa nhà cao rộng uy nghi, mái lợp ngói ống. Ở đây ngoài cặp liễn đối làm năm Kỷ ty đời Gia Khánh - 1809 như đã trình bày ở phần trên, còn có các bức hoành phi làm năm 1900, được chạm khắc tinh tế chữ Hán "Hải thiên hoạt phật" (Phật sống miền biển), "Khôn đạo duy linh" (Đạo khôn rất linh), "Hóa cập vạn phương" (Cảm hóa muôn phương) làm năm 1871.

Chính điện là tòa nhà ba gian được xây dựng bằng tường gạch, hệ thống cột, kèo chống rất nghệ thuật. Xà, đòn tay, rui mè gỗ tạo thành tòa nhà cao lớn vững chắc, mái lợp ngói ống. Ở vị trí trang trọng của chính điện là án thờ Thiên Hậu Thánh mẫu bằng gỗ cao lớn gắn xuyên hoa và bao lam được chạm trở sống động hình tượng chim hoa và phong cảnh. Các long sàng kiểu sập quì, các án thờ Phúc Đức chính thần, Chú Sinh nương nương, liễn đối, hoành phi, bài vị, các án và vật thờ bằng gỗ này chạm nổi rất đẹp hình rồng mây, chim hoa lá quả, phong cảnh, chữ Hán "Thủ quận minh ân" (Quận đầu ghi ơn), "Hải quốc an lan" (Biển cả lặng sóng), "Hải bang xán yển" (Biển yên ngơi sáng), các hoành phi này làm năm 1901. "Hà vân tổ chức hoán văn chương, tường tập thủy trình, cộng ngưỡng thần lực phù trì ung hỷ chiếu, Chương thủy oanh hồi khai lợi trạch, phong điểm lãng tinh, trù hân thánh lực bảo hộ thụ phúc an" (Hà vân rực ánh văn chương, tập hợp điều lành, mong thần thánh phù trì chỉ bảo, Chương thủy tràn đầy lợi lộc, gió lặng sóng yên, mừng thánh thần bảo hộ an khang) làm năm 1878, "Chí thiết an lan, tồn thần xú hà thanh hải yển, Thân kỳ tế thế, lập niệm thời vật phụ dân phong" (Chí đẹp phong ba, mãi khiến sóng trong biển lặng, Thân lo cứu thế, chỉ mong vật thịnh dân giàu) làm năm 1901, chiếc

chuông bằng hợp kim cao lớn làm năm 1871, được đúc và chạm khắc tinh xảo.

Đông lang và tây lang là hai tòa nhà được xây dựng tường gạch, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè gỗ, mái lợp ngói ống. Đông lang có các án thờ Quan Thánh, Tể Thiên đại thánh, Bao công. Tây lang các các án thờ Nam Hải quan thế âm, Địa Tạng bồ tát và bức hoành phi "Trạch bị hà phương" (Ân trạch trùm khắp) làm năm 1878. Hiện tại hội quán Hà Chương còn lưu giữ 116 cổ vật gắn với di tích gồm liễn đối, hoành phi, bài vị, án thờ, tượng, lư hương, ngũ sự, chuông bằng các chất liệu gỗ, đồng, hợp kim.

Hội quán Hà Chương tổ chức lễ cúng chính Thiên Hậu Thánh mẫu vào ngày 23 tháng 3 âm lịch hàng năm với nghi thức truyền thống của người Hoa vùng Phúc Kiến.



059

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT HỘI QUÁN ÔN LĂNG Ở QUẬN 5.

Hội quán Ôn Lăng tọa lạc ở số 12 đường Lão Tử, phường 11, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin ký Quyết định số 39/2002/QĐ-BVHTT ngày 30. 12. 2002 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Tài liệu "*Hội quán Ôn Lăng – Thành phố Hồ Chí Minh*" do hội quán Ôn Lăng biên soạn năm 2003 cho biết: "Hội quán do người Hoa nhóm ngôn ngữ Phúc Kiến xây dựng vào năm 1740. Là một kiến trúc bằng gỗ và đá, xây dựng theo phong cách kiến trúc đền miếu của người Phúc Kiến. Đá và gỗ được chạm khắc tinh xảo, độc đáo có giá trị lịch sử văn hóa cao, nhất là về giá trị nghệ thuật kiến trúc".

Kiến trúc tổng thể của hội quán kiểu "nội công ngoại quốc" giống như kiến trúc tổng thể của hội quán Nhị Phủ và hội quán Hà Chương, gồm các tòa nhà tiền điện, trung điện, chính điện nằm trên trục dọc, đông lang, tây lang ở hai bên, mái các tòa nhà lợp ngói ống với nhiều tầng mái cong vút hoành tráng, gờ nóc mái và gờ mái gắn tượng gốm men cặp rồng tranh châu, tiên rồng, diềm mái gắn mảnh gốm men xanh hình lá cây. Mặt tiền hội quán nổi bật ở mảng nghệ thuật chạm khắc trên gỗ và phù điêu gốm

với hình tượng rồng mây, chim thú, hoa lá, cảnh sinh hoạt ở thiên đình, phật giáo, phong cảnh, nhà cửa. Ở đây còn có các cặp liên đối gỗ treo ở các hàng cột với kỹ thuật chạm chìm, chạm nổi chữ Hán rất mỹ thuật được làm vào các năm 1897 và 1901 "Nhập thử miếu, thốn tâm tức mục, Đăng tư đỉnh, khể thủ tái tam" (Vào miếu này, tấc lòng hòa hợp, Lên tới đỉnh, cúi lạy ba lần), "Cam vũ hòa phong, lan an hải nhược, Lan tương quế trạo, nhân tụng hà thanh" (Mưa thuận gió hòa, sông êm biển lặng, Thuyền lan chèo quế, ca tụng sông êm). Phía trên cửa chính có biển gỗ hình chiếc bài vị "Ôn Lăng hội quán", hai bên cửa là hai con lân đá được tạo hình và chạm trổ rất mỹ thuật.

Tiền điện là tòa nhà ba gian được xây dựng bằng tường gạch, hệ thống cột, kèo mái chạm trổ tinh xảo hình con nghê và dây lá, xà, đòn tay, rui mè tạo thành tòa nhà rộng rãi vững chắc, mái lợp ngói ống. Bên phải và bên trái tiền điện là các quầy bán hương đèn, tờ gấp giới thiệu về hội quán cho khách tham quan. Ở giữa là chiếc đỉnh gang cao lớn "Ôn Lăng hội quán" và chiếc bàn bằng đá để bằng xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia hội quán Ôn Lăng trong khung kính. Ở đây có các hoành phi gỗ to lớn làm năm 1901 được ghép nổi tinh tế chữ Hán "Toàn Mân tụng đức" (Người Phúc Kiến ca tụng đức lớn của Bà), "Hải quốc từ hàng" (Thuyền từ giúp người đi biển), "Trạch phu trung ngoại" (Ăn trạch trùm khắp). Các cặp liên đối làm vào các năm 1880, 1897, 1901 được chạm khắc tinh xảo hình tượng rồng mây, chữ Hán, thép màu rực rỡ" Chu tiếp mộng ân, hàm vọng Bồ Điền y thánh mẫu, Hình hương báo đức, hân chiêm Việt tưng trú từ vân" (Thuyền chèo mong ơn, hướng về xứ Bồ Điền, Dâng hương báo đức, mây lành che đất Việt).

Trung điện là tòa nhà được xây dựng kiểu nhà tứ trụ đơn giản với 4 cột vuông bằng xi măng đá rửa, đỡ 2 vì

kèo mái bằng xi măng cốt sắt tạo thành căn nhà một gian hai mái lợp ngói ống. Ở đây có án thờ Ngọc hoàng, xung quanh có các hoành phi, liễn đối gỗ chạm khắc tinh tế chữ Hán, hình tượng rồng mây có màu sắc rực rỡ, làm vào các năm 1879, 1899, 1901 "Ôn nhã đường đăng, giảng tín tu trung, tài hoa truyền Bắc nguyệt, Lăng sùng thất tự, phụ nhân tiếp lễ, văn vật tráng Nam bang" (Ôn Lăng hòa nhã kết đoàn, dạy chữ tín học chữ trung, tài hoa truyền cửa Bắc, Ôn Lăng tín tưởng quây quần, làm việc nhân giữ việc lễ, văn vật rạng trời Nam), "Hậu đức phối thiên" (Đức Bà tựa trời cao), "Hải quốc trường xuân" (Biển cả trường xuân).

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu nhà tứ trụ, cột cao lớn, kèo mái, dàn mái bằng xi măng cốt sắt tạo thành tòa nhà cao lớn uy nghi. Ở đây có các án thờ Thiên Hậu Thánh mẫu uy nghi, Phúc đức chính thần, Chú Sinh nương nương, các án thờ bằng gỗ này làm năm Đinh Dậu - 1897, được chạm lộng, chạm nổi tinh xảo hình tượng cặp rồng châu mặt trắng, chim thú, hoa lá. Ở đây còn có hoành phi, liễn đối gỗ làm vào các năm 1898, 1901, được chạm khắc chữ Hán, rồng mây, hoa lá tinh tế như "Dữ thiên địa thiên" (Bé nhỏ trước trời đất), "Huống chiêu lan diêm" (Khiến sóng yên biển lặng), "Tứ phụ trung ngoại" (Nhân từ ban bố khắp), "Ôn văn đàn thẳng thống thiên thu, hành lý vãng lai, khoái chiêm thủ địa, Lăng tiết bất thi hợp ngũ áp, nhân tài cõi túy, lạc xứ đồng đường" (Văn vật Ôn Lăng sáng ngàn năm, người vãng lai đều mến đất này, Khí tiết Ôn Lăng hợp năm áp, nhân tài vui vẻ cùng một nhà).

Thiên tỉnh có án thờ đại từ đại bi Quan Thế Âm bồ tát.

Hậu điện là tòa nhà bảy gian được xây dựng bằng tường gạch, mái lợp ngói ống. Ở đây có các án thờ Thần Tài, Mã Tướng quân, Thái tuế, Văn Xương đế quân, Quan Âm bồ tát, Quan Thánh đế quân, Bao công, Quảng Trạch tôn vương và 10 hoành phi gỗ được làm vào các năm

1829, 1887, 1888, 1875, 1880, 1901, 1871, 1878, 1897, 1841, 1883.

Đông lang và tây lang là hai tòa nhà được xây dựng bằng tường gạch mái lợp ngói ống. Tại đông lang có các án thờ Hoa Quan đại đế, Tề Thiên đại thánh, Tử Vi tinh quân, Địa mẫu, Thiên phụ, mười tám vị La Hán, Tam bảo Phật tổ. Tây lang có án thờ Thành hoàng. Hiện tại hội quán Ôn Lăng còn lưu giữ 123 cổ vật gắn với di tích gồm liễn đối, hoành phi, bài vị, án thờ, lư hương, ngũ sự, tượng bằng các chất liệu gỗ, đồng, hợp kim.

Hội quán Ôn Lăng tổ chức lễ cúng chính Thiên Hậu Thánh mẫu vào ngày 23 tháng 3 âm lịch hàng năm với nghi thức lễ truyền thống của người Hoa.



060

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT HỘI QUÁN NGHĨA NHUẬN Ở QUẬN 5.

Hội quán Nghĩa Nhuận tọa lạc ở số 27 đường Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa ký Quyết định số 43-VH/QĐ ngày 7. 1. 1993 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

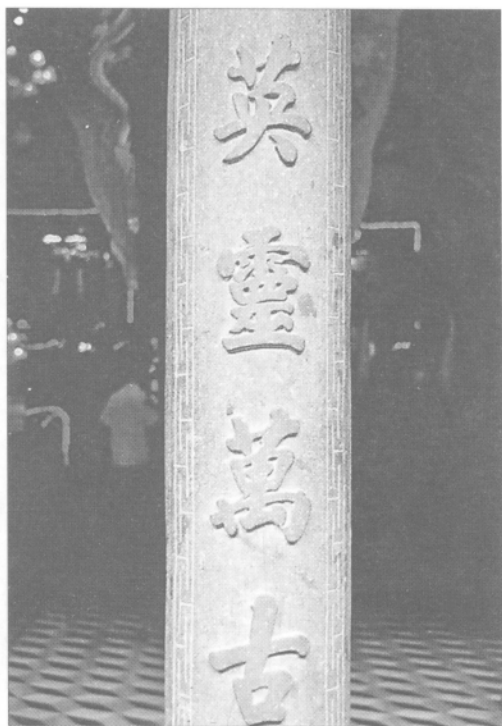
Tại hội quán hiện còn tờ Sắc do vua Tự Đức ban cho Thân Thành hoàng bản cảnh thôn Tân Nhuận, huyện Tân Long ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853) là "Thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng". Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức có ghi năm 1818 thôn Tân Nhuận thuộc tổng Tân Phong, huyện Tân Long, thành Gia Định. Từ các căn cứ này có thể xác định đình Tân Nhuận do người Việt xây dựng vào khoảng thời gian từ 1818 đến 1852. Trên văn bia trùng tu hội quán Nghĩa Nhuận năm Kỷ mao 1879 thì đình Tân Nhuận được người Hoa ở đây xây dựng lại bằng vật liệu gạch, đá, gỗ được chạm khắc tinh tế, độc đáo theo phong cách kiến trúc cổ của người Trung Quốc và được đổi tên là hội quán Nghĩa Nhuận.

Kiến trúc tổng thể của hội quán kiểu chữ khẩu gồm các tòa nhà tiền điện, thiên tỉnh, chính điện nằm trên trục



Chạm nổi trên gỗ tại hội quán Nghĩa Nhuận ở quận 5.

dọc, mái các tòa nhà lợp ngói âm dương, diềm mái gắn mảnh gốm men xanh hình lá cây, gờ nóc mái ngang phẳng trang trí tượng gốm men cặp rồng tranh châu, mái của tòa nhà chính điện cao hơn mái của tòa nhà tiền điện. Trên khung cửa chính bằng đá, chạm chìm chữ Hán "Nghĩa Nhuận hội quán", hai bên cửa chính chạm chìm cặp liễn đối trên đá màu trắng "Số định tam phân, phò Hán thất, thảo Ngô phạt Ngụy, tân khổ vị thường vị liễu bình sinh sự nghiệp, Chí tồn nhất thống, tá hy triều, phục khẩu hàng ma, uy linh phi chấn, chỉ hoàn đương nhật tinh trung" (Số trời đã định chia làm ba nước Hán, Ngụy, Ngô, giúp nhà Hán đánh Ngô phạt Ngụy, trải nhiều cay đắng mà chưa hoàn thành sự nghiệp, Chí hướng mong diệt Ngụy Ngô để quy về một mối, giúp triều đình diệt



**Chạm nổi chữ Hán trên cột đá tại hội quán
Nghĩa Nhuận ở quận 5.**

giặc trừ tà, uy linh vang dội, chỉ mong trung nghĩa vẹn toàn). Hai bên cửa chính có cặp lân đá ngồi chầu được tạo hình và chạm trổ rất mỹ thuật, đặc biệt là hai chiếc cột hiên bằng đá được tạo hình cột rồng với kỹ thuật chạm nổi hình rồng quấn quanh cột, đây là các tác phẩm nghệ thuật chạm khắc trên đá rất ấn tượng.

Tiền điện là tòa nhà ba gian được xây dựng bằng tường gạch, cột gỗ và cột đá, kèo mái kiểu kèo chồng nhiều tầng được chạm khắc tinh xảo, đòn tay, rui mè gỗ tạo thành tòa nhà cao rộng, mái lợp ngói âm dương. Ở đây có các án thờ bên phải thờ Thần mã tức ngựa Xích thố của Quan Công, Tả thần môn (Thần cửa bên Tả). Bên trái thờ Hữu



Ghế gỗ cổ ở hội quán Nghĩa Nhuận ở quận 5.

thần môn, Chiến sĩ trận vong. Nghệ thuật chạm khắc trên gỗ ở bức bình phong cao lớn ở giữa tiền điện rất ấn tượng với kỹ thuật chạm lõng, chạm nổi, chạm chìm các đề tài rồng phượng, trời mây, biển núi, người thú, chim hoa, nho sóc, mai lan cúc trúc, cặp rồng châu mặt trời, đàn cờ thơ họa tuyệt đẹp ở mặt trước và mặt sau của bức bình phong. Các bức cuốn thư, hoành phi, liễn đối gỗ được chạm khắc tinh xảo hình tượng rồng mây, chữ Hán "Nghĩa Nhuận hội quán", "Chính khí phù luân" (Chính khí giúp xoay chuyển) làm năm 1875, "Vạn cổ anh linh" (Muôn thuở anh linh) làm năm 1897, "Nghĩa khí trùng quang" (Nghĩa khí sáng mãi) làm năm 1880.

Thiên tỉnh là nơi để các loại cây cảnh lâu năm và chiếc đỉnh gang cổ xưa cao lớn, nền sân Thiên tỉnh được lát bằng những phiến đá xanh to lớn.

Chính điện là tòa nhà ba gian được xây dựng bằng tường gạch, cột gỗ và cột đá, kèo mái, đòn tay, rui mè tạo thành tòa nhà cao rộng uy nghi, mái lợp ngói âm dương. Ở vị trí chính giữa là án thờ Quan Thánh đế quân cao lớn bằng gỗ được chạm trổ tinh xảo hình tượng cặp rồng châu mặt trời. Bên trái là án thờ Thiên Hậu nguyên quân bằng gỗ chạm trổ hình tượng cặp chim phượng hoàng châu mặt trăng. Bên phải là án thờ thần Thành hoàng bản cảnh bằng gỗ chạm khắc tinh tế hình mặt trời, hươu nai, hoa lá. Trong án thờ hiện có hai tờ Sắc vua Tự Đức ban cho Thần Thành hoàng bản cảnh thôn Tân Nhuận, huyện Tân Long và lân Thanh Bình, huyện Bình Dương ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853) là "Thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng". Ở đây còn có các hoành phi gỗ làm vào các năm 1879, 1881 được chạm khắc tinh tế "Thiên địa đồng lưu" (Đất trời cùng chuyển), "Khí tráng sơn hà" (Non sông khí mạnh), "Hà trung nhạc dục" (Khí thiêng sông núi), "Hàm hoàng quang đại" (Đội ơn Quan Thánh), "Hộ quốc tỵ dân" (Giúp nước cứu dân). Cặp liễn đối chạm nổi sắc sảo chữ Hán trên cột đá màu trắng "Nghĩa dũng kị trung can, anh linh vạn cổ, Nhuận uy tề nhật nguyệt, bình chính thiên thu" (Nghĩa dũng tới trung can, anh linh muôn thuở, Nhuận uy tựa nhật nguyệt, chính khí ngàn thu). Ngoài ra còn nhiều bàn ghế gỗ cổ khảm trai tinh tế. Hiện tại hội quán Nghĩa Nhuận còn lưu giữ 139 cổ vật gắn với di tích gồm sắc phong thần, liễn đối, hoành phi, bài vị, án thờ, bình phong, lư hương, đỉnh hương, bàn ghế bằng các chất liệu giấy bản, gỗ, đồng, hợp kim.

Đông lang và tây lang là hai tòa nhà được xây dựng bằng tường gạch, kèo mái gỗ, mái lợp ngói âm dương. Tây

lang dùng làm văn phòng của Ban quản trị hội quán và là nơi tiếp khách, hội họp.

Hội quán Nghĩa Nhuận tổ chức lễ cúng chính hàng năm vào các ngày 24 tháng 6 âm lịch là Lễ cúng Quan Thánh đế quân. Ngày 7 tháng 8 âm lịch là lễ Kỳ yên. Ngày 23 tháng 3 âm lịch là lễ cúng Thiên Hậu Thánh mẫu.



061

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT HỘI QUÁN TUỆ THÀNH Ở QUẬN 5.

Hội quán Tuệ Thành tọa lạc ở số 710 đường Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa ký Quyết định số 43-VH/QĐ ngày 7. 1. 1993 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Hội quán Tuệ Thành do người Hoa gốc phủ Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông đến Sài Gòn - Chợ Lớn làm ăn buôn bán xây dựng để thờ Thiên Hậu Thánh mẫu phù hộ cho họ đi biển được an toàn. Hiện nay chưa có nguồn tư liệu thành văn nào nói rõ hội quán Tuệ Thành được xây dựng từ khi nào. Tại trung điện hiện còn bức hoành phi to lớn bằng gỗ chạm nổi tinh xảo hình tượng cặp rồng tranh châu, chữ Hán "Hàm hoàng quang đại. Gia Khánh ngũ niên quý xuân cốc đán, chúng thương đẳng trùng kiến lập" (Tòa sáng muôn nơi. Các nhà buôn trùng tu hội quán Tuệ Thành, lập và cúng hoành phi vào ngày tốt tháng 3 năm Gia Khánh thứ 5 - 1800), từ căn cứ này có thể xác định hội quán Tuệ Thành được xây dựng trong khoảng thời gian trước năm 1800. Kiến trúc tổng thể của hội quán kiểu nội công ngoại quốc gồm các tòa nhà tiền điện, trung điện, nhà hương, chính điện nằm trên trục dọc, đồng lang, tây lang ở hai

bên, mái các tòa nhà lợp ngói âm dương, gờ nóc mái ngang phẳng được gắn những khối phù điêu gốm men hình tượng cặp rồng tranh châu, cảnh sinh hoạt ở thiên đình, bát tiên, chim hoa, sông núi cỏ cây rất mỹ thuật, gờ mái hơi cong, trang trí nhiều hình tượng gốm nghệ thuật, diềm mái gắn mảnh gốm men xanh hình lá cây. Ở hàng song sắt trước cửa chính có cặp liên đối bằng đồng với kỹ thuật gắn nổi chữ Hán được làm vào năm Kỷ Dậu, năm thứ 2460 ngày sinh của Khổng Tử - 1909: "Mộ cổ thân chung đồng giác ngộ, Âu phong Á vũ lương điều hòa" (Trống tối chuông mai cùng giác ngộ, Gió Âu mưa Á, thủy điều hòa), hai bên cửa là cặp lân đá ngồi châu được tạo hình và chạm trổ rất mỹ thuật.

Tiền điện là tòa nhà ba gian được xây dựng bằng tường gạch, kèo mái chạm trổ tinh xảo, xà, đòn tay, rui mè gỗ tạo thành tòa nhà cao rộng vững chắc, mái lợp ngói âm dương. Ở đây có án thờ Phúc Đức chính thần bằng gỗ được chạm khắc tinh xảo hình tượng rồng mây, chim hoa lá quả, cặp liên đối gỗ chạm chìm sắc sảo chữ Hán làm năm 1910 "Bình đại hải chi ba lan, chỉ trụ trung lưu, nhiều hữu hồi thiên phách lực, Đẳng tư dân ư nhâm tịch, an cao hạ đãi, túc chứng ngã hậu bà tâm" (Trên biển dẹp sóng cuồng, cột đá giữa dòng, phách mạnh xoay trời chuyển đất, Đưa người lên đất phúc, ơn bà khắp cõi, lòng từ giúp nước yên dân), và 16 tấm biển gỗ cấm trên giá, chạm nổi tinh tế rồng mây, chữ Hán làm năm Quang Tự thứ 1 - 1875 "Phúc Đức chính thần", "Long Mẫu nương nương"...

Hai bên sân thiên tỉnh là hai hành lang nối liền tiền điện với trung điện. Thiên tỉnh có tác dụng điều hòa ánh sáng tự nhiên và thoát khói hương cho khu vực trung điện và nhà hương. Hai bên gờ mái đứng của thiên tỉnh nhìn lên ta thấy những mảng phù điêu gốm nghệ thuật tả cảnh sinh hoạt của con người, tả cảnh sông núi cỏ cây sống động.

Trung điện là tòa nhà ba gian được xây dựng bằng tường gạch, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè tạo thành tòa nhà cao rộng, mái lợp ngói âm dương. Ở đây trưng bày dàn ống bơm nước chữa cháy bằng đồng chế tạo năm 1898, chiếc thuyền từ bằng gỗ của Thiên Hậu được tạo hình và chạm trổ tinh xảo hình tượng rồng mây, chim hoa, bộ ngũ sự cao lớn bằng hợp kim làm năm 1886, các hoành phi, liễn đối gỗ chạm nổi tinh tế chữ Hán, rồng mây "Hàm hoàng quang đại" làm năm 1800, "Hiếu nữ tác thần tiên, bạch nhật thăng tam thiên giới dĩ thượng, Từ vân phu lãnh hải, hồng đăng triệt cửu, vạn lý nhi dao" (Hiếu nữ hóa thần tiên, mặt trời soi bóng ba ngàn giới, Mây lành trùm lãnh hải, đèn hồng chiếu rọi chín vạn xa) làm năm 1910.

Nhà hương là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ, cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè bằng gỗ tạo thành tòa nhà một gian cao rộng, thông thoáng, mái lợp ngói âm dương. Ở đây có bốn chiếc lư đồng to lớn làm năm Quang Tự thứ 2 - 1876 để mọi người niệm hương.

Chính điện là tòa nhà ba gian được xây dựng bằng tường gạch, cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè gỗ tạo thành tòa nhà cao lớn uy nghi, mái lợp ngói âm dương. Ở đây có các án thờ Thiên Hậu Thánh mẫu, Kim Hoa nương nương, Long Mẫu nương nương bằng gỗ cao lớn màu sắc rực rỡ, được chạm trổ tinh xảo hình tượng cặp rồng châu mặt trắng, chim hoa lá quả, các hoành phi, liễn đối, bài vị gỗ chạm trổ mỹ thuật đề tài rồng mây, chữ Hán "Việt hải ngưỡng từ huy, vật phụ nhân khang đồng kiều phúc địa, Hàn giang chiêm hậu trạch, lư ca lý chúc cộng mộc ân ba" (Biển Việt ngóng diễm lành, vật thịnh người vui nơi đất phúc, Sông Hàn trùm ân trạch, thôn xóm vui ca gọi sổng ơn), "Tôn thánh tạ thần quyền, nguyên đương niên nghĩa trọng, Tuệ Thành đặc khai xã hội, Hợp dân liên tộc giới, hướng ngã bồi tình ân, tử lý vuu ái nhân quần" (Tôn thánh nhờ thần

quyền, vì nghĩa nặng ban đầu, Tuệ Thành mở mang cơ nghiệp, Họp dân nhờ trăm họ, vì ân nghĩa quê hương, ưu ái mọi người), các cặp liễn đối này làm năm 1910, chiếc chuông gang cao lớn làm năm Cần Long thứ 60 - 1795, chiếc lư đồng to lớn làm năm Quang Tự thứ 2 - 1876.

Đông lang và tây lang được xây dựng bằng tường gạch, mái lợp ngói âm dương, được sử dụng làm hội trường, phòng tiếp khách và văn phòng làm việc của Ban Quản trị hội quán. Hiện tại hội quán còn lưu giữ 217 cổ vật gắn với di tích gồm liễn đối, hoành phi, bài vị, án thờ, tượng, lư hương, đỉnh hương, ngũ sự... bằng chất liệu gỗ, đồng, đá, gốm.

Hội quán Tuệ Thành tổ chức lễ cúng chính Thiên Hậu Thánh mẫu vào ngày 23 tháng 3 âm lịch hằng năm với nghi thức lễ truyền thống của người Hoa vùng Quảng Đông.



062

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐÌNH TÂN KIỂNG Ở QUẬN 5.

Đình Tân Kiểng (kiểng tức cảnh đọc chệch) tọa lạc trong khu dân cư đông đúc, ở số 718 đường Trần Hưng Đạo, phường 2, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, được Hội đồng xét duyệt Công nhận Di tích Lịch sử Văn hoá, Danh lam Thắng cảnh Thành phố Hồ Chí Minh xét đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố (sẽ có quyết định trong thời gian tới).

Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức có ghi năm 1818 thôn Tân Kiểng thuộc tổng Dương Hòa, huyện Bình Dương. Từ căn cứ này có thể xác định đình Tân Kiểng do người Việt xây dựng vào khoảng thời gian từ năm 1818. Kiến trúc tổng thể của đình gồm tòa nhà võ ca, tiền điện, chính điện nằm trên trục dọc, miếu Bà nằm ở hông bên trái chính điện (hướng nhìn từ ngoài vào).

Võ ca là tòa nhà được xây dựng bằng tường gạch, mái lợp tole kẽm.

Tiền điện là tòa nhà có kiến trúc kiểu tứ trụ. Về cơ bản kiến trúc tứ trụ truyền thống là kiểu kiến trúc mà phần chính giữa của tòa nhà có bốn cây cột cái cao bằng nhau



Chiếc lư bằng gỗ tại đình Tân Kiểng ở quận 5.

đứng ở bốn vị trí cố định có khoảng cách trên dưới, bên phải bên trái đều nhau tạo thành một hình vuông. Bốn cột cái được chia làm hai cặp cột, cặp cột bên phải và cặp cột bên trái. Đầu trên của hai cặp cột này đỡ hai vì kèo mái, kết nối hai đầu cột với nhau là một xà câu đầu, đầu trên của con đội đỡ vị trí giao nhau của hai đầu kèo mái, phần chân của con đội đặt ở vị trí chính giữa của xà câu đầu. Hai cặp cột cái được liên kết vững chắc với nhau bằng hai cây xà ở vị trí phía trước và phía sau. Từ phần đầu của hai cặp cột cái này phát triển vì kèo ra phía trước, phía sau, ra bên phải, bên trái bằng những đoạn kèo nối hoặc những đoạn kèo đâm xiên. Các cây cột con có độ cao theo quy định, được định vị ở phía trước, phía sau, phía bên phải, phía bên trái của bốn cây cột cái, chúng có tác dụng đỡ các đoạn kèo nối, đuôi của các đoạn kèo nối và các đoạn kèo đâm xiên, kết hợp dàn mái có đòn tay, rui mè, ngói lợp, tạo thành tòa nhà uy nghi, cao rộng có bốn mái, có thể có bốn mái bằng nhau hoặc hai mái trước bằng nhau và hai mái bên trái, bên phải bằng nhau. Tiền điện của đình Tân Kiểng cũng được xây dựng theo kiểu nhà tứ trụ nhưng

có nhiều điểm khác biệt với kiểu kiến trúc tứ trụ truyền thống. Ở đây có bốn cây cột tròn to lớn nửa dưới được làm bằng xi măng cốt sắt, nửa trên bằng gỗ. Từ phần chân của mỗi đoạn cột gỗ có ba đoạn kèo đâm vuông góc ra các phía trước, sau, bên phải, bên trái của cây cột tạo hình nan quạt. Phần đầu của mỗi đoạn cột gỗ đỡ hai vì kèo mái, mỗi vì kèo có xà câu đầu và ba cây chống kèo tạo hình nan quạt. Từ đầu trên của mỗi đoạn cột gỗ có ba đoạn kèo đâm xiên ra các phía trước, sau, bên phải bên trái của đầu cột. Phần đuôi của các đoạn kèo đâm xiên này gặp phần đuôi của các đoạn kèo đâm vuông góc ở phía dưới được các cây cột bằng xi măng cốt sắt và tường bao đỡ lấy cùng các cây xà, dàn mái có đòn tay, rui mè, ngói lợp tạo thành tòa nhà có mái trước, mái sau bằng nhau, mái bên trái, bên phải bằng nhau. Ở đây có án thờ Quan Thánh bằng gạch men, cặp hạc cao lớn đứng trên lưng rùa bằng xi măng cốt sắt, hai dàn lỗ bộ, chiêng đồng, trống mõ gỗ. Các liễn đối, hoành phi bằng gỗ ở đây được chạm khắc tinh xảo chữ Hán "Thần nãi dân sở y, vi đức kỳ thịnh. Địa dĩ nhân nhi thăng, hữu khai tất tiên" (Thần là bậc dân nhờ, nên đức phải thịnh, Đất có người nên đẹp, ai mở là công) do Án sát sứ Ty Đề hình Án sát các địa phương tỉnh Gia Định viết chữ năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853). "Hách hách tinh quang vu vũ miếu, anh linh thiên cổ tại. Ưông tường huệ trạch đạt gian khai, bố đức thập tải kang" (Hiển hách rạng ngời đền miếu, anh linh tự ngàn xưa, Bao la ân huệ còn vĩnh viễn, đức thần ban bố mãi) do Phó Chủ sự Phạm Thạnh Đức cúng vào ngày lành tháng tốt năm Tân hợi - 1911. "Vĩnh triêm thần ân" (Mãi đời ơn thần) do tín nữ Đặng Thị Sử cúng vào ngày 15 tháng 2 năm Canh ngọ.

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu nhà tứ trụ giống như tòa nhà tiền điện, chỉ khác biệt ở chỗ chính điện có hai tầng mái lợp ngói âm dương, bốn mái tầng dưới bằng nhau, mái trước, mái sau của tầng mái trên bằng nhau,

mái bên trái, bên phải bằng nhau. Giữa hai tầng mái là khoảng trống có tác dụng thông thoáng, điều hòa ánh sáng tự nhiên ở chính điện. Ở đây có các án thờ Quan Thánh, Tiên sư, Tứ vị thần bằng gạch men, hai dàn lỗ bộ, cặp hạc đứng trên lưng rùa bằng xi măng cốt sắt biểu tượng cho xã tắc bền vững, vững thân, ngựa Xích thố, chiêng trống, Tiền hiền, Hậu hiền làm năm 1920, Tả ban, Hữu ban, Thần tài, liệt sĩ có công, các án thờ này được làm bằng gỗ, được chạm trổ tinh tế hình tượng cặp rồng châu mặt trời, cột rồng mây, chim hoa lá quả. Đặc biệt án thờ Quan Thánh bằng gỗ được tạo hình và chạm trổ tinh xảo hình tượng cặp rồng châu mặt trời, hoa lá quả, chữ Hán, giữa án thờ có bài vị gỗ chạm khắc rất đẹp chữ Hán, rồng mây, chiếc hộp gỗ đựng Sắc phong, chiếc lư hương bằng gỗ hình chữ nhật, mặt trước và mặt sau chạm nổi sống động hình tượng chim phượng hoàng. Ở chính điện còn bức hoành phi gỗ chạm chìm tinh tế chữ Hán "Ân uy đức trạch" làm năm Tân sửu - 1901 và hai chiếc đòn gổm cổ men xanh hình con tiện.

Miếu Bà là tòa nhà nhỏ nằm ở hông trái của tòa nhà chính điện được xây dựng bằng tường gạch, mái lợp ngói âm dương. Ở đây có án thờ Thánh phi Phi Yến triều Nguyễn, án thờ bằng gỗ với kỹ thuật chạm lộng đề tài rồng mây, nho sóc tinh tế. Hiện tại đình còn lưu giữ một số cổ vật gắn với di tích như liễn đối, hoành phi, lư hương, án thờ... bằng chất liệu gỗ, đồng.

Đình Tân Kiểng tổ chức lễ Kỳ yên hàng năm vào ngày 16 tháng 2 âm lịch với nghi thức lễ truyền thống.



063

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT CHÙA SẮC TỨ HUỆ LÂM Ở QUẬN 8.

Chùa Sắc tứ Huệ Lâm tọa lạc tại số 154 đường Tùng Thiện Vương, phường 11, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ký quyết định số 186/2005/QĐ-UBND ngày 12. 10. 2005 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố.

Trên hai cây cột gỗ ở chính điện, chạm chìm cặp liên đối chữ Hán "Huệ Lâm tự, tiền Chiêm Thị Mai tạo, kinh nhất bách dư niên dĩ tộ chí. Nhâm tý niên tứ nguyệt cát nhật, Tổng đốc Đỗ phu nhân Trần thị trùng tu" (Chùa Huệ Lâm trước đây do bà Chiêm Thị Mai xây dựng, đã hơn một trăm năm hư hỏng đã nhiều. Ngày tốt tháng 4 năm Nhâm tý - 1912, bà họ Trần phu nhân của Tổng đốc Đỗ Hữu Phương trùng tu chùa Huệ Lâm). Kiến trúc tổng thể của chùa gồm các tòa nhà chính điện, hậu điện nằm trên một trục dọc, mái các tòa nhà lợp ngói móc, diềm mái gắn mảnh gốm men xanh hình lá cây, gờ nóc mái ngang phẳng được trang trí cặp rồng tranh châu bằng gốm men, gờ mái xuôi có gắn tượng gốm men hình ông nhật, bà nguyệt, chim phượng hoàng, hình lân.

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ với bốn cột gỗ lớn đỡ hai vì kèo mái, mỗi vì kèo có xà câu đầu và

con đội. Từ đầu của bốn cột cái phát triển các vì kèo ra phía trước, phía sau, ra bên phải, bên trái bằng những đoạn kèo nối, và những đoạn kèo dầm xiên. 60 cây cột con có độ cao thấp theo quy định trong đó có 14 cột gỗ tròn kê trên đá tảng hình con tiện, còn lại là các cột tròn bằng xi măng cốt sắt hoặc các cột gạch liền với tường bao cùng các hàng cột của hiên trước, hiên sau, hiên bên phải và hiên bên trái đỡ các phần kèo nối, các đuôi kèo được phát triển từ đầu bốn cột cái xuống cùng với các cây xà, dàn mái có đòn tay, rui mè, ngói lợp tạo thành tòa nhà chính diện uy nghi, cao rộng có bốn mái trong đó mái trước và mái sau bằng nhau, mái bên trái và mái bên phải bằng nhau. Ở đây có các án thờ Định Phúc táo quân, Chúa Tiên nương nương, Phúc Đức chính thần, Thập điện minh vương, Chuẩn Đề, Địa Tạng, Địa Mẫu. Trên các án thờ cao lớn ốp gạch men có các pho tượng cổ bằng gỗ được tạo hình và chạm trổ tinh xảo, ngoài ra còn có chiếc trống và chiếc chuông to lớn treo ở hai chiếc giá gỗ chạm trổ tinh tế hình tượng rồng mây được làm năm 2002. Ở vị trí trang trọng của chính diện là án thờ Phật tổ ốp gạch men với tượng Phật tổ cao lớn bằng xi măng ở tư thế ngồi thiền ung dung tự tại, phía trước là tượng Phật đàn sinh ở tư thế đứng. Phía trước tượng Phật đàn sinh là năm bức phù điêu gỗ chạm nổi năm vị Bồ tát cười thú rất mỹ thuật, phía trước năm phù điêu là tượng bảy vị Dược sư, phía ngoài cùng là án thờ ốp gạch men thờ Phật Tam thế. Ở đây còn có các cặp liễn đối được chạm chìm chữ Hán trên cột và hoành phi gỗ với kỹ thuật tạo hình và chạm khắc tinh xảo chữ Hán, hoa lá "Huệ Lâm tự" (Chùa Huệ Lâm) làm năm Kỷ hợi - 1899, "Sắc tứ Huệ Lâm tự" (Chùa Sắc tứ Huệ Lâm) do vua Thành Thái ban sắc năm Kỷ hợi - 1899, "Huệ Lâm tự, tiền Chiêm Thị Mai tạo, kinh nhất bách dư niên dĩ tộ chí, Nhâm tý niên, tứ nguyệt cát nhật, Tổng đốc Đỗ phu nhân Trần thị trùng tu" (đã dịch nghĩa ở phần trên), "Xưởng vạn đức

hồng danh, tổng ngũ trần hàm giai thanh tịnh, Lễ thiên hoa bảo tướng, thống lục căn vô bất quy y" (Niệm "Vạn đức hồng danh", năm trần thấy đều thanh tịnh, Bái "Thiên hoa bảo tướng", sáu căn ai cũng quy y), "Ái đài tường vân, Phật nhật tăng huy vu tứ đại, Phiêu phi di thủy, pháp luân thường chuyển vu tam thiên" (Mờ ảo mây lành, Phật nhật sáng tỏa nơi "tứ đại", Phất phơ diễm lệ, pháp luân thường cội "tam thiên").

Tổ đường được phân chia với chính điện bằng bức tường ngăn. Trên án thờ tổ thờ các vị hòa thượng tổ phái Lâm Tế gia phổ như Hoàng Ân Minh Khiêm đời thứ 38. Liễu Lộ Quảng Thành đời thứ 39... Các bài vị gỗ được tạo hình, chạm nổi, chạm chìm sắc sảo chữ Hán, hình tượng rồng mây. Đặc biệt là án thờ Ni Trưởng Hồng Tịnh Giác Nhẫn đời thứ 40 Lâm Tế Gia phổ chùa Sắc tứ Huệ Lâm. Ni trưởng sinh năm Kỷ mùi - 1919, viên tịch năm Quý mùi - 2003. Tại Tổ đường còn có liễn đối, hoành phi gỗ với kỹ thuật ghép nổi, chạm nổi, chạm lõng, chạm chìm tinh tế đề tài chữ Hán, chim hoa "Tổ ấn trùng quang" (Ấn tổ lại sáng) làm năm Giáp tý - 1912, "Lịch kiếp vi minh quân, vi lương tướng, vi hiệu tử, vi đạo sư, vận dụng chân như kết vô lượng thiện duyên, trang nghiêm phúc hải, Hiện thế khí trần bảo, khí thể nôi, khí quốc thành, khí vương vị, viên thành đại giác, khiết hằng sa diệu pháp, bạt tế mê luân" (Kiếp trước làm vua sáng, làm tôi hiền, làm con hiếu, làm thầy hay, vận dụng chân như, kết duyên lành vô lượng, trang nghiêm biển phúc, Đến nay bỏ trần bảo, bỏ thể thiếp, bỏ thành quách, bỏ ngai vàng, hoàn thành giác ngộ, đem phép diệu bất tận, cứu giúp người mê). Tổ đường còn là văn phòng làm việc của các ni sư trong chùa. Phía sau tòa nhà chính điện là sân thiên tỉnh có đặt hòn non bộ và các loại cây cảnh. Hiện tại chùa còn lưu giữ một số cổ vật gắn với di tích như liễn đối, hoành phi, bài vị, án thờ, lư hương, tượng bằng các chất liệu gỗ, đồng.

Hậu điện là tòa nhà năm gian hai mái được xây dựng bằng tường gạch, cột, kèo mái, đòn tay, rui mè bằng gỗ, mái lợp tole xi măng. Ở cửa hậu điện là án thờ Phật Chuẩn đề bằng gỗ được chạm nổi tinh xảo hình tượng tứ linh (long lân quy phượng), dây lá. Hậu điện còn là nơi trai phòng của ni sư trong chùa.

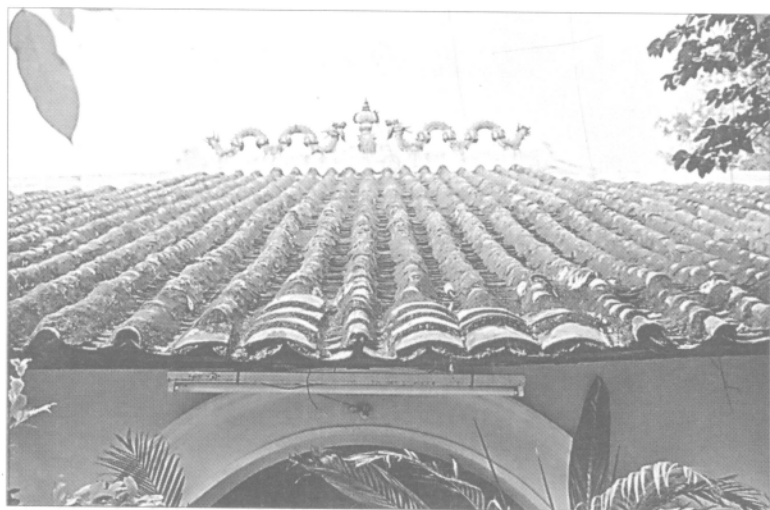


**XIN CHO BIẾT VỀ
DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT
ĐÌNH HƯNG PHÚ Ở QUẬN 8.**

Đình Hưng Phú tọa lạc ở số 617/19 đường Bến Ba Đình, phường 9, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ký quyết định số 187/2005/QĐ-UBND ngày 12. 10. 2005 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố.

Địa chí Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 1988 có ghi, năm 1836 thôn Hưng Phú thuộc tổng Tân Phong Trung, huyện Tân Long, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định. Tại đình hiện còn tờ sắc vua Tự Đức ban cho Thần Thành hoàng bản cảnh thôn Hưng Phú, Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi Phi Vận tướng quân Tùng Giang Văn Trung dâng thần (Nguyễn Phục) ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853) là "Hiển văn Chiêu tiết Phương hiền Tuấn vọng Quang ý Trung dâng thần". Từ những căn cứ trên có thể xác định đình Hưng Phú được xây dựng trong khoảng thời gian từ 1836 đến 1852.

Đình Hưng Phú tọa lạc trong khu dân cư đông đúc, có kiến trúc tổng thể gồm các tòa nhà tiền điện, chính điện, nhà túc nằm trên trục dọc, mái các tòa nhà lợp ngói âm dương, gờ nóc mái ngang phẳng có gắn tượng gốm men cặp rồng tranh châu, gờ mái xuôi thẳng bề góc từng đoạn



Mái Đình Hưng Phú ở quận 8.

ngắn. Mặt tiền của đình thấp, phía trước đình là khoảng sân nhỏ hẹp có bình phong Sơn quân, án thờ Thần Nông, các miếu nhỏ bằng gạch thờ thần Thành hoàng bản cảnh, Ngũ Hành nương nương.

Tiền điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ với bốn cây cột cái bằng gỗ tròn cao lớn đỡ hai vì kèo mái bằng gỗ, mỗi vì kèo thường có xà câu đầu kết nối hai đầu cột có con đội hay còn gọi là cột chống kèo được đặt ở vị trí chính giữa của xà câu đầu, có tác dụng chịu lực đỡ phía trên của vì kèo. Hai vì kèo cùng với hai cây xà đặt ở vị trí phía trước và phía sau của bốn đầu cột cái có chiều dài tương ứng với chiều dài của xà câu đầu, kết nối bốn đầu cột cái với nhau tạo thành kết cấu tứ trụ vững chắc. Từ đầu bốn cột cái phát triển hai vì kèo ra phía trước, phía sau, ra bên phải và bên trái bằng những đoạn kèo nối và kèo đâm xiên, bốn cây cột con có chiều cao theo quy định đỡ phần đuôi kèo cùng với dàn mái, tường bao xung quanh tạo thành tòa nhà cao rộng uy nghi, mái lợp ngói âm dương. Phần lớn diện tích của tiền điện được dùng như võ ca, ở

vị trí tiếp giáp với chính điện có án thờ thần, phía trên án thờ có các bức hoành phi gỗ được chạm chìm chữ Hán, chạm nổi hoa lá quả tình tế "Chấn gia thanh" (Chấn hưng tiếng nhà), "Địa linh" làm năm Quý sửu - 1913, "Nhân kiệt" làm năm Ất dậu - 1945.

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ giống như tòa nhà tiền điện, tường gạch, cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè gỗ, mái lợp ngói âm dương. Ở vị trí chính giữa của chính điện là án thờ thần Thành hoàng bản cảnh được Sắc vua Tự Đức ban cho là "Hiển văn Chiêu tiết Phương hiến Tuấn vọng Quang ý Trung đẳng thần", ông là Phi Vận tướng quân Tùng Giang Văn Trung đẳng thần Nguyễn Phục đồ Tiến sĩ khoa Kỷ mùi triều Lê, là người ở xã Tùng Giang, huyện Gia Phúc. Khi vua Lê Thánh tông đi đánh Chiêm Thành, ông được cử làm Phi Vận tướng quân với nhiệm vụ vận chuyển lương thảo, binh lính phục vụ chiến đấu. Tới cửa biển Tư Dung, gặp lúc sóng to gió lớn nổi lên, vì không muốn lương thảo, binh lính bị chết vô ích, ông đã cho dừng cuộc hành quân do đó ông bị xử chém. Kính phục chí khí vì nghĩa quên thân của ông, đình Hưng Phú đã thờ ông là thần Thành hoàng bản cảnh của thôn Hưng Phú và được vua Tự Đức ban Sắc. Toàn văn tờ sắc như sau:

Sắc: Kỷ mùi khoa Tiến sĩ Phi Vận tướng quân Tùng Giang Văn Trung đẳng thần, nguyên tằng Hiển văn Chiêu tiết Phương hiến Tuấn vọng Trung đẳng thần. Hộ quốc ty dân năm trứ linh ứng. Tứ kim phi ứng cánh mệnh miễn niệm thần huu, khả gia tằng Hiển văn Chiêu tiết Phương hiến Tuấn vọng Quang ý Trung đẳng thần. Nhưng chuẩn Bình Dương huyện, Hưng Phú thôn y cữu phụng sự. Thần kỳ tướng hựu bảo ngà lê dân. Khâm tai!

Tự Đức ngũ niên thập nhất nguyệt nhị thập cữu nhật.

Sắc mệnh chi bảo (ấn).

Dịch nghĩa:

Sắc: Tiến sĩ khoa Kỷ mùi là Phi Vận tướng quân Tùng Giang Văn Trung Đẳng thần vốn được tặng là Hiển văn Chiêu tiết Phương hiến Tuấn vọng Quang ý Trung đẳng thần, giúp nước cứu dân đã nhiều lần hiển hiện linh ứng. Ta nay vâng theo mệnh sáng của trời, nghĩ tới đức tốt của thần, tặng thêm là Hiển văn Chiêu tiết Phương hiến Tuấn vọng Quang ý Trung đẳng thần, chuẩn cho thôn Hưng Phú, huyện Bình Dương phụng thờ như cũ. Thần thì phải giúp đỡ bảo vệ cho dân của ta. Kính đấy!

Ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853). (Có đóng ấn "Sắc mệnh chi bảo").

Bên trái án thờ thần Thành hoàng bản cảnh là án thờ tả ban, bên phải là án thờ hữu ban. Ở đây có hai cặp liễn đối gỗ chạm chìm chữ Hán "Hưng nhượng hưng nhân, vạn cổ anh linh phò xã tắc, Phú dân phú quốc, thiên thu hiển hách hộ hương lu" (Dấy nhượng dấy nhân, muôn thuở anh linh phò xã tắc, Giàu dân giàu nước, ngàn thu hiển hách giúp thôn làng) làm năm Kỷ Dậu - 1909, "Miếu mạo sáng huy hoàng, từng thử sĩ dân lợi lạc, Thần linh chiêu hiển hách, ư kim thương cổ phong doanh" (Miếu mạo huy hoàng, sĩ thứ yên vui với đó, Thần linh hiển hách, bán buôn sung túc từ đây). Hiện tại đình Hưng Phú còn lưu giữ một số cổ vật gắn với di tích gồm sắc phong thần, liễn đối, hoành phi, án thờ... bằng các chất liệu giấy bản, gỗ.

Đình Hưng Phú tổ chức lễ Kỳ yên hàng năm vào các ngày 29, 30 tháng 11 và ngày 1 tháng 12 âm lịch với nghi thức lễ cổ truyền thống.



065

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT CHÙA HỘI SƠN Ở QUẬN 9.

Chùa Hội Sơn tọa lạc ở số 1A1 đường Nguyễn Xiển, phường Long Bình, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa ký quyết định số 43-VH/QĐ ngày 7. 1. 1993 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Quận 9 là vùng đất có địa hình tự nhiên chia cắt rõ rệt với khu vực gò đồi, đồng bung và sông rạch đan xen đặc biệt là sông Đồng Nai rộng lớn chảy qua tạo thành cảnh quan hùng vĩ. Tại phường Long Bình, các nhà khảo cổ đã xác định các địa danh Bến Đò, Long Bửu và Hội Sơn là những di chỉ khảo cổ thuộc các nền văn hóa thời kỳ tiền sử thuộc lưu vực sông Đồng Nai, có niên đại chung cách nay từ 1000 năm đến 4000 năm. Tại chùa Hội Sơn còn lưu giữ một số lưỡi rìu đá mài tứ diện có vai và không có vai, các mảnh gốm sành kiểu lọ... được tìm thấy gần đây trong quá trình trùng tu di tích. Sách *Đại Nam nhất thống chí* ghi rõ "Chùa Hội Sơn ở phường Long Tuy, huyện Long Thành là nơi Thiền sư Khánh Long hóa thân". Sách *Gia Định thành thông chí* có ghi "Ở dưới hòn núi này (núi Châu Thới) về phía bắc nứt ra một chi chạy đến địa phận thôn Long Tuy rồi nổi lên gò cao bằng phẳng rộng rãi, ở bên núi có hang hổ và khe nước, trên có chùa Hội Sơn là nơi



Chùa Hội Sơn ở quận 9.

Thiền sư Khánh Long tạo lập để tu hành, ngó xuống đại giang (sông Đồng Nai), du khách leo lên đây có cảm tưởng tiêu dao ngoài cõi tục". Cũng theo sách này thì năm 1818 phường Long Tuy thuộc tổng Long Vĩnh, huyện Long Thành, trấn Biên Hòa, thành Gia Định. Từ những căn cứ trên có thể xác định chùa Hội Sơn do Thiền sư Đạo Thành Khánh Long đời thứ 38 phái Lâm Tế xây dựng vào khoảng thời gian từ năm 1818, Thiền sư đã tu hành và viên tịch tại đây. Hiện nay mộ tháp của Thiền sư vẫn được bảo quản tốt. Kiến trúc tổng thể của chùa Hội Sơn gồm bốn tòa nhà được trùng tu vào năm 2000 bằng vật liệu gỗ quý là tiền điện, chính điện, hậu Tổ, Tổ khai sơn cùng nằm trên một trục dọc, mái lợp ngói âm dương.

Tiền điện là tòa nhà ba gian hai chái được xây dựng với tám cây cột gỗ tròn đỡ bốn vì kèo mái bằng gỗ, mỗi vì kèo đều có xà câu đầu kết nối hai đầu cột, con đội tức cột chống kèo cùng với các cây xà dọc và dàn mái có đòn tay, rui mè, ngói lợp tạo thành tòa nhà cao rộng và vững chắc.

Tiền điện có ba cửa, mỗi cửa có hai cánh cửa gỗ, phần trên của các cánh cửa gỗ là những bức xuyên hoa hình chữ thọ cách điệu và song gỗ hình con tiện. Ở giữa tiền điện là án thờ Phật Di lặc to lớn bằng gỗ được làm vào khoảng cuối thế kỷ XIX với nét mặt vui tươi hoan hỉ. Phía ngoài cửa tiền điện có bức hoành phi gỗ "Hội Sơn tự" (chùa Hội Sơn) làm năm Kỷ mùi - 1919.

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ với bốn cây cột cái bằng gỗ tròn cao lớn đỡ hai vì kèo mái bằng gỗ, mỗi vì kèo thường có xà câu đầu kết nối hai đầu cột, có con đội được đặt ở vị trí chính giữa của xà câu đầu có tác dụng chịu lực đỡ phía trên của vì kèo mái. Hai vì kèo cùng với hai cây xà đặt ở vị trí phía trước và phía sau của bốn đầu cột cái có chiều dài tương ứng với chiều dài của cây xà câu đầu kết nối bốn đầu cột cái với nhau tạo thành kết cấu tứ trụ vững chắc. Từ đầu bốn cây cột cái phát triển hai vì kèo ra phía trước, phía sau, ra bên phải và bên trái bằng những đoạn kèo nối và dầm xiên. Mười hai cây cột con bằng gỗ tròn có chiều cao theo quy định đỡ các phần đuôi kèo nối cùng với dầm mái có đòn tay, rui mè, ngói lợp và tường bao xung quanh tạo thành tòa nhà cao lớn, rộng rãi, uy nghi, mái lợp ngói âm dương. Chính giữa là án thờ Phật tổ, Quan Âm, Thế Chí với các pho tượng to lớn bằng gỗ, sát vách tường bên trái và bên phải là các án thờ Tiêu điện, Ngọc Hoàng, Nam tào, Hộ pháp với các pho tượng bằng gỗ. Tất cả các pho tượng gỗ này được làm vào khoảng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Ở đây còn có các hoành phi gỗ được chạm khắc tinh tế đề tài rồng mây, hoa lá "Đại Hùng bảo điện" (Bảo điện Đại Hùng), "Vạn đức hồng danh" làm năm Nhâm tuất, đời Khải Định - 1922, cặp liễn đối được chạm khắc trên cột mới trùng tu năm 2000 nhưng lấy nguyên văn từ cặp liễn đối xưa "Di Đà kinh trung, hồng danh kinh trung, kinh kinh nguyện âm siêu dương thịnh, Lăng nghiêm hội thượng, đại bi, hội hội

kỳ quốc thái dân an" (Trong kinh Di Đà, trong kinh hồng danh, đều cầu âm siêu dương thịnh, Trên hội Lăng Nghiêm, trên hội đại bi, thấy mong nước thái dân yên). Ở Tổ đường phía sau chính điện được ngăn cách bằng bức tường ngăn, có án thờ Tổ gồm hình vẽ Tổ sư Đạt Ma, các hòa thượng Nguyên Thiều Hoán Bích, Đạt Thanh Như Thông, Pháp Ấn Như Quới với năm bài vị gỗ được chạm khắc tinh tế chữ Hán, rồng mây, hoa lá của các vị tổ Đại sư Liễu Ngừ Quảng Văn, đời thứ 38 Lâm Tế, đại lão hòa thượng Trùng Tông Nghĩa Truyền đời thứ 42, Bản sư hòa thượng trùng tu chùa Hội Sơn Tâm Minh Huệ Tấn đời thứ 43. Các hoành phi gỗ "Tông phong vĩnh chấn" (Tông phong mãi thịnh) làm năm 1893, "Tổ ấn trùng quang" (Ấn tổ lại sáng).

Hậu tổ là tòa nhà có kiến trúc tứ trụ tương tự kiến trúc của tòa nhà chính điện. Ở đây có án thờ Phật ngàn mắt ngàn tay bằng gỗ mới làm sau này, bức hoành phi "Truyền đăng tục đạo" (Đèn truyền đạo nối).

Thiên tỉnh được tạo thành hồ nước và hòn non bộ. Bên phải và bên trái thiên tỉnh là hai hành lang ngắn nối liền nhà hậu tổ và nhà khai sơn. Nhà khai sơn là tòa nhà có kiến trúc tứ trụ giống như kiến trúc của chính điện và hậu tổ. Ở đây có án thờ hòa thượng tổ tạo lập chùa Hội Sơn là Đạo Thành Khánh Long với bài vị "Phụng vi khai sơn Hội Sơn đường thượng tự Lâm Tế chính tông tam thập bát thế hỷ thượng Đạo hạ Thành hiệu Khánh Long hòa thượng tổ sư liêm tọa" (Bài vị Tổ sư khai lập chùa Hội Sơn Đạo Thành Khánh Long đời thứ 38 phái Lâm Tế). Hiện tại chùa còn lưu giữ 27 cổ vật gắn với di tích gồm tượng, hoành phi, bài vị bằng các chất liệu gỗ.

Đứng dưới chân gò chùa Hội Sơn ta còn thấy những mảng sườn tích cổ do phù sa của sông Đồng Nai tạo thành từ ngàn xưa, tro gan cùng năm tháng... Dòng sông Đồng Nai mệnh mông, cù lao Bà Sang, Bà Sê đẩy đưa theo dòng nước, chập chờn như hòa quyện cùng mây trời.



066

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT CHÙA PHƯỚC TƯỜNG Ở QUẬN 9.

Chùa Phước Tường tọa lạc ở số 13/32 đường Lã Xuân Oai, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa ký Quyết định số 43-VH/QĐ ngày 7. 1. 1993 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Theo lời kể của hòa thượng Hồng Diệp Bửu Ngọc, trụ trì đời thứ 10 chùa Phước Tường (đã viên tịch) thì chùa Phước Tường do hòa thượng tổ Linh Quang Phật Chiếu đời thứ 35 phái Lâm Tế xây dựng vào năm 1741, cùng thời điểm xây dựng chùa Hội Khánh ở tỉnh Bình Dương hiện nay. Hiện nay chưa có nguồn tư liệu thành văn nào nói rõ chùa Phước Tường được xây dựng khi nào. Tại chùa, hiện còn bức hoành phi to lớn bằng gỗ ở tiền điện được chạm khắc tinh xảo "Phước Tường tự. Khánh hạ Phước Quang đường thượng trùng kiến, húy Tiên Hiên, thượng Từ hạ Minh bá đề. Minh Mạng Giáp Ngọ niên, mạnh (?) nguyệt, cốc nhật, hội thủ tính Trương, tự Dụng" (Chùa Phước Tường. Hòa thượng Tiên Hiên Từ Minh trùng tu chùa Phước Quang (sau đổi tên là Phước Tường) đề chữ. Hội trưởng Trương Dụng cúng hoành phi vào ngày tốt tháng (?) năm Giáp Ngọ, đời Minh Mạng - 1834). Từ căn cứ này

có thể xác định chùa Phước Tường được xây dựng trong khoảng thời gian từ trước năm 1834.

Kiến trúc tổng thể của chùa Phước Tường gồm các tòa nhà tiền điện, chính điện, giảng đường, hậu điện nằm trên một trục dọc, tầng phòng, lớp học, nhà bếp nằm ở phía sau hậu điện và hông phải giảng đường. Mái của các tòa nhà lợp ngói âm dương, gờ nóc mái ngang phẳng trang trí tượng gốm men cặp rồng tranh châu, gờ mái xuôi bề hai góc trên. Khuôn viên rộng có nhiều cổ thụ và tháp mộ cổ của các vị hòa thượng trụ trì trước đây.

Tiền điện có kiến trúc ba gian hai chái giống như kiến trúc ba gian hai chái của tiền điện chùa Hội Sơn ở phường Long Bình, quận 9. Ở cửa có bức hoành phi gỗ làm năm 1926 chạm khắc tinh tế chữ Hán "Cực lạc giới" (Thế giới cực lạc). Tiền điện có ba cửa với ba bộ cửa gỗ đục đẽo gồm 12 cánh có chân quay đặt trên ngưỡng cửa. Ở đây có án thờ Hộ Pháp với pho tượng cổ bằng gỗ cao lớn, các hoành phi, liễn đối gỗ được chạm khắc tinh xảo hình tượng cặp rồng châu mặt trời, rồng mây, hoa lá, chữ Hán "Phước Tường tự" (Chùa Phước Tường) làm năm Giáp ngọ - 1894, "Thôi tà phụ chính" (Giúp chính trừ tà), "Tổ ấn trùng quang" (Ấn tổ lại sáng) được làm năm 1922, "Bồ đề bản vô thụ, Minh kính diệp phi đài, Bản lai vô nhất vật, Hà xứ nhạ trần ai" (Bồ đề vốn không cây, Gương sáng vốn chẳng đài, Xưa nay không một vật, Bụi bậm bám vào đâu) làm năm 1900, "Phước chỉ trùng hưng, bản tự viên thành đa tín thí, Tường cơ tái tạo, đã tri mỹ lệ thiện công phu" (Nền phúc lại hưng, vốn được viên thành nhờ bố thí, Nền lành tái tạo, mới hay tốt đẹp ở công phu) làm năm 1922, bức bao lam cửa võng chạm lộng tinh xảo hình tượng từng trí.

Chính điện là tòa nhà có kiến trúc kiểu tứ trụ giống như kiến trúc tứ trụ của tòa nhà chính điện chùa Hội Sơn. Ở vị trí trang trọng nhất của chính điện là án thờ nhiều tầng



Chùa Phước Tường ở quận 9.

thờ phật Tam Thế, Di Lặc, Địa Tạng, Quan Âm, Hộ Pháp, Thích Ca với các pho tượng cổ bằng gỗ có kích thước lớn, vừa và nhỏ. Bên phải có án thờ Quan Công. Sát vách tường bên trái và bên phải là các án thờ Thập điện minh vương với các pho tượng gỗ cổ. Toàn bộ các pho tượng gỗ ở chính điện được làm vào thế kỷ XIX. Ở đây còn có nhiều hoành phi, liễn đối gỗ chạm khắc tinh tế chữ Hán được làm vào năm Nhâm tuất - 1922 như "Đại hùng bảo điện (Bảo điện Đại Hùng), "Bảo phiệt độ sinh" (Bè báu độ chúng sinh), "Khánh thưởng hình uy" (Công thưởng tội trừng), "Từ hàng tế chúng" (Thuyền từ giúp dân), "Tam vô tư địa" (Đất có ba điều vô tư), "Phước hải thêm ba, vạn cổ gia gia đồng nhuận trạch, Tường sơn điệp thúy, thiên thu xứ xứ cộng quy y" (Biển phúc thêm sóng phúc, muôn thuở nhà nhà cùng hưởng phúc, Núi lành tiếp núi lành, ngàn năm khắp chốn thầy quy y), "Thiên địa vô tư, bất vị thân sơ vương chinh pháp, Thần minh ám sát, hà vong quý tiện xử kỳ công" (Trời đất vô tư, không vì thân thuộc, chỉ làm theo phép vua, Thần minh soi xét, không vì sang hèn, chỉ

xét xử công minh). Đặc biệt cặp liễn đối làm năm 1900, một vế có nhiều chữ "lực", một vế có nhiều chữ "tâm" "Chỉnh khuông nhường, cần miễn lệ, động cù lao, quân sư phụ nhất phiên kiệt lực, Chí trung thứ, niệm từ bi, tư cảm ứng, nho thích đạo tam giáo đồng tâm" (Sửa sắp ngửa, khuyên gắng sức, chịu khó nhọc, Quân Sư Phụ một phen gắng sức, Lòng vị tha, niệm từ bi, lo cảm ứng, Nho Thích Đạo ba giáo đồng lòng). Tổ đường thờ các vị hòa thượng tổ các đời trụ trì chùa với các bài vị Đại sư Linh Quang Phật Chiêu đời thứ 35 phái Lâm Tế chùa Khánh Hưng khai lập chùa Phước Quang (Phước Tường), Đại sư Tổ Thuận Đức An đời thứ 36 chùa Phước Quang viên tịch năm 1932, Đại lão hòa thượng Tiên Hiển Diệu Minh đời thứ 37 chùa Phước Tường, hòa thượng Pháp Ấn Như Quới đời thứ 39 trùng tu chùa Phước Tường, hòa thượng Quả Lượng Tâm Thọ đời thứ 40 chùa Phước Tường. Ngoài ra còn các cặp liễn đối chữ Hán ca ngợi phật pháp, ca ngợi đức độ của các vị tổ trong việc truyền đạo cho đời sau.

Giảng đường là tòa nhà có kiến trúc tứ trụ giống như kiến trúc của tòa nhà chính điện được làm bằng vật liệu gỗ quý, mái lợp ngói âm dương. Ở đây có các án thờ Phật ngàn mắt ngàn tay và nhiều hoành phi, liễn đối chữ Hán chủ yếu được làm vào năm Nhâm tuất - 1922. Bức hoành phi "Truyền đăng tục đạo" (Đèn truyền đạo nối) làm năm 1907.

Thiên tỉnh là nơi đặt hòn non bộ và cây cảnh. Bên trái và bên phải thiên tỉnh là hai hành lang ngắn nối liền giảng đường và hậu điện.

Hậu điện là tòa nhà ba gian hai chái giống như tòa nhà tiền điện. Ở đây có các án thờ Quan Âm Thị Kính, Mẹ sinh mẹ độ với các án thờ bằng gỗ được chạm nổi tinh tế đề tài rồng mây và các pho tượng gỗ cổ từ thế kỷ XIX.

Hiện tại chùa còn lưu giữ 100 cổ vật gắn với di tích gồm liên đối, hoành phi, bài vị, tượng bằng các chất liệu gỗ.

Tầng phòng, lớp học là các tòa nhà được xây dựng bằng tường gạch mái lợp ngói âm dương, là nơi nghỉ ngơi và học tập của tăng chúng trong chùa.



067

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐÌNH TĂNG PHÚ Ở QUẬN 9.

Đình Tăng Phú tọa lạc trên gò cao ở đường 236, tổ 19, khu phố 6, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, được Hội đồng Xét duyệt Di tích Thành phố Hồ Chí Minh xét đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố (sẽ có quyết định xếp hạng trong thời gian tới).

Đình Tăng Phú là ngôi đình làng của người Việt, nơi bảo tồn giá trị kiến trúc nghệ thuật đình làng truyền thống Nam Bộ, các cổ vật, hiện vật ở đây được chạm khắc tinh xảo rất mỹ thuật thể hiện sự tài hoa, sức sáng tạo của người Việt thời đó.

Địa chỉ Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh ghi năm 1880, thôn Tăng Phú thuộc tổng An Thủy, hạt Sài Gòn. Từ căn cứ này có thể xác định đình Tăng Phú có thể được xây dựng trong khoảng thời gian từ năm 1880. Kiến trúc tổng thể của đình gồm ba tòa nhà tiền điện, chính điện, nhà khách nằm trên trục dọc, mái các tòa nhà lợp ngói âm dương, gờ nóc mái ngang phẳng trang trí tượng gốm men cặp rồng tranh châu, gờ mái xuôi thẳng bề hai góc trên là nét đặc trưng của đình truyền thống Nam Bộ, có hiên trước, hiên bên phải, hiên bên trái tạo hành lang thông suốt xung



Đình Tăng Phú ở quận 9.

quanh đình. Đình được xây dựng trên nền cao, khuôn viên tương đối rộng có nhiều cây dầu cổ thụ. Ở sân đình có tượng Bạch mã Thái giám, miếu Ngũ hành nương nương "Đào hoa chiêu thánh nữ, Xuân sắc tập thần tiên" (Hoa đào mời thánh nữ, Xuân sắc họp thần tiên), miếu Bạch mã Thái giám "Bách niên hương hỏa sự, Thiên tải tín thành tâm" (Trăm năm hương lửa sáng, Ngàn thuở tín tâm thờ).

Tiền điện là tòa nhà được xây dựng kiểu ba gian hai chái giống như tòa nhà tiền điện của chùa Hội Sơn, ở cửa có các bức hoành phi chạm nổi tinh xảo hình tượng cặp rồng tranh châu, chữ Hán "Tăng Phú thần từ" (Đình thần Tăng Phú) làm năm 1901, "Quốc thái dân an" (Nước trị dân yên), "Hà thanh hải yến" (Biển lặng sông trong). Ở đây có các án thờ Bạch địa, Tiền hiền, Hậu hiền bằng gỗ làm năm 1929 được chạm nổi, chạm lọng rất nghệ thuật đề tài tứ linh và trống mõ gỗ, hai dàn lỗ bộ. Các hoành phi, liễn đối chạm khắc tinh tế chữ Hán "Tý hương hựu lý" (Che chở xóm làng) do Hòa thượng Bửu Quốc ở chùa

Phước Tường cúng đình năm Đinh mão - 1927, "Tăng mỹ thiên công, hộ hương lý thân hiền lạc lợi, Phú hưng địa cục, chỉnh nhân tình huyền quản âu ca" (Thêm đẹp bởi thợ giỏi, giúp làng xóm người người vui vẻ, Giàu lên nhờ thế đất, sửa tình người để đàn sáo vui ca) làm năm Đinh mùi - 1907.

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ giống như kiến trúc tứ trụ tòa nhà chính điện chùa Hội Sơn. Thờ cúng ở đây có: Ở vị trí trang trọng nhất của chính điện là án thờ thần Thành hoàng bản cảnh với chiếc án thờ gỗ cao lớn làm năm Đinh mùi - 1907, được chạm lộng, chạm nổi sống động hình tượng rồng mây, chim hoa lá quả, ở giữa án thờ có chữ Thần, hai bên cửa án thờ có cặp liễn đối "Thánh đức nguy nga, cầu tặc ứng, Thần ân hạo đặng, đảo tặc linh" (Đức thánh nguy nga, cầu ắt ứng, Ôn thần rộng khắp, khẩn ắt linh), "Thánh đức anh linh, tham tạo hóa, Thần ân hiển hách phối càn khôn" (Đức thánh anh linh, ngang tạo hóa, Ôn thần hiển hách, sánh càn khôn). Bên trái là án thờ Tả ban bằng gỗ được chạm lộng, chạm nổi tinh tế đề tài rồng mây, chim hoa, ở giữa án thờ có chữ Tả ban, hai bên có liễn đối "Thánh đức nghiêm hách hách, anh linh chiếu nhật nguyệt, Thần công diệu nguy nguy, hậu trạch phái càn khôn" (Đức thánh uy nghiêm hiển hách, anh linh sáng tựa nhật nguyệt, Công thần kỳ diệu uy nghi, ơn cao dày tựa càn khôn), "Thị phát kiến dương dương tại thượng, Thính phát văn trạc trạc quyết linh" (Nhìn chẳng thấy, như đang ở trên, Nghe không được, hừng hực linh thiêng). Bên phải có án thờ Hữu ban bằng gỗ được chạm khắc tương tự án thờ Tả ban, giữa án thờ có chữ Hữu ban, hai bên có liễn đối "Đế đức phổ nam thiên, tường vân khai cảnh vận, Thần uy chiếu bắc khuyết, thụy khí ái trung thiên" (Đức thánh trùm trời Nam, mây lành mở vận hội, Uy thần vang cửa Bắc, khí thiêng tỏa đầy trời), "Thánh đức nguy nga, chiếu khang thái, Thần ân hạo hạo, bảo bình an" (Đức

thánh nguy nga, vời tốt đẹp, Ôn thần lớn rộng, giúp bình yên). Sát vách tường hông trái là án thờ Ngũ thổ bằng gỗ được chạm khắc tinh xảo hình tượng rồng mây và chữ Hán, ở giữa án thờ là chữ Ngũ thổ, hai bên có liên đối "Xuân hạ thu đông, đồng cảnh ngưỡng, Sĩ nông công cốc, tận thâm thành" (Xuân hạ thu đông, cùng kính ngưỡng, Sĩ nông công thương, thủy thành công). Sát vách tường hông phải là án thờ Ngũ cốc bằng gỗ cũng được chạm khắc giống như án thờ Ngũ thổ, ở giữa án thờ có chữ Ngũ cốc, hai bên có liên đối "Cầu tất ứng, phong điều vũ thuận, Đảo tắc linh, vật phụ dân Khang" (Cầu ắt ứng, gió hòa mưa thuận, Khấn ắt linh, vật thịnh dân Khang). Án thờ Tiền hiền có cặp liên đối "Dương biểu nhất thôn, di hậu đại, Chiêu quy định ấp, phối tiền công" (Nêu danh một thôn, để đời sau, Chiêu dân lập ấp, xứng công đầu). Các hoành phi, liên đối gỗ chạm khắc tinh xảo chữ Hán, rồng mây được làm vào các năm 1901, 1926, 1927 "Tế thế an dân" (Giúp đời yên dân), "Thánh đức nguy nga", "Anh linh hiển hách".

Hậu điện được phân chia với chính điện bằng bức tường ngăn. Ở đây có án thờ Tiên sư làm năm 1915, án thờ Tiên đại Hương chức (Hương chức đời trước), án thờ Tiên đại Viên quan (Viên quan đời trước). Hiện tại đình còn lưu giữ các cổ vật gắn với di tích gồm liên đối, hoành phi, bài vị, án thờ, mõ bằng chất liệu gỗ.

Nhà khách là tòa nhà được xây dựng bằng tường gạch, mái tole kẽm.

Đình Tăng Phú tổ chức lễ Kỳ yên hàng năm vào ngày 15, 16, 17 tháng 2 âm lịch với nghi thức lễ truyền thống.



068

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐÌNH CHÍ HÒA Ở QUẬN 10.

Đình Chí Hòa tọa lạc ở số 475 đường Cách mạng Tháng Tám, phường 13, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa ký quyết định số 1460-VH/QĐ ngày 28. 6. 1996 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Hiện nay chưa có nguồn tư liệu thành văn nào nói rõ đình Chí Hòa được xây dựng từ khi nào. Hiện tại ở đình còn lưu giữ tờ Sắc vua Tự Đức ban cho thần Thành hoàng bản cảnh thôn Hòa Hưng, huyện Bình Dương ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853) là "Thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng". Từ căn cứ này có thể tạm thời xác định đình Chí Hòa tên cũ là đình Hòa Hưng được xây dựng trong khoảng thời gian từ trước 1852. Kiến trúc tổng thể của đình gồm các tòa nhà võ ca, chính điện nằm trên trục dọc, nhà túc nằm ở hông phải của Chính điện, mái các tòa nhà lợp ngói âm dương, gờ nóc mái ngang phẳng trang trí tượng gốm men cặp rồng tranh châu, gờ mái xuôi bề hai góc trên, điểm mái gắn mảnh gốm men xanh hình lá cây. Mặt tiền được xây kín bằng bức tường gạch, trong vuông sân nhỏ hẹp có cây đa cổ thụ, dưới gốc cây là án thờ Thần Nông bằng



Chùa Giác Viên ở quận 11.

gạch với tượng Thần Nông đại đế bằng xi măng, ở giữa là bình phong Sơn quân, bên cạnh là án thờ liệt sĩ.

Võ ca gồm hai tòa nhà liền kề, mỗi tòa được xây dựng kiểu 1 gian hai mái, hai chái với hệ thống cột, kèo, xà bằng xi măng cốt sắt to lớn, đòn tay, rui mè gỗ, mái lợp ngói âm dương, phần trước của võ ca là sân diễn hát bội, phần sau là khu vực rộng rãi để mọi người ngồi xem hát bội hoặc là nơi đãi khách trong dịp lễ Kỳ yên hàng năm.

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ, hai tầng mái giống như kiến trúc tứ trụ hai tầng mái của tòa nhà chính điện đình Vĩnh Hội ở quận 4, cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương. Trên hai cây cột cái có gắn 8 tượng (bát tiên) bằng gốm men. Thờ cúng ở đây được bố trí như sau: Án ngữ 3 của chính điện là 3 án thờ Hội đồng ngoại bằng gỗ hình khối cao lớn, chân quỳ, trên 3 án thờ có đặt lư hương, chân đèn bằng đồng. Ở vị trí giữa chính điện là án thờ Hội đồng nội hình khối cao lớn bằng xi măng ốp gạch men. Trên án có bài vị chữ Thần to lớn bằng xi măng, cặp hạc gỗ nhỏ đứng

trên lưng rùa, lư hương và chân đèn bằng đồng với kỹ thuật đúc và chạm khắc tinh tế. Sát vách tường bên trái và bên phải có các án thờ bằng gỗ được chạm trổ tinh xảo thờ Tiên hiền, Hậu hiền, Bạch mã thái giám, Ngũ hành nương nương, ngựa Xích thố. Đặc biệt có án thờ cụ Võ Trường Toản với pho tượng bằng xi măng và bài vị gỗ chạm nổi chữ Hán, xung quanh chạm nổi hình tượng rồng mây "Xử sĩ Sùng đức Võ Tiên sinh linh vị" (Bài vị Xử sĩ Sùng đức Võ Trường Toản tiên sinh). Sát vách tường sau của chính điện là án thờ thần Thành hoàng bản cảnh thôn Hòa Hưng. Án thờ bằng gỗ đặt trên bệ gạch men cao lớn, được chạm lộng tinh xảo cặp rồng tranh châu, chim hoa, chạm chìm tinh tế chữ Hán. Ở giữa án có chữ Thần thếp vàng, trong án thờ có hộp gỗ đựng tờ sắc vua Tự Đức ban cho thần Thành hoàng bản cảnh thôn Hòa Hưng ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853) là "Thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng". Phía trước và hai bên án thờ Thần có ba dàn lỗ bộ cán gỗ hình thân trúc, lưỡi đồng chạm khắc tinh tế cùng vòng, mũ lọng của thần. Bên trái và bên phải án thờ Thần là các án thờ Tả ban, Hữu ban bằng gỗ được chạm trổ tinh xảo hình tượng cặp chim phượng hoàng tranh châu, cột rồng mây rất mỹ thuật, giữa các án thờ có các hàng chữ Tả ban và Hữu ban thếp vàng, trên án thờ còn có lư hương, chân đèn bằng đồng, đặc biệt có hai chiếc bình gốm cổ pháp làm rất mỹ thuật. Ở chính điện còn có các hoành phi, liễn đối gỗ được chạm nổi, chạm chìm tinh tế đề tài chữ Hán, rồng mây, hoa lá "Thần minh chính trực" năm 1927, "Quốc thái dân an" làm năm 1950.

Nhà túc nằm ở hông phải chính điện là tòa nhà ba gian được xây dựng bằng tường gạch, cột, xà bằng xi măng cốt sắt, kèo mái, rui mè gỗ, mái lợp ngói âm dương. Ở đây có các án thờ tiên hiền, hậu hiền, hương chức có công bằng gạch đơn giản. Nhà túc là nơi tiếp khách, đãi khách trong

dịp lễ Kỳ yên hàng năm đồng thời là văn phòng của Ban quản trị đình. Hiện tại đình còn lưu giữ 8 cổ vật gắn với di tích gồm sắc phong thần, liễn đối, hoành phi, bài vị, bình gốm bằng các chất liệu giấy bản, gỗ, gốm men.

Đình Chí Hòa tổ chức lễ Kỳ yên hàng năm vào các ngày 16, 17 và 18 tháng 2 âm lịch với nghi thức lễ truyền thống.



**XIN CHO BIẾT VỀ
DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT
CHÙA GIÁC VIÊN Ở QUẬN 11.**

Chùa Giác Viên tọa lạc ở số 161/35/20 đường Lạc Long Quân, phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa ký quyết định số 43-VH/QĐ ngày 7. 1. 1993 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Năm 1804 chùa Giác Lâm hoàn thành việc trùng tu thì cũng là thời điểm hoàn thành Quan Âm Các ở bến Hố Đất (vị trí chùa Giác Viên hiện nay), địa điểm tập kết gỗ phục vụ trùng tu chùa Giác Lâm. Đến 1850, Quan Âm Các được trùng tu và được Hòa thượng Thích Tiên Giác Hải Tịnh đời thứ 37 Lâm Tế gia phổ chùa Giác Lâm đổi tên là chùa Giác Viên.

Kiến trúc tổng thể của chùa Giác Viên gồm các tòa nhà chính điện, hậu điện nằm trên trục dọc, đồng lang, tây lang ở hai bên, mái các tòa nhà lợp ngói âm dương, diềm mái gắn mảnh gốm men xanh hình lá cây, gờ nóc mái ngăn trang trí tượng gốm men bát tiên, gờ mái xuôi thẳng bề hai góc trên. Mặt tiền chùa với các vòm cửa được xây dựng bằng gạch và được tạo hình rất mỹ thuật.

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ giống như tòa nhà chính điện chùa Hội Sơn nhưng với quy mô

lớn hơn. Ngoài bốn cây cột cái bằng gỗ tròn cao lớn tạo thành tứ trụ còn có 38 cây cột con bằng gỗ tròn có độ cao theo quy định tạo thành tòa nhà uy nghi và vững chắc. Thờ cúng ở đây được bố trí như sau: Ngay cửa trước là án thờ Hộ pháp, ở sát vách tường bên phải và bên trái là các án thờ Thập điện, Thập bát La hán. Ở giữa chính điện là các án thờ được xếp theo thứ tự cao dần: Án thờ Phật Di Lặc và Phật Tam thế (Quá khứ, hiện tại, tương lai), án thờ Phật tổ, Quan Âm và Thế Chí, các pho tượng cổ bằng gỗ này có kích thước lớn, vừa và nhỏ được tạo hình và chạm trổ tinh xảo rất mỹ thuật. Ở đây có các hoành phi, liễn đối chạm trổ trực tiếp trên cột gỗ rất mỹ thuật hình tượng rồng mây, hoa lá, chữ Hán "Giác Viên tự" (chùa Giác Viên) làm năm Tân mao - 1891, "Bảo cự cao huy, hoàng hoàng bất dạ liên hoa giới, Kim lư tịnh niều, ái ái trường xuân cực lạc thiên" (Đèn báu ánh cao, rực rỡ đêm ngày trời cực lạc, Lư vàng khói quyện, chói chang tươi mãi cõi liên hoa), "Giác liễu thiên cơ, sắc tức thị không, không thị sắc, Viên minh phật chỉ, vô trung nhi hữu, hữu nhi vô" (Giác ngộ thiên cơ, sắc tức là không, không tức sắc, Biết trọn phật chỉ, không mà sinh có, có mà không). Ở đây có chín bao lam cửa võng chạm lõng sống động hình tượng mai lan cúc trúc, rồng phượng, bát tiên cười thú, tùng nai, chim hoa rất mỹ thuật.

Nhà tổ (Tổ đường) được phân chia với chính điện bằng bức tường ngăn, ở đây có ba án thờ với mười bài vị tổ các đời trụ trì chùa Giác Viên và chùa Giác Lâm, các bài vị được chạm khắc tinh xảo chữ Hán, rồng mây: Bài vị Thiên sư Hoằng Ân Minh Khiêm đời thứ 38 Lâm Tế gia phổ, Hòa thượng Hoằng Nghĩa Như Phòng đời thứ 38, Thiên sư Chơn Không Như Nhu đời thứ 39, Hòa thượng Huệ Nhon Hồng Từ đời thứ 40, Hòa thượng Thiện Phú Nhật Xuân đời thứ 41. Các cặp liễn đối được chạm khắc tinh xảo trên

cột hình cây nho, cây dừa và năm bao lam cửa vồng chạm long mỹ thuật đề tài rồng hổ, nho sóc, doi, chim hoa.

Hậu điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ giống như tòa nhà chính điện nhưng với quy mô lớn hơn. Ngoài bốn cây cột gỗ lớn tạo thành tứ trụ, tòa nhà còn có 60 cây cột con bằng gỗ tròn có kích thước cao thấp theo quy định để chống đỡ hệ thống kèo mái tạo cho tòa nhà dáng uy nghi, vững chắc. Ở đây có 19 cặp liên đối gỗ trong đó có ba cặp liên đối được chạm khắc chữ Hán trực tiếp trên cột gỗ, "Giảng vô biệt pháp, chính kỳ tâm, thành kỳ ý, tâm ý tề chỉ dĩ nhất, Đường hữu thường qui, trí dĩ viên, nghĩa dĩ phương, viên phương các thích kỳ trung (Dạy không phép khác, tâm cho chính, ý cho thành, tâm ý sánh ngang như một, Sánh có lệ định, trí phải tròn, nghĩa phải vuông, vuông tròn thấy hợp bên trong).

Phía bên phải (từ ngoài vào) hậu điện là thiên tỉnh có đặt hòn non bộ và cây cảnh. Bên phải và bên trái thiên tỉnh là hai hành lang ngắn nối liền tòa nhà hậu điện và tòa nhà tây lang.

Tây lang là tòa nhà kiểu ba gian hai chái giống như tòa nhà tiền điện đình Xuân Hiệp ở quận Thủ Đức. Ở đây có mười bốn cặp liên đối trong đó có sáu cặp liên đối được chạm khắc chữ Hán trên cột gỗ như "Tăng tọa bồ đoàn, tế tiền bạch vân tung cụ nạp, Khách lai phương tượng, toàn khao thạch hỏa tiền tân trà" (Tăng ngồi ở bồ đoàn, cất nhỏ mây trắng và áo, Khách đến phương tượng, nhóm lửa nấu nước pha trà), "Quang nhật phùng thời, nam bắc đồ phân tỉnh tự cụ, Hợp hưng đắc địa, trúc tùng vân hiệp cảnh trùng tân" (Gặp lúc tốt đẹp Nam Bắc cách ngăn, tình không đổi, Dương khi hưng vận, trúc tùng hòa hợp cảnh thêm tươi), bức hoành phi làm năm Mậu tý - 1888 "Long phi phượng vũ" (Rồng bay, phượng múa). Ở tây lang có án thờ Giám trai.

Phía bên trái hậu điện là sân thiên tỉnh có đặt hòn non bộ và cây cảnh. Bên phải và bên trái Thiên tỉnh là hai hành lang ngắn nối liền tòa nhà hậu điện và tòa nhà đông lang.

Đông lang là tòa nhà kiểu ba gian hai chái giống như tòa nhà tây lang. Ở đây có án thờ Kiền lao Địa thần, các hoành phi, liên đối gỗ được chạm khắc tinh tế chữ Hán, các bao lam chạm lộng sống động đề tài sen cò, trái xoài, chim hoa, tùng nai, trúc điệu.

Chùa Giác Viên hiện còn giữ được rất nhiều bao lam cửa võng được chạm thủng, chạm nổi hết sức sống động, tinh xảo nhiều đề tài như chim hoa lá quả, tứ linh, bát tiên, mai lan cúc trúc, rồng hổ, nho sóc, bầu bí dưa mướp, ong bướm sen cò, Tô Vũ chăn dê, ngư tiều canh độc, đặc biệt là bao lam bách điệu chạm thủng 100 con chim trong đó có những loài chim quen thuộc với người dân Nam Bộ như le le, gà nước, bói cá, chim sẻ, chim sáo, chim cu, chim cò, chào mào, chích chòe... rất mỹ thuật và sống động. Tại sân sau của chùa hiện còn cây bạch mai sum suê cao lớn có tuổi thọ tương đương cây bạch mai ở Gò Cây Mai nơi thi nhân lục tỉnh xưa kia đã lập nên thi đàn "Bạch Mai thi xã". Hiện tại chùa còn lưu giữ nhiều cổ vật gắn với di tích gồm liên đối, hoành phi, bài vị, bao lam, án thờ, tượng, lư hương, mộc bản, chuông, tô, đĩa, bát, ly tách... bằng các chất liệu gỗ, đồng, hợp kim, gốm men.



070

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT CHÙA PHỤNG SƠN Ở QUẬN 11.

Chùa Phụng Sơn (chùa Gò) tọa lạc ở số 1408 đường Ba tháng Hai, phường 2, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin ký quyết định số 1288-VH/QĐ ngày 16. 11. 1988 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Chùa Phụng Sơn là ngôi chùa của người Việt do Hòa thượng Liễu Thông Chơn Giác xây dựng vào những năm đầu thế kỷ XIX. Ngoài chức năng là cơ sở tín ngưỡng Phật giáo, chùa còn là di chỉ khảo cổ học, nơi bảo lưu giá trị kiến trúc nghệ thuật về xây dựng chùa truyền thống Nam Bộ, các cổ vật, di vật, hiện vật gắn với di tích được chạm trổ tinh xảo thể hiện sự tài hoa, trí sáng tạo của người xưa.

Tại Tổ đường hiện còn bài vị "Tự Lâm Tế chính tông, tam thập thất thế, húy Liễu Thông, thượng Chơn hạ Giác hòa thượng tổ sư mạo tọa. Thủy Quý Dậu, chung Canh tý bát nguyệt cửu nhật" (Bài vị Hòa thượng tổ Liễu Thông Chơn Giác đời thứ 37 Lâm Tế chính tông. Sinh năm Quý Dậu - 1753, viên tịch ngày 9 tháng 8 năm Canh tý - 1840). Kiến trúc tổng thể của chùa gồm các tòa nhà chính điện, hậu điện nằm trên trục dọc, Trai đường nằm ở bên phải hậu điện, mái các tòa nhà lợp ngói âm dương, gờ nóc mái

ngắn ngang phẳng, trang trí hình tượng bảo tháp bằng gốm men, gờ mái xuôi thẳng về hai góc trên, diềm mái gắn mảnh gốm men xanh hình lá cây, có hiên trước, hiên bên phải, hiên bên trái tạo hành lang thông thoáng xung quanh chùa. Chùa Phụng Sơn được xây dựng trên gò cao có nhiều cổ thụ. Trước sân chùa là án thờ Chiến sĩ sa trường, phía sau án thờ là tượng Phật Di Lặc cao lớn, giữa sân chùa là tượng Phật Quan Âm bồ tát lộ thiên.

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ giống như kiến trúc tứ trụ của tòa nhà chính điện chùa Hội Sơn ở quận 9. Thờ cúng ở chính điện có: Sát vách tường cửa trước là án thờ Hộ pháp, dọc hai vách tường bên phải và bên trái là các án thờ Thập điện, Long vương, Địa Tạng, Linh Sơn Thánh mẫu, Quan Thánh. Trung tâm chính điện là án thờ cao lớn, nhiều tầng thờ Phật tổ, Quan Âm, Thế Chí, Di lặc, Thiện, Ác. Hai bên thờ Đạt ma, Quan Âm, các tượng Phật có kích cỡ lớn, vừa và nhỏ ở đây được làm bằng gỗ với kỹ thuật tạo hình chạm khắc tinh xảo, nghệ thuật thời xưa. Các hoành phi, liễn đối, bao lam gỗ được chạm lộng, chạm nổi, chạm chìm sắc sảo hình tượng rồng mây, chim hoa lá quả, chữ Hán "Đại hùng bảo điện" (Bảo điện Đại Hùng) làm năm Tân Dậu - 1861, "Lư hương trĩu trung lưu, vạn chúng hằng hà tự tại. Đăng từ huyền bí ngàn, thiên niên bát nhã thường minh" (Lư hương ở ngôi giữa, chúng dân như nước đổ về. Đèn từ bờ giác ngộ, ngàn năm bát nhã soi sáng) làm năm Mậu Thìn - 1928. Các án thờ gỗ được chạm nổi hình tượng chim hoa, tùng nai, rùa tinh tế. Trên án thờ Đạt ma và án thờ Quan Âm có năm bức phù điêu gỗ rất mỹ thuật về đề tài Phật cưới thú.

Tổ đường được phân chia với chính điện bằng bức tường ngăn. Ở đây có ba án thờ tổ với các bài vị gỗ được tạo hình, chạm nổi tinh xảo hình rồng mây, chữ Hán, hoa lá như: bài vị tổ hòa thượng Liễu Thông Chơn Giác đời thứ

37 Lâm Tế chính tông là người khai lập chùa Phụng Sơn, Đại sư Tánh Khoa Viên Tịnh đời thứ 39, Đệ nhất A xà Lê Liễu Tánh Bửu Chí đời thứ 37, Tổ sư Tánh Hằng An Hòa đời thứ 39, Đại lão hòa thượng tổ sư Liễu Linh Chơn Ứng đời thứ 37, Đại sư Minh Phú Bửu An đời thứ 38, Hòa thượng chủ hưởng Ngô Minh Chơn Quang đời thứ 39, Hòa thượng Đạo Đăng Bửu Hương đời thứ 38, Đại lão hòa thượng Hải Linh Quảng Từ đời thứ 40, Tổ sư Phổ Đức Bửu Nguyệt đời thứ 38, A xà Lê Trùng Chánh Thiện Tín đời thứ 40, A xà Lê Thanh Chí Đạt Đạo đời thứ 41... Các án thờ gỗ được chạm khắc tinh xảo đề tài rồng mây, chim hoa. Phía trước án thờ tổ là án thờ Phật Thích ca với pho tượng cao lớn bằng đồng mang phong cách tượng Phật truyền thống Campuchia. Ở đây còn có các hoành phi, liễn đối gỗ ca ngợi Phật pháp như "Tổ ấn trùng quang" (Ấn tổ lại sáng) làm năm Mậu ngọ 1918, "Y bát chân truyền, chúng chí mong triêm đại đức, Bồ đề thiện niệm, nhân tâm cộng ngưỡng cao tăng" (Y bát chân truyền, ý chúng thấy nhuần đức lớn, Bồ đề thiện niệm, lòng người đều trọng cao tăng) làm năm Tân dậu 1921.

Thiên tỉnh là nơi có hòn non bộ và cây cảnh các loại. Bên phải và bên trái thiên tỉnh có hai hành lang nối liền tòa nhà chính điện và hậu điện.

Hậu điện là tòa nhà có kiến trúc kiểu tứ trụ giống như tòa nhà chính điện. Thờ cúng ở đây có các án thờ Phật Chuẩn đề (ngàn mắt ngàn tay), Phật Di Đà, Quan Âm, Thế Chí, Thiện, Ác, Địa Tạng, Thích Ca. Các tượng thờ được làm bằng gỗ, chạm khắc tinh xảo rất mỹ thuật. Các hoành phi, cuốn thư, liễn đối, án thờ gỗ được chạm nổi, chạm chìm tinh tế chữ Hán, rồng mây, hoa lá, khảm mảnh vỏ trai rất mỹ thuật.

Trai đường là tòa nhà nằm ở hông bên phải của tòa nhà hậu điện có kiến trúc kiểu ba gian hai chái, mái lợp ngói

âm dương. Các cây cột, kèo, xà, đòn tay, rui mè đều bằng gỗ. Thờ cúng ở đây có án thờ Quan Thánh, án thờ Giám trai. Cặp liễn đối được chạm chìm chữ Hán tinh tế "Nhân hồ thân, vật hồ loại, ân đạo trường lưu. Mộc hữu bản, thủy hữu nguyên, tổ tông vĩnh ẩm" (Người có giống, vật có dòng, mãi mãi truyền lưu ân đạo. Cây có cội, nước có nguồn, muôn đời hưởng lộc tổ tông). Hiện tại chùa còn lưu giữ các cổ vật gắn với di tích gồm liễn đối, hoành phi, bài vị, tượng, chuông... bằng chất liệu gỗ, đồng.



071

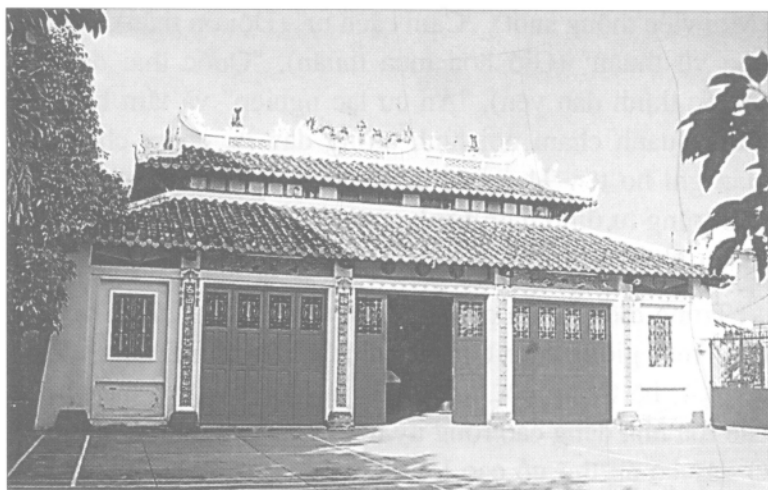
**XIN CHO BIẾT VỀ
DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT
ĐÌNH BÌNH HÒA Ở QUẬN BÌNH THẠNH.**

Đình Bình Hòa tọa lạc ở số 15/77 đường Chu Văn An, phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa ký Quyết định số 43-VH/QĐ ngày 7. 1. 1993 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Gia Đình thành thông chí của Trịnh Hoài Đức chép năm 1818 thôn Bình Hòa thuộc tổng Bình Trị huyện Bình Dương trấn Phiên An. Tại đình hiện còn tờ sắc ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853) phong thần Thành hoàng bản cảnh xã Bình Hòa là "Thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng", cho thấy đình Bình Hòa được xây dựng từ trước 1852.

Đình Bình Hòa là ngôi đình làng của người Việt, vừa là cơ sở tín ngưỡng dân gian vừa là nơi bảo lưu giá trị kiến trúc nghệ thuật về xây dựng đình làng Nam Bộ, các cổ vật, hiện vật thờ cúng gắn với đình được chạm khắc tinh tế, mỹ thuật thể hiện sự tài hoa, trí sáng tạo của người Việt thời đó.

Mặt tiền có ba cửa ra vào, phía trên cửa chính đắp nổi ba chữ Hán "Bình Hòa đình" (Đình Bình Hòa), hai bên có hai phù điêu hình rồng mây, trên bốn trụ gạch đắp nổi hai



Đình Bình Hòa ở quận Bình Thạnh.

cặp liễn đối kiểu chữ lệ, phía trước là khoảng sân rộng, có bình phong Sơn quân.

Năm 1887 đình được trùng tu và còn lại như hiện nay. Kiến trúc tổng thể của đình gồm bốn tòa nhà là tiền điện, trung điện, chính điện nằm trên một trục dọc. Nhà khách nằm ở hông bên phải của chính điện, mái các tòa nhà lợp ngói âm dương, gờ nóc mái hơi cong trang trí tượng gốm men cặp rồng tranh châu, cá hóa rồng, dây lá, gờ mái xuôi thẳng, diềm mái gắn mảnh gốm men xanh hình lá cây. Cổng đình được xây dựng bằng gạch kiểu tam quan, phía sau cổng là bình phong Sơn quân và khoảng sân khá rộng vuông vức.

Tiền điện là tòa nhà ba gian hai chái với hai tầng mái được xây dựng bằng tường gạch, hệ thống cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè gỗ tạo thành tòa nhà cao rộng, thông thoáng và vững chắc, mái lợp ngói âm dương. Ở giữa hai tầng mái là khoảng trống có tác dụng làm cho tiền điện thông thoáng, điều hòa ánh sáng tự nhiên. Ở đây có các bức hoành phi chạm nổi tinh tế chữ Hán "Toại ứng thông"

(Mọi việc thông suốt), "Cầm cách tử" (Đội ơn thần), "Phong hòa vũ thuận", (Gió hòa mưa thuận), "Quốc thái dân an" (Nước thịnh dân yên), "An cư lạc nghiệp" và tấm bảng gỗ xung quanh chạm nổi hình tượng dây lá, chạm chìm chữ Hán ghi họ tên 94 người từ Tri phủ đến dân thường cúng tiền trùng tu đình năm Đinh sửu 1877, trong đó người cúng nhiều nhất là 30 đồng, người cúng ít nhất là 7 quan.

Trung điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ với hai tầng mái giống như tòa nhà chính điện đình Vĩnh Hội ở quận 4, hệ thống cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè gỗ tạo cho tòa nhà dáng cao rộng uy nghi, mái lợp ngói âm dương. Ở đây có án thờ gỗ cao lớn kiểu bốn chân quỳ được chạm lộng, chạm nổi tinh xảo hình tượng cặp rồng tranh châu, bát tiên, mai lan cúc trúc, chim hoa, trên án thờ có bài vị gỗ và ảnh chụp tờ Sắc vua Tự Đức ban cho thần Thành hoàng bản cảnh xã Bình Hòa, hai bên có các án thờ gỗ được trang trí xung quanh bằng các bao lam cửa võng nhỏ chạm lộng tinh xảo hình tượng rồng mây, nho sóc, chim hoa.

Chính điện là tòa nhà ba gian được xây dựng bằng tường gạch, cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè bằng gỗ tạo cho tòa nhà dáng cao rộng, vững chắc, mái lợp ngói âm dương, có kiến trúc ba gian hai mái. Án thờ ở đây được bố trí như sau: Tại vị trí tiếp giáp giữa tòa nhà trung điện và chính điện là án thờ Thần Đại Càn quốc gia Nam Hải bằng gỗ được chạm lộng tinh xảo hình mặt rồng, rồng mây, hoa lá, ở trên có bài vị gỗ đặt trên chiếc ngai rồng "Cung thỉnh Đại Càn quốc gia Nam Hải Thần chiêu Linh ứng tứ vị thánh nương vương". Ở giữa chính điện là án thờ thần Thành hoàng bản cảnh, án thờ gỗ cao lớn chạm trổ tinh xảo cặp rồng châu mặt trời, cột rồng mây, chim hoa lá quả rất mỹ thuật, ở giữa có chữ Thần thếp vàng và hộp đựng tờ Sắc vua Tự Đức ban cho thần Thành hoàng bản cảnh xã Bình Hòa ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853) là "Thần

Quảng hậu Chính trực Hữu thiện Đôn ngưng", ba bài vị gỗ "Cung thỉnh bản xứ Cao Các Quảng Độ chi tôn thần" (Kính thỉnh tôn thần Cao Các Quảng Độ), "Cung thỉnh Kinh Đô Tư Lộ Thành hoàng đại vương" (Kính thỉnh Kinh Đô Tư Lộ Thành hoàng đại vương), "Cung thỉnh Chu Du Thành hoàng đại vương tôn thần" (Kính thỉnh Tôn thần Chu Du Thành hoàng). Phía trước án thờ Thần còn có án thờ gỗ hình khối cao lớn được chạm nổi tứ linh, nhô sọc, chim hoa rất mỹ thuật. Hai bên án thờ thần là án thờ Tả ban, Hữu ban nhỏ hơn án thờ thần, cũng được chạm khắc tinh xảo hình tượng cặp rồng châu mặt trời, dây lá. Sát vách tường bên phải và bên trái là trống mõ, chiêng, tượng Bạch mã, chiếc Long đình dùng để rước sắc. Ở chính điện còn có các hoành phi, liễn đối gỗ được chạm nổi, chạm chìm tinh tế chữ Hán, cặp rồng tranh châu, hoa lá "Cầu chi tất linh" (Cầu ắt linh) làm năm Mậu thân - 1908, "Tài thành phụ tướng" (Đất này sinh ra vị tướng giỏi) làm năm 1925, "Thụy khí yết kim lư, đầu chuyển tinh hồi, anh phong nhược kiến, Tường vân phù tử các, đăng oanh chúc hoàng, miếu mạo thường tân" (Khí tốt quyện lư vàng, sao sáng lặn rồi mọc, tựa anh phong hiển hiện, Mây lành phủ gác tía, đèn được sáng lung linh, như miếu mạo ngày xuân) làm năm 1925.

Nhà khách là tòa nhà ba gian hai chái nằm ở hông bên phải chính điện được xây dựng bằng tường gạch, cột, kèo, xà, đòn tay bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương. Ở đây có các án thờ Tiên hiền, Hậu hiền, Tiên vãng, Hậu vãng, anh hùng liệt sĩ và bức hoành phi "Hòa Đông ấp" làm năm Mậu tý 1888, cặp liễn đối làm năm 1927. Hiện tại đình còn lưu giữ 37 cổ vật gắn với di tích gồm sắc phong thần, liễn đối, hoành phi, bài vị, án thờ, lư hương, chiêng, mõ, bình gốm, lô bộ bằng chất liệu giấy bản, gỗ, đồng.

Đình Bình Hòa tổ chức lễ Kỳ yên hàng năm vào ngày 10 và 11 tháng 9 âm lịch với nghi thức lễ truyền thống.



072

**XIN CHO BIẾT VỀ
DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT
NHÀ CỔ DÂN DỤNG TRUYỀN THỐNG CỦA
ÔNG VƯƠNG HỒNG SẴN Ở QUẬN BÌNH THẠNH.**

Nhà cổ dân dụng truyền thống của ông Vương Hồng Sển tọa lạc ở số 9/1 đường Nguyễn Thiện Thuật, phường 14, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ký quyết định số 140/2003/QĐ-UB ngày 5. 8. 2003 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố.

Nhà cổ dân dụng truyền thống của ông Vương Hồng Sển vốn là căn nhà của ông Nguyễn Văn Phú ở xã Phú Xuân Hội, huyện Nhà Bè, tỉnh Gia Định, được xây dựng năm 1854. Tháng 12. 1951, ông Vương Hồng Sển mua lại căn nhà này từ ông Nguyễn Văn Độ và được nhóm thợ mộc nổi tiếng của miền Trung dựng lại hoàn chỉnh ở vị trí hiện nay vào tháng 11. 1952 trong khuôn viên có diện tích khoảng 620 m². Kiến trúc tổng thể của ngôi nhà gồm các tòa nhà trước, tòa nhà sau nằm trên một trục dọc, mái các tòa nhà lợp ngói âm dương, xung quanh ngôi nhà có sân trước, sân sau với nhiều cổ thụ và các lối đi bên trái, bên phải ngôi nhà, tạo không gian thông thoáng xung quanh ngôi nhà.

Ngôi nhà của ông Vương Hồng Sển ngoài chức năng là nhà ở dân dụng truyền thống của người dân Nam Bộ, nơi

thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ đã qua đời, còn là nơi bảo lưu giá trị kiến trúc nghệ thuật về xây dựng nhà ở thời xưa, các cổ vật, di vật, hiện vật gắn với ngôi nhà được chạm khắc rất mỹ thuật thể hiện sự tài hoa, trí sáng tạo của người Việt thời đó và được chủ nhân ngôi nhà trưng bày hết sức nghệ thuật. Mặt tiền của ngôi nhà có hàng rào song gỗ cố định từ diềm mái tới nền hiên, hàng song gỗ có bốn cột vuông đỡ bốn đoạn bẩy hình cổ ngỗng được chạm nổi hình tượng hươu nai, hoa lá rất mỹ thuật, có tác dụng đỡ giàn mái hiên.

Tòa nhà trước có kiến trúc kiểu ba gian hai chái, mái lợp ngói âm dương. 8 cây cột cái (cột chính) bằng gỗ tròn kê trên đá tảng hình vuông đỡ bốn vì kèo gỗ, mỗi vì kèo mái có xà câu đầu, con đội (cột chống kèo) hình con tiện. Từ đầu của tám cây cột cái phát triển các vì kèo ra phía trước, phía sau, ra bên phải, bên trái bằng những đoạn kèo nối với mục đích nở rộng dần mái và tăng diện tích sử dụng của ngôi nhà. Các đoạn kèo nối và đuôi kèo này được 28 cây cột con có độ cao theo quy định đỡ lấy cùng với các cây xà dọc liên kết vững chắc tạo thành ngôi nhà ba gian rộng rãi, có mái trước và mái sau bằng nhau, hai chái bằng nhau. Tòa nhà có năm ô cửa, mỗi ô cửa có 4 cánh cửa gỗ được kết nối với nhau bằng bản lề sắt. Kỹ thuật chạm lọng, chạm nổi tinh xảo trên các bao lam cửa võng, trên các bức xuyên hoa thể hiện phong phú, đa dạng các đề tài như tùng hạc, tùng nai, hổ phượng, cúc điệu, trái cây hết sức mỹ thuật. Bức xuyên hoa "Tây đề, Hiệp Thiện đường" (Tây Cống - Đề Ngạn (Sài Gòn - Chợ Lớn), Nhà Hiệp Thiện) ở vách tường bằng gỗ đầu hồi bên phải được nghệ nhân tạo hình và chạm lọng hình tượng rồng mây khảm mảnh trai tinh tế. Các bức xuyên hoa ở hai đầu hồi, ở cửa trước vừa là các tác phẩm nghệ thuật khắc gỗ, vừa có tác dụng làm cho tòa nhà thông thoáng, điều hòa ánh sáng tự nhiên, ở trong nhà nhìn ra bên ngoài ta có cảm

giác vui tươi khi thấy những tia sáng lọt qua các bức xuyên hoa vào nhà. Các án thờ, bàn ghế, tủ sách bằng gỗ ở đây được tạo hình, chạm nổi tinh xảo hình tượng rồng mây, chim hoa lá quả sống động. Tại gian giữa, ngoài án thờ gia tiên, ở trên cao là án thờ Quan Thánh bằng gỗ được tạo hình rất nghệ thuật, xung quanh án thờ là những bức xuyên hoa chạm thủng tinh xảo hình tượng hạc mây, chim hoa lá quả sống động, hai bên chạm chìm câu đối "Vạn cổ huân danh thủy trúc bạch, Thiên thu nghĩa dũng tráng sơn hà" (Muôn thuở công danh lưu sử sách, Ngàn năm nghĩa dũng mạnh non sông). Phía sau án thờ Quan Thánh, ở trên nền nhà là án thờ Thổ địa Tài thần bằng gỗ rất mỹ thuật, chạm chìm câu đối "Thổ vương nhân tòng vương, Thần an chủ diệc an" (Đất thịnh người ắt thịnh, Thần yên chủ sẽ yên). Tòa nhà được chia làm ba phần: Nửa phía trước là nơi tiếp khách với bộ bàn ghế cổ bằng gỗ quý, hai bên có hai tràng kỷ, phía sau có bộ ván dài rộng để nghỉ ngơi. Nửa phía sau hai đầu hồi là hai thư phòng với nhiều loại sách quý, ở giữa có bộ bàn ghế tiếp khách hướng ra thiên tỉnh. Tại tòa nhà còn có sáu cặp liễn đối chạm chìm chữ Hán tinh tế ca ngợi nhân lễ nghĩa trí tín như "Bút cử điền thư, giáo tử trường môn lễ trạch, Nhân cơ nghĩa địa, truyền gia vĩnh thiệu tổ tông" (Ruộng sách bút cày, dạy con noi bề lễ nghĩa, Nền nhân đất nghĩa, truyền đời nối nghiệp tổ tông), "Văn giáo chức thành, tăng đối Tô gia cảm tú, Thi thư thám xuất, liên huy Đậu thị quế thung" (Văn giáo dặt thành, gấm vóc họ Tô khó sánh, Văn thơ xuất hiện, quế hoa họ Đậu cùng thơm), "Nhuận sắc thiểu quang, luân hoán mỹ hồ Trương Lão tụng, Ốc sinh thụ thúy, cầu đường khảng nhĩ Tạ Vương cơ" (Sắc sáng thiểu quang, Trương Lão thơ xưa ca tụng, Nhà sinh ánh đẹp, Tạ Vương nền trước vững bền). Cặp liễn kiểu chữ triện ở trường kỷ "Thi tửu cầm mai kiếm, Yên hoa tuyết nguyệt phong" (Thơ rượu đàn mai kiếm, Khói hoa tuyết gió trăng) và các tấm hoành phi "Đồng thịnh"

(Cùng thịnh vượng), "Thanh phong" (Gió mát), "Minh nguyệt" (Trăng thanh), "Vân đường" (Nhà mây).

Thiên tỉnh là khoảng sân nhỏ có hồ cá và hòn non bộ. Bên trái và bên phải thiên tỉnh là hai hành lang nhỏ nối liền tòa nhà trước và tòa nhà sau. Hành lang bên phải là nơi làm việc của ông Vương Hồng Sển trước đây, hành lang bên trái là nhà vệ sinh.

Tòa nhà sau có kiến trúc ba gian hai chái giống như kiến trúc ba gian hai chái của tòa nhà trước nhưng nhỏ hẹp hơn, hệ thống cột, kèo, xà, đòn tay, rui mè đều bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương. Ở án thờ ông Vương có cặp liên đối "Thiên thượng văn long, hỷ kiến quang y nhật nguyệt, Môn trung thể phượng, nhàn quan thụ liệt vân phong" (Trên trời rồng dệt văn chương, mừng thấy sáng như nhật nguyệt, Trong nhà phượng thêu gấm vóc, ngắm nhìn điềm tốt gió mây).

Số lượng cổ vật trong nhà ông Vương Hồng Sển đang được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh đã được cơ quan chức năng thống kê là 849 món, được đánh giá là quý hiếm với những sưu tập phong phú về chất liệu, đa dạng về loại hình và có xuất xứ từ các nước Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan.



073

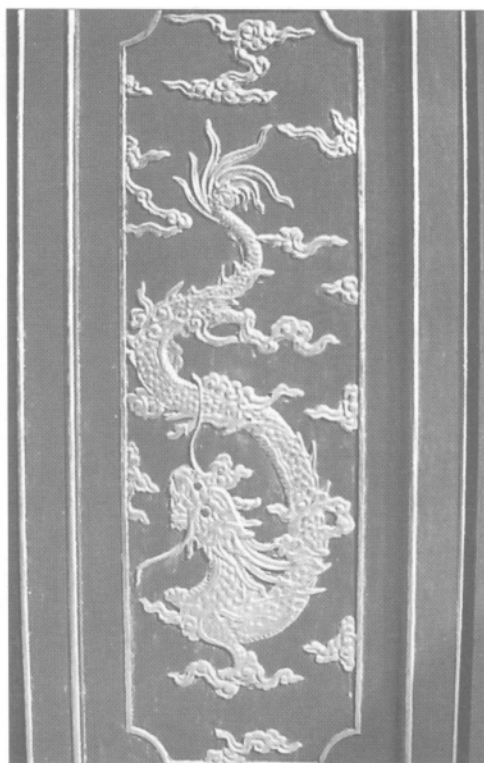
XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ LĂNG LÊ VĂN DUYỆT Ở QUẬN BÌNH THẠNH.

Lăng Lê Văn Duyệt còn gọi là Lăng Ông tọa lạc ở số 1 đường Vũ Tùng, phường 1, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ Văn hóa công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia theo Quyết định số 1288-VH/QĐ ngày 16. 11. 1988.

Cổng chính của lăng nằm trên đường Vũ Tùng, kiểu tam quan được xây dựng năm 1949 với ba vòm cửa, có hai tầng mái lợp ngói ống, gờ mái cong, trên vòm cửa giữa đắp nổi ba chữ "Thượng công miếu" (Miếu ông Thượng).

Kiến trúc tổng thể của lăng gồm phần mộ và đền thờ nằm trên trục dọc. Phần mộ lộ thiên, đền thờ gồm các tòa nhà tiền điện, trung điện, chính điện nằm trên một trục dọc, đông lang, tây lang ở hai bên, mái của các tòa nhà có kiến trúc mái tổng thể kiểu "trùng thiềm điệp ốc" (Nhiều lớp mái chồng lên nhau), lợp ngói âm dương.

Miếu bia là tòa nhà nhỏ tường gạch, hai mái giả ngói ống, phía trước và phía sau có hai vòm cửa, đỉnh nóc mái gắn tượng gốm men cặp rồng tranh châu, trên vòm cửa đắp nổi hàng chữ "Lê công bi đình" (Nhà bia Lê công). Đặt giữa miếu là bia đá hoa cương cao lớn do Phụ chính Đại thần Khâm sai Bắc Kỳ Kinh lược Đại sứ Hoàng Cao Khải



**Chạm nổi rồng mây trên gỗ tại Lăng Lê Văn Duyệt
ở quận Bình Thạnh**

viết văn bia vào ngày 1 tháng 7 năm Thành Thái thứ 6 - 1894, mặt trước chạm nổi bốn chữ "Lê công miếu bi" (Miếu bia Lê công) và chạm chìm 18 hàng chữ Hán. Diềm bia chạm nổi dây lá, trán bia chạm nổi cặp rồng chầu mặt trời, chân bia chạm nổi mặt hổ ngậm chữ thọ, chạm chìm hồi văn bán công. Mặt sau bia chạm nổi hình long mã đang bay trên mây.

Phần mộ được xây dựng vào năm 1832 tại làng Bình Hòa tỉnh Gia Định (Lê Văn Duyệt chết ngày 30 tháng 7 năm Nhâm thìn 1832). Năm 1835 lấy cốt Lê Văn Khôi con nuôi Lê Văn Duyệt nổi loạn, Minh Mạng đã cho san bằng



Văn bia Lê Văn Duyệt ở quận Bình Thạnh

mộ Lê Văn Duyệt, trên nền đất đặt dây xích sắt và hàng chữ "Quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp xứ" (Nơi tên hoạn quan chuyên quyền Lê Văn Duyệt chịu tội). Đến năm 1841 vua Thiệu Trị khôi phục danh tiếng cho Lê Văn Duyệt, phần mộ được phục hồi và còn lại đến hiện nay. Tường bao xung quanh trần mộ không cao nhưng rất dày bằng đá ong, bên ngoài trát vữa. Ở bức bình phong gắn bằng chữ quốc ngữ "Lăng mộ của Tả quân Lê Văn Duyệt, nơi có kiến trúc cổ nhất được tồn tại ổn định từ năm 1848, nằm bên mộ ông là mộ chính thất Tả quân phu nhân Đỗ Thị Phần". Sau bình phong tiền là sân tể để mọi người đốt hương hành lễ có hai nấm mộ hình nửa quả trứng úp nằm



**Phù điêu gắn mảnh gốm nhiều màu tại
Lăng Lê Văn Duyệt ở quận Bình Thạnh.**

song song, phần chân của năm mộ đôi hình chữ nhật có hai bậc, theo hướng nhìn từ trong ra thì bên trái là mộ Lê Văn Duyệt. Phía sau hai năm mộ là bình phong hậu cao lớn hình chữ nhật bề hai góc trên, trang trí phù điêu hình rồng mây.

Mặt tiền của đền thờ được xây dựng với các tầng mái cao ở giữa, gờ nóc mái hơi cong có gắn tượng gốm men cặp rồng châu mặt trời, bát tiên, các gờ mái xuôi thẳng gắn tượng gốm ông nhật bà nguyệt, hình rồng, rùa, diềm mái gắn mảnh gốm men xanh hình lá cây. Điểm đặc biệt ở mặt tiền là các phù điêu hình long mã, chim hoa, chữ Hán, gờ

mái đều được gắn các mảnh gốm nhiều màu rất ấn tượng. Trên cửa chính có hàng chữ "Thượng công linh miếu, Ất hội niên quý đông cát đán" (Miếu linh ông Thượng, ngày tốt tháng 12 năm Ất hội - 1935), trên bốn trụ cửa có hai cặp liên đối "Phan Rang tá quốc tiền lương tướng, Gia Định cần vương hậu hiển thân" (Phan Rang giúp nước, trước là lương tướng, Gia Định phò vua, sau được hiển thân), "Chinh Thi Nại, phong công đệ nhất, Thu Quy Nhơn, vĩ tích vô song" (Đánh Thi Nại, công to bậc nhất, Chiếm Quy Nhơn, công lớn không hai).

Tiền điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ với hai tầng mái giống như tòa nhà trung điện của đình Bình Hòa. Ở đây có án thờ Lê Văn Duyệt bằng gỗ cao lớn làm năm Giáp thân - 1944 được chạm nổi mỹ thuật hình cặp rồng châu mặt trời, tứ linh (rồng, lân, rùa, phượng). Các hoành phi, liên đối chạm trổ tinh xảo hình tượng rồng mây, chữ Hán "Hải nhạc chung linh" (Khí thiêng sông biển) làm năm 1932, "Hữu cầu tất ứng" (Có cầu ắt ứng) làm năm 1876, "Uy chấn Nam bang" (Uy chấn nước Nam) làm năm 1871, "Sinh vi tướng tử vi thần, khai quốc nguyên huân lưu vũ trụ, Cầm tất thông cầu tất ứng, bảo dân linh khí đối sơn hà" (Sống là tướng chết là thần, mở nước công đầu lưu vũ trụ, Cầm ắt thông, cầu ắt ứng, cứu dân linh khí sánh non sông) làm năm 1879.

Trung điện gồm hai tòa nhà có kiến trúc tứ trụ với hai tầng mái giống như tòa nhà tiền điện. Tòa nhà thứ hai có bốn cột chạm rồng rất mỹ thuật. Trung điện có ba cửa, mỗi cửa có bốn cánh cửa gỗ chạm nổi rất mỹ thuật hình tứ linh. Ở đây có cặp xương sườn cá voi lớn và án thờ kiểu sập quì được chạm khắc tinh xảo hình tượng cặp rồng tranh châu, bát tiên, tứ linh. Các hoành phi, liên đối, bao lam được chạm trổ rất mỹ thuật "Thánh đức cao thâm" (Đức thánh cao sâu) làm năm 1932, "Thiên thu sùng bái" (Cúng

tế ngàn năm) làm năm 1925, "Tá trung hưng phụ phượng phàn long, dữ quốc bách niên chiêu vĩ tích, Chế ngoại khốn an dân tức đạo, kim nhân thiên tải ngưỡng uy phong" (Cuộc trung hưng giúp phượng vịn rồng, cùng nước trăm năm ngồi sự nghiệp, Quyền ngoại khốn yên dân dẹp giặc, người sau ngàn thuở mộ uy phong) làm năm 1895. Ở đây có các án thờ Lê Văn Duyệt, hai bên là án thờ Phan Thanh Giản, án thờ Lê Văn Phong và các tượng ngựa cao lớn bằng gỗ.

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ với hai tầng mái cao lớn bằng bê tông cốt sắt được xây dựng sau này. Chính giữa là án thờ Lê Văn Duyệt, hai bên là án thờ Phan Thanh Giản, án thờ Lê Văn Phong giống như ở trung điện, các án thờ, bài vị gỗ này được chạm trổ hết sức sống động hình tượng tứ linh, rồng mây, chữ Hán.

Đông lang và tây lang là hai dãy nhà được xây dựng bằng tường gạch, kèo mái, đòn tay, rui mè gỗ, mái ngói âm dương, là nơi tiếp khách, văn phòng làm việc của ban quản trị lăng. Hiện tại lăng còn lưu giữ các cổ vật gắn với di tích gồm liễn đối, hoành phi, bài vị, án thờ, bao lam, lư hương, văn bia bằng chất liệu gỗ, đồng, đá.

Lăng tổ chức lễ cúng giỗ Lê Văn Duyệt và lễ Kỳ yên vào các ngày 30 tháng 7 và 1 tháng 8 âm lịch hàng năm với nghi thức lễ truyền thống.



074

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH CHÙA SẮC TỨ TẬP PHƯỚC Ở QUẬN BÌNH THẠNH.

Chùa Sắc tứ Tập Phước tọa lạc ở số 233 đường Phan Văn Trị, phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ký quyết định số 188/2005/QĐ-UBND ngày 12. 10. 2005 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố.

Chùa Sắc tứ Tập Phước là ngôi chùa của người Việt thuộc phái Lâm Tế. Ngoài chức năng là cơ sở tín ngưỡng phật giáo, còn là nơi bảo lưu giá trị kiến trúc nghệ thuật về xây dựng chùa chiền Nam Bộ, các cổ vật, di vật, hiện vật thờ cúng gắn với chùa được chạm khắc tinh xảo, mỹ thuật thể hiện sự tài hoa, trí sáng tạo của người Việt thời xưa. Hiện nay chưa có tư liệu thành văn nào cho biết chùa Sắc tứ Tập Phước được xây dựng từ khi nào nhưng căn cứ vào hai chữ "Sắc tứ" (ban sắc) có thể xác định chùa Tập Phước có công giúp đỡ Nguyễn Phúc Ánh và gia tộc thoát chết trong những lần bị nhà Tây Sơn truy đuổi trước đây. Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi lấy niên hiệu là Gia Long đã "Sắc tứ" cho chùa Tập Phước, từ đó chùa có tên gọi là "Sắc tứ Tập Phước Tự" (Chùa Sắc tứ Tập Phước). Sau này, vua Thiệu Trị đã lấy chữ "Tập Phước" truy phong cho Tăng tổ họ Hồ ở Thủ Đức là "Tập Phước bá". Tại Nhà tổ (Tổ

đường) hiện còn bài vị "Sắc tứ Tập Phước đường, tam thập tứ đại, húy Minh Hải, thượng Pháp hạ Bửu, đại lão hòa thượng tọa vị" (Bài vị đại lão hòa thượng Minh Hải Pháp Bửu, đời thứ 34 chùa Sắc tứ Tập Phước). Từ những căn cứ này có thể xác định chùa Tập Phước do đại lão hòa thượng Minh Hải Pháp Bửu xây dựng trong khoảng thời gian trước năm 1802.

Kiến trúc tổng thể của chùa gồm các tòa nhà là tiền điện, chính điện, hậu điện nằm trên một trục dọc, mái lợp ngói âm dương. Mặt tiền chùa được xây dựng bằng vật liệu xi măng và gạch, có một cửa chính và một cửa phụ, nóc mái hình tam giác đều, đỉnh nóc đắp hình bánh xe nhà Phật, phía dưới đắp nổi bảy chữ "Hoàng phong Sắc tứ Tập Phước Tự" (Hoàng đế phong tặng Sắc tứ Tập Phước Tự). Gờ mái có trang trí hình nghệ bằng gốm men xanh.

Tiền điện là tòa nhà được xây dựng thêm ở phía trước tòa nhà chính điện, bằng vật liệu xi măng cốt sắt, tường gạch, bốn cây cột tròn có độ cao vừa phải đỡ phần mái bằng. Ở giữa tiền điện, hiện có một ụ đất do mối đùn trước đây, đất đã khô cứng. Sát vách tường bên phải và bên trái tiền điện là các án thờ Thập bát La hán, Thập điện diêm vương, Hộ pháp, các pho tượng cổ bằng gỗ có kích thước lớn, vừa và nhỏ được tạo hình, chạm khắc rất mỹ thuật.

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu nhà ba gian hai chái giống như tòa nhà tiền điện chùa Hội Sơn ở quận 9. Thờ cúng ở chính điện được bố trí như sau: Chính giữa là án thờ cao lớn nhiều tầng được sắp xếp từ cao xuống thấp, thờ Phật Thích Ca, Quan Âm, Thế Chí, Di Lặc, ông Thiện, ông Ác, các tượng cổ bằng đồng có kích thước lớn, vừa và nhỏ được đúc, chạm khắc rất mỹ thuật. Sát vách tường bên trái và bên phải án thờ Phật tổ là chiếc trống cổ bằng gỗ to lớn đặt trên giá, chiếc chuông đồng cổ to lớn treo trên giá do vợ chồng Đội trưởng quân Nguyễn Tông,

pháp danh Tiên Tri, thuộc Ty Phương thi, Nội viện Chánh dinh cúng chùa, được hòa thượng Linh Nhạc chứng minh "Nguyện thử chung thanh, siêu pháp giới, Thiết viên u ám, lất giai minh, Văn trần thanh tịnh, chúng viên thông, Nhất thiết chúng sinh, thành chính giác" (Nguyện cầu tiếng chuông, được siêu thoát, Nối u ám, ắt được chiếu sáng, Rũ sạch bụi trần, viên thông chính đạo, Hết thấy chúng sinh, thành chính quả). Các hoành phi, liễn đối bằng gỗ được chạm chìm, chạm nổi, chạm lõng tinh xảo đề tài chữ Hán, cặp rồng châu mặt trời, rồng mây, hoa lá "Phong điều vũ thuận, quốc thái dân an" (Gió hòa mưa thuận, nước thịnh dân yên), "Sắc tiên chế" (Tiên hoàng ban Sắc), "Tứ hoàng phong" (Tiên hoàng phong tặng), "Gia lạc Minh quân, Thiệu thuật Tự thừa quang ức tải, Long hưng Mệnh chủ, Trị bình Đức hóa hiển thiên thu" (Tốt đẹp vì có vua sáng, nối tiếp kế thừa sáng tỏ muôn đời, Hưng thịnh bởi có mệnh chủ, nước trị dân yên đức cảm hóa hiển hách ngàn năm), cặp liễn đối này ghép lại thành các chữ Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức.

Tổ đường được phân chia với chính điện bằng bức tường ngăn. Trên án thờ tổ có các bài vị các vị tổ được chạm khắc tinh xảo hình tượng rồng mây: Đại lão hòa thượng Minh Hải Pháp Bửu đời thứ 34, Đại lão hòa thượng Thiết Bửu Cẩm Ứng đời thứ 35, Đại lão hòa thượng Tổ Nhơn Thiên Trường đời thứ 36 chùa Sắc tứ Tập Phước, Đại lão hòa thượng Thiết Tịnh Phổ Tế đời thứ 35 chùa Long Châu, Đại lão hòa thượng Tế Hiển Bửu Dương đời thứ 36 chùa Từ Bi, Hòa thượng tổ Ấn Thập đời thứ 39 Lâm Tế chính tông, Hòa thượng tổ sư Chơn Lý Hoằng Trí đời thứ 40 Lâm Tế chính tông, Hòa thượng Chơn Lợi Hoằng Nghĩa đời thứ 40 chùa Tập Phước. Bức hoành phi chạm chìm chữ Hán, chạm nổi cặp rồng châu mặt trời tinh tế "Chúng di ban tề" (Mọi người đã hàng ngũ ngay ngắn).

Hậu điện là tòa nhà ba gian hai chái còn giữ được kiến trúc vốn có giống như kiến trúc ba gian hai chái của tòa nhà chính điện. Ở đây có án thờ Giám trai sứ giả với pho tượng gỗ cổ, các bức hoành phi "Khôn đạo lương duy" làm năm Bính ngọ đời Quang Tự - 1906, "Giác hoàng điều ngự" (Hoàng đế giác ngộ phật pháp) làm năm Tân sửu - 1901, "Lễ Tây phương", "Tổ ấn trùng quang" (Ấn tổ lại sáng), "Tông phong vĩnh chấn" (Tông phong mãi thịnh). Hiện tại chùa còn lưu giữ các cổ vật gắn với di tích gồm liên đối, hoành phi, bài vị, án thờ, tượng, chuông, mõ, trống bằng chất liệu gỗ, đồng.

Chùa Sắc tứ Tập Phước tổ chức lễ cúng hàng năm vào dịp Phật đản, 2 ngày giỗ tổ vào ngày 3 tháng 5 và 25 tháng 10 âm lịch với nghi thức lễ truyền thống của Phật giáo.



075

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC ĐÌNH THÔNG TÂY HỘI Ở QUẬN GÒ VẤP.

Đình Thông Tây Hội tọa lạc ở số 107/1 đường Nguyễn Văn Lượng, phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin ký Quyết định số 2009/1998/QĐ-BVHTT ngày 26. 9. 1998 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức có ghi, năm 1818 thôn Hanh Thông thuộc tổng Bình Trị sau là Bình Trị Hạ, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, thành Gia Định. Hiện tại đình còn lưu giữ các cặp liễn đối có hai chữ đầu tiên là "Hanh Thông". Từ những căn cứ này có thể xác định đình Hanh Thông là ngôi đình làng của người Việt được xây dựng vào khoảng thời gian từ năm 1818. Sau này, các thôn Hanh Thông, Hanh Thông Tây, An Hội sáp nhập thành thôn Thông Tây Hội thì đình Hanh Thông được đổi tên là đình Thông Tây Hội. Cổng đình kiểu tam quan, phía trước mặt tiền có bình phong Sơn quân, phía sân bên phải có miếu nhỏ Bạch Hổ bằng gạch. Kiến trúc tổng thể của đình kiểu chữ đình gồm các tòa nhà võ ca, tiền điện, trung điện, chính điện nằm trên trục dọc, miếu Bà Chúa xứ ở bên hông trái chính điện, nhà khách, nhà bếp ở bên hông phải chính điện, mái của các tòa nhà lợp ngói âm dương, gờ nóc mái ngang phẳng trang trí tượng

gốm men hình cặp rồng tranh châu, gờ mái xuôi thẳng bề hai góc trên. Các tòa nhà với hệ thống cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè bằng gỗ.

Võ ca có hai tòa nhà: Tòa nhà phía trước được xây dựng kiểu ba gian, mái lợp ngói âm dương có tác dụng như mái hiên trước. Tòa nhà thứ hai được xây dựng kiểu tứ trụ giống như tòa nhà chính điện đình Tăng Phú ở quận 9, bên trái và bên phải võ ca không xây tường bao nên rất thông thoáng.

Tiền điện có ba tòa nhà nhỏ nằm trên một hàng ngang. Ở giữa là tòa nhà tứ trụ một gian bốn mái lợp ngói âm dương, nóc mái gắn tượng gốm men hình cặp rồng tranh châu, giữa tòa nhà là chiếc án gỗ cao, xung quanh chạm lộng tinh xảo hình nho sóc, chim hoa, trên án là bằng xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia đình Thông Tây Hội, phía sau là chiếc mõ gỗ làm năm 1880. Hai tòa nhà hai bên kiểu tứ trụ giống tòa nhà giữa. Ở đây có cặp liễn đối chạm nổi tinh xảo chữ Hán "Hương mãn kim đường, ngưỡng thần ân phổ chiếu, Đăng quang bảo tọa, lại thánh đức vô cương" (Hương quyện nhà vàng, mong ơn thần chiếu khắp, Đèn soi bảo điện, nhờ đức thánh vô biên) làm năm 1902.

Trung điện là tòa nhà được xây dựng kiểu ba gian hai chái giống như tòa nhà tiền điện của đình Tăng Phú ở quận 9. Ở đây có án thờ Quan Thánh, tượng ngựa Bạch mã, ngựa Xích thố, các án thờ gỗ làm năm 1925 được khảm mảnh trai tinh xảo hình tượng nho sóc, chim hoa. Các hoành phi, liễn đối chạm nổi chữ Hán, hoa lá "Quốc thái dân an" (Nước thịnh dân yên) làm năm 1881, "Nghiêm chỉnh thần đình, sinh thủy sắc, Sùng tu thánh tọa, tập tường quang" (Nghiêm chỉnh đình thần, sinh khí tốt, Trùng tu thánh miếu, hưởng điềm lành) làm năm 1896, "Hanh phong nam địa

nhân dân lạc, Thông đạt tây thôn tử lý an" (Hạnh thịnh đất Nam, dân chúng vui, Thông đạt thôn Tây, làng xóm ổn).

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ giống như tòa nhà chính điện của đình Tăng Phú ở quận 9, mái lợp ngói âm dương, cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè bằng gỗ. Các đầu kèo, đuôi kèo chạm trổ mỹ thuật hình đầu rồng, hoa lá. Phía trước chính điện có ba án gỗ hình vuông cao lớn kiểu chân quỳ được khảm mảnh trai tinh xảo hình chim hoa. Sát vách tường bên trái và bên phải có các án thờ liệt sĩ, Phúc đức, Tiền hiền, Hậu hiền, tiên sư, bạch mã bằng gạch. Ở giữa là án thờ thần Thành hoàng bản cảnh bằng gỗ cao lớn làm năm 1927 chạm lộng, chạm nổi sinh động hình cặp rồng châu mặt trời, cột rồng mây, chim hoa, giữa án thờ có chữ Thần thếp vàng và bài vị "Hữu Đông Chinh Dực Thánh Thành Hoàng Đại Vương", hai bên có cặp liễn đối "Hạnh phong nam cảnh, mộng thiên đức, Thông đạt tây thôn, ngưỡng địa linh" (Hạnh thịnh cõi Nam, nhờ đức trời, Thông đạt thôn Tây, bởi đất linh). Hai bên án thờ thần là các án thờ Tả ban, Hữu ban bằng gỗ làm năm 1912 được chạm khắc mỹ thuật như án thờ thần và ba cặp hạc gỗ đứng trên lưng rùa cao lớn, biểu tượng của xã tắc bền vững, làm năm 1925. Các hoành phi, liễn đối chạm nổi, chạm chìm tinh xảo chữ Hán "Bình trị thượng cơ, thần minh trắc giáng như tại, Hạnh thông tây hướng, thiên nhan chỉ xích bất vi" (Cơ nghiệp Bình Trị Thượng, thần minh lên xuống như hiển hiện, Hướng thôn Hạnh Thông Tây, mặt thần gang tấc chẳng rời xa) làm năm 1906, "Kính như tại" (Cung kính thần như thần đang tại chỗ) làm năm 1881, "Chung linh dục tú" (Linh khí hội tụ) làm năm 1906. Các bao lam cửa võng chạm lộng mỹ thuật hình tượng cặp rồng châu mặt trời, chim hoa lá quả sống động. Miếu Bà Chúa xứ là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ một gian bốn mái lợp ngói âm dương, cột kèo gỗ, tường gạch, ở giữa là án thờ Chúa Xứ nương nung, hai bên có án thờ Tả ban, Hữu

ban, các án thờ này bằng xi măng, bức hoành phi "Ân quang phổ chiếu" (Ơn thần chiếu khắp) làm năm 1931, cặp liễn đối "Vạn cổ đào hoa, chiêu thánh nữ, Thiên thu xuân sắc, tập thiên tường" (Muôn thuở hoa đào, mời thánh nữ, Ngàn năm sắc xuân, hội điểm lành) làm năm 1919.

Nhà khách, nhà bếp, nhà kho là ba tòa nhà thấp được xây dựng bằng cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè gỗ, mái của các tòa nhà lợp ngói âm dương. Tòa nhà trước và tòa nhà sau có kiến trúc ba gian hai chái, tòa nhà giữa có kiến trúc tứ trụ. Các đầu kèo chạm nổi tinh xảo hình tượng hoa lá. Các cặp liễn đối được chạm chìm trực tiếp chữ Hán trên cột rất mỹ thuật "Đồng vũ duy tân, từng bách cổ, Hoán luân tế mỹ, quế lan hương" (Miếu đình tươi mới, từng bách cổ, Uy nghi rực rỡ, quế lan thơm), "Đại thọ mạo linh, thôi đại đức, Hoa diên khang tước, chúc hoa phong" (Kỳ lão thọ, nhờ đức lớn, Lộc an khang, hưởng dài lâu). Ở đây có án thờ Tiên sư bằng gỗ được khảm mảnh trai, chạm lõng hình hoa lá tinh xảo và các án thờ Tiền hiền, Hậu hiền.



076

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT CHÙA SẮC TỨ TRƯỜNG THỌ Ở QUẬN GÒ VẤP.

Chùa Sắc tứ Trường Thọ tọa lạc ở số 53/524 đường Phan Văn Trị, phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin ký Quyết định số 06/2000/QĐ-BVHTT ngày 13. 4. 2000 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Tại chùa hiện còn chiếc chuông đồng cao lớn, đúc nổi hàng chữ Hán "Gia Định thành, Tân Bình phủ, Bình Dương huyện, Bình Trị tổng, Hòa Mỹ thôn, Vĩnh Trường tự trụ phụng" (Trụ trì chùa Vĩnh Trường ở thôn Hòa Mỹ, tổng Bình Trị, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, thành Gia Định cúng chuông này). Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức có ghi, năm 1818 thôn Hòa Mỹ thuộc tổng Bình Trị, sau đó thuộc tổng Bình Trị Thượng, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, thành Gia Định. Tài liệu *Lược sử chùa Sắc tứ Trường Thọ* do Hòa thượng Thích Tâm Giác sinh năm 1918, trụ trì đời thứ 43, biên soạn năm 1994 có ghi: Chùa lúc đầu có tên là chùa Vĩnh Trường ở thôn Hòa Mỹ, sau đó chiến tranh giữa quân Tây Sơn và nhà Nguyễn, chùa bị tàn phá và được di dời về địa điểm Chợ Cầu, quận Gò Vấp hiện nay. Khi Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn truy đuổi đã vào chùa ẩn náu, nhờ một trận mưa lớn mà thoát

nạn nên đã ban cho chùa tên gọi "Sắc tứ Pháp Vũ Tự" (Chùa Sắc tứ Pháp Vũ). Sau khi lên ngôi lấy niên hiệu là Gia Long, vua đã ban cho chùa là "Sắc tứ Trường Thọ Tự" (Chùa Sắc tứ Trường Thọ). Sau đó, chùa được di dời về vị trí hiện nay.

Cổng chùa được xây dựng bằng gạch, có một cửa, hai mái giả ngói, diềm mái gắn mảnh gốm men xanh hình lá cây. Bên cạnh trụ cổng gắn bằng tên di tích bằng đá đỏ do Ban Quản lý Di tích và Danh lam thắng cảnh Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện với hàng chữ "Di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia Chùa Sắc tứ Trường Thọ". Sân chùa là vuông đất ở hông bên phải chùa, chạy dài từ chính điện tới giảng đường, trong sân trồng các loại cây mai, phía cuối sân có tượng Phật Quan Âm lộ thiên. Kiến trúc tổng thể của chùa gồm các tòa nhà tiền điện, chính điện, giảng đường nằm trên một trục dọc, mái các tòa nhà lợp tole giả ngói.

Tiền điện là tòa nhà hẹp năm gian giống như tòa nhà trước của võ ca đình Thông Tây Hội, có tác dụng như hiên trước. Cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương. Do mặt tiền của chùa được xây kín bằng bức tường gạch, mỗi khi vào chùa thường đi bằng cửa hông trái của giảng đường. Ở gian giữa có án thờ bằng gạch men cao lớn, trên án thờ Hộ pháp, Tiêu điện, Địa tạng, các pho tượng gỗ này được tạo hình và chạm trổ tinh xảo. Bên phải án thờ là chiếc trống to treo trên chiếc giá gỗ cao, chạm nổi tinh tế hình tượng rồng mây.

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu ba gian hai chái với hệ thống cột gỗ tròn kê trên đá tảng, các vì kèo mái nối dài, đuôi kèo chạm trổ hoa lá rất mỹ thuật, xà ngang, xà dọc, đòn tay, rui mè bằng gỗ tạo cho tòa nhà dáng cao rộng, uy nghi vững chắc. Thờ cúng ở chính điện được bố trí như sau: Ở ba gian giữa là ba án thờ bằng gạch

men cao lớn thờ Tam thế phật, ở giữa là phật Di Đà, bên trái là phật Quan Âm, bên phải là phật Thế Chí, ba pho tượng cổ bằng gỗ cao lớn này được tạo hình và chạm trổ tinh tế, sơn thếp lộng lẫy. Sát vách tường bên phải và vách tường bên trái là sáu án thờ bằng gạch men thờ Thập điện minh vương và Thập bát la hán. 10 pho tượng cổ Thập điện được tạc bằng gỗ, còn 18 pho tượng La hán được nặn bằng đất nung, rỗng bên trong, các pho tượng này có giá trị về nghệ thuật tạo hình. Phía sau ba án thờ Tam Thế là các án thờ Quan Thánh với tượng Quan Thánh, Quan Bình, Châu Xương bằng gỗ và án thờ tổ với hai bài vị, một của đại lão hòa thượng Trùng Giáo Quảng Tuyên, hiệu Chí Nhon, đời thứ 42 Tế thượng chính tông và một bài vị của đại lão hòa thượng tổ Thanh Hiện Tâm Thông, hiệu Đạt Đán, đời thứ 41. Đối diện với án thờ tổ là án thờ phật Chuẩn đề với tượng phật bằng gỗ ngồi tòa sen. Đặc biệt chiếc chuông đồng to lớn, vai ngang, chạm trổ tinh xảo, trên chuông đúc nổi nhiều hàng chữ Hán trong đó có hàng chữ đã dịch nghĩa ở phần trên. Tại chính điện có các hoành phi với kỹ thuật chạm chìm chữ Hán, chạm nổi tượng cặp rồng châu mặt trắng rất đẹp như "Vô thượng chí tôn" (Chí tôn là cao nhất), "Giác hoàng điều ngự" (Hoàng đế giác ngộ phép Phật), "Phật nhật tăng huy" (Phật giáo ngày càng sáng). Cả ba bức hoành phi đều được làm vào năm Quý mão thời Đại Nam - 1843. Phía trên án thờ phật Chuẩn đề có bức hoành phi chạm chìm chữ Hán rất nghệ thuật "Sắc tứ Pháp Vũ Tự" (Chùa Sắc tứ Pháp Vũ) được làm năm Canh Thìn - 1880.

Giảng đường là tòa nhà được xây dựng kiểu ba gian hai chái với 24 cây cột gỗ tròn kê trên đá tảng hình vuông, trong đó có 8 cây cột cái cao lớn, các vì kèo mái, xà ngang, xà dọc, đòn tay, rui mè bằng gỗ, tạo cho tòa nhà dáng cao rộng, vững chắc. Hoành phi, liễn đối ở đây được chạm trổ tinh xảo hình tượng cặp rồng châu mặt trắng, cặp rồng tranh

châu, hoa lá "Chính pháp hưng long" (Chính pháp hưng thịnh), "Tư thực phúc điền", "Sắc tứ Trường Thọ Tự" (Chùa Sắc tứ Trường Thọ), các hoành phi này được làm năm Quý mão - 1843 và các cặp liễn chạm chìm chữ Hán, sơn thếp rực rỡ "Bát nhã hoa khai, vạn pháp tức tâm tức Phật, Bồ đề quả thực, nhất chân phi sắc phi không" (Bát nhã nở hoa, muôn phép là tâm là Phật, Bồ đề quả chín, nhất chân là sắc là không), "Chúc Nam quốc chí tôn, tứ hải nhân dân giai khể thủ, Lễ Tây phương đại thánh, bách gia tăng chúng cộng quy y" (Chúc vua nước Nam, người bốn biển cúi đầu tôn kính, Mừng thánh phương Tây, trăm nhà ni, chúng thầy quy y) làm năm Ất mùi - 1895, "Phật quốc lai do, diệu diễn tam thừa bí quyết, Phạn lâm di chỉ, thanh đàm vạn pháp tông phong" (Phật giáo đến đây, truyền bá Tam thừa bí quyết, Phạn lâm lưu dấu, luận bàn vạn pháp tông phong) làm năm 1895, "Sinh tiền giáo dưỡng đắc nhân, vô tử nhi hữu tử, Một hậu thanh danh tại thế, tuy vong dã bất vong" (Sống giáo huấn được người, không còn mà tựa có, chết lưu danh ở thế, tuy mất vẫn như còn) làm năm 1890. Hiện tại chùa còn lưu giữ các cổ vật gắn với di tích gồm liễn đối, hoành phi, bài vị, tượng, chuông, trống bằng chất liệu gỗ, đồng.



077

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐÌNH AN NHƠN Ở QUẬN GÒ VẤP.

Đình An Nhơn tọa lạc ở số 72/799 đường Lê Đức Thọ, phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ký Quyết định số 20/2005/QĐ-UB ngày 1. 2. 2005 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố.

Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức ghi năm 1818 thôn An Nhơn Tây Giáp thuộc tổng Bình Trị, huyện Bình Dương, thành Gia Định. Năm 1836 xã An Nhơn thuộc tổng Bình Trị Hạ, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định. Tại đình hiện còn bản chép tay tờ sắc phong thần Thành hoàng bản cảnh xã An Nhơn ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853) là "Hàm hoàng Quang đại Chí đức Phổ bác Hiến hóa Trang huy Thượng đẳng thần", theo đó có thể xác định đình An Nhơn được xây dựng từ 1818 đến 1852.

Đình An Nhơn tọa lạc trên khu đất tương đối cao có nhiều cổ thụ bóng mát, ngoài chức năng là cơ sở tín ngưỡng dân gian của nhân dân địa phương, đình còn là nơi lưu giữ giá trị kiến trúc nghệ thuật về xây dựng đình làng truyền thống Nam Bộ với hệ thống cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè, xuyên hoa bằng gỗ, các án thờ, hoành phi, liên đối, bao lam, bài vị bằng gỗ được chạm khắc tinh xảo hình

tượng rồng mây, tứ linh, chim hoa lá quả, chữ Hán thể hiện sự khéo léo, óc sáng tạo của người Việt thời xưa. Cổng đình kiểu tam quan nóc mái có gắn tượng gốm men xanh cặp rồng tranh châu. Tại sân đình có các miếu nhỏ thờ Thổ địa, Thập loại cô hồn, Tổ quốc ghi công, Quan Thánh, Ngũ hành nương nương, Bạch hổ. Kiến trúc tổng thể của đình gồm các tòa nhà võ ca, tiền điện, chính điện nằm trên trục dọc, nhà khách nằm ở bên phải chính điện, mái của các tòa nhà lợp ngói âm dương, gờ nóc mái ngang phẳng trang trí tượng gốm men hình cặp rồng tranh châu, gờ mái xuôi về hai góc trên.

Võ ca là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ bằng tường gạch, cột xi măng cốt sắt, kèo mái, đòn tay bằng gỗ, mái lợp ngói xi măng. Phần trước là sân diễn khá cao bằng gạch để biểu diễn hát bội trong dịp lễ Kỳ yên.

Khoảng trống giữa tòa nhà võ ca và tòa nhà tiền điện là thiên tỉnh với các loại cây cảnh.

Tiền điện là tòa nhà được xây dựng kiểu ba gian hai chái, cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè bằng gỗ, các đuôi kèo chạm nổi tinh xảo hình đầu rồng, mái lợp ngói âm dương. Tiền điện có ba cửa, mỗi cửa có hai cánh cửa song gỗ. Ở vị trí bên trong cửa giữa là chiếc long đình bằng gỗ kiểu tứ trụ làm năm 1930 dùng để rước sắc phong trong dịp lễ Kỳ yên, được chạm lộng, chạm nổi rất mỹ thuật hình tượng rồng mây, cột rồng, hoa lá, hồi văn bán công (hoa văn nửa chữ công được lặp đi lặp lại), xung quanh có các cặp liên đối "Vạn đại giang sơn long hổ cứ, Thiên niên vũ trụ phượng hoàng lai" (Muôn đời núi sông rồng hổ cuộn, Ngàn năm trời đất phượng hoàng bay). Các án thờ Chính bái, Đông hiến, Tây hiến, trống mõ, các đàn lỗ bộ. Ở đây có năm bức hoành phi gỗ làm vào năm 1930 với kỹ thuật chạm trổ chữ Hán, cặp rồng tranh châu, cột rồng mây rất đẹp "Thanh linh hách trạc" (Tiếng tăm lòng lẫy), "Hóa dục

quần sinh" (Cảm hóa chúng sinh), "Thánh đức quảng phụ" (Đức thánh trùm khắp), "Đức hóa hồng ân" (Ân cao đức cả).

Chính điện được xây dựng kiểu tứ trụ, hệ thống cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè, xuyên hoa được làm bằng gỗ, đặc biệt ba bức xuyên hoa ở cửa chính điện được chạm khắc tinh xảo hình tượng tứ linh, chim hoa lá quả, 26 đuôi kèo chạm nổi mỹ thuật hình đầu rồng. Ở giữa Chính điện là án thờ thần Thành hoàng bản cảnh bằng gạch men cao lớn, trước án thờ có chiếc bao lam cửa võng bằng gỗ chạm lộng mỹ thuật hình tượng tứ linh. Trong án thờ có chữ Thần và bài vị gỗ chạm nổi rồng mây, chữ Hán "Cung thỉnh Sắc Đại càn Quốc gia Nam hải Tứ vị Thánh nương vương" (Kính thỉnh Sắc Đại càn Quốc gia Nam hải bốn vị Thánh nương vương), bốn vị thánh nương vương này là Tống Thái hậu họ Dương và ba công chúa, năm 1279 quân Mông Cổ đuổi nhà Nam Tống tới Quảng Đông, vua Thiệu Đế tử tiết, bà cùng ba công chúa cùng nhảy xuống biển chết theo. Truyền thuyết kể rằng xác bốn bà dạt vào cửa Càn xã Phương Càn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, được dân sở tại chôn cất rồi lập miếu thờ. Bốn bà được vua nhà Trần phong Càn Thánh nương vương. Ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853), Tự Đức ban Sắc tặng thêm là "Hàm hoàng Quang đại Chí đức Phổ bác Hiển hóa Trang huy Thượng đẳng thần". Hai bên án thờ thần là các án thờ Tả ban, Hữu ban, tượng Bạch mã, võng thần. Phía trước án thờ thần là án thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh với cặp hạc cao lớn ở hai bên. Theo thứ tự từ vách tường bên trái đến vách tường sau và vách tường bên phải chính điện, có các án thờ bằng gạch với các bài vị gỗ chạm chìm chữ Hán "Tiền bối hữu công chi vị" (Bài vị Tiên bối có công), "Hậu bối hữu công chi vị" (Bài vị Hậu bối có công), "Phúc đức chính thần chi vị" (Bài vị Phúc đức chính thần), "Tiên hiền khai cơ Nguyễn Thanh Đức, Nguyễn Dục Đức" (Bài vị

Tiền hiền khai cơ là Nguyễn Thanh Đức, Nguyễn Dục Đức), "Tiền hiền khai khẩn Phan Sự" (Bài vị tiền hiền khai khẩn Phan Sự), "Hậu hiền liệt vị" (Bài vị Hậu hiền), "Kim mộc thủy hỏa thổ tinh chi vị" (Bài vị các sao Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ), "Bạch mã Thái giám chi vị" (Bài vị Bạch mã Thái giám). Ngoài ra còn bài vị của các xã trưởng Nguyễn Văn Nguyên, Trần Văn Thành, Lê Văn Hoàn, hương chủ ấp Nguyễn Văn Hữu, Ông Thanh Yển, hương cả Hà Văn Phương... Ở đây còn có cặp liễn đối chạm chìm chữ Hán tinh tế "Đại càn hiển hách, thiên thu quốc, Nam hải thanh bình, tứ thánh vương" (Đại càn hiển hách, ngàn năm nước, Nam hải thanh bình, bốn vị thánh vương).

Nhà khách là tòa nhà năm gian, nằm bên phải tòa nhà chính điện theo hướng từ ngoài vào, được xây dựng bằng tường gạch, cột, kèo mái với 28 đầu kèo chạm trổ tinh xảo hình đầu rồng, xà, đòn tay, rui mè gỗ, mái lợp ngói âm dương. Tòa nhà là nơi tiếp khách, hội họp và đãi tiệc trong dịp lễ Kỳ yên. Hiện tại đình còn lưu giữ 33 cổ vật gắn với di tích gồm liễn đối, hoành phi, bài vị, án thờ, bao lam... bằng chất liệu gỗ.

Đình An Nhơn tổ chức lễ Kỳ yên hàng năm vào ngày 15, 16 tháng 8 âm lịch với nghi thức lễ truyền thống.



078

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐÌNH PHÚ NHUẬN.

Đình Phú Nhuận tọa lạc tại số 18 đường Mai Văn Ngọc, phường 10, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin ký Quyết định số 3744-QĐ/VHTT ngày 29. 1. 1997 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức có ghi, năm 1818 thôn Phú Nhuận thuộc tổng Bình Trị sau thuộc tổng Dương Hòa Thượng, huyện Bình Dương, thành Gia Định. Tại đình hiện còn tờ sắc vua Tự Đức ban cho thần Thành hoàng bản cảnh thôn Phú Nhuận ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853) là "Thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng", theo đó có thể xác định đình Phú Nhuận được xây dựng trong khoảng thời gian từ 1818 đến 1852. Tại sân đình có các miếu thờ nhỏ xây bằng gạch như miếu cô, án thờ Sơn quân, miếu nhị vị công tử và nhiều cổ thụ bóng mát cùng các loại cây cảnh. Kiến trúc tổng thể của đình gồm các tòa nhà võ ca, tiền điện, chính điện nằm trên trục dọc, nhà khách, nhà túc nằm ở bên phải chính điện theo hướng từ ngoài vào, mái của các tòa nhà lợp ngói âm dương, gờ nóc mái ngang phẳng trang trí tượng gốm men cặp rồng tranh châu, gờ mái xuôi thẳng bẻ hai góc trên.

Võ ca là tòa nhà ba gian hai chái được xây dựng bằng tường gạch, hệ thống cột, kèo mái, xà, đòn tay, một số được làm bằng gỗ, một số được làm bằng xi măng cốt sắt tạo cho tòa nhà dáng cao rộng vững chắc, phía trước có sân diễn khá cao và ngăn phòng để diễn viên trang điểm biểu diễn hát bội trong dịp lễ Kỳ yên hàng năm.

Tiền điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ giống như tòa nhà chính điện của chùa Hội Sơn ở quận 9. Hệ thống cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè được làm bằng gỗ. Thờ cúng ở chính điện được bố trí như sau: Ấn thờ Hội đồng nội cao lớn bằng gỗ, chân quỳ, xung quanh chạm khắc tinh xảo hình tượng cặp rồng tranh châu, rồng mây, chim hoa, trúc mai, bát tiên, trên án thờ có bài vị chữ Thần làm năm 1999, hai bên có hai dàn lỗ bộ và chiếc mõ gỗ. Sát vách tường bên trái và bên phải chính điện có các án thờ Phúc đức chính thần, Liệt vị hữu ban, Đông trù tư mệnh, Liệt vị tả ban. Các án thờ này làm vào năm 2001 bằng gỗ quý. Ngoài ra còn có tủ đựng mũ áo của thần, chiếc long đình được tạo hình và chạm trổ mỹ thuật hình rồng mây, hoa lá. Phía sau án thờ Hội đồng nội là chiếc long sàng kiểu sập quỳ, xung quanh chạm nổi dây lá, trên long sàng có bài vị chữ Thần làm năm 1998 và chiếc gối, chiếc quạt của thần. Hai bên long sàng có hai cặp hạc đứng trên lưng rùa và tượng Bạch mã bằng gỗ làm năm Nhâm tý - 1852, phía sau long sàng là án thờ thần Thành hoàng bản cảnh bằng gỗ cao lớn được chạm lộng, chạm nổi, chạm chìm rất mỹ thuật hình tượng cặp rồng châu mặt trời, cặp phượng hoàng tranh châu, cột rồng mây, chim hoa lá quả, chữ Hán, ở giữa án thờ có chữ Thần và chiếc hộp đựng tờ sắc vua Tự Đức ban cho thần Thành hoàng bản cảnh thôn Phú Nhuận. Hai bên án thờ thần là các án thờ "Chúa Xứ nương nương", "Đông Nam sát hải Lang lại nhị đại tôn thần", các án thờ bằng gỗ làm năm 1998. Ở đây có các hoành phi, liễn đối chạm khắc tinh xảo chữ Hán, rồng mây, hoa lá

"Hộ quốc bảo dân" (Giúp nước giữ dân) làm năm 1901, "Hộ quốc tỵ dân" (Giúp nước cứu dân) làm năm 1860, "Hách hách anh linh, hựu địa lợi tài phong tăng ích tráng, Nguy nguy hậu trách, phổ dân khang vật phụ vĩnh hưng long" (Uy linh lòng lấy, giúp cho dân mạnh đất giàu, Nhân đức cao dày, ban cho vật thịnh dân khang) làm năm 1901...

Nhà khách là tòa nhà ba gian hai chái lợp ngói âm dương, xung quanh là tường gạch. Đây là nơi tiếp khách và là văn phòng của Ban Quản trị đình.

Nhà túc là tòa nhà ba gian nằm ở phía sau nhà khách, được xây dựng bằng tường gạch, cột, kèo mái, xà, đòn tay bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương. Ở đây có các án thờ Tiên sư, Tiền hiền, Hậu hiền, "Tiền viên binh, hậu viên binh" (Các viên binh đời trước và đời sau) và "Tiền viên chức, hậu viên chức" (Các viên chức đời trước và đời sau) làm năm 1929. Hiện tại đình còn lưu giữ 25 cổ vật gắn với di tích gồm sắc phong thần, liễn đối, hoành phi, bài vị, lư hương, bình gốm... bằng chất liệu giấy bản, gỗ, đồng, gốm.

Đình Phú Nhuận tổ chức lễ Kỳ yên hàng năm vào ngày 16, 17, 18 tháng giêng âm lịch với nghi thức lễ truyền thống.



079

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT LĂNG VÕ DI NGUY Ở QUẬN PHÚ NHUẬN.

Lăng Võ Di Nguy tọa lạc ở số 19 đường Cô Giang, phường 2, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa ký Quyết định số 43-VH/QĐ ngày 7. 1. 1993 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Theo các tư liệu hiện có, Võ Di Nguy sinh năm 1745, người gốc huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên, là người có tài trong việc tổ chức, xây dựng và chỉ huy thủy quân. Năm 1802, vua Gia Long cho đem bài vị của Võ Di Nguy vào thờ tại miếu Thi Nại công thần, đền Hiến Trung và ban Chế truy tặng là "Tá mệnh công thần đặc tiến Thượng trụ quốc Thiếu bảo, Minh quận công, thụy Trung Túc". Năm 1831, Minh Mạng ban chế đặc tặng là "Tá vận công thần đặc tiến Tráng vũ tướng quân Thủy quân Đô thống phủ Chương phủ sự Thái bảo, đổi tên thụy là Tráng Túc, phong Bình Giang quận công".

Kiến trúc tổng thể của lăng gồm hai phần đền thờ, phần mộ nằm trên một trục dọc, đền thờ ở phía trước, phần mộ ở phía sau.

Đền thờ Võ Di Nguy được xây dựng sau khi đã xây dựng xong phần mộ. Năm 1972, Hội Phú Trung trùng tu

đền thờ còn lại đến hiện nay. Đền thờ được xây dựng kiểu nhà tứ trụ với hai tầng mái, bốn mái chính bằng xi măng cốt sắt và một tầng nhỏ bốn mái tương tự ở bên trên, tạo thành tòa nhà có nội thất cao rộng thông thoáng, tự điều hòa ánh sáng thiên nhiên. Gờ nóc mái đền thờ ngang phẳng, trang trí tượng gốm men cặp rồng tranh châu, tám gờ mái hơi cong gắn biểu tượng dây lá hóa rồng cuộn hình sóng nước, tạo nét thanh thoát cho kiến trúc mái của đền thờ. Đền thờ gồm chính điện, đông lang, tây lang. Đông lang là nơi tiếp khách và là văn phòng làm việc của Ban Quản trị lăng. Tây lang có án thờ các vị trong Hội Phú Trung và những người có công giữ gìn lăng đã qua đời và dùng làm nhà kho. Các án thờ ở chính điện được bố trí như sau: Ở vị trí cửa giữa là án thờ Hội đồng bằng gỗ được chạm nổi và khảm mảnh trai tinh xảo hình tượng chim, hoa, dây, lá. Án thờ Bình Giang bá Võ Di Thái là cháu ruột Võ Di Nguy, trên án có ảnh chụp bản chế phong năm 1836 của Minh Mạng đặc phong cho Võ Di Thái tước Bình Giang bá. Án thờ Võ Di Nguy bằng gỗ cao lớn được chạm lộng, chạm nổi sống động hình tượng cặp rồng châu mặt trời, rồng mây, chim hoa, chữ Hán "Uy liệt Nam bang" (Uy chấn nước Nam). Hai bên là cặp liễn đối với nội dung "Thượng tướng nước Nam, dũng liệt anh linh. Thủy vệ Trung quân, vang danh hiển hách". Ở trong án thờ có chữ Thần thếp vàng và hộp đựng hai bản chế phong, một cho Bình Giang quận công Võ Di Nguy, một cho Bình Giang bá Võ Di Thái. Trong án thờ còn có bài vị gỗ với nội dung: Bài vị Khâm sai thuộc nội, Cai cơ quân Ngũ thủy dinh, Minh Phương hầu, Thượng tướng quân, Cẩm y thị vệ, Thượng trụ quốc, Thống phủ Võ Di Nguy và mệnh phụ Lê Thị Mười (vợ chính của Võ Di Nguy). Tại chính điện có chiếc long sàng kiểu sập quỳ, xung quanh có gắn bao lam gỗ chạm lộng tinh xảo cặp rồng uốn lượn châu mặt trời và chiếc thuyền rồng biểu tượng của thủy binh do Võ

Di Ngụy chỉ huy. Ngoài ra, còn có cặp hạc cao lớn đứng trên lưng rùa biểu tượng cho xã tắc bền vững. Hai bên án thờ Võ Di Ngụy là các án thờ tả ban và hữu ban. Ở đây còn có cặp liễn đối với nội dung "Phú mỹ sắc Bình giang, đèn thờ muôn thuở, đèn nhang không dứt. Trung hưng phong quận công, nơi tế lễ ngàn năm mãi còn".

Phần mộ Võ Di Ngụy được xây dựng vào năm 1801 bằng hợp chất cổ (thường gọi là ô dước) hết sức quy mô về kiến trúc và nghệ thuật tạo hình, trang trí tuyệt mỹ ở phần mộ. Phần mộ gồm tường bao xung quanh, bình phong tiền, bình phong hậu, sân tế, năm mộ. Đây là một trong những di tích quý hiếm còn lại về loại hình mộ táng cổ ở Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Nam Bộ có giá trị đặc biệt về kiến trúc nghệ thuật xây dựng lăng mộ, về chất liệu xây dựng cũng như nghệ thuật trang trí. Hai bên bình phong tiền là cặp lân cao lớn giống hệt nhau nhìn về năm mộ Võ Di Ngụy với đôi mắt mở to, miệng há, những xoắn lông cuộn sát toàn thân, móng vuốt sắc nhọn, cơ bắp chân rắn chắc. Tường bao bên trái và bên phải đắp nổi hình chiếc đầu Thanh long và đầu Bạch hổ, cả hai đang há miệng nuốt đoạn tường bao rất ngoạn mục và sống động. Đặc biệt ở mặt trong của tường bao xung quanh năm mộ Võ Di Ngụy và vợ ông, có những bức phù điêu tuyệt đẹp về đề tài mai lan cúc trúc, sen vịt, chim cò, cây trái, sông nước, trời mây gần gũi với cuộc sống hàng ngày của người dân vùng Nam Bộ. Ở cuối phần mộ là bình phong hậu cao lớn, uy nghi, hình chữ nhật lượn hai góc trên, chân bình phong được tạo hình sập quì, ở giữa bình phong tạo hình hai tấm bia mộ, chân của mỗi bia mộ cũng là hình tượng chiếc sập quì truyền thống. Trên hai tấm bia bằng hợp chất cổ viết các hàng chữ Hán giống như nội dung chữ Hán khắc trên bài vị gỗ ở án thờ Võ Di Ngụy tại đền thờ, phần lượn góc hai bên tả, hữu của bình phong hậu là hai bức phù điêu hình rồng mây hùng tráng, sống động, phía dưới là hai phù

điều long mã lưng đeo hà đồ, ấn lệnh đang bay trên sóng nước mênh mông. Phía trước bình phong hậu là năm mộ hình chữ nhật rộng lớn dài 4,54 mét, rộng 4,14 mét, cao 0,62 mét trong đó an táng thi thể Võ Di Nguy và người vợ chính thức của ông là bà Lê Thị Mười. Hiện tại lăng còn lưu giữ 16 cổ vật gắn với di tích gồm sắc phong thần, án thờ, long sàng, liễn đối, bài vị... bằng chất liệu giấy bản, gỗ.

Lăng Võ Di Nguy tổ chức cúng giỗ Võ Di Nguy vào ngày 15 và 16 tháng giêng âm lịch và cúng giỗ Võ Di Thái vào ngày 15 và 16 tháng 11 âm lịch hàng năm với nghi thức lễ truyền thống.



080

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT LĂNG TRƯỞNG TẤN BỬU Ở QUẬN PHÚ NHUẬN.

Lăng Trương Tấn Bửu tọa lạc ở số 41 đường Nguyễn Thị Huỳnh, phường 8, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin ký Quyết định số 101/2004/QĐ-BVHTT ngày 15. 12. 2004 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Theo các tư liệu hiện có, Trương Tấn Bửu sinh năm 1752 tại làng Hưng Lễ, tổng Bảo Phước, châu Định Viễn, phủ Gia Định nay thuộc xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Ông là người trầm tĩnh, đức độ, đã cùng với Nguyễn Văn Thoại trông coi việc đào kinh Vĩnh Tế và cùng Lê Văn Duyệt đề ra biện pháp ổn định tình hình chính trị xã hội vùng Nam Bộ thời đó.

Lăng Trương Tấn Bửu là một tổng thể kiến trúc nghệ thuật về mộ táng uy nghi, hùng tráng, rêu phong cổ kính và u tịch. Kiến trúc tổng thể của lăng gồm đền thờ và phần mộ được xây dựng ở vị trí song song trên trục ngang. Năm 1827, Trương Tấn Bửu qua đời. Năm 1830 phần mộ được xây dựng tại vị trí hiện nay với tường bao xung quanh, bình phong tiền, bình phong hậu, cổng mộ. Các kiến trúc này được xây dựng bằng gạch, mỗi viên dài 0,40 mét, rộng 0,14 mét, dày 0,07 mét, ở đầu mỗi viên có hai chữ "Bính

ngũ", bên ngoài lớp gạch được tô trát một lớp vữa hợp chất cổ thường gọi là ô dước. Đằng sau bình phong tiền và cổng mộ thứ nhất là chiếc cổng mộ thứ hai cao lớn, mái giả ngói ống, gờ mái hơi cong lên, cửa cổng hình vòm. Mặt trong và mặt ngoài cổng có những bức phù điêu rất mỹ thuật về hình tượng hổ ngồi giữ cửa, hạc đứng chầu, rai cá, dơi. Các cặp liên đối viết trên trụ cổng với nét chữ hành thảo rất đẹp nhưng đáng tiếc là các cặp liên đối đã không còn được nguyên vẹn do tróc lở, dậm vá. Ở phần cuối mộ là bình phong hậu có dàn mái giả ngói, trên bình phong có bức phù điêu từng hạc, mây núi, cỏ cây sống động nhưng đã bị tróc lở nhiều. Hai bên bình phong có cặp liên đối chữ Hán, nét chữ còn tương đối rõ "Danh lưu yên các viễn. Tích nhận thạch môn cao" (Lưu danh nơi gác mây. Dấu tích còn nơi cửa đá). Đặc biệt là nắm mộ Trương Tấn Bửu - Phó tướng của Lê Văn Duyệt, do đích thân Lê Văn Duyệt đốc thúc xây dựng, nắm mộ được xây dựng hoàn toàn bằng hợp chất cổ với hình khối sừng sững dài 3,33 mét, rộng 2,10 mét, cao 2,20 mét, hai mái xuôi phẳng lì. Theo Lê Thọ Xuân trong *Tiểu sử Long Vân Hầu 1752 – 1827* thì "Mộ xây dựng kiểu nhà trúc các (tô đúc giống hình cái nhà bẽ bằng trúc khéo léo) rộng lớn, hùng tráng". Hợp chất cổ ở phần mộ Trương Tấn Bửu cùng loại với hợp chất xây dựng lăng Võ Di Nguy và là hệ thống mộ cổ hiện còn sót lại ở Thành phố Hồ Chí Minh, có độ bền vững rất cao, ít bị nứt nẻ do nắng nóng, ít bị phân hủy do ẩm ướt, ít bị vỡ bể do va chạm mạnh. Nắm mộ Trương Tấn Bửu hiện còn nguyên vẹn trong khi các kiến trúc khác như tường bao, bình phong tiền, bình phong hậu chỉ tô trát lớp vữa hợp chất ở ngoài, đã bị thời tiết nóng ẩm phân hủy, lộ rõ gạch ở trong, làm mất đi những phù điêu, liên đối minh họa ở phần mộ có giá trị văn học và nghệ thuật.

Năm 1937, hội Phú Thành ở Phú Nhuận được thành lập để bảo tồn lăng Trương Tấn Bửu. Hội này đã xây dựng

đền thờ vào năm 1937. Đến năm 1959, đền thờ được trùng tu và còn lại đến hiện nay. Mặt tiền đền thờ có nhiều tầng mái lớn và nhỏ lợp ngói âm dương, gờ mái hơi cong thanh thoát, gờ nóc mái gắn tượng gốm men xanh cặp rồng tranh châu, cặp cá hóa rồng rất ngộ nghĩnh, dưới gờ nóc mái là phù điêu chim phượng hoàng bay trong mây. Trước cửa đền thờ là bình phong Sơn quân ở tư thế ngồi giữ cửa, trên hai trụ cửa là cặp liên đối chữ Hán với nội dung: Uy trấn Bắc thành, giữ bờ cõi yên ổn, Cai trị đất Nam, giữ biên cương yên bình. Trên cửa chính là hàng chữ quốc ngữ "Lăng đền thờ đức Long Vân hầu Trương Tấn Bửu". Đền thờ gồm các tòa nhà tiền điện, chính điện, nằm trên trục dọc.

Tiền điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ với bốn cây cột cái bằng gỗ cổ định ở bốn vị trí quy định tạo thành hình vuông, hai vì kèo mái vươn dài xuống tới hiên, tạo thành hai mái trước và sau bằng nhau, từ hai phía còn lại của hai đầu kèo phát triển xuống, làm thành hai mái bên phải và bên trái bằng nhau. Các án thờ ở tiền điện được bố trí như sau: án thờ Hội đồng Ngoại, Hội đồng Nội, tiền hiên, hậu hiên bằng gỗ, xung quanh có gắn bao lam chạm long tinh tế hình tượng nho sóc, chim hoa, trên án thờ Hội đồng Nội có bài vị chữ Thập thếp vàng. Các giá chiêng, trống, võng thờ được chạm trổ sống động hình rồng mây và cặp hạc gỗ đứng trên lưng rùa biểu tượng của xã tắc bền vững. Ở đây còn có cặp liên đối ca ngợi ơn thần, đức thánh với nội dung "Đức thánh sâu dày, đội ơn mưa móc. Anh linh hiển hiện, gọi nhuần sống ân". Đặc biệt là bức hoành phi to lớn, chạm chìm chữ Hán tinh tế cho ta cảm nhận nét chạm là nét bút viết trên tờ giấy "Danh lưu yên các" (Danh lưu gác mây).

Chính điện là tòa nhà được xây dựng giống như kiến trúc tòa nhà chính điện của lăng Võ Di Nguy nhưng với kích thước thấp và nhỏ hơn, khoảng trống giữa hai tầng

mái làm cho chính điện được thông thoáng và điều hòa được ánh sáng trời. Ở cửa vào chính điện có gắn bức bao lam cửa võng chạm lõng đề tài chim hoa sống động, rất thực với thân và cành cây cúc sần sùi, khẳng khiu, gãy khúc luôn ở tư thế vươn lên, hoa cúc nở rộ, lá cúc tươi tốt, những con chim nhảy nhót tìm mồi. Thờ cúng ở chính điện gồm có án thờ Trương Tấn Bửu bằng gỗ cao lớn, uy nghi, đỉnh án thờ có hàng chữ Long Vân hầu, xung quanh chạm nổi, chạm lõng tinh xảo hình tượng cặp rồng tranh châu, rồng mây, chim hoa, trong án thờ có chữ Thần thếp vàng và các bài vị gỗ "Trương Tấn đại thần chi vị" (Bài vị đại thần Trương Tấn Bửu), "Khâm sai Chuông dinh Thự lý Cai cơ, Phó tướng lãnh Trung quân án vụ, Long Vân hầu Trương Tấn Bửu". Phía trước án thờ có cặp long và cặp hạc gỗ cao lớn đứng trên lưng rùa. Hai bên án thờ Trương Tấn Bửu là án thờ Tả ban, Hữu ban và hai dàn lỗ bộ với kỹ thuật đục đồng tinh tế. Treo ở bức tường là bài thơ chữ Hán của Lý Văn Hùng ở Thiên Nam Hán Viện đề thơ, tạm dịch như sau: Giúp vua rồng ẩn vút lên mây, Trung quân bách chiến mấy đời hay, Nặng dày áo mũ danh lưu sử, Bắc Nam vùng vẫy tướng lược thao.

Hội quán và nhà bếp được xây dựng bên cạnh đền thờ với kiến trúc đơn giản, cột kèo gỗ, mái lợp tole kẽm. Hiện tại lăng còn lưu giữ 39 cổ vật gắn với di tích gồm liễn đối, hoành phi, bài vị, án thờ, bát hương bằng chất liệu gỗ, gốm.

Lễ giỗ Long Vân hầu Trương Tấn Bửu được tổ chức vào ngày 10 tháng 6 âm lịch hàng năm với nghi thức lễ truyền thống.



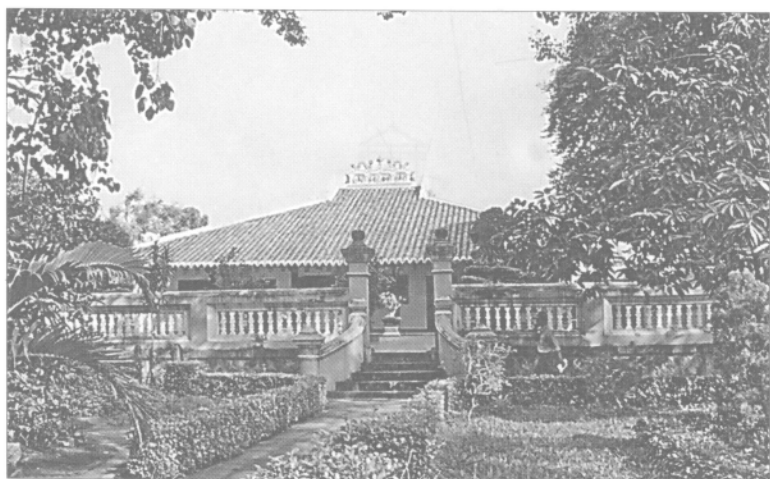
081

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT CHÙA GIÁC LÂM Ở QUẬN TÂN BÌNH.

Chùa Giác Lâm tọa lạc ở số 118 đường Lạc Long Quân, phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa ký quyết định số 1288-VH/QĐ ngày 16. 11. 1998 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Chùa Giác Lâm – Di tích lịch sử văn hóa, Trần Hồng Liên, Nxb. Khoa học Xã hội, 1997 ghi "Mùa xuân năm Giáp tý - 1744 đời vua Thế Tôn thứ 7, người xã Minh Hương là Lý Thoại Long quyền của xây dựng nhà chùa trang nghiêm, cửa thiền u tịch... Từ khi lập chùa (1744) đến 1772, chùa Cẩm Đệm mang chức năng của một niệm Phật đường, là nơi vắng cảnh, lễ bái của khách thập phương chứ chưa có tăng sĩ trụ trì. Mãi đến gần ba mươi năm sau, Lý Thoại Long mới đến chùa Từ Ân xin một tăng sĩ về trụ trì, hòa thượng Phật Ý đã cho đệ tử là Thiền sư Viên Quang về. Từ năm 1744, khi Thiền sư Viên Quang về trụ trì chùa Cẩm Đệm, đã đổi tên thành chùa Giác Lâm".

Chùa Giác Lâm tọa lạc trong khuôn viên rộng rãi, thoáng đãng, có nhiều cổ thụ, là quần thể các công trình kiến trúc Phật giáo có giá trị về lịch sử văn hóa và kiến trúc nghệ thuật bao gồm tháp Ngũ gia tông phái cao vút, cây bồ đề



Chùa Giác Lâm ở quận Tân Bình.

được đưa từ Ấn Độ sang trồng ở chùa, ngôi mộ Ngô Nhơn Tịnh mới được cải táng tại khuôn viên chùa, khu mộ tháp của các vị tổ các đời trụ trì và cổng Nhị quan ở phía trước nối liền với tường bao xung quanh chùa.

Kiến trúc tổng thể của chùa gồm các tòa nhà chính điện, trai đường, giảng đường nằm trên một trục dọc, nhà bếp nằm ở hông bên phải giảng đường (theo hướng từ ngoài vào), nhà kho nằm ở hông bên trái giảng đường, mái của các tòa nhà lợp ngói âm dương, gờ nóc mái ngang phẳng trang trí tượng gốm men hình cặp rồng tranh châu, phù điêu gốm men hình ba vòm cửa với 11 tượng người, gờ mái xuôi về hai góc trên trang trí hình tượng cá chép hóa rồng. Mặt tiền chùa có hai cửa chính và bốn cửa sổ, trên bốn cột gỗ tròn ở hiên trước chạm chìm trực tiếp hai cặp liên đới trên cột rất mỹ thuật "Bồ đề đạo, thánh phàm cộng nhập, Bát nhã môn, thiên hạ thông hành" (Đạo Bồ Đề, thánh phàm thấy tới, Cửa Bát nhã mọi người cùng đi), "Thiền môn đại lộ thông tam giới, Phật pháp cao siêu biến

thập phương" (Cửa thiền rộng lớn thông ba cõi. Phép Phật cao siêu, khắp thập phương).

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ với bốn cột cái bằng gỗ tròn cao lớn kê trên đá tảng đỡ hai vì kèo mái, mỗi vì kèo mái có con đội và xà câu đầu kết nối hai đầu cột, hai vì kèo kết nối bốn đầu cột thành hai cặp, kết nối hai cặp với nhau bằng hai cây xà ở phía trước và phía sau có chiều dài bằng chiều dài của xà câu đầu, tạo thành tứ trụ hình vuông cố định. Từ đầu của bốn cột cái phát triển hai vì kèo ra phía trước, phía sau, ra bên phải và bên trái bằng những đoạn kèo nối với mục đích mở rộng đều diện tích sử dụng ra xung quanh. 28 cây cột gỗ có độ cao theo quy định đỡ các đoạn kèo nối cùng với các cây xà ngang, xà dọc, đòn tay, rui mè tạo thành tòa nhà cao lớn, uy nghi, có bốn mái bằng nhau. Điểm đặc biệt ở tường bao xung quanh chùa là phần giáp mái ngói của tường bao được gắn mỹ thuật hai hàng gốm cổ men trắng xanh các loại, ước tính có khoảng chục ngàn cổ vật gốm. Ở đây có các án thờ Hộ pháp, Thập điện Minh vương, Thập bát La hán, Quan Âm, Thế chí. Ở giữa chính điện là án thờ Đại hùng bảo điện, Hoàng kim điện, Quá khứ, Hiện tại, Tương lai. Các án thờ gỗ được tạo hình và chạm trổ tinh xảo hình tượng chim hoa lá quả. Các tượng gỗ cổ có niên đại trong khoảng thời gian từ đầu thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX. Ở chính điện còn có các hoành phi, liễn đối, bao lam gỗ được chạm chìm, chạm nổi, chạm lõng tinh xảo các đề tài chữ Hán, rồng mây, chim hoa lá quả "Huyền cơ diệu đạo" (Đạo Phật huyền diệu), làm năm 1909, "Giác Lâm tự" làm năm 1744, "Đại Hùng bảo điện" làm năm 1909, "Hoàng Kim điện thượng" (Điện Hoàng Kim), "Bảo cự cao huy, hoàng hoàng bát dạ liên hoa giới, Kim lư tịnh niếu, ái ái trường xuân cực lạc thiên" (Đèn báu soi cao, cõi liên hoa không tối, Lò vàng khói ấm, trời cực lạc trường xuân), "Ngũ bách ứng chân tăng, phục hồ hàng long, trì ngọc bát,



Gốm men cổ gắn trên tường tại chùa Giác Lâm ở quận Tân Bình.

Nhất thiên vô thượng sĩ, thừa xa tượng giá, tọa kim liên" (Năm trăm chân tăng, phục hổ hàng long cầm bát ngọc, Một ngàn thượng sĩ, giọng voi cười liễn ngự sen vàng), "Sắc tức thị không, không tức thị sắc, tu tín tính trung vô quả ngại, Phật bất ly tâm, tâm bất ly Phật, thùy vân thân ngoại hữu bồ đề" (Sắc là không, không là sắc, tin như thế trong tâm không trở ngại, Phật là tâm, tâm là Phật, ai nói ta không giác ngộ). Đặc biệt là cặp liễn đối làm năm Quý Dậu đời Gia Long - 1813, dùng nhiều chữ "triều" còn đọc là "triều" và nhiều chữ "tề" còn đọc là "trai" "Triều triều triều, triều triều bá, triều triều triều bá, Tề tề trai, tề tề giới, tề tề trai giới" (Nhộn nhàng châu, nhộn nhàng vái, nhộn nhàng châu bá, Lặng lẽ trai, lặng lẽ giới, lặng lẽ trai giới - Cao Tự Thanh đọc và dịch nghĩa). Ở đây còn có bốn bao lam cửa vồng chạm lõng tinh xảo hình tượng chim hoa lá quả và chiếc chuông đồng to lớn làm năm 1744.

Nhà tổ (tổ đường) được ngăn với chính điện bằng bức tường. Ba án thờ tổ thờ bài vị của các vị tổ như lão tổ hòa thượng Hoán Bích Siêu Bạch đời thứ 33 Lâm Tế chính

tông chùa Sắc tứ Quốc Ân, lão tổ hòa thượng Nguyệt Ân Thành Đẳng đời thứ 34, đại lão tổ hòa thượng Phật Ý Nhạc Công đời thứ 35, Đại lão tổ hòa thượng Viên Quang Tổ Tông đời thứ 36, Đại lão tổ hòa thượng Tiên Giác Hải Tịnh đời thứ 37, hòa thượng Quảng An Minh Lý đời thứ 38, Đại sư Chơn Không Như Như đời thứ 39... Các bài vị bằng gỗ này được tạc hình, chạm nổi, chạm chìm rất mỹ thuật hình tượng rồng mây, chữ Hán. Ngoài ra, ở đây còn nhiều hoành phi, liễn đối, bao lam cửa võng chạm trổ tinh xảo.

Trai đường là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ giống như tòa nhà chính điện, mái lợp ngói âm dương. Ở đây có các án thờ Chuẩn Đề, Di Đà, Quan Âm, Thế Chí, Di Lặc với các pho tượng Phật bằng gỗ, hoành phi, liễn đối rời, liễn đối liền với cột, bao lam cửa võng chạm trổ mỹ thuật chữ Hán, hình tượng rồng mây, nho sóc, dây bầu dây bí, bát tiên.

Thiên tỉnh là khoảng trống giữa trai đường và giảng đường. Ở đây có hòn non bộ và các loại cây cảnh. Bên trái và bên phải thiên tỉnh có hai hành lang ngắn nối liền trai đường và giảng đường.

Giảng đường là tòa nhà ba gian hai chái được xây dựng bằng tường gạch, cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè gỗ tạo thành tòa nhà cao rộng, mái lợp ngói âm dương. Ở đây có án thờ Phật Thích Ca và các hoành phi, liễn đối, bao lam được chạm trổ tinh xảo hình tượng rồng mây, bát tiên, Phật nhập niết bàn, chim hoa. Hiện tại chùa còn lưu giữ các cổ vật gắn với di tích gồm liễn đối, hoành phi, bài vị, bao lam, án thờ, tượng, chuông, lư hương... bằng gỗ, đồng, gốm.

Chùa Giác Lâm tổ chức trọng thể ngày Phật đản và ngày giỗ tổ hàng năm với nghi thức lễ truyền thống của Phật giáo.



082

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐÌNH TRƯỜNG THỌ Ở QUẬN THỦ ĐỨC.

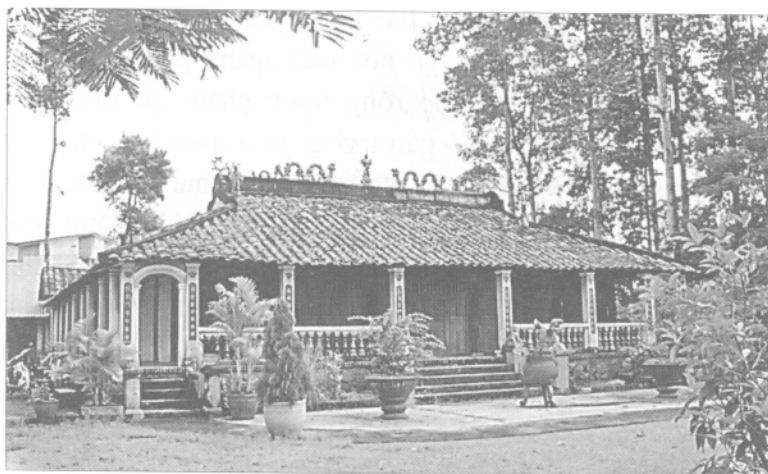
Đình Trường Thọ tọa lạc ở tổ 5, khu phố 8, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin ký Quyết định số 39/2002/QĐ-BVHTT ngày 30. 12. 2002 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Địa chỉ văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh ghi năm 1880 thôn Trường Thọ thuộc tổng An Điền, huyện Thủ Đức, hạt Sài Gòn. Từ căn cứ này có thể xác định đình Trường Thọ được xây dựng trong khoảng thời gian từ năm 1880. Đình Trường Thọ nằm trên gò đất cao, thoáng rộng, có nhiều cây dầu lâu đời cao lớn, xòe bóng mát quanh năm. Ngoài chức năng là cơ sở tín ngưỡng dân gian, đình còn là nơi lưu giữ nguyên vẹn giá trị kiến trúc nghệ thuật xây dựng đình làng Nam Bộ với hệ thống cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè bằng gỗ, các đầu kèo chạm nổi mỹ thuật hình đầu rồng, các án thờ, hoành phi, liễn đối, bài vị, bao lam cửa võng, bao lam cột, các phù điêu gỗ, mõ gỗ được tạo hình, được chạm trổ hết sức mỹ thuật hình tượng tứ linh (rồng, lân, rùa, phượng), mây, chim hoa lá quả.

Kiến trúc tổng thể của đình giống như đình Tăng Phú ở quận 9 và đình Xuân Hiệp ở quận Thủ Đức, cũng gồm

nhà tiền điện, chính điện, nhà khách nằm trên một trục dọc, mái lợp ngói âm dương, gờ nóc mái ngang phẳng trang trí tượng gốm men hình cặp rồng tranh châu, gờ mái xuôi thẳng bề hai góc trên có gắn tượng gốm men ông nhật, bà nguyệt, con nghê, đỉnh có hiên trước, hiên hai bên trái phải tạo thành hành lang thông suốt xung quanh đỉnh. Cổng đình bằng gạch, xây kiểu tam quan. Sân đình có các miếu thờ nhỏ được xây dựng bằng gạch gồm bình phong Sơn quân, tượng Bạch mã sơn quân, Bạch mã thái giám, Chiến sĩ trận vong, Thập loại cô hồn, Thần nông, Ngũ hành nương nương.

Tiền điện là tòa nhà ba gian hai chái được xây dựng giống tiền điện chùa Hội Sơn ở quận 9 với tường gạch, cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè gỗ, mái lợp ngói âm dương. Tiền điện có ba cửa, mỗi cửa có bốn cánh cửa gỗ. Ở đây có các án thờ Hội đồng nội làm năm 1927, Hội đồng ngoại làm năm 1920, án thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh làm năm 1920, các án thờ bằng gỗ này được chạm trổ tinh xảo hình tượng tứ linh, cổ cây... Chiếc long đình bằng gỗ làm năm 1928 dùng rước sắc trong dịp lễ Kỳ yên trước đây được chạm nổi, chạm lõng mỹ thuật hình cột rồng mây, hoa lá và các bức phù điêu gỗ được làm năm 1920 chạm khắc rất đẹp hình tượng chim chóc hoa quả. Ở đây còn có chiếc trống và chiếc mõ gỗ to lớn cổ xưa, tượng Bạch mã, ngựa Xích thố, chiêng đồng. Các hoành phi, liễn đối, bao lam cột, bao lam cửa vông được tạo hình, chạm chìm, chạm nổi, chạm lõng sống động hình tượng mây, cặp rồng châu mặt trời, chim hoa lá quả và chữ Hán "Long ngâm hổ khiếu" (Rồng thét hổ gầm) làm năm 1920, "Lân vũ phượng nghi" (Lân múa phượng bày), "Đàm Ân viện" (Viện Đàm Ân) làm năm 1920, "Quang tứ biểu" (Sáng bốn phương), "Trường Thọ linh đình" (Đình thiêng Trường Thọ).



Dinh Trường Thọ ở quận Thủ Đức.

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ giống như kiến trúc tứ trụ của chính điện chùa Giác Lâm ở quận Tân Bình với tường gạch, cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè gỗ, mái lợp ngói âm dương. Ở đây có các án thờ thần, Đông hiến, Tây hiến, Tiền hiến, Hậu hiến làm năm 1928, các án thờ bằng gỗ cao lớn này được chạm trổ mỹ thuật hình tượng cặp rồng tranh châu, rồng phượng, cột rồng mây, chim hoa, cặp hạc gỗ cao đứng trên lưng rùa biểu tượng của xã tắc bền vững, các bức phù điêu gỗ về đề tài phượng hoàng bay trong mây, rồng mây sống động. Ở vị trí trung tâm của chính điện là án thờ thần Thành hoàng bản cảnh thôn Trường Thọ làm năm 1888, chiếc án gỗ to lớn được tạo hình, chạm lõng, chạm nổi, chạm chìm tinh xảo hình tượng cặp rồng tranh châu, cột rồng mây, chim hoa lá quả, giữa án thờ là chữ thần thếp vàng và tượng thần. Hai bên án thờ Thần Thành hoàng bản cảnh là án thờ Tả ban và Hữu ban làm năm 1920 bằng gỗ cũng được chạm trổ tinh xảo giống như án thờ thần. Ngoài ra, còn có các cặp liễn đối chữ Hán "Phong công thiên địa lượng, Vĩ tích nhật tinh quang" (Công to ngang vũ trụ, Nghiệp lớn sáng

trăng sao), "Long thao an quốc tộ, Hổ lược tá hoàng du" (Long thao yên vận nước, Hổ lược giúp mưu vua), ghép bốn chữ đầu hai vế thành "Long hổ thao lược". Ở đây còn có các hoành phi, liên đối bằng gỗ được chạm nổi, chạm chìm sắc sảo đề tài chữ Hán, rồng mây "Trường phát kỳ tường, xuân hạ thu đông bằng thánh trạch, Thọ quy hồ đức, sĩ nông công cổ lại thần ân (Mãi phát diễm lành, xuân hạ thu đông nhờ đức thánh, Thọ quy theo đức, sĩ nông công cổ đội ơn thần) làm năm Kỷ ty - 1869, "Trường đẳng hưởng thiên thu, đăng thánh thủ, thanh long phước, Thọ niên dư bách tuế, thệ thần đức, bạch hổ long", cặp liên đối này có hai chữ đầu là Trường Thọ, hai chữ giữa là Thủ Đức và hai chữ cuối là Phước Long với ý nghĩa là đình Trường Thọ ở xã Phước Long, huyện Thủ Đức. Các hoành phi "Trường Thọ thần từ" (Đình thần Trường Thọ), "Quỳnh lâu đột ngật" (Lầu ngọc chót vót), "Ngọc vũ nguy nga" (Điện ngọc nguy nga), "Thần ân phổ chiếu" (Ơn thần chiếu khắp) làm năm 1938, cặp bao lam cột rồng mây làm năm 1888.

Hậu điện được phân chia với chính điện bằng bức vách gỗ. Ở đây có các án thờ "Tiền đại viên quan. Khai sáng đại huân" (Viên quan đời trước. Công lớn khai sáng), án thư "Tiền đại hương chức" (Hương chức đời trước), án thờ "Tiền đại viên quan" (Viên quan đời trước), các án thờ gỗ hình sập quỳ này được chạm trổ tinh xảo hình tượng rồng phượng, dây lá, trên có các bài vị chữ Hán với nội dung: Hương lão Nguyễn Văn Lợi, Hương hào Nguyễn Văn Vụ hiến đất lập chợ Trường Thọ, hiến ruộng làm hương hỏa cho đình Trường Thọ, cụ Hương thân Võ Văn Nhựt, Nguyễn Chánh Tính, cụ thuộc viên tổng An Điền, Á huân Nguyễn Đại Nghiệp nguyên Tri huyện, Thứ huân Nguyễn Đức Thắng... Ở đây còn có bức hoành phi "Phong điều vũ thuận" (Gió hòa mưa thuận) làm năm 1900.

Nhà khách là tòa nhà bảy gian được xây dựng bằng tường gạch, cột gạch, kèo mái, đòn tay, rui mè gỗ, mái lợp ngói âm dương. Nhà khách dùng để hội họp, đãi khách trong dịp lễ Kỳ yên hàng năm. Hiện tại đình còn lưu giữ 73 cổ vật gắn với di tích gồm liễn đối, hoành phi, bài vị, án thờ, mõ bằng chất liệu gỗ.

Đình Trường Thọ tổ chức lễ Kỳ yên hàng năm vào ngày 16 và 17 tháng 2 âm lịch với nghi thức lễ truyền thống.



083

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐÌNH XUÂN HIỆP Ở QUẬN THỦ ĐỨC.

Đình Xuân Hiệp tọa lạc ở khu phố 2, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, được Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin ký quyết định số 101/2004/QĐ-BVHTT ngày 15. 12. 2004 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Đình Xuân Hiệp là ngôi đình làng của người Việt. Ngoài chức năng là cơ sở tín ngưỡng dân gian, đình còn là nơi bảo lưu giá trị kiến trúc nghệ thuật về xây dựng đình làng truyền thống Nam Bộ như hệ thống cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè, ngói lợp, các cổ vật, di vật, hiện vật thờ cúng gắn với di tích được chạm khắc tinh xảo có giá trị mỹ thuật cao.

Địa chỉ Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh ghi năm 1818 thôn Xuân Trường Tây Giáp thuộc tổng An Thủy, huyện Bình An, trấn Biên Hòa, Gia Định thành. Năm 1836, thôn Xuân Trường Tây thuộc tổng An Thủy Trung, huyện Bình An, phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa. Từ 1885 đến 1889, thôn Xuân Trường thuộc tổng An Điền, hạt Gia Định. Năm 1910, thôn Xuân Trường thuộc tổng An Điền, tỉnh Gia Định. Tại đình hiện còn tờ sắc do vua Bảo Đại ban cho thần Thành hoàng bản cảnh thôn Xuân Hiệp ngày 27 tháng



Bức hoành "Thành thọ vô cương" tại đình Xuân Hiệp ở quận Thủ Đức.

7 năm Bảo Đại thứ 9 - 1934 là "Khai nguyên Diệu hóa Chính đạo Đại vương Đôn ngưng tôn thân". Theo lời kể của các bậc kỳ lão địa phương thì xa xưa vùng đất này là thôn Xuân Trường có đình Xuân Trường, sau đó đổi thành thôn Xuân Hiệp, và đình Xuân Hiệp. Từ những căn cứ trên, có thể xác định thôn Xuân Hiệp được thành lập trong khoảng thời gian từ 1910 đến 1934.

Đình Xuân Hiệp là ngôi đình làng gắn với địa danh suối Xuân Trường, đã đi vào câu "Ăn nem Thủ Đức, tắm suối Xuân Trường". Đình nằm trong khuôn viên có nhiều cổ thụ, có kiến trúc tổng thể gồm các tòa nhà võ ca, tiền điện, chính điện, nhà bếp, nằm trên một trục dọc, mái của các tòa nhà lợp ngói âm dương. Bên phải sân trước có các miếu nhỏ Ngũ hành lập năm 1968, miếu Thủy long có kiến trúc đẹp do bà Nguyễn Thị Chấn dựng năm 1937 thờ thần suối Xuân Trường, phía bên trái sân trước có các miếu nhỏ Bạch mã, Thần Nông, Sơn quân.

Võ ca là tòa nhà được xây dựng trên nền cao kiểu tứ trụ với 4 cây cột vuông, hai vì kèo mái, dàn mái bằng gỗ,

lợp ngói móc. Võ ca dùng làm sân khấu hát bội mỗi dịp lễ Kỳ yên.

Mặt tiền của đình Xuân Hiệp được xây dựng giống như mặt tiền của đình Tăng Phú ở quận 9, gờ nóc mái phẳng ngang có gắn tượng gốm men xanh cặp rồng tranh châu, tượng gốm bát tiên cá chép hóa rồng, gờ mái xuôi thẳng bề hai góc trên. Đình có hiên trước, hiên trái, hiên phải tạo thành hành lang thông suốt xung quanh đình.

Tiền điện là tòa nhà ba gian hai chái được xây dựng bằng tường gạch, hệ thống cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè gỗ tạo cho tòa nhà dáng cao rộng uy nghi. Dàn mái của tiền điện được chống đỡ trên tám cây cột gỗ tròn có độ cao bằng nhau, từ đầu trên của bốn cột gỗ ngoài cùng phát triển ra phía trước, phía sau, phía ngoài bằng các đoạn kèo nối, phần đuôi của các đoạn kèo nối được đỡ bằng các cột ở hiên trước, hiên trái, hiên phải. Ở cửa tiền điện có các bức hoành phi gỗ chạm khắc tinh xảo chữ Hán "Linh Xuân thôn thần từ" (Đình thần thôn Linh Xuân), "Hà hải chung linh" (Khí thiêng sông biển) làm năm Đinh mùi - 1907, "Thần ân phổ chiếu" (Ơn thần chiếu khắp) làm năm Nhâm dần - 1902. Ở đây có các án thờ thần Thành hoàng bản cảnh, Tả ban, Hữu ban bằng gỗ làm năm Quý mao - 1903, được chạm lộng, chạm nổi mỹ thuật hình tượng rồng mây, hoa lá. Sát vách tường bên trái và bên phải là chiêng trống và mõ gỗ. Các bức hoành phi, liễn đối, bao lam gỗ được chạm trổ tinh xảo đề tài chữ Hán, mây, nho sóc, tứ linh, cây dừa, hình chuột, cúc dây, chim hoa "Thánh thọ vô cương" làm năm 1941...

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ giống như tòa nhà chính điện của chùa Hội Sơn ở quận 9 với tường gạch, cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè gỗ, mái lợp ngói âm dương. Thờ cúng ở đây có dãy đầu tiên là ba cặp hạc gỗ cao lớn giống nhau đứng trên lưng rùa biểu tượng

cho xà tắc bền vững, chiếc ngai thần được tạo hình và chạm khắc tinh xảo hình mặt trời, rồng mây, đầu rồng để trên chiếc sập quì được đặt trên bộ ván gỗ to lớn. Ở vị trí trang trọng của chính điện là án thờ thần Thành hoàng bản cảnh thôn Xuân Hiệp bằng gỗ cao lớn đặt trên bệ gạch, được chạm lộng, chạm nổi, chạm chìm nghệ thuật hình tượng cặp rồng chầu mặt trời, rồng mây, mai lan cúc trúc, chim hoa, cây bầu cây bí và chữ Hán, trong án có chữ thần thếp vàng, tượng thần bằng gỗ áo mũ chính tề, ở đây có hộp đựng tờ sắc ban cho thần Thành hoàng bản cảnh thôn Xuân Hiệp ngày 27 tháng 7 năm Bảo Đại thứ 9 - 1934 là "Tôn thần Khai nguyên Diệu hóa Chính đạo Đại vương Đôn ngưng". Bên trái và bên phải án thờ thần là các án thờ Tây hiến, Đông hiến, Ngũ thổ, Ngũ cốc được làm năm 1905, các án thờ bằng gỗ này được chạm trổ mỹ thuật hình tượng rồng mây, nho sóc, cúc dây, chữ Hán. Ở đây còn có các hoành phi, bao lam gỗ làm vào các năm 1898, 1926, 1941, 1958 được chạm khắc tinh xảo chữ Hán "Bảo an chính trực", "Cảnh tinh khánh vân" (Sao sáng mây lành), "Hà thanh hải yến" (Biển lặng sông êm).

Hậu điện được ngăn với chính điện bằng bức tường gạch. Ở đây có các án thờ tiên sư "Tiên truyền hỷ sự chí tâm, Sư năng giáo huấn tâm tình" (Tiên sư truyền nghề tận tâm tận chí, Tiên sư giáo huấn tận chí tận tâm), án thờ "Tiên đại hương chức" (Hương chức đời trước), "Nhất thôn hòa khí, xuân thường tại, Toàn ấp an cư, khánh hữu dư" (Trong thôn hòa khí, xuân còn mãi, Cả ấp an cư, nhà nhà vui), án thờ "Tiên đại viên quan viên chức" (Viên quan viên chức đời trước), "Đã nguyện bản thôn, tăng phú quý, Thường kỳ lân ấp, đắc bình an" (Chỉ nguyện thôn làng, thêm phú quý, Cầu mong xóm ấp, được bình an), các án thờ gỗ này được chạm trổ mỹ thuật đề tài hoa lá, chữ Hán.

Nhà bếp là tòa nhà ba gian hai chái được xây dựng giống như tòa nhà tiền điện với tường gạch, cột, kèo mái, xà, đòn tay rui mè bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương. Ở đây có án thờ chiến sĩ trận vong "Tổ quốc ghi ơn, vì nước quên thân". Nhà bếp là nơi phục vụ khách trong dịp lễ Kỳ yên hàng năm. Hiện tại đình còn lưu giữ 25 cổ vật gắn với di tích gồm liễn đối, hoành phi, bài vị, án thờ, mõ... bằng chất liệu gỗ.

Đình Xuân Hiệp tổ chức lễ Kỳ yên hàng năm vào ngày 15 và 16 tháng 11 âm lịch với nghi thức lễ truyền thống.



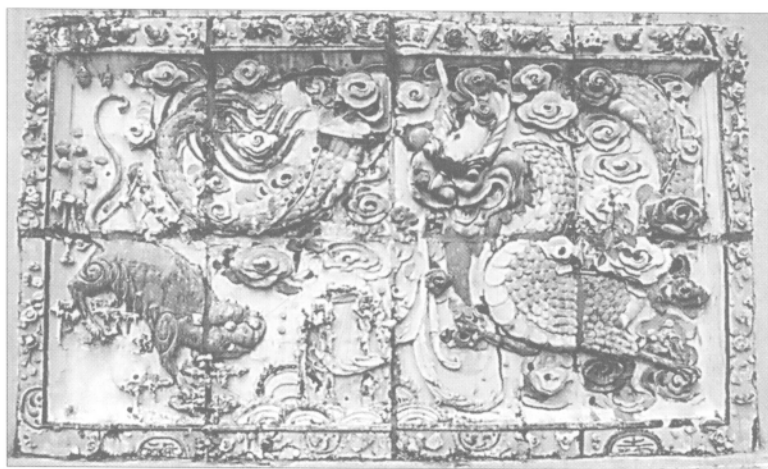
084

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐÌNH LINH TÂY Ở QUẬN THỦ ĐỨC.

Đình Linh Tây tọa lạc ở khu phố 2, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ký Quyết định số 328/2003/QĐ-UB ngày 31. 12. 2003 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố.

Đình Linh Tây (Sắc phong thần viết là Linh Chiêu Tây) là ngôi đình làng của người Việt, nơi bảo lưu giá trị kiến trúc nghệ thuật về xây dựng đình làng truyền thống Nam Bộ, các cổ vật, hiện vật thờ cúng gắn với ngôi đình được chạm khắc tinh xảo rất mỹ thuật. Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức có ghi, năm 1818 thôn Linh Chiêu Tây thuộc tổng An Thủy, huyện Bình An, trấn Biên Hòa, thành Gia Định. Tại đình hiện còn tờ sắc vua Tự Đức ban cho thần Thành hoàng bản cảnh thôn Linh Chiêu Tây ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 là "Thần Bảo An Chính Trực Hựu Thiện Đôn Ngưng". Từ những căn cứ này có thể xác định đình Linh Tây được xây dựng trong khoảng thời gian từ 1818 đến 1852.

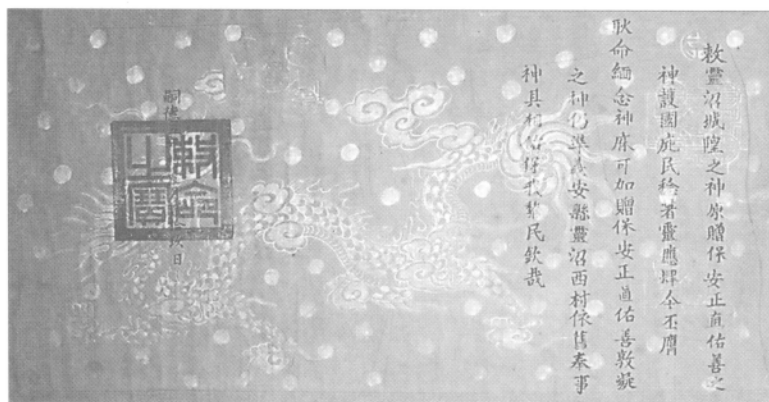
Đình Linh Tây được xây dựng trên gò cao có nhiều cây dầu lâu năm, với kiến trúc tổng thể gồm các tòa nhà chính điện, hậu điện, nhà bếp nằm trên một trục dọc, mái của



Phù điêu gốm men “Long hổ hội” tại đình Linh Tây ở quận Thủ Đức.

các tòa nhà lợp ngói âm dương, gờ nóc mái ngang phẳng trang trí tượng gốm men cặp rồng tranh châu, gờ mái xuôi thẳng bẻ hai góc trên. Ở vị trí giữa sân trước là bình phong tiền cao lớn, mặt trước gắn phù điêu gốm men hình tượng rồng mây, hổ, bát tiên, chim hoa, cá, tôm, cua rất mỹ thuật, ở mặt sau bình phong là phù điêu gốm men long hổ hội, chỉ nơi đất thiêng rồng hổ tụ về. Phía trước bình phong là tượng Bạch mã cao lớn. Hai bên sân đình là các miếu nhỏ thờ Ngũ hành, thần Nông, Thổ địa, Sơn quân, Chiến sĩ trận vong.

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ giống như tòa nhà chính điện của chùa Hội Sơn ở quận 9 với tường gạch, cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè gỗ tạo cho tòa nhà dáng cao rộng uy nghi, mái lợp ngói âm dương. Các án thờ ở chính điện được bố trí như sau: Tại cửa giữa là án thờ gỗ được chạm nổi tinh tế hình tượng rồng mây, trên án thờ có bức phù điêu tứ linh bằng gốm cổ rất mỹ thuật được làm năm Đinh hội - 1887. Phía sau là chiếc long đình được tạo hình bát giác, hai tầng cao lớn làm năm 1922



**Sắc vua Tự Đức ban cho Thần Thành hoàng bản cảnh thôn
Linh Chiếu Tây quận Thủ Đức.**

dùng để rước Sắc thần, với tám cây cột chạm nổi hình rồng mây và chữ Hán "Huy hoàng ngân chúc, tiên ban liệt, Phiêu đăng tường vân, thánh giá lâm" (Huy hoàng đèn đuốc, các tiên ban, Hờ hững mây lành, thánh giá đến), "Anh linh thiên cổ tại, Hương hỏa tứ thời xuân" (Anh linh ngàn năm vững, Hương đèn bốn mùa dâng). Chiếc lư đồng cao lớn làm năm Đinh Hợi - 1887 với kỹ thuật chạm và gò nổi tinh xảo hình tượng chim công, chim phượng, hai đàn hổ bộ và cặp hạc gỗ cao lớn đứng trên lưng rùa, chiếc mõ gỗ to lớn làm năm Kỷ Sửu - 1889. Phía vách tường bên trái có án thờ Hữu ban được chạm nổi hình tượng cặp rồng tranh châu làm năm Nhâm dần - 1902. Sát vách tường bên phải là án thờ tả ban làm năm 1887 cũng được chạm khắc tinh xảo đề tài cặp rồng tranh châu. Phía trước án thờ thần Thành hoàng bản cảnh là án thờ bằng gỗ, trên án thờ có bài vị gỗ chạm nổi hai chữ Sắc tứ (ban Sắc), chạm hình bát quái (càn, đoài, ly, chấn, tốn, khảm,坎, khôn), chạm hình rồng mây, cột rồng, cặp chim phượng và hình lân rất mỹ thuật. Ở vị trí trang trọng của chính điện là án thờ Thành hoàng bản cảnh thôn Linh Chiếu Tây bằng gỗ được chạm nổi, chạm lộng tinh xảo các đề tài cặp rồng châu mặt trời, cột

chạm rồng mây, chim hoa, ở trong án thờ có chữ Thần thếp vàng lớn và hộp gỗ đựng tờ sắc phong cho thần Thành hoàng bản cảnh thôn Linh Chiểu Tây ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853), tờ sắc được cuộn lại để vào ống gỗ rất cẩn thận. Ở án thờ còn có bài vị gỗ chạm rồng mây, chạm nổi hồi văn bán công và chữ Hán "Bản cảnh thành hoàng đại vương Sắc tứ gia tặng Bảo An Chính Trực Hựu Thiện Đôn Ngưng chi thần. Linh Chiểu Tây thôn tín cung" (Đại vương Thành hoàng bản cảnh được ban Sắc tặng là "Thần Bảo An Chính Trực Hựu Thiện Đôn Ngưng", thôn Linh Chiểu Tây cúng bài vị). Bên trái án thờ thần là án thờ thần Ngũ cốc làm vào năm 1887 với kỹ thuật chạm lộng, chạm nổi tinh xảo đề tài cặp rồng tranh châu, cột rồng mây, hoa lá. Bên phải là án thờ thần Ngũ thổ có niên đại và kỹ thuật chạm khắc giống án thờ Ngũ cốc. Ở chính điện còn có các hoành phi, liễn đối, bao lam gỗ được chạm lộng, chạm nổi, chạm chìm mỹ thuật về chữ Hán, rồng mây, chim hoa "Bảo an cảnh nội" (Bảo an thôn xóm) làm năm 1887, "Sử dân phú thọ" (Dạy cho dân làm giàu sống thọ) làm năm 1896, "Nghiêm nhiên như tại" (Hiện hiện như tại) làm năm 1853, "Đăng công vĩ tích" (Công cao nghiệp cả) làm năm 1887. Đặc biệt là bức hoành phi "Thích lý thần từ" (Đình thần họ ngoại) làm năm 1887 để tỏ lòng tưởng nhớ Thánh tổ Tá thiên Nhân hoàng hậu Hồ Thị Hoa sinh ra tại thôn Linh Chiểu Tây, là vợ vua Minh Mạng, là mẹ vua Thiệu Trị, là bà nội vua Tự Đức. Có các cặp liễn đối "Linh Chiểu vãng cổ lai kim, dân tình đồng ngưỡng mộ, Tây đình thân hào kiệt sĩ, xử thế thịnh an cư" (Linh Chiểu Tây xưa nay được dân chúng ngưỡng mộ, Linh Chiểu Tây thân sĩ hào kiệt xử thế yên dân), "Sử úy bất như sử ái, kỳ thôn trung duyệt thái, Tâm vô đãi sự vô hoang, thôn trung triêm huệ vũ" (Khiến cho dân sợ không bằng dân thương, cầu xóm thôn vui vẻ, Làm việc hết lòng hết trách nhiệm, xóm làng đầy ân huệ).

Tại phía sau vách tường ngăn chia tòa nhà chính điện, có án thờ Long điện, án thờ Tiên đại hương chức (Hương chức đời trước), án thờ Tiên đại viên quan (Viên quan đời trước), các án thờ này bằng gỗ được chạm khắc hình tượng rồng mây rất mỹ thuật.

Khoảng giữa tòa nhà chính điện và tòa nhà hậu điện là thiên tỉnh tạo sự thông thoáng và điều hòa ánh sáng trời cho ngôi đình.

Hậu điện là tòa nhà năm gian được xây dựng bằng tường gạch, cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè gỗ tạo thành tòa nhà rộng rãi, mái lợp ngói âm dương. Hậu điện là nơi đãi khách trong dịp lễ Kỳ yên hàng năm. Hiện tại đình còn lưu giữ 42 cổ vật gắn với di tích gồm sắc phong thần, liên đối, hoành phi, bài vị, án thờ, lư hương, long đình... bằng chất liệu giấy bản, gỗ, gốm, đồng.

Đình Linh Tây tổ chức lễ Kỳ yên hàng năm vào ngày 16 tháng 10 âm lịch với nghi thức lễ truyền thống.

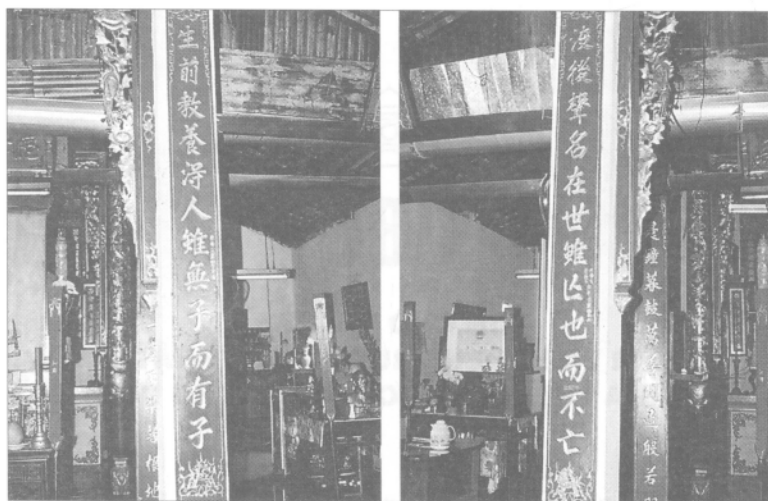


085

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT CHÙA THIÊN PHƯỚC Ở QUẬN THỦ ĐỨC.

Chùa Thiên Phước tọa lạc ở số 37/217, khu phố 8, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ký Quyết định số 24/2005/QĐ-UB ngày 1. 2. 2005 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố.

Hiện nay chưa có nguồn tư liệu thành văn nào nói rõ chùa Thiên Phước được xây dựng từ khi nào. Tài liệu *Tiểu sử sơ lược chùa Thiên Phước* của Thượng tọa Thích Thiện Tấn trụ trì đời thứ 10 của chùa thì chùa Thiên Phước được xây dựng vào đầu thế kỷ XIX trong phong trào phục hưng Phật giáo của triều Nguyễn. Trước năm 1825, chùa có tên là chùa Gò Cát. Năm 1825, Thiền sư Tiên Huệ Tịnh Nhân là người trụ trì đầu tiên đã đổi tên chùa Gò Cát thành chùa Thiên Phước. Chùa là cơ sở tín ngưỡng Phật giáo và là nơi bảo lưu giá trị kiến trúc nghệ thuật về xây dựng chùa chiền truyền thống Nam Bộ với hệ thống cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương. Các cổ vật, di vật, hiện vật đa dạng về thể loại, phong phú về chất liệu như tượng thờ bằng gỗ mít, đất nung, đất gò mối, liễn đối, hoành phi, bao lam, bài vị, án thờ gỗ đều được tạo hình và chạm trổ hết sức tinh xảo thể hiện sự tài hoa, trí sáng



**Cặp liên đối "Sinh tiền giáo dưỡng đắc nhân, tuy vô tử nhi hữu tử;
Một hậu thanh danh tại thế, tuy vong giả nhi bất vong"
tại chùa Thiên Phước ở quận Thủ Đức.**

tạo của người Việt thời xưa. Chùa thuộc phái Phật giáo Cổ Sơn Môn Lục Hòa hệ phái Bắc tông thờ chư phật gồm Di Đà, Quan Âm, Thế Chí, Thích Ca, A Nan, Ca Diếp, Ngọc hoàng, Hộ Pháp, Địa Tạng, Tiêu diện, Thập điện, Linh Sơn thánh mẫu, Chúa Tiên nương nương, Cửu Thiên huyền nữ, Chúa Xứ nương nương. Chùa nằm trên khu đất cao rộng, thoáng đãng, có nhiều cây dầu, cây sao lâu năm, cảnh quan đẹp. Kiến trúc tổng thể của chùa kiểu chữ đình gồm các tòa nhà chính điện, Tổ đường, giảng đường nằm trên một trục dọc, nhà bếp nằm ở hông phải giảng đường. Cổng chùa được xây dựng bằng xi măng, gạch kiểu tam quan có hai tầng mái, gờ nóc mái gắn tượng cặp rồng châu bánh xe nhà Phật, trên cửa chính đắp nổi hàng chữ Hán "Thiên Phước tự" (Chùa Thiên Phước), trên hai trụ cổng có cặp liên đối "Thiên độ tứ dân, quy phật hộ, Phúc từ bách tính, nhập thiên môn" (Trời độ chúng dân, vào cửa Phật, Phúc

lành trăm họ, tới cửa Thiên). Trên sân chùa có các miếu thờ Ngũ hành nương nương, tháp mộ hòa thượng Trùng Tâm Thiện Ngọc trụ trì đời thứ 9, An mộ đường, các ngôi mộ cổ bằng đá xanh của ông bà Trần Cao Minh, Nguyễn Thị Tiên, nhà để tro các phật tử đã qua đời, tượng phật lộ thiên Quan Âm Nam Hải, tượng phật nằm to lớn. Trước hiên chính điện là tượng phật Di Lặc cao lớn, nét mặt vui tươi với các hài đồng đeo bím và bình phong Sơn quân giữ cửa. Trên các trụ cửa có hai cặp liên đối bằng xi măng "Thiên cảnh phối thiên tâm, thiên tăng tuệ nguyệt, Phước tăng bồi phúc chí, phúc mãn càn khôn" (Cảnh trời hợp lòng trời, trời thêm năm tháng, Sao phúc bồi nền phúc, phúc đầy đất trời), "Tịnh độ chú ngũ thông, phượng nghi thú vũ, Sa môn trì tam muội, hổ khiêu long ngâm" (Tịnh độ niệm ngũ thông, phượng vờn thú múa, Sa môn giữ tam muội, hổ thét rồng gầm).

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ cao lớn, uy nghi giống như tòa nhà chính điện của chùa Giác Lâm ở quận Tân Bình với hệ thống cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè gỗ, gờ nóc mái ngang phẳng gắn tượng gốm men xanh cặp rồng tranh châu, gờ mái xuôi thẳng bẻ hai góc trên, mái lợp ngói âm dương. Ở đây có các án thờ chư phật ốp gạch men có bốn bậc từ thấp đến cao với 40 pho tượng các loại có kích thước lớn, vừa và nhỏ được làm bằng gỗ mít, đất nung. Đặc biệt là bộ tượng Tam thế phật có ba tượng gỗ cổ cao lớn bằng gỗ mít được tạo hình ngồi trên tòa sen, bộ Di Đà tam tôn bằng gỗ mít, tượng Ngọc hoàng được nặn bằng đất gò mối rồi phơi khô. Sát vách tường bên trái và bên phải là hai dãy án thờ La Hán, Thập điện, Long vương, các tượng cổ bằng gỗ mít này được tạc hình và chạm trổ tinh xảo. Ấn tượng nhất là pho tượng đất nung phật ngồi tòa sen, hai tay banh lồng ngực, ở ngực xuất hiện tượng Phật tổ. Ở đây còn có các hoành phi, liên đối gỗ chạm chìm tinh tế chữ Hán "Đại hùng bảo điện"

làm năm 1918, "Vĩnh hộ tăng già, thêm pháp thí, Trường trì bảo xứ, giảng ma quân" (Luôn giúp chư tăng, thêm đạo pháp, Vững tay chùy báu, đuổi tà ma). Hậu điện và chính điện được ngăn bằng bức tường gạch, ở hậu điện có án thờ Cửu phẩm lệnh bà bằng gỗ cao lớn được chạm lộng, chạm nổi, chạm chìm sống động đề tài tứ linh, cột rồng, hoa lá và chữ Hán "Vạn cổ đào hoa chiêu thánh nữ, Thiên thu xuân sắc tập thân tiên" (Muôn thuở hoa đào với thánh nữ, Ngàn năm sắc xuân, họp thân tiên), "Tiên cảnh độ trần, ân chí trọng, Bồ đề lai cứu thế, đức vu thâm" (Thần tiên giúp trần, ơn rất trọng, Cõi Phật giúp đời, đức cao sâu). Trên án thờ có 9 pho tượng cổ bằng gỗ mít được tạo hình và chạm trổ tinh xảo.

Tổ đường là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ giống như tòa nhà chính điện. Tổ đường được phân chia làm hai phần trước và sau bằng bức tường gạch. Phía trước là án thờ Diêu Trì thánh mẫu có hòn non bộ, động Tam Sơn, ở đây hiện thờ xương sọ của con hổ trắng chết trước sân chùa vào những năm đầu thế kỷ XX. Phần sau là các án thờ tổ bằng gỗ được chạm trổ tinh tế hình tượng mặt rồng, rồng mây, hoa lá và chữ Hán, trên án thờ có nhiều bài vị gỗ của các vị trụ trì đã viên tịch như: Thiền sư Tiên Huệ Tịnh Nhân, đại sư Minh Nhiêu Quảng Khai, đại sư Minh Cảnh Quảng Diễn, Yết ma Như Giác Trí Nghĩa, hòa thượng Thanh Nguyên Huệ Cẩn, hòa thượng Trùng Nhơn Thiện Chánh, Hòa thượng Trùng Tâm Thiện Quới,... Ở đây còn có các hoành phi, liễn đối chữ Hán do Yết ma Huệ Cẩn tạo vào năm 1918, 1925 và pho tượng cổ phật Chuẩn đề bằng gỗ mít.

Giảng đường là tòa nhà được trùng tu năm 1984 bằng tường gạch, cột gạch, kèo, xà, đòn tay gỗ, mái lợp ngói âm dương. Ở đây có án thờ phật Di Đà với các tượng phật bằng xi măng. Án thờ Giám trai sứ giả với pho tượng cổ

bằng gỗ mít. Án thờ Quan Âm Thị Kính với pho tượng bằng xi măng tay ấp đứa trẻ. Ở đây còn có các hoành phi, liễn đối chữ Hán được làm vào các năm 1910, 1915, 1918, 1922 với nội dung ca ngợi phật pháp, giữ gìn tông phong, nhân nghĩa lễ trí tín, răn dạy người đời làm thiện trừ ác.

Nhà bếp là tòa nhà bảy gian được xây dựng bằng tường gạch, cột, kèo mái, đòn tay, rui mè bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương. Nhà bếp là nơi phục vụ ăn uống cho sư tăng trong chùa hàng ngày và đãi khách trong các dịp lễ cúng của chùa. Hiện tại chùa còn lưu giữ 57 cổ vật gắn với di tích gồm liễn đối, hoành phi, bài vị, án thờ, tượng, lư hương... bằng chất liệu gỗ, đất nung, đất nặn, đồng.

Chùa Thiên Phước tổ chức lễ Phật đản và lễ giỗ tổ hàng năm với nghi thức lễ Phật giáo truyền thống.



086

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐÌNH TÂN THỚI NHÌ Ở HUYỆN HÓC MÔN.

Đình Tân Thới Nhì tọa lạc ở số 2 đường Lý Nam Đế thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ký Quyết định số 23/2005/QĐ-UB ngày 1. 2. 2005 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố.

Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức chép năm 1818, thôn Tân Thới Nhì thuộc tổng Dương Hòa sau thuộc tổng Dương Hòa Thượng, huyện Bình Dương, thành Gia Định. Thôn Tân Thới Nhì thuộc hệ thống các thôn Tân Thới Thượng, Tân Thới Trung, Tân Thới Hạ, Tân Thới Đông, Tân Thới Tây, Tân Thới Nhứt, Tân Thới Tam, Tân Thới Tứ của vùng đất Mười tám thôn Vườn Trầu, là hệ thống thôn làng cổ xưa có quy mô lớn của Hóc Môn thời đó. Tại đình hiện còn bức ảnh chụp tờ sắc vua Tự Đức ban cho thần Thành hoàng bản cảnh thôn Tân Thới Nhì ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853) là "Thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng" (tờ sắc bị thất lạc trong thời kỳ chống Pháp xâm lược). Từ những căn cứ này có thể xác định đình Tân Thới Nhì được xây dựng trong khoảng thời gian từ 1818 đến 1852.

Đình Tân Thới Nhì còn có tên gọi nữa là đình Khánh Diên với lý do: Những năm cuối thế kỷ XIX, ở vùng Hóc Môn, có ông Trịnh Thiêm người Triều Châu (Trung Quốc) sang lập nghiệp. Ông được nhóm người Triều Châu ở Hóc Môn cử làm Bang trưởng. Ông Trịnh Thiêm là người giàu có, đã hiến mảnh đất ở đầu chợ Hóc Môn tức vị trí đình tọa lạc hiện nay để di dời và trùng tu đình Tân Thới Nhì đã xuống cấp. Việc di dời và trùng tu đình hoàn thành vào cuối 1902 với tên gọi là đình Khánh Diên. Những năm gần đây, nhân dân thị trấn Hóc Môn đã lấy lại tên gọi vốn có là đình Tân Thới Nhì thay cho tên gọi đình Khánh Diên. Đình tọa lạc ở vị trí trung tâm của thị trấn Hóc Môn, gần trụ sở Ủy ban nhân dân huyện, sát chợ Hóc Môn. Đình có kiến trúc tổng thể gồm các tòa nhà tiền điện, trung điện, chính điện nằm trên một trục dọc, đông lang, tây lang ở hai bên, nhà sau nối liền phía sau của đông lang và tây lang, mái của các tòa nhà lợp ngói âm dương. Cổng đình xây theo kiểu hình tháp hai tầng mái, nóc mái và gờ mái gắn tượng gốm men chim phượng hoàng, hình rồng, dưới hiên mái đắp nổi hàng chữ "Tân Thới Nhì đình môn" (Cửa đình Tân Thới Nhì). Giữa khoảng sân hẹp là án thờ Sơn quân với tượng hổ bằng xi măng cốt sắt được tạo hình uy nghi dũng mãnh có nhiệm vụ canh giữ cửa đình. Bên phải và bên trái sân đình là miếu Thanh long và miếu Bạch hổ. Mặt tiền của đình khá đặc biệt, bên phải và bên trái mặt tiền có Lầu trống và Lầu chuông với những hàng chữ Hán "Cổ thanh tuyên tự sở, Lâu lý nghiêm linh quang" (Trống vang nơi thờ cúng, Trong lầu sáng uy linh), "Chung chàng âm ứng luật, Lâu ngật đồng liên vân" (Chuông khua âm đúng luật, Lầu nhọn nóc liền mây). Phần chính của mặt tiền có ba cửa, phía trên cửa giữa có bức phù điêu hình cuốn thư với hàng chữ Hán "Khánh Diên đình", phía trên hai cửa bên là hai bức phù điêu mặt rồng, ba bức phù điêu này được thực hiện bằng kỹ thuật gắn mảnh gốm nhiều



Đình Tân Thới Nhì ở huyện Hóc Môn.

màu. Mái ngói âm dương hai tầng, gờ nóc mái gắn tượng gốm men cặp rồng châu mặt trời, gờ mái gắn hình rồng phun, cá rùa.

Tiền điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ với tường gạch, cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè bằng gỗ tạo thành tòa nhà cao rộng uy nghi. Ở đây có các án thờ Hội đồng nội, Hội đồng ngoại, Đông hiến, Tây hiến, án thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh, các án thờ bằng gỗ được tạo hình chân ngai, được chạm nổi tinh xảo hình tượng rồng lân, rồng cá giỡn nước sống động, các hoành phi, liễn đối, bao lam được chạm trổ mỹ thuật hình tượng bát tiên, tứ linh, nho sóc, chim hoa và chữ Hán "Thần quang ngũ đức, sĩ nông công thương binh thịnh đồng, Uy chấn quân phương, đông tây trung nam bắc văn thanh" (Thần sáng năm đức, sĩ nông công thương binh đều thịnh, Uy chấn năm miền, đông tây trung nam bắc đều nghe), "Vi đức kỳ thịnh" (Làm đức ắt thịnh), "Đồng triêm vũ lộ" (Cùng hưởng ơn đức), "Khánh Diên đình" các bức hoành phi này làm năm 1902, "Quốc thái dân an" (Nước thịnh dân yên).

Trung điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ có hai tầng mái, tường gạch, cột, kèo mái, xà đòn tay, rui mè gỗ tạo thành tòa nhà cao và thoáng. Giữa trung điện có án thờ Trung tịch cao lớn bằng xi măng và gạch, xung quanh gắn mảnh gốm nhiều màu hình tượng mặt rồng, mai lan cúc trúc và cặp rồng châu mặt trời. Ở đây có các hoành phi, liễn đối chạm chìm, chạm nổi chữ Hán tinh tế "Kế thiên thân ân" (Ơn thần sánh trời cao) làm năm 1902, "Bảo tư hữu thổ" (Giữ đất này) làm năm 1936. "Thối bình liêm túc sinh dương, hòa phong quang bạch nhật, Nhi hóa nhân tâm tuyên bố, mặc nhiên tương âm phù", ghép hai chữ đầu của cặp liễn là hai chữ Thối Nhi, ngoài ra còn bức bao lam gỗ chạm lõng tinh tế hình tượng chim hoa.

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ cao lớn với tường gạch, mái lợp ngói âm dương. Tại hiên chính điện có các bức hoành phi "Tài lộc hưng thịnh" (Tài lộc dồi dào), "Phong hòa vũ thuận" (Gió hòa mưa thuận), "An cư lạc nghiệp". Ở chính điện có các án thờ Tả ban, Hữu ban, ở án thờ Tả ban có bài vị ông Trịnh Thiềm người có công hiến đất và trùng tu đình năm 1902, các án thờ Tiền hiền, Hậu hiền bằng xi măng và gạch. Giữa chính điện là án thờ thần Thành hoàng bản cảnh cao lớn bằng xi măng gạch có đắp nổi hàng chữ "Vạn tượng duy tân, Bách ban hảo cảnh" (Muôn hình đổi mới, Thắng cảnh trăm nơi), trên án thờ là tấm bằng gỗ chạm nổi tinh tế hình cặp rồng châu mặt trời và chữ thần thép vàng, lồng kính tấm ảnh chụp tờ sắc thần ban cho thần Thành hoàng bản cảnh thôn Tân Thối Nhi ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853) là "Thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng". Hai bên án thờ thần là hai tủ đựng mũ, quần áo của thần và các án thờ Tiền hiền, Hậu hiền. Phía trước án thờ thần có hai đàn lồ bộ, tàn lọng, cặp hạc, Bạch mã, ngựa Xích thố bằng xi măng cốt sắt. Ở đây còn có các cặp liễn đối ca ngợi ơn thần đức thánh che chở chúng dân.

Đông lang, tây lang, nhà sau là ba tòa nhà được xây bằng tường gạch, kèo, đòn tay, rui mè gỗ, mái lợp ngói âm dương, đông lang có án thờ Tiên sư. Đông lang và tây lang là nơi đãi khách trong dịp Lễ Kỳ yên hàng năm.

Kiến trúc mái đình Tân Thới Nhì có nét tương đồng với kiến trúc mái các hội quán người Hoa ở vùng Chợ Lớn, thể hiện sự pha trộn kiến trúc Việt Hoa thời kỳ đầu thế kỷ XX ở vùng đất Hóc Môn. Hiện tại đình còn lưu giữ 23 cổ vật gắn với di tích gồm hoành phi, bài vị, án thờ... bằng chất liệu gỗ.

Đình Tân Thới Nhì tổ chức lễ Kỳ yên hàng năm vào các ngày 13, 14, 15 tháng 2 âm lịch với nghi thức lễ truyền thống.



087

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐÌNH TÂN THỚI TỨ Ở HUYỆN HÓC MÔN.

Đình Tân Thới Tứ tọa lạc ở xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ký Quyết định số 326/2003/QĐ-UB ngày 31. 12. 2003 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố.

Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức có ghi năm 1818, thôn Tân Thới Tứ thuộc tổng Dương Hòa sau thuộc tổng Dương Hòa Thượng, huyện Bình Dương, thành Gia Định. Các bậc kỳ lão địa phương và các vị trong Ban Quản trị đình cho biết trước đây đình Tân Thới Tứ có thờ từ Sắc vua Tự Đức ban cho thần Thành hoàng bản cảnh thôn Tân Thới Tứ ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853) là "Thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng", rất tiếc từ sắc đã bị thất lạc năm 1978. Từ những căn cứ này có thể xác định đình Tân Thới Tứ được xây dựng trong khoảng thời gian từ 1818 đến 1852.

Đình tọa lạc trên khu đất cao, rộng rãi, thoáng đãng, có nhiều cổ thụ vốn trước kia là rừng già, cảnh quan đẹp. Năm 1914, ông Nguyễn Văn Phú (Cổ Phú) đứng ra trùng tu đình với kiến trúc cột, kèo mái, đòn tay, rui mè gỗ, mái lợp ngói âm dương. Năm 1946, giặc Pháp muốn chiếm đình làm

bót, nhân dân địa phương đã dỡ bỏ tường bao với mục đích không cho giặc chiếm đình. Năm 1970, đình được trùng tu, dỡ bỏ kèo gỗ mục nát thay bằng kèo xi măng cốt sắt, còn lại tới hiện nay. Đình Tân Thới Tứ ngoài chức năng là cơ sở tín ngưỡng dân gian nơi bảo tồn kiến trúc cổ về xây dựng đình làng truyền thống Nam Bộ, các cổ vật, di vật, hiện vật gắn với đình được tạo hình và chạm trổ tinh xảo thể hiện sự tài hoa khéo léo của người Việt thời đó, đình còn là cơ sở cách mạng trong hai cuộc kháng chiến cứu nước của dân tộc ta, đã nuôi giấu cán bộ cách mạng như các ông Kỳ Đà, Tư Cụt, Mười Hia, Ba Hát, Ba Theo, Văn Cảnh.

Kiến trúc tổng thể của đình Tân Thới Tứ gồm các tòa nhà võ ca, chính điện, nhà khách nằm trên một trục dọc, nhà bếp nằm ở hông bên phải nhà khách, mái các tòa nhà đều lợp ngói âm dương.

Cổng đình được xây bằng xi măng và gạch kiểu tam quan, gờ nóc trang trí tượng cặp rồng tranh châu, trên khuôn cửa chính đắp nổi hàng chữ "Tân Thới Tứ đình" (đình Tân Thới Tứ), ở hai trụ cổng có cặp liên đối "Mai ngô xuân thời, lan hạ chí, Cúc phùng thu tiết, trúc đông thiên" (Mai rộ tiết xuân, lan gọi hạ, Vào thu là cúc, trúc về đông). Ở sân trước có bình phong Sơn quân với tượng hổ cao lớn và hòn non bộ, miếu Thanh long, miếu Bạch hổ, án thờ thần Nông, các miếu nhỏ này được xây bằng gạch.

Mặt tiền có hai cột rồng bằng xi măng cốt sắt, phía trên gắn bức cặp rồng tranh châu, ông nhật bà nguyệt bằng xi măng, trên các cột hiên đắp nổi đôi liên chữ Hán với nội dung "Đình Tân Thới Tứ, mọi người đồng lòng phụng thờ thần, Coi trọng mặt tiền, sửa sang lưu truyền sùng bái thánh".

Võ ca là tòa nhà ba gian hai chái được xây dựng bằng tường gạch, cột, đòn tay, rui mè gỗ, kèo bằng xi măng cốt

sắt tạo thành tòa nhà cao rộng. Ở đây có các án thờ Hội đồng nội, Hội đồng ngoại, Đông hiền, Tây hiền, Trung tịch, Tiền hiền, Hậu hiền, các án thờ này trước đây được làm bằng gỗ và được chạm trổ tinh xảo đề tài rồng mây, hoa lá nhưng đã bị mục nát nên Ban Quản trị đã gia cố các án thờ này bằng lớp xi măng bên ngoài, chiếc mõ gỗ to lớn được làm năm 1900, chiếc chiêng đồng làm năm 1820. Trên án thờ Tiền hiền và Hậu hiền có các cặp liễn đối chữ Hán với nội dung "Tiền thánh anh linh, ngàn năm còn mãi, Hiền đức lưu truyền, đời đời phồn vinh. Đời sau tiếp bước đường chân chính, Người hiền nối chí nguyện chứng minh". Ở Võ ca còn có các hoành phi "Đáp tạ thần ân" (Đáp tạ ơn thần) làm năm 1934, "Quốc thái dân an" (Nước thịnh dân yên), "Phong điều vũ thuận" (Mưa gió thuận hòa), các cặp liễn đối có nội dung "Sông dài nước chảy, trí tuệ sáng trong, trồng người vun bồi tài đức, Đất đỏ phì nhiêu, an cư lạc nghiệp, lương thực bội thu".

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ với tường gạch, cột, đòn tay, rui mè bằng gỗ, kèo mái bằng xi măng cốt sắt tạo cho tòa nhà dáng cao rộng uy nghi, mái lợp ngói âm dương, bên trái và bên phải chính điện có hai hành lang. Ở đây có các án thờ thần Thành hoàng bản cảnh thôn Tân Thới Tứ được vua Tự Đức ban sắc phong là "Thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng", giữa án thờ có chữ Thần thếp vàng, hai bên cửa án thờ chạm chìm cặp liễn đối "Chính trực lưu hành, thiên địa nội, Anh linh ủng hộ, hạp lư trung" (Chính trực lưu hành trong trời đất, Anh linh ủng hộ khắp mọi nhà), "Thánh hồi càn vị, an thổ vũ, Thần tại ly cung, lợi hương thôn" (Thánh ở ngôi càn, yên nhà đất, Thần tại cung ly, lợi xóm thôn), án thờ bằng gỗ này làm năm 1904, phía trước án thờ thần là cặp hạc gỗ cao lớn đứng trên lưng rùa biểu tượng của xã tắc bền vững, hai đàn lỗ bộ và chiếc án thờ gỗ với bài vị "Bản cảnh Thành hoàng chính thần gia tằng Quảng hậu Chính trực

Hựu thiện Đôn ngưng tôn thần" (Chính thần Thành hoàng bản cảnh tặng thêm là "Thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng). Hai bên án thờ Thần còn có các án thờ: bốn vị thánh vương Đại càn Quốc gia Nam hải thôn Tân Thới Tứ, Tả ban làm năm 1959 với các hàng chữ "Quốc an ninh" (Nước yên), "Thánh đức bảo phò, an lành, Thần ân hộ quốc, lại thứ dân" (Đức thánh độ trì, yên trăm họ, Ôn thân giúp nước, độ chúng dân), án thờ Hữu ban làm năm 1943 với các hàng chữ "Dân hưng thịnh" (Dân giàu), "Điện vũ huy hoàng, chung thiên cổ, Thần uy hạo dăng, vật trường lưu" (Đền miếu huy hoàng, chuông ngân mãi, Uy thần chiếu khắp, vật dài lâu).

Hậu điện được phân chia với chính điện bằng bức tường ngăn. Ở đây có án thờ Tiền hiền, Hậu hiền với các hàng chữ "Tiền hiền khai khẩn" (Tiền hiền khai phá), "Hậu hiền khai cơ" (Hậu hiền vun bồi), "Tưởng Tiền hiền cố công tạo lập, Niệm Hậu hiền kế nghiệp tiền nhân" (Ơn Tiền hiền có công tạo lập, Nhớ Hậu hiền kế nghiệp người xưa), "Hương thôn phú quý chân quốc thái, Bách tính vinh hoa thị dân an" (Thôn xóm giàu sang thì nước thịnh, Vinh hoa trăm họ ắt dân yên).

Nhà khách và nhà bếp là hai tòa nhà được xây dựng bằng tường gạch, cột kèo bằng xi măng cốt sắt, mái lợp ngói âm dương, đây là nơi đãi khách và nấu ăn trong dịp lễ Kỳ yên. Hiện tại đình còn lưu giữ 42 cổ vật gắn với di tích gồm liễn đối, hoành phi, bài vị, án thờ, chiêng, mõ bằng chất liệu gỗ, đồng.

Đình Tân Thới Tứ tổ chức Lễ Kỳ yên hàng năm vào các ngày 14, 15, 16 tháng 3 âm lịch với nghi thức lễ truyền thống.



088

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐÌNH BÌNH TRƯỜNG Ở HUYỆN BÌNH CHÁNH.

Đình Bình Trường tọa lạc tại ấp 1, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ký Quyết định số 22/2005/QĐ-UB ngày 1. 2. 2005 xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố.

Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức có ghi năm 1818, thôn Bình Trường thuộc tổng Long Hưng sau thuộc tổng Long Hưng Hạ, huyện Tân Long, thành Gia Định. Tại đình hiện còn tờ Sắc vua Tự Đức ban cho thần Thành hoàng bản cảnh thôn Bình Trường ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853) là "Thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng". Từ những căn cứ này có thể xác định đình Bình Trường được xây dựng trong khoảng thời gian từ 1818 đến 1852. Đình nằm trên khu đất rộng rãi, có nhiều cây cao bóng mát, xung quanh là ruộng lúa và những bìa dừa nước, cảnh quan thanh bình yên ả. Kiến trúc tổng thể của đình gồm các tòa nhà võ ca, tiền điện, chính điện, nhà khách nằm trên một trục dọc, mái của các tòa nhà lợp ngói âm dương, gờ nóc mái gắn tượng gốm men cặp rồng tranh châu, gờ mái xuôi thẳng. Mặc dù đã trải qua hai thời kỳ chiến tranh lâu dài, trải qua nhiều lần

trùng tu sửa chữa nhưng về cơ bản đình vẫn lưu giữ được nét kiến trúc cổ của đình làng Nam Bộ như một số cột kèo, đòn tay, rui mè gỗ ở chính điện, một số cổ vật, di vật, hiện vật gắn với ngôi đình như Sắc phong thần, hoành phi, liễn đối, lư hương bao lam có giá trị về nghệ thuật trang trí, chạm khắc và di sản Hán - Nôm.

Trên khoảng sân phía trước võ ca có bình phong Sơn quân, miếu Bạch mã thái giám, miếu Ngũ hành nương nương (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ) bia tường niệm liệt sĩ xã Bình Chánh có công bảo vệ quê hương đất nước trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ xâm lược.

Võ ca là tòa nhà có kiến trúc kiểu tứ trụ với 4 cây cột vuông và hai vì kèo mái bằng xi măng cốt sắt, mái lợp ngói âm dương, xung quanh không xây tường bao nên rất sáng sủa và thông thoáng. Trên hai cột phía trước đắp nổi cặp liễn đối "Doanh dư lạc nghiệp, sắc phong hựu thiện đôn ngưng, Phong năm điều hòa, đại đức tỷ dân hộ quốc" (Vui nghiệp buôn bán, Sắc phong Hựu Thiện Đôn Ngưng, Mùa vụ tốt tươi, đức lớn giúp dân giúp nước). Võ ca là nơi biểu diễn hát bội cho thần xem trong dịp lễ Kỳ yên hàng năm.

Tiền điện là tòa nhà có kiến trúc tứ trụ giống như tòa nhà võ ca với cột, kèo mái bằng xi măng cốt sắt, mái lợp ngói âm dương, xung quanh không xây tường bao. Ở đây có các bàn hương để khách đặt lễ vật, hương đèn, trà, quả trước khi làm lễ cúng thần.

Chính điện là tòa nhà cũng được xây dựng kiểu tứ trụ, ở đây hiện còn hai cây cột bằng gỗ tròn cao lớn kê trên đá tảng, hai vì kèo mái, đòn tay, rui mè bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương. Phía trên cửa giữa có bức hoành phi gỗ chạm chìm tinh tế chữ Hán "Bình Trường đình, thiên vận Giáp Thìn niên, mệnh xuân cát nhật tạo" (Đình Bình Trường cúng hoành phi vào ngày tốt tháng giêng năm Giáp Thìn -

1904). Thờ cúng ở đây có: chính giữa là án thờ thần Thành hoàng bản cảnh thôn Bình Trường bằng gỗ, được chạm trổ tinh xảo hình tượng rồng mây, chim hoa lá quả, sơn son thếp vàng rực rỡ, ở giữa án thờ có chữ Thần thếp vàng và hộp gỗ đựng sắc vua Tự Đức ban cho thần Thành hoàng bản cảnh thôn Bình Trường ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853). Phía trước án thờ thần có hai dàn lỗ bộ với kỹ thuật đục đồng tinh xảo và cặp hạc gỗ cao lớn đứng trên lưng rùa biểu tượng của xã tắc bền vững. Bên trái và bên phải án thờ thần là án thờ Tả ban, Hữu ban với các án thờ bằng gỗ được chạm khắc và sơn thếp rực rỡ. Sát vách tường bên trái và bên phải còn có các án thờ Tiên hiền, Hậu hiền, Tả Thanh long, Hữu Bạch hổ với ý nghĩa: Tiên hiền khai hoang lập ấp, Hậu hiền gìn giữ vun đắp, rồng hổ cho đắc địa thịnh vượng. Ở đây còn có ba bức bao lam cửa võng chạm lõng sắc sảo hình tượng chim hoa và cặp liên đối khắc chữ Hán trên gỗ "Bình an cửu mộc thần ân, long quang tự cổ, Trường diễn vĩnh lưu bí vũ, tráng lệ ư kim" (Bình an nhờ tám gọi ơn thần, rạng rỡ từ xưa, Trường thịnh nhờ gìn giữ gìn miếu đình, tráng lệ hiện nay). Hai chữ đầu và hai chữ cuối của cặp liên đối ghép lại là "Bình Trường cổ kim" (Bình Trường xưa và nay).

Hậu điện được phân chia với chính điện bằng vách tường ngăn. Ở đây có các án thờ: các vị viên quan, binh lính và hương chức đời trước, các hội viên hương chức và các hội viên phụ nữ đời trước, Tiên sư, Phúc đức chính thần và Định phúc táo quân. Ngoài ra còn bằng gỗ chạm chìm chữ Hán họ tên và số tiền của các vị quan viên, hương chức, dân thường cúng trùng tu đình năm 1939.

Nhà khách là tòa nhà kế tiếp phần hậu điện với cột, kèo mái, đòn tay, rui mè bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương. Đây là nơi tiếp khách, đãi tiệc trong dịp lễ Kỳ yên hàng năm. Hiện tại đình còn lưu giữ 30 cổ vật gắn với di tích gồm

sắc phong thân, liễn đối, hoành phi, bài vị, lư hương bằng chất liệu giấy bản, gỗ, đồng.

Đình Bình Trường tổ chức Lễ Kỳ yên vào các ngày 15, 16 và 17 tháng giêng âm lịch với nghi thức lễ truyền thống.



089

XIN CHO BIẾT VỀ DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT ĐÌNH CẦN THẠNH Ở HUYỆN CẦN GIỜ.

Đình Cần Thạnh tọa lạc trên đường Lê Thương, khu phố Miếu Nhì, thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, được Hội đồng xét duyệt Di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh xét đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố ngày 29. 12. 2005 (sẽ có quyết định trong thời gian tới).

Gia Định thành thông chí chép năm 1818 thôn Cần Giờ An Thạnh thuộc tổng Dương Hòa sau thuộc tổng Bình Trị Thượng, huyện Bình Dương, thành Gia Định. Các bậc kỳ lão địa phương và các vị trong Ban Quản trị đình Cần Thạnh cho biết trước đây đình có thờ tờ sắc vua Tự Đức ban cho thần Thành hoàng bản cảnh thôn Cần Thạnh ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853), tờ sắc đã thất lạc sau ngày 30. 4. 1975. Từ các căn cứ này có thể xác định đình Cần Thạnh được xây dựng trong khoảng thời gian từ 1818 đến 1852. Đình nằm trên khu đất thoáng đàng ở vị trí trung tâm thị trấn Cần Thạnh, quanh năm tràn ngập ánh nắng mặt trời và gió biển. Ngoài chức năng là cơ sở tín ngưỡng dân gian gắn liền với lễ hội truyền thống của vùng đất ven biển Cần Giờ như lễ hội Nghênh Ông, nuôi

trông đánh bắt chế biến thủy hải sản, lễ hội Kỳ yên tế thần Thành hoàng bản cảnh, tế Tiên hiền, Hậu hiền cầu mong nước thịnh dân giàu, đình còn là một công trình kiến trúc nghệ thuật, còn giữ được nét kiến trúc cổ của ngôi đình làng Nam Bộ như cột, kèo mái, xà, đòn tay, rui mè được làm bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương. Các cổ vật, di vật, hiện vật có giá trị gắn với ngôi đình được chạm trổ tinh xảo thể hiện sự khéo léo và sáng tạo của người Việt thời đó.

Kiến trúc tổng thể của đình gồm các tòa nhà võ ca, tiền điện, chính điện, nhà sau nằm trên một trục dọc, mái của các tòa nhà lợp ngói âm dương, gờ nóc ngang phẳng có gắn tượng gốm men cặp rồng tranh châu, gờ mái xuôi thẳng. Ở sân trước có bình phong tiền, dưới chân bình phong có án thờ thần Nông, Thánh quân, Phục Hy.

Mặt tiền đình được xây kín bằng bức tường gạch có tác dụng che chắn gió biển và cát bụi quanh năm, ở giữa mặt tiền đắp nổi hàng chữ quốc ngữ "Đình Cần Thạnh 1967".

Võ ca là tòa nhà được xây dựng năm 1957 bằng vật liệu xi măng cốt sắt và gạch với kiểu kiến trúc tứ trụ cao rộng, vững chắc, phía trước võ ca là sân khấu để biểu diễn hát bội trong dịp lễ Kỳ yên, phía sau là khoảng trống để mọi người ngồi xem biểu diễn văn nghệ.

Tiền điện là tòa nhà được xây dựng liền kề với tòa nhà võ ca với tường và cột bằng gạch, các vì kèo mái, đòn tay, rui mè bằng gỗ, hai chái lợp ngói âm dương, mái trước và mái sau lợp bằng tole lạnh. Ở đây có các án thờ được xây bằng gạch là Hội đồng nội, Hội đồng ngoại, Lịch đại, Biển bình.

Chính điện là tòa nhà được xây dựng kiểu tứ trụ còn giữ được gần như nguyên vẹn kiến trúc cổ với bốn cây cột cái bằng gỗ tròn cao lớn, chân cột kê trên đá tảng, hai vì kèo mái có xà câu đầu và con đội bằng gỗ, các cây xà,

các đoạn kèo nối, đòn tay, rui mè cũng được làm bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương, xung quanh là tường gạch. Phía trên khuôn cửa giữa có bức cuốn thư bằng gỗ được tạo hình, chạm lõng, chạm nổi tinh tế hình tượng nho sóc. Các án thờ ở đây được bố trí như sau: Ngay cửa giữa là án thờ bằng gạch, ở trên đặt chiếc long đình bằng gỗ làm năm 1934, long đình có tám cột chạm nổi hình rồng mây rất mỹ thuật. Ở cửa bên trái và bên phải có các án thờ Đông hiến, Tây hiến bằng gạch, ngoài ra còn có chiêng, trống. Phía sau long đình có bức bao lam cửa vồng bằng gỗ do tri huyện Trương Thới Luông và bà Chung Thị Ngọ cúng đình năm 1935 với kỹ thuật chạm lõng hình tượng chim hoa, nai sống động, chạm chìm tinh tế chữ Hán. Ở vị trí trang trọng của chính điện là án thờ thần Thành hoàng bản cảnh thôn Cần Thạnh được làm bằng gạch, trên vách tường đắp nổi chữ Thần sơn màu vàng nền đỏ rực rỡ, trên án đặt chiếc hộp gỗ đựng tờ sắc vua Tự Đức ban cho thần Thành hoàng bản cảnh thôn Cần Thạnh ngày 29 tháng 11 năm nhựt 5 niên hiệu Tự Đức - 1852 (rất tiếc là tờ sắc đã thất lạc sau ngày 30. 4. 1975), xung quanh chiếc hộp gỗ đựng sắc phong thần này được chạm nổi tinh xảo hình tượng tứ linh (long, lân, rùa, phượng). Phía trước án thờ thần là cặp hạc gỗ cao lớn đứng trên lưng rùa biểu tượng của sơn hà xã tắc trường tồn thịnh vượng và chiếc bao lam cửa vồng bằng gỗ do ông bà Hà Văn Cẩm, Chung Thị Kết cúng đình năm 1935 cũng được chạm trổ mỹ thuật hình tượng tứ linh và chữ Hán. Bên phải, bên trái án thờ thần là án thờ Tả ban và Hữu ban bằng gạch, án thờ Tiên sư bằng gỗ có cặp liễn đối chữ Hán được khảm mảnh trai tinh tế "Hữu công tác tự chi, Vi đức kỳ thịnh hỷ" (Có công ắt thờ cúng, Làm đức ắt thịnh vượng). Ở chính điện còn có bức hoành phi gỗ chạm chìm tinh xảo chữ Hán "Nghĩa quán thiên thu" (Nghĩa suốt ngàn thu) và cặp liễn đối bằng gỗ do Trương Bá Tố cúng đình năm 1935 với kỹ thuật chạm chìm chữ

Hán kiểu chữ thảo tinh xảo, sắc nét, nét chữ phóng khoáng (chưa đọc được phần chữ Hán). Các cổ vật gồm bao lam cửa vồng, cặp liễn đối, long đình, hộp đựng sắc, bức hoành phi, bức cuốn thư hiện có ở đình là các tác phẩm nghệ thuật có giá trị cao về mảng nghệ thuật chạm trổ trên chất liệu gỗ thời xưa.

Hậu điện và chính điện được ngăn chia bằng bức tường. Ở Hậu điện có án thờ Tiền hiền và Hậu hiền bằng gạch.

Nhà sau là tòa nhà được xây dựng năm 1957 bằng vật liệu xi măng cốt sắt và gạch. Nhà sau được chia làm hai phần bằng bức tường ngăn ở giữa. Phần trước là nơi đãi khách trong dịp lễ Kỳ yên, phần sau là bếp và kho vật tư của đình.

Đình Cần Thạnh tổ chức lễ Kỳ yên hàng năm vào các ngày 15, 16 và 17 tháng 12 âm lịch với nghi thức lễ truyền thống của vùng đất Cần Giờ.



090

**XIN CHO BIẾT VỀ
MỘT SỐ LIỄN ĐỐI TIÊU BIỂU HIỆN
CÓ TẠI CÁC DI TÍCH KIẾN TRÚC
NGHỆ THUẬT Ở THÀNH PHỐ.**

Di sản Hán Nôm hiện có tại các di tích kiến trúc nghệ thuật ở Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm liễn đối, hoành phi, bài vị, sắc phong thần, văn bia, văn tế có giá trị về lĩnh vực văn học nghệ thuật. Dưới đây là một số liễn đối tiêu biểu:

- Tại chùa Giác Lâm ở quận Tân Bình có các cặp liễn đối:

"Triều triều triều, triều triều bá, triều triều triều bá,
Tề tề trai, tề tề giới, tề tề trai giới".

(Nhộn nhàng châu, nhộn nhàng bá, nhộn nhàng
châu bá, Lặng lẽ trai, lặng lẽ giới, lặng lẽ trai giới)
(Cao Tự Thanh đọc và dịch nghĩa).

"Bồ đề đạo, thánh phàm cộng nhập,
Bát nhã môn, thiên hạ thông hành".
(Đạo Bồ Đề, thánh phàm thấy tới,
Cửa Bát nhã, mọi người cùng đi).

"Thiền môn đại lộ thông tam giới,
Phật pháp cao siêu, biến thập phương".
(Cửa thiền rộng lớn thông ba cõi,
Phép Phật cao siêu khắp thập phương).

"Tự cổ tăng nhàn, thường dẫn yên hà vi bạn lữ,
Sơn thâm thế cách, chỉ bằng thảo mộc ký xuân thu"
(Chùa cổ sư nhàn, thường lấy ráng chiều làm bạn hữu,
Núi cao đời cách, chỉ nhìn cây cỏ tính xuân thu).

- Tại đình Phú Nhuận ở quận Phú Nhuận có các cặp liễn đối được nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh đọc và dịch nghĩa như sau:

"Phú quý ngưỡng thần linh, bách thế thôn trung, cộng
xung thịnh trị,
Nhuận trạch mông thiên tứ, thiên niên ấp nội, hàm lại
an ninh".

(Giàu sang nhờ sức thần thiêng, trăm kiếp xóm thôn
khen thịnh trị,

Phúc đức đời ơn trời đoái, ngàn năm xứ sở được
yên lành).

"Thần chi cách tư, dương dương như tại kỳ thượng,
Đức kỳ thịnh hỹ, đăng đăng nan đắc nhi danh".

(Oai linh thật như tại chỗ,
Đức sáng khó nổi gọi tên).

- Tại chùa Phước Tường ở quận 9 có các cặp liễn đối:

"Chỉnh khuông hương, cần miễn lệ, động cù lao,
quân sư phụ nhất phiên kiệt lực,

Chí trung thứ, niệm từ bi, tư cảm ứng, nho thích đạo
tam giáo đồng tâm".

(Sửa sắp ngửa, khuyên gắng sức, chịu khó nhọc, quân
sư phụ một phen gắng sức,

Lòng vị tha, niệm từ bi, lo cảm ứng, nho thích đạo
ba giáo đồng lòng).

"Đạo tham Tam muội, thiên thu phổ đức trường minh,
Pháp hiện Ngũ thông, vạn tải ân quang ứng chiếu".

(Đạo tham Tam muội, ngàn thu đức tỏa lâu dài,
Pháp hiện Ngũ thông, muôn thuở ân quang chiếu sáng).

- Tại đình Thông Tây Hội ở quận Gò Vấp có các cặp liên đối sau:

"Hanh phong nam địa, nhân dân lạc,
Thông đạt tây thôn, tử lý an".
(Hanh vượng đất Nam, dân chúng vui,
Thông đạt thôn Tây, làng xóm thịnh).
"Nghiêm chỉnh thần đình, sinh thụ sắc,
Sùng tu thánh tọa, tập tường quang".
(Đình thần nghiêm chỉnh, khoe sắc đẹp,
Trùng tu thánh miếu, tụ mây lành).

- Tại đình Chí Hòa ở quận 10 có cặp liên đối:

"Sinh tiền giáo dưỡng đắc nhân, vô tử nhi hữu tử,
Một hậu thanh danh tại thế, tuy vong giả nhi bất vong".
(Lúc sống dạy người, tuy không có con mà như có,
Khi mất danh tiếng còn mãi, tuy đã mất mà như còn).

- Tại chùa Sắc tứ Trường Thọ ở quận Gò Vấp có cặp liên đối:

"Phật quốc lai do, diệu diễn Tam thừa bí quyết,
Phạn lâm di chỉ, thanh đàm vạn pháp tông phong".
(Phật giáo đến đây, truyền bá Tam thừa bí quyết,
Phạn lâm lưu dấu, luận bàn vạn pháp tông phong).

Trên chiếc long đình ở đình Trường Thọ, quận Thủ Đức có cặp liên đối:

"Thánh điện nguy nga kim phượng vũ,
Thần lâu huy diệu ngọc long phi"
(Điện thánh nguy nga chim phượng múa,
Lâu thần rực rỡ bóng rồng bay).

Trên án thờ Võ Di Nguy ở Lăng Võ Di Nguy có cặp liên đối:

"Nam bang thượng tướng, dũng liệt anh linh,
Vệ thủy trung quân, thịnh danh hiển hách".

(Thượng tướng nước Nam, uy dũng anh linh,
Trung quân thủy vệ, danh tiếng hiển hách).

- Tại chùa Giác Viên ở quận 11 có các cặp liên đối:

"Giác liễu thiên cơ, sắc tức thị không, không thị sắc,
Viên minh phật chỉ, vô trung nhi hữu, hữu nhi vô"

(Giác ngộ thiên cơ, sắc tức là không, không tức sắc,
Biết trọn phật chỉ, không mà sinh có, có mà không).

"Tứ đại quy không, tịch tịch đốn siêu chân tính hải,
Nhất linh phản bản, du du phi nhập niết bàn sơn".

(Tứ đại về không, lặng lẽ vượt bên bờ giác ngộ,
Nhất linh hoàn gốc, xa xăm bay đến cõi niết bàn).

- Tại chùa Phụng Sơn ở quận 11 có cặp liên đối bằng chữ Nôm:

"Phụng báo diêm lành, đánh lễ Thế tôn rời xá vệ,
Sơn linh rực rỡ, kính mừng từ phụ đến Việt Nam".

Và cặp liên đối chữ Hán:

"Nhân hồ thân, vật hồ loại, ân đạo trường lưu,
Mộc hữu bản, thủy hữu nguyên, tổ tông vĩnh ẩm".
(Người theo giống, vật theo dòng, truyền lưu ân đạo,
Cây có cội, nước có nguồn, hưởng lộc tổ tông).

- Tại điện Ngọc Hoàng ở quận 1 có các cặp liên đối:

"Cửu trùng ca vũ, thiên tiên hội,
Bát phẩm y quan, vạn thọ ân".
(Chín tầng ca múa, ngàn tiên họp,
Tám phẩm áo mũ, vạn ơn ban).

"Đế đức quang thiên hạ,
Hoàng ân phái hải ngung".
(Đức vua trùm thiên hạ,
Ơn vua khắp bốn phương).

- Tại hội quán Quảng Triệu ở quận 1 có các cặp liên đối do nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh đọc và dịch nghĩa như sau:

"Tông bang nhiều nhường, phong kinh tần vụ, mẫn đồng bào khốn khổ diên liên, hỏa nhiệt thủy thâm, hà nhật thủy an (mẫn tịch

Việt quốc ngao du, lai tung phỉ định, hạnh Á bà nhân từ huệ ái, phù nguy chủng nịch, đại gia cộng lạc an bàn". (Nước cũ nhiều nhường, chinh chiến lan tràn, xót đồng bào khốn khổ đau thương, lửa nóng nước sâu, ngày nào mới yên nơi chốn.

Đất Việt ngao du, hành tung chẳng định, có Á bà nhân từ huệ ái, cứu nguy vớt đắm, mọi người đều thỏa yên vui).

"Vạn cổ huân danh, thủy trúc bạch,
Thiên thu nghĩa dũng, tráng sơn hà".
(Muôn thuở công huân, ghi sử sách,
Ngàn thu nghĩa khí, mạnh non sông).

- Tại hội quán Minh Hương Gia Thạnh có cặp liên đối do Trịnh Hoài Đức viết:

"Minh đồng nhật nguyệt diệu nam thiên, phượng chữ lân tường Gia cẩm tú,

Hương mãn càn khôn hình việt địa, long bàn hổ cứ thịnh văn chương"

(Sáng cùng nhật nguyệt rạng trời Nam, lân múa phượng bay thêm tốt đẹp,

Hương ngập đất trời thơm cõi Việt, rồng châu hổ phục thịnh văn chương).

- Tại hội quán Tuệ Thành ở quận 5 có cặp liên đối:

"Mộ cổ thần chung, đồng giác ngộ,

Âu phong Á vũ lưỡng điều hòa".

(Sớm chuông chiều trống, cùng giác ngộ,

Mưa Á gió Âu thủy điều hòa).

- Tại hội quán Nghĩa Nhuận ở quận 5 có cặp liễn đối:
"Nghĩa dũng ky trung can, anh linh vạn cổ,
Nhuận uy tể nhật nguyệt, bỉnh chính thiên thu".
(Nghĩa dũng trung can, anh linh muôn thuở,
Nhuận uy sánh nhật nguyệt, chính khí ngàn thu).



091

XIN CHO BIẾT VỀ MỘT SỐ HOÀNH PHI TIÊU BIỂU TRONG CÁC DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT Ở THÀNH PHỐ.

- Tại hội quán Minh Hương Gia Thạnh ở quận 5 có bức hoành phi do vua Tự Đức viết chữ vào tháng 9 năm 1864:

"Sắc tứ Thiện tục khả phong"

(Ban Sắc: Tục tốt đáng khen).

Và các bức hoành phi:

"Minh Hương xã" (Xã Minh Hương) làm năm 1814.

"Gia Thạnh đường" (Nhà Gia Thạnh) làm năm 1808.

"Dương dương tại thượng" (Thật như tại chỗ).

- Tại đình Phú Nhuận ở quận Phú Nhuận, có các bức hoành phi được nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh đọc và dịch nghĩa như sau:

"Quốc thái dân an" (Nước mạnh dân yên).

"Hộ quốc tỵ dân" (Giúp nước cứu dân).

"Hộ quốc bảo dân" (Giúp nước giữ dân).

- Tại điện Ngọc Hoàng ở quận 1 có các bức hoành phi:

"Tu thân vi đại" (Sửa mình làm trọng).

"Hạo thiên tuấn đức" (Trời cao đức lớn).

- Tại đình Thông Tây Hội ở quận Gò Vấp có các bức hoành phi:

- "Quốc thái dân Khang" (Nước thịnh dân mạnh).
- "Ân quang phổ chiếu" (Ơn thần chiếu khắp).
- "Kính như tại" (Tôn kính như thần có tại chỗ).
- "Chung linh dục tú" (Khí linh kết tụ).

- Tại đình Trường Thọ ở quận Thủ Đức có các bức hoành phi:

- "Ngọc vũ nguy nga" (Điện ngọc nguy nga).
- "Quỳnh lâu đột ngột" (Lầu ngọc chót vót).
- "Phong điều vũ thuận" (Gió hòa mưa thuận).
- "Thực đức ẩm hòa" (Ăn đức uống hòa).
- "Thượng an hạ thuận" (Trên yên dưới thuận).

- Tại chùa Hội Sơn ở quận 9 có các bức hoành phi:

- "Truyền đăng tục đạo" (Đèn truyền đạo nối).
- "Tông phong vĩnh chấn" (Tông phong mãi thịnh).
- "Tổ ấn trùng quang" (Ấn tổ lại sáng).

- Tại chùa Phước Tường ở quận 9 có các bức hoành phi:

- "Thôi tà phụ chính" (Đuổi tà giúp chính).
- "Bảo phiệt độ sinh" (Bè báu cứu giúp).
- "Khánh thưởng hình uy" (Công thưởng tội trừng).
- "Hộ pháp hưng long" (Giữ phép ắt thịnh).
- "Chính pháp xương minh" (Đúng phép rõ ràng).
- "Đàn tràng cát khánh" (Đạo Phật tốt đẹp).
- "Từ vân phổ phú" (Mây lành che khắp).
- "Phật pháp hưng long" (Phép Phật hưng thịnh).

- Tại chùa Sắc tứ Huệ Lâm ở quận 8 hiện có bức hoành phi do vua Thành Thái ban Sắc năm 1899:

- "Sắc tứ Huệ Lâm tự" (Chùa Sắc tứ Huệ Lâm).

- Tại đình Nam Chơn ở quận 1 có bức hoành phi:

- "An cư lạc nghiệp" (An cư lạc nghiệp).

- Tại đình Xuân Hòa ở quận 3 có bức hoành phi:

- "Thần ân chiếu giám" (Ơn thần soi xét).

- Tại đình Hưng Phú ở quận 8 có bức hoành phi:
"Chấn gia thanh" (Chấn hưng tiếng nhà).
- Tại đình Tăng Phú ở quận 9 có các bức hoành phi:
"Hà thanh hải yến" (Biển lặng sông trong).
"Tí hương hựu lý" (Che làng chấn xóm).
"Tế thế an dân" (Giúp đời yên dân).
"Anh linh hiển hách" (Anh linh hiển hách).
- Tại đình Xuân Hiệp ở quận Thủ Đức có các bức hoành phi:
"Hà hải chung linh" (Khí thiêng sông biển).
"Cánh tinh khánh vân" (Sao sáng mây lành).
- Tại đình Linh Tây ở quận Thủ Đức có các bức hoành phi:
"Thích lí thân từ" (Đình thân họ Ngoại).
"Đăng công vĩ tích" (Công cao nghiệp cả).
"Nghiêm nhiên như tại" (Thật như tại chỗ).
"Bảo an cảnh nội" (Giữ yên làng xóm).
"Sử dân phú thọ" (Khiến dân giàu, thọ).
- Tại đình Bình Hòa ở quận Bình Thạnh có bức hoành phi:
"Cầu chi tất linh" (Cầu gì được nấy).
- Tại chùa Sắc tứ Tập Phước ở quận Bình Thạnh có các bức hoành phi:
"Sắc tiên chế" (Tiên hoàng ban Sắc).
"Tứ hoàng phong" (Tiên hoàng phong tặng).
"Giác hoàng điều ngự" (Hoàng đế ngộ phép Phật).
- Tại nhà cổ truyền thống của ông Vương Hồng Sển ở quận Bình Thạnh có các bức hoành phi:
"Vân đường" (Nhà mây).
"Đồng thịnh" (Cùng thịnh).

"Thanh phong" (Gió mát).
"Minh nguyệt" (Trăng thanh).

- Tại lăng Lê Văn Duyệt ở quận Bình Thạnh có các bức hoành phi:

"Thánh đức cao thâm" (Đức thánh cao sâu).
"Thiên thu sùng bái" (Ngàn năm thờ cúng).
"Hữu cầu tất ứng" (Cầu ắt ứng).
"Uy chấn nam bang" (Uy chấn nước Nam).
"Hải nhạc chung linh" (Khí thiêng sông núi).

- Tại đình An Nhơn ở quận Gò Vấp có các bức hoành phi:

"Thanh linh hách trạc" (Tiếng tám lòng lẫy).
"Hóa đục quần sinh" (Cảm hóa chúng sinh).
"Thánh đức quảng phu" (Đức thánh trùm khắp).
"Đức hóa hồng ân" (Ơn cao đức cả).

- Tại lăng Trương Tấn Bửu ở quận Phú Nhuận có bức hoành phi:

"Danh lưu yên các" (Lưu danh gác mây).

- Tại đình Tân Thới Nhì ở huyện Hóc Môn có các bức hoành phi:

"Đồng triêm vũ lộ" (Cùng gội mưa móc).
"Kế thiên thân ân" (Ơn thần như trời).
"Bảo tư hữu thổ" (Giữ lấy đất này).
"Tài lộc hưng thịnh" (Của cải dồi dào).

- Tại đình Tân Thới Tứ ở huyện Hóc Môn có các bức hoành phi:

"Đáp tạ thần ân" (Đáp tạ ơn thần).
"An lạc thái bình" (Yên vui hòa bình).
"Thánh đức hàm triêm" (Đức thánh ban khắp).
"Thần ân hạo đặng" (Ơn thần mệnh mông).

"Dữ đức thiên thu" (Hưởng đức ngàn thu).

"Vạn cổ uy linh" (Muôn thuở uy linh).

- Tại đình Bình Trường ở huyện Bình Chánh có bức hoành phi:

"Hanh phong đại dự" (Thịnh vượng yên vui).

- Tại đình Cần Thạnh ở huyện Cần Giờ có bức hoành phi:

"Nghĩa quán thiên thu" (Nghĩa suốt ngàn thu).

- Tại hội quán Nhị Phủ ở quận 5 có các bức hoành phi do nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh đọc và dịch nghĩa như sau:

"Ngô thổ địa dã" (Thổ địa của ta).

"Tịch tỵ thần ân" (Ơn thần che chở).

"Thần thánh quang huy" (Thần thánh rạng ngời).

"Đức thịnh hóa thần" (Đức thịnh làm thần).

"Phúc hữu tâm linh" (Phúc đủ lòng thiêng).

"Thần ân như sơn" (Ơn thần như núi).

"Thần lâm phúc địa" (Thần tới đất phúc).

"Chân hữu linh ứng" (Quả thật linh ứng).

"Vĩnh bảo vô cương" (Mãi mãi dài lâu).

"Trạch cập lân phong" (Ơn tới đất bên).

"Phúc toàn đức bị" (Phúc tròn đức đủ).

- Tại hội quán Ôn Lăng ở quận 5 có các bức hoành phi:

"Hải bất dương ba" (Biển không nổi sóng).

"Đức ấm nam phương" (Đức trùm phương Nam).

"Hậu đức phối thiên" (Đức Hậu sánh trời).



092

XIN CHO BIẾT VỀ MỘT SỐ BÀI VỊ TIÊU BIỂU TRONG CÁC DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT Ở THÀNH PHỐ.

- Tại các án thờ tổ của chùa Giác Lâm ở quận Tân Bình
- một trong những ngôi chùa cổ xưa nhất của Thành phố
Hồ Chí Minh có các bài vị sau:

"Sắc tứ Quốc Ân đường, Lâm Tế chính tông tam thập
tam thế, thượng Hoán hạ Bích, húy Siêu Bạch lão tổ
hòa thượng giác linh mạo tọa".

(Bài vị lão tổ Hòa thượng Hoán Bích Siêu Bạch đời
thứ 33 Lâm Tế chính tông chùa Sắc tứ Quốc Ân).

"Lâm Tế chính tông tam thập tứ thế, húy thượng Nguyệt
hạ Ân tự Thành Đăng lão tổ hòa thượng. Kỷ sưu niên
thất nguyệt, thập ngũ nhật, Ty thời. Thành Đạo cung
phụng".

(Bài vị lão tổ hòa thượng Nguyệt Ân Thành Đăng đời
thứ 34 Lâm Tế chính tông. Giờ Ty ngày 15 tháng 7
năm Kỷ sưu - 1709. Thành Đạo cúng bài vị).

"Tế thượng chính tông, tam thập ngũ thế, thượng Phật
hạ Ý, húy Nhạc Công, đại lão tổ hòa thượng mạo tọa".
(Bài vị đại lão tổ hòa thượng Phật Ý Nhạc Công đời
thứ 35 Tế thượng chính tông).

"Giác Lâm, Lâm Tế gia phổ tam thập lục thế, thượng Viên hạ Quang, húy Tổ Tông, đại lão tổ hòa thượng giác linh mạo tọa chi vị".

(Bài vị đại lão tổ Hòa thượng Viên Quang Tổ Tông đời thứ 36 Lâm Tế gia phổ chùa Giác Lâm).

"Giác Lâm đường thượng, Lâm Tế gia phổ tam thập thất thế, thượng Hải hạ Tịnh, húy Tiên Giác, đại lão tổ hòa thượng giác linh mạo tọa chi vị. Sinh ư Quý mao niên, ngũ nguyệt, tam thập nhất chú sinh. Vãng ư Ất hợi niên, thập nhất nguyệt, thập bát nhật tịch". (Bài vị đại lão tổ hòa thượng Tiên Giác Hải Tịnh đời thứ 37 Lâm Tế gia phổ chùa Giác Lâm. Sinh ngày 30 tháng 5 năm Quý mao - 1783. Tịch ngày 18 tháng 11 năm Ất hợi - 1875).

"Lâm Tế gia phổ, Giác Lâm tự, tổ sa môn tam thập bát thế, thượng Quảng hạ An, húy Minh Lý, yết ma hòa thượng giác linh mạo tọa chi vị. Nguyên sinh Đinh hợi niên thập nguyệt cát nhật lương thời chú sinh. Bính tý niên nhị nguyệt nhị thập nhật Ty thời tịch". (Bài vị Yết ma hòa thượng Quảng An Minh Lý đời thứ 38 Lâm Tế gia phổ chùa Giác Lâm. Sinh giờ tốt ngày tốt tháng 10 năm Đinh hợi - 1827. Tịch giờ Ty ngày 20 tháng 2 năm Bính tý - 1876).

"Lâm Tế chính tông tam thập cửu thế thượng Chơn hạ Không húy Như Nhu đại sư mạo tọa. Nguyên sinh Tân hợi niên, ngũ nguyệt cát nhật lương thời. Mậu tuất niên bát nguyệt thập tứ nhật, Ty thời lại".

(Bài vị đại sư Chơn Không húy Như Nhu đời thứ 39 Lâm Tế chính tông. Sinh giờ tốt ngày tốt tháng 5 năm Tân hợi 1851. Tịch giờ Ty ngày 14 tháng 8 năm Mậu tuất 1898).

- Tại các án thờ ở Chính điện Lăng Lê Văn Duyệt ở quận Bình Thạnh có các bài vị:

"Khâm sai đại thần, Quân Bình Tây Tả Tướng quân Nam Kỳ khai quốc công thần Lê Quận công chi thần vị".
(Thần vị Quận công Lê Văn Duyệt là Khâm sai Đại thần Quân Bình Tây Tả Tướng quân, người mở cõi ở vùng đất Nam Kỳ).

"Tiền Hiệp biện đại học sĩ Lãnh Lễ bộ Thượng thư Phan công Lương Khê thần vị".

(Thần vị Tiền Hiệp biện đại học sĩ Lãnh Lễ bộ thượng thư Phan Lương Khê (Phan Thanh Giản)).

"Tả dinh Đô Thống chế lãnh Bắc thành Phó Tổng trấn tính Lê thần vị".

(Thần vị Tả dinh Đô thống chế lãnh Phó Tổng trấn Bắc thành họ Lê - tức Lê Văn Phong, em Lê Văn Duyệt).

- Tại án thờ ở chính điện lăng Võ Di Nguy có bài vị:

"Việt sắc Khâm sai Thuộc nội Cai cơ quản Ngũ Thủy dinh Minh Phương hầu, Thượng tướng quân, Cẩm y Thị vệ, Thượng Trụ quốc, Thống phủ, tính Võ tự Di Nguy phủ quân chi vị.

Hiển tỹ mệnh phụ, Việt Sắc: Khâm sai Thuộc Nội Cai cơ, Quản Ngũ Thủy dinh, chính thất Võ phủ, tính Lê Thị Mười phủ quân chi vị".

(Bài vị Võ Di Nguy được vua nước Việt ban Sắc là: Quản Ngũ Thủy dinh, Minh Phương hầu, Thượng tướng quân, Cẩm y Thị vệ, Thượng Trụ quốc, Thống phủ. Bài vị bà Lê Thị Mười, vợ chính Võ Di Nguy được ban Sắc là Khâm sai Thuộc Nội Cai cơ, Quản Ngũ Thủy dinh, chính thất Võ phủ).

- Tại các án thờ ở chính điện hội quán Minh Hương Gia Thạnh ở quận 5 có các bài vị:

"Sắc phong Thống suất Lễ Thành hầu Hộ quốc Tý dân Thác cảnh Uy viễn Chiêu ứng Nguyễn công Thượng đẳng thần.

Phụ quốc Đô đốc Tướng quân Thắng Tài hầu gia phong
Uy địch Chiêu dũng Hiển linh Thượng đẳng thần".

(Sắc phong cho Nguyễn Hữu Cảnh là "Thượng Đẳng
Thần Thống suất Lễ Thành hầu Hộ quốc Tể dân Thác
cảnh Uy viễn Chiêu ứng Nguyễn công").

Sắc phong cho Trần Thượng Xuyên là "Thượng Đẳng
Thần Phụ Quốc Đô Đốc Tướng Quân Thắng Tài Hầu
Gia Phong Uy Địch Chiêu Dũng Hiển Linh").

"Sắc phong: Đặc kiến Vinh Lộc Đại phu Hữu Trự
quốc Thiếu bảo Cẩn Chính điện Đại học sĩ Trịnh Văn
Khác công.

Kim tử Vinh lộc đại phu Chính trị thượng khanh Công
bộ Thượng thư Ngô Túc Giản công".

(Sắc phong cho Trịnh Văn Khác (Trịnh Hoài Đức) là
"Đặc Tiến Vinh Lộc Đại Phu Hữu Trự Quốc Thiếu
Bảo Cẩn Chính Điện Đại Học Sĩ".

Sắc phong cho Ngô Túc Giản (Ngô Nhơn Tịnh) là
Kim tử Vinh lộc đại phu Chính trị thượng khanh Công
bộ Thượng thư).



093

XIN CHO BIẾT MỘT SỐ VĂN BIA TIÊU BIỂU TRONG CÁC DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH?

Tại Miếu bia Lăng Lê Văn Duyệt ở quận Bình Thạnh có bia đá hoa cương cao 1,60 m, rộng 0,70 m, dày 0,17 m, bệ bia dày 0,38 m, rộng 0,88 m được tạo hình và chạm trổ các hình tượng cặp rồng châu mặt trời, hồi văn bán công, long mã, mặt hổ, chữ thọ hết sức tinh xảo, sắc nét và mỹ thuật. Toàn văn chữ Hán trên văn bia như sau:

Lê công miếu bi

Sự hữu bất tương quan nhi tình vi chi chú yên già, ý hào chi tự nhiên dã. Cảnh hữu bất cập tri nhi thần vi chi cách yên già, chính khí chi hao nhiên dã. Dư ư Tà quân Lê công sự hữu cảm yên. Tuế Giáp ngọ chi xuân, quý đại Pháp quốc tổng thống Đông Dương toàn quyền đại thần Đa La Đại Hiến phụng mệnh hồi quốc, dư tổng chi, hành tiết trú Gia Định. Gia Định vi bản triều hưng long chi địa, tự thuộc quý đại Pháp quốc quân hạt tam thập hữu dư niên hỹ, chu xa sở chí, phong hội nhất tâm, nhai đồ quảng tịch, triền tứ nhật lệ, dục tâm cụ tích, kỳ ư bất khả biện thức, nhi công chi miếu mạo nguy nhiên độc tồn, đồng vũ sum nghiêm, hương hòa bát uất, kỳ mộ tắc thiết tứ chu, hành già ty lộ, chất chi cư dân viết quý Đại Pháp quốc niệm công công nhi biểu chi dã. Y! dị tại! Công chi huân danh

bưu binh, sự trạng hiển hách, giai tại lục châu khai thác chi thủy, ngật kim tuế nguyệt dĩ liêu, giang hà hữu dĩ, nhi phong thanh do tại trở đầu bất diêu, vu thử kiến quý đại quốc nhân hậu chi ý, cố vu kỳ hữu công giả, tuy cách thế dĩ sự, do tường mộ nhi sùng trọng chi dã. Công tự Văn Duyệt, kỳ tiên Quảng Nghĩa nhân ti Định Tường, niên thập thất khái nhiên hữu kỳ cổ, trúc bạch chí, từng ngã Thế Tổ Cao Hoàng Đế ư Gia Định, chiến công thậm vĩ, đại định hậu, ung mao thổ, ủng tiết việt, xử trí Xiêm Lạp, kinh lược Thanh Nghệ, lương binh ác man, nhất tru tăng cù, sở chí vô bất nhiếp phục, nhi tiền hậu phạm tái trấn Gia Định, thủy chung kỳ nhĩ thập niên, kỳ dĩ ái vuu thâm dĩ cứu. Công ký một, tinh anh chi sở bàn kết, giang sơn dữ vi ha hộ, mỗi thiên âm dạ tĩnh, kỳ mộ thượng hoặc văn nhân mã thanh, nhân giai kính nhi viễn chi, vị kỳ từ viết công chi miếu, vị kỳ mộ viết công chi lăng, tương dữ thi chúc nhi hướng tự tự chi phát thế. Cổ kim lai anh hùng hào kiệt, sinh đương lời vũ thảo muối chi tế, phần kỳ trí dũng, lập đắc công nghiệp, tồn tắc vinh kỳ thân, một tắc thọ kỳ danh, tức thời sự biến thiên chi hậu, nhi lưu phong, dư liệt thượng hiếu hách hách nhiên tại nhân giả, cố như thử phù, dư cầu văn anh phong, tức sở khâm ngưỡng, kim nhật thân đồ kỳ trạng, nhân dĩ tri quý bảo hộ quốc chi ư bản quốc, lễ tục vô biến, tín nghĩa hữu phu, tương lai thắng bình đại cục, hữu khả xác nhiên, cứ vì thực tích giả, thử tắc dư chi sở thâm hỷ dã, nãi thỉnh ư quý toàn quyền đại thần Sa Đại Hiến dĩ bi nhĩ chí chi, đại thần hân nhiên từng chi, viên lạc chư thạch, dĩ thị bất san. Công phu nhân Đỗ Thị hậu công nhĩ một, kim hợp tự yên. Phan Công Lương Khê kinh lược Nam Kỳ, nhân tư kỳ công diệc dĩ phối hưởng vu công miếu văn.

Hoàng triều Thành Thái lục niên thất nguyệt sơ nhất nhật, Phụ chính Đại thần Thái tử Thiệu bảo Vũ Hiến điện

*Đại học sĩ Khâm sai Bắc kỳ Kinh lược Đại sứ Diên Mậu
từ Thái Xuyên Hoàng Cao Khải cung đệ.*

Miếu bia Lê công.

Việc có khi không liên quan nhưng tình vì thế mà động, đó là lẽ tự nhiên của điều hay. Cảnh có khi không biết được nhưng thân vì thế mà cảm, đó là sự hạo nhiên của chính khí. Tôi đối với Tả quân Lê công có sự cảm nhận ấy. Mùa xuân năm Giáp ngọ (1894), quý Tổng thống Đông Dương Toàn quyền đại thần nước Đại Pháp Đa La đại hiến (De Lannessan) phụng mệnh về nước, tôi tiễn đưa trú lại ở Gia Định. Gia Định là đất trung hưng của bản triều, từ khi thuộc về quý Đại Pháp quản hạt đến nay đã hơn ba mươi năm. Xe thuyền tới nơi, phong tục đều đổi, muốn tìm vết cũ cơ hồ không nhận ra được, nhưng riêng miếu mộ của công vẫn còn như xưa, phần mộ sâm nghiêm, khói hương nghi ngút. Hỡi dân quanh đó, họ nói quý Đại Pháp nghĩ tới công lao của công, làm thêm hàng rào sắt quanh mộ để biểu dương vậy. Ôi! Kỳ lạ thay huân danh của công, rõ ràng lúc đầu khai thác sáu châu, đến nay năm tháng xa vời, bể dâu dời đổi, thế mà tiếng tăm còn đó, cứng tế không suy. Từ đó thấy quý quốc giữ lòng nhân hậu, nên đối với người có công tuy xa đời khác việc vẫn tưởng niệm công lao mà coi trọng vậy. Ông tên chữ là Văn Duyệt, quê Quảng Nghĩa dời vào ở Định Tường. Năm 17 tuổi khảng khái có chí xông pha trận mạc, lưu danh sử sách, theo Thế tổ Cao hoàng đế ta ở Gia Định, lập công rất lớn. Sau 1 hi đại định nhận tước phong, cầm tiết việt, xử trí Xiêm La Chân Lạp, kinh lược Nghệ An Thanh Hóa, hai lần tiêu diệt giặc man tàn ác, một phen dẹp nạn sự tăng hung dữ, những nơi ông tới không đâu không sợ phục. Trước sau hai lần làm Tổng trấn Gia Định thành, tất cả gần hai mươi năm, lòng thương dân người nhắc đã lâu. Khi ông mất, tình anh kết tụ, núi sông phù hộ, mỗi khi trời khuya đêm vắng, trên mộ có khi

nghe tiếng người ngựa, mọi người đều kính trọng tránh xa, gọi đền là Miếu Ông, gọi mộ là Lăng Ông, cùng nhau thờ cúng tế tự không ngớt. Xưa nay anh hùng hào kiệt sinh vào lúc loạn lạc, dốc hết trí dũng lập nên sự nghiệp, sống thì vinh hiển, chết thì lưu danh, cho dù sau lúc việc thế đổi dời mà oai phong ngày trước vẫn hiển hách chốn nhân gian, vốn là như thế chẳng? Ta nghe danh ông đã lâu, hết lòng kính ngưỡng, ngày nay chính mắt nhìn thấy, nhân biết được quý bảo hộ tới nước ta, lễ tục không đổi, tín nghĩa vẹn tròn, sắp tới đại cuộc thăng bình là chuyện chắc chắn, có bằng chứng rõ ràng, đó là điều mà tôi rất vui mừng vậy. Bèn xin liền xin quý Toàn quyền đại thần Sa Đại hiến cho dựng bia để ghi lại, đại thần vui vẻ ưng thuận, bèn khắc vào bia đá để tỏ là không quên. Phu nhân là Đỗ thị mất sau, nay đưa vào thờ chung với ông. Ông Phan Lương Khê (Phan Thanh Giản) Kinh lược Nam Kỳ, được mọi người nhớ tới công lao, nên cũng đưa vào phối hưởng trong miếu.

Ngày 1 tháng 7 năm Thành Thái thứ 6 (1894) Hoàng triều, Phụ chính đại thần Thái tử Thiếu bảo Võ Hiển điện Đại học sĩ Khâm sai Bắc Kỳ Kinh lược đại sứ Diên Mậu tử Thái Xuyên Hoàng Cao Khải cung kính viết bia.



094

**XIN CHO BIẾT MỘT SỐ TỜ SẮC PHONG
TIÊU BIỂU TRONG CÁC DI TÍCH KIẾN TRÚC
NGHỆ THUẬT Ở THÀNH PHỐ.**

- Tại lăng Võ Di Nguy ở quận Phú Nhuận hiện còn giữ được tờ chế phong của Minh Mạng truy phong cho Võ Di Nguy, nguyên văn như sau (phiên âm):

Thừa thiên hưng vận, Hoàng đế chế viết:

Trẫm duy thần tử hiệu trung chí tiết, dũ cừu di chương, triều đình chấn cữu chi ân, hữu long vô sát. Cốc thời dân hiệp, chi phát khổng dương. Duy nguyên Khâm sai Thuộc nội Cai cơ quân Ngũ Thủy dinh tặng Tá mệnh công thần Đặc tiến Thượng trụ quốc Thiếu bảo Minh quận công thụ Trung Túc Võ Di Nguy: Hồ thi tráng hoài, thao linh vĩ phụ. Vọng Các quan sơn lý hiểm, truy tùy cung cơ đích chi lao. Thủy sư phong lãng (?) cần, chi huy mẫn phàm tường chi lực. Lãm liệt cần vương nghĩa khái, khích ngang hứa quốc trung can. Cù Mông sương túc Ngũ dinh, diện xiết chu trung chí chiến, Thi Nại hòa công nhất cự, khôi phi hải thượng chí thuyền. Nguyên công quang chiếu đan thư, hoàn tiết hương lưu kim quĩ. Tư tích trung hưng hoài tráng, liệt sùng giai tặng xỉ vinh bao. Tứ kim ủy hiệp tế xương, tư tân mệnh dụng chương cữu tích. Tư đặc tặng vị Tá vận công thần Đặc tiến Tráng võ tướng quân Thủy quân Đô thống phủ Chương phủ sự Thái bảo, cải thụ Tráng Túc,

*phong Bình Giang quận công, tích chi cáo mệnh. Ô hô!
Vinh sơ tuyền nhượng, trường lưu bất hủ chi danh, khí tác
son hà, thượng đốc vinh chung chi khánh. Khẩn duy linh
sáng, thức khắc khâm thừa!*

*Minh Mệnh thập nhị niên thập nhất nguyệt, thập
nhất nhật.*

Sắc mệnh chi bảo (ấn).

Tạm dịch:

Thừa thiên hưng vận, Hoàng đế ban lời chế rằng:

Trẫm nghĩ bề tôi tận trung rõ tiết, từ cổ nêu gương, triều đình ban thưởng công xưa, có thắng không giáng. Thời lành gặp lúc, chiếu chỉ ban ra. Nghĩ nguyên Khâm sai Thuộc nội Cai cơ quản Ngũ thủy dinh được tặng Tá mệnh công thần đặc tiến Thượng trụ quốc Thiếu bảo Mính quận công thụ Trung Túc Võ Di Ngụy: chí khí anh hùng, lược thao tài giỏi. Vọng Các núi non hiểm trở, theo vua đã tỏ dạ trung thành, Thủy quân sóng gió chuyên cần, cầm quân từng trở tài tướng soái. Lẫm liệt giúp vua lòa khí nghĩa, ngang tàng báo nước trả gan trung. Cù Mông sương lạnh Ngũ dinh, súng ran chớp lóe, Thi Nại hỏa công một trận, thuyền giặc tro bay. Công đầu sách đỏ, tiết rạng sử xanh. Nhớ lúc trung hưng mạnh mẽ, đã liệt danh vào hạng công thần, đến nay cúng tế trang nghiêm, phải phong tặng để nêu đức trước. Nay đặc biệt tặng là Tá vận công thần Đặc tiến Tráng vũ tướng quân, Thủy quân Đô thống phủ Chương phủ sự Thái bảo, đổi tên thụ là Tráng Túc, phong là Bình Giang quận công, ban cho cáo mệnh. Than ôi! Suối vàng vinh hiển, tiếng tốt không phai, nước cũ yên bình, điều hay sáng mãi. Mong sao linh ứng, kính cẩn tuân theo!

Ngày 11 tháng 11 năm Minh Mệnh thứ 12 (1831)

(Có đóng ấn "Sắc mệnh chi bảo").

- Tại án thờ Thần Thành hoàng bản cảnh hội quán Nghĩa Nhuận ở quận 5 có tờ sắc phong:

Sắc: Bản cảnh Thành hoàng chi thần, nguyên tằng Quảng hậu Chính trực Hựu thiện chi thần, hộ quốc tỵ dân nắm trứ linh ứng. Túc kim phỉ ứng cảnh mệnh, miễn niệm thần huai, khả gia tằng Quảng hậu Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng chi thần, nhưng chuẩn Tân Long huyện Tân Nhuận thôn y cưu phụng sự. Thần kỳ tướng hựu bảo ngã lệ dân. Khâm tai!

Tự Đức ngũ niên, thập nhất nguyệt, nhị thập cữu nhật.

Sắc mệnh chi bảo (ấn).

Tạm dịch:

Sắc: Thần Thành hoàng bản cảnh trước đây được tằng là thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện, giúp nước cứu dân từng nhiều lần hiển hiện linh ứng. Ta nay vâng theo mệnh sáng của trời, nghĩ tới đức tốt của thần nên tằng thêm là thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng, vẫn chuẩn cho thôn Tân Nhuận huyện Tân Long phụng sự như cũ. Thần thì phải che chở bảo vệ cho dân đen của ta. Kính đấy!

Ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (1. 1853).

(Có đóng ấn "Sắc mệnh chi bảo").

- Tại Tiền điện hội quán Lệ Châu ở quận 5 có treo tờ sắc phong.

Sắc Thừa Thiên phủ Hương Trà huyện Đệ lục phường Kim hoàn cục phụng sự Kim hoàn khai nghệ Cao Đình Độ, Cao Đình Hương Đại lang nắm trứ linh ứng. Túc kim chính trị Trẫm tứ tuần đại khánh tiết, kinh ban bảo chiếu đàm ân, lễ long đăng trật, trứ phong vi Dực bảo Trung hưng Linh phủ chi thần, chuẩn kỳ phụng sự. Thần kỳ tướng hựu bảo ngã lệ dân. Khâm tai!

Khải Định cứu niên thất nguyệt, nhị thập ngũ nhật.

Sắc mệnh chi bảo (ấn).

Sắc: Ông tổ nghề kim hoàn là Đại lang Cao Đình Độ, Cao Đình Hương mà Cục Kim hoàn phường 6 huyện Hương Trà phủ Thừa Thiên phụng sự đã nhiều lần hiển hiện linh ứng. Nay nhân lễ đại khánh tứ tuần của Trẫm, kính phụng lời chiếu ban ơn, nên làm lễ cho nâng bậc, phong là thần Dục bảo Trung hưng Linh phù, chuẩn cho thờ phụng. Thần thì phải che chở bảo vệ cho dân đen của ta. Kính đấy!

Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (1924).

(Có đóng ấn "Sắc mệnh chi bảo").

- Tại án thờ thần Thành hoàng bản cảnh ở chính điện đình Xuân Hiệp quận Thủ Đức có tờ sắc:

Sắc Gia Định tỉnh An Điền tổng Xuân Hiệp thôn phụng sự đương cảnh Thành hoàng Khai nguyên Diệu hóa Chính đạo Đại vương tôn thần, hộ quốc tể dân năm trứ linh ứng. Tú kim phi thừa cảnh mệnh, miến niệm thần huu, trứ phong vi Đôn ngưng tôn thần, chuẩn kỳ phụng sự, thứ cơ thần kỳ tướng hậu bảo ngãi lê dân. Khâm tai!

Bảo Đại cứu niên thất nguyệt nhị thập thất nhật.

Sắc mệnh chi bảo (ấn).

Sắc: Thành hoàng Khai nguyên Diệu hóa Chính đạo Đại vương tôn thần mà thôn Xuân Hiệp tổng An Điền tỉnh Gia Định phụng sự, giúp nước cứu dân đã nhiều lần hiển hiện linh ứng. Ta nay vâng theo mệnh sáng của trời, nghĩ tới đức tốt của thần nên phong là Đôn ngưng tôn thần, chuẩn cho phụng sự, ngõ hầu thần che chở bảo vệ cho dân đen của ta. Kính đấy!

Ngày 27 tháng 7 năm thứ 9 năm Bảo Đại thứ 9 (1934).

(Có đóng ấn "Sắc mệnh chi bảo").



095

XIN CHO BIẾT VỀ MỘT SỐ HIỆN VẬT ĐỘC ĐÁO TRONG CÁC DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Trong hệ thống di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia và cấp thành phố tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện còn lưu giữ nhiều hiện vật, cổ vật độc đáo được làm bằng nhiều chất liệu khác nhau như gỗ, kim loại, giấy, gốm, đất nung... Các hiện vật, cổ vật này gắn với di tích, phản ánh quá trình xây dựng, bảo quản, trùng tu tôn tạo và phát huy giá trị của di tích.

Tại di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia chùa Giác Lâm (quận Tân Bình), ngoài các hiện vật, cổ vật có giá trị nghệ thuật cao như liên đối, hoành phi, bài vị, bao lam, án thờ, tượng thờ còn có bộ tượng La Hán được làm từ gỗ với kỹ thuật tạc tượng tinh tế sống động. Một trong các pho tượng La Hán là pho tượng La Hán phục hổ với tư thế ngồi lưng tựa vào con hổ, chân trái gấp lại. Đầu của vị La Hán hơi nghiêng về phía bên trái, mắt nhìn xuống con hổ. La Hán mặc áo kín vai, cổ áo cao, khuy cài bằng nút thắt, bụng có thắt đai, hai tay đeo vòng, tay phải úp lên gối bên phải, tay trái nắm lại giơ cao ngang đầu.

Tại di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia chùa Phước Tường (quận 9) là một trong những ngôi chùa cổ xưa của thành phố hiện còn lưu giữ nhiều cổ vật, hiện vật có giá

trị gắn với di tích, thể hiện sự tài hoa trí sáng tạo của người Việt thời đó. Có thể kể đến là pho tượng Địa tạng vương bằng gỗ với tư thế ngồi trên lưng con thú, hai chân mang hia thả thõng xuống. Đầu của Địa tạng vương đội mũ tỳ lưu, khuôn mặt bầu bĩnh, hai trái tai dài chảy xuống. Ở giữa trán là dấu huệ nhãn, hai mắt to nhìn xuống, miệng nhỏ xinh xắn, dưới cằm có ngăn ngang. Tượng mặc áo cà sa hở vai bên phải, tay phải gấp đứng ngang ngực bắt ấn tam muội, tay trái đặt trên đùi trái cầm hạt minh châu.

Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia chùa Hội Sơn (quận 9) tọa lạc trên gò cao, phía trước là sông Đồng Nai mênh mông, thật sự là một trong những thắng cảnh nổi tiếng của Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Nam Bộ. Tại chùa có tượng Ngọc hoàng bằng gỗ với tư thế ngồi trên ngai vàng, hai chân chống thẳng xuống, hai bàn chân mang hia. Đầu đội mũ bình thiên, khuôn mặt vuông vức cương nghị, hai mắt to, mũi to và hếch, miệng tươi cười. Tượng Ngọc hoàng mặc áo long bào phủ kín tay và chân, cổ áo cao, khuy cài là những nút thắt, bụng thắt đai. Hai tay cầm hốt đưa ra trước ngực, trên hốt khắc hình hai chữ Hán "Ngọc hoàng".

Tại di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia hội quán Nghĩa An của người Hoa (quận 5) có tượng Thuận Phong Nhi bằng gỗ với tư thế đứng trên bục. Chân phải đang bước tới phía trước, chân trái lùi ra phía sau, hai bàn chân trần ở tư thế để ngang. Đầu đội mũ, khuôn mặt dữ tợn với đôi mắt lồi mở to nhìn xuống, hai môi bặm vào nhau. Thuận Phong Nhi mặc áo bào, tay phải duỗi thẳng, các ngón tay nắm lại, tay trái giơ ngang tai, ngón tay trở chỉ thiên, hơi nghiêng về bên trái như thể bất chợt nghe ngóng điều gì đó sắp xảy ra.

Tại di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia hội quán Ôn Lăng của người Hoa (quận 5) có tượng Mụ Bà bằng

gỗ với tư thế đứng thẳng trên bục, búi tóc cao ở trên đỉnh đầu, mắt nhìn thẳng, mũi tẹt. Mụ Bà mặc áo dài ngang ống chân, ngực trần, váy dài phủ kín hai bàn chân. Tay phải bế đứa trẻ đang bú, tay phải của đứa bé đặt vào ngực trái Mụ Bà. Phía dưới chân của Mụ Bà còn có đứa trẻ ở tư thế đứng, hai gối của đứa bé hơi chùng xuống.

Tại di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia hội quán Minh Hương Gia Thạnh của người Hoa (quận 5) có pho tượng Trịnh Hoài Đức bằng đá màu trắng với tư thế ngồi trên ngai, hai chân chống thẳng xuống, hai bàn chân mang hia, đầu đội mũ quan kiểu cánh chuồn. Khuôn mặt chữ điền, hai mắt khép hờ, sống mũi cao, ở cằm điểm chòm râu. Trịnh Hoài Đức mặc quan phục, trên áo quan có hình rồng mây, bụng phệ, có thắt đai. Tay phải cầm cây gậy ngắn chống xuống đùi phải, tay trái nắm đai lưng.

Tại di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia đình Chí Hòa (quận 10) hiện còn hai bình gốm men nhiều màu. Bình khá cao và to, miệng bình loe rộng, trên vành miệng bình tạo hình uốn lượn như cánh hoa. Cổ bình cao, vai bình nở tròn đều. Thân bình thon dần và eo lại ở phần đáy bình. Chân đế bình cao và loe ra, hai quai được gắn ở phần nối liền giữa cổ và vai bình. Thân bình trang trí hình thiếu nữ người Nhật Bản đứng dưới cây hoa anh đào với trang phục kimono.

Tại di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia chùa Sắc tứ Trường Thọ (quận Gò Vấp) hiện còn bộ tượng Diêm vương bằng gỗ với tư thế ngồi trên ngai, hai chân chống thẳng xuống, hai bàn chân mang hia, đầu đội mũ miện, hai vành tai to, trái tai chảy dài xuống. Khuôn mặt dài, sống mũi thẳng, hai mắt mở to. Diêm vương mặc long bào phủ kín tay và chân, trên áo có hình rồng mây, hai tay cầm hốt chấp trước ngực.

Tại di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia lăng Lê Văn Duyệt hiện còn bia đá hoa cương cao lớn đặt trong miếu bia. Mặt trước bia là văn bia với kỹ thuật khắc chìm chữ Hán sắc sảo tinh tế. Mặt sau bia chạm nổi hình long mã bay trên mây rất sống động.



096

XIN CHO BIẾT VỀ MỘT SỐ HIỆN VẬT ĐỘC ĐÁO TRONG CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Loại hình di tích lịch sử ở Thành phố Hồ Chí Minh chủ yếu là những di tích lịch sử cách mạng gắn với thời kỳ kháng chiến của quân và dân ta chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, do tính chất của cuộc kháng chiến trong nội thành và ven đô của thành phố Sài Gòn trước đây - nơi diễn ra sự kiện lịch sử, nhất là cơ sở cách mạng trong nội thành mang tính chất hoạt động bí mật, nhiều hiện vật như phương tiện chiến đấu, những tài liệu, những kỷ vật của nhân chứng lịch sử... được coi là hiện vật liên quan di tích đã không còn gắn với di tích. Mặt khác, trải qua thời gian quá dài cho đến khi di tích được xếp hạng, hiện vật gốc trong các di tích lịch sử ở thành phố không còn nhiều, ở đây chỉ xin được giới thiệu hiện vật độc đáo ở một số di tích:

Tại di tích mộ và đền thờ Phan Châu Trinh (số 9 Phan Thúc Duyên, phường 4 quận Tân Bình), tại phòng trưng bày, ngoài phần trưng bày những bản photo tác phẩm và lưu bút của Phan Châu Trinh còn có những hiện vật gốc, như bộ đồ veston của ông khi từ Pháp về Việt Nam. Đặc biệt là một số bức trưởng trong vô vàn bức trưởng viếng điệu khi ông qua đời, như của Phan Bội Châu - người đã

gặp gỡ Phan Châu Trinh khi ở Nhật và đã từng có nhiều trao đổi với nhau về đường hướng cứu nguy cho dân tộc trước cảnh đô hộ của thực dân Pháp, bức trưởng của tầng lớp nữ lưu Việt Nam ca ngợi Phan Châu Trinh đã vì nước quên nhà và đã bốn ba từng trải nhiều gian nan hiểm trở. Đặc biệt là bức trưởng của các giới ở Quảng Nam, của Nguyễn Sinh Huy ca ngợi Phan Châu Trinh là người đầu tiên đề xướng và vận động tổ chức nền dân quyền ở Việt Nam. Đám tang Phan Châu Trinh có hàng trăm nghìn người tham gia tiễn đưa ông về nơi an nghỉ và đã trở thành cuộc biểu tình gây ảnh hưởng cho phong trào ái quốc và dân chủ ở Việt Nam hồi bấy giờ.

Di tích đình Bình Đông tại Cù lao Bà Tăng, phường 1, quận 8 là nơi Tôn Đức Thắng khi còn là Chủ tịch Công hội đỏ ở Sài Gòn đã sử dụng đình là cơ sở của Công hội đỏ, từ 1925 đến 1928 Chủ tịch Tôn Đức Thắng đã nhiều lần tổ chức cuộc họp tại đình, là nơi thuyết giảng lòng yêu nước và chủ nghĩa Mac - Lênin cho các công nhân là hội viên nòng cốt của hội, ngựa xích thố tại chính điện của đình và khám thờ trở thành nơi cất giấu tài liệu của Tôn Đức Thắng, gồm có tài liệu sách báo tuyên truyền về chủ nghĩa Mac - Lênin, đặc biệt là những mật thư của Nguyễn Ái Quốc chuyển từ nước ngoài về. Ngựa xích thố và khám thờ ở đình Bình Đông được coi là hiện vật có ý nghĩa lịch sử.

Đình Phong Phú thuộc Khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, tại đây có hai hiện vật có giá trị lịch sử đó là lu đựng nước tại nhà tắm để che cửa hầm bí mật ở phía sau bên trái đình, hầm bí mật có đường hầm thông ra bên ngoài - lúc đó là rừng cao su. Bên trong chính điện, khám thờ cũng được dùng làm nơi che giấu cán bộ cách mạng khi gặp nguy cấp không kịp chạy ra hầm bí mật, đã ẩn bên trong lòng khám thờ. Khám thờ, lu nước tại hầm bí mật ở

đỉnh Phong Phú được coi là hiện vật có giá trị lịch sử độc đáo của cơ sở cách mạng ở đỉnh Phong Phú thời kỳ chống Mỹ xâm lược.

Máy in bằng thép của Ban Tuyên huấn Hoa Vận tại di tích hầm in tài liệu của Ban Tuyên huấn Hoa Vận thời kỳ chống Mỹ cứu nước (số 341/10 đường Gia Phú, phường 1, quận 6), do tổ in tự chế để in sách báo, tài liệu bí mật bằng chữ Hoa, in chỉ thị, truyền đơn bằng chữ quốc ngữ. Nhiều tài liệu của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, các truyền đơn kêu gọi công nhân, nhân dân lao động và các giới đồng bào là người Hoa tham gia kháng chiến cũng được in từ máy in này. Đặc biệt là bản di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng được in bằng chữ Hoa để tuyên truyền phổ biến cho đồng bào người Hoa ở thành phố. Hiện tại máy in, các mẫu chữ dùng để in và một số tài liệu, vẫn bản được in từ máy in này đã và vẫn đang được trưng bày tại di tích để phục vụ khách tham quan.

Bộ salon ở phòng khách tại di tích Sở Chỉ huy tiền phương Phân khu 6 trong chiến dịch Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu thân 1968 tại số 7 đường Yên Đỗ (nay là đường Lý Chính Thắng), đêm mừng 1 tết Mậu thân lúc 20 giờ 30 phút lãnh đạo Sở Chỉ huy Tiền phương Phân khu 6 - đồng chí Võ Văn Thạnh (Ba Thắng) đã họp với cán bộ chỉ huy cụm để bàn bạc, triển khai chiến đấu. Đúng 23 giờ kém 15 phút, đồng chí Ba Thắng nhân danh Chính ủy Sở Chỉ huy Tiền phương Phân khu 6 đã trình trọng đọc lời hiệu triệu của Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng, phát lệnh cho các cụm biệt động làm nhiệm vụ tiến công các mục tiêu đầu não của Mỹ - Ngụy trong thành phố Sài Gòn. Bộ salon tại phòng khách số 7 Lý Chính Thắng - di tích Sở Chỉ huy Tiền phương Phân khu 6, được coi là hiện vật có giá trị tiêu biểu của di tích, nó gắn với sự kiện ở thời khắc lịch sử quan trọng như đã nêu.

Tại di tích cơ sở giấu vũ khí của Biệt động thành đánh dinh Độc Lập năm 1968 (số 287/70 Nguyễn Đình Chiểu phường 5, quận 3), ngoài số vũ khí được cất giấu ở đây đã được Biệt động Sài Gòn thuộc đội 5, cụm 3-4-5 sử dụng trong cuộc Tổng tiến công Mậu thân 1968 (số vũ khí này đã được phục chế lại để trưng bày). Hai hiện vật khác tiêu biểu là hai chiếc xe đã được sử dụng để chở chiến sĩ đội 5 và vũ khí tại số 287/70 Nguyễn Đình Chiểu tiến đánh dinh Độc Lập năm 1968. Đó là chiếc xe hiệu Hino kiểu Picup số đăng bộ EC 6045 và xe hiệu Citroen, số đăng bộ NCE 345, là loại xe vận tải nhẹ. Sau năm 1968, chính quyền ngụy đã thu hồi hai chiếc xe này và sau đó bán hóa giá. Đến 1975, với giá trị và ý nghĩa là hiện vật lịch sử, hai chiếc xe này đã được sưu tầm lại. Hiện chiếc xe số đăng bộ EC 6045 do Bộ Tư lệnh đặc công đang giữ để trưng bày giới thiệu truyền thống của Binh chủng. Chiếc xe số đăng bộ NCE 345 hiện do gia đình nhân chứng - con ông Trần Văn Lai là ông Trần Kiến Xương người được trực tiếp quản lý di tích, đang gìn giữ và bảo quản.

Đối với di tích dinh Độc Lập, đây là cơ quan đầu não của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đã bị quân ta chiếm vào lúc 11 giờ 30 ngày 30. 4. 1975. Toàn bộ trang thiết bị, phương tiện, đồ dùng tại dinh Độc Lập gần như còn nguyên vẹn, thể hiện sự chiến thắng trọn vẹn của quân và dân ta, đồng thời đó cũng đều là những hiện vật tại di tích có giá trị và ý nghĩa lịch sử to lớn được bảo tồn nguyên trạng phục vụ khách tham quan. Di tích dinh Độc Lập đã thu hút đông đảo khách tham quan trong nước và người nước ngoài.

Trên đây là những di tích có hiện vật khá độc đáo tại di tích lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh. Như đã trình bày, hiện vật gốc gắn với di tích lịch sử ở thành phố không nhiều, để phát huy giá trị di tích lịch sử, việc trưng bày tại

di tích có một ý nghĩa hết sức quan trọng. Để phục vụ trưng bày tại di tích, trong trường hợp không thể sưu tầm được hiện vật gốc, Ban Quản lý di tích và danh lam thắng cảnh đã tiến hành phục chế những hiện vật liên quan đến di tích thông qua những nhân chứng lịch sử, người trực tiếp đã sử dụng hoặc tạo ra nó nhằm trưng bày bổ sung tại di tích, góp một phần quan trọng trong việc thể hiện giá trị và ý nghĩa của di tích.



097

VIỆC LẬP HỒ SƠ XẾP HẠNG DI TÍCH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÓ NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN GÌ?

Việc lập hồ sơ xếp hạng di tích là hoạt động mang tính khoa học và tính nghiệp vụ cao, lập hồ sơ xếp hạng di tích nhằm xác định giá trị của di tích, đồng thời trong đó có những yếu tố mang tính kỹ thuật và cơ sở pháp lý bước đầu để trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định xếp hạng di tích. Một di tích có quyết định xếp hạng, di tích ấy có đầy đủ cơ sở khoa học và cơ sở pháp lý, được bảo tồn và phát huy giá trị theo quy định của Luật Di sản văn hóa và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Việc lập hồ sơ xếp hạng di tích ở Thành phố Hồ Chí Minh, kể từ khi Ban Quản lý Di tích và Danh lam thắng cảnh Thành phố được thành lập và hoạt động từ 1999 đến nay, đã được đẩy mạnh. Tuy nhiên, việc lập hồ sơ xếp hạng di tích ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay tuy có một số thuận lợi, nhưng vẫn có một số khó khăn nhất định.

Trước hết, về mặt thuận lợi, thì cán bộ nghiên cứu lập hồ sơ xếp hạng di tích của Ban Quản lý Di tích và Danh lam thắng cảnh Thành phố đã có kinh nghiệm nhiều năm, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Sự phối hợp với cán bộ quận, huyện khi tiến hành lập hồ sơ di tích được nhiều cán bộ ở quận, huyện quan tâm, tích cực phối hợp. Khâu

về bản vẽ đặc họa di tích có đơn vị đã từng được thực hiện nhiều năm, nên có kinh nghiệm. Để vẽ bản đồ khoanh vùng các khu vực bảo vệ di tích kèm biên bản thống nhất đã được Ủy ban nhân dân các cấp, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp tốt với Ban Quản lý Di tích và Danh lam thắng cảnh, Sở Văn hóa và Thông tin. Việc làm đơn đề nghị xếp hạng di tích theo quy định tại mục a khoản 3 điều 15 của Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11. 11. 2002 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa được các cấp Đảng, chính quyền quan tâm đối với việc đề nghị xếp hạng di tích lịch sử. Một số tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý đối với loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật nhận thức được giá trị của công trình cần được xếp hạng để bảo tồn, phát huy giá trị, đã chủ động làm đơn đề nghị xếp hạng di tích.

Bên cạnh đó, công tác này cũng vẫn còn một số khó khăn nhất định. Một số tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý các công trình, đặc điểm có đủ tiêu chí để lập hồ sơ xếp hạng di tích, nhưng do chưa ý thức được việc xếp hạng di tích là nhằm bảo tồn và phát huy tốt nhất giá trị di tích, vì thế không làm đơn đề nghị xếp hạng, rất khó cho việc lập hồ sơ xếp hạng di tích. Việc tổ chức, cá nhân được giao quản lý hoặc là chủ sở hữu di tích không mặn mà với việc lập hồ sơ xếp hạng di tích còn xuất phát từ nguyên nhân họ muốn sửa chữa, xây dựng khi không phải là di tích sẽ không bị gò bó về nguyên tắc, thủ tục.

Những khó khăn khác trong việc lập hồ sơ xếp hạng di tích tại Thành phố Hồ Chí Minh còn phải kể đến là nhiều di tích không còn hồ sơ gốc liên quan đến lịch sử xây dựng (đối với di tích kiến trúc nghệ thuật), nên phần viết về lịch sử di tích trong lý lịch khoa học di tích gặp khó khăn. Đối với di tích lịch sử, tuy hiện diện đó nhưng có khi ít có tư

liệu nhắc tới, hoặc có di tích cần xác minh, tìm hiểu sự kiện nhưng lại khó tìm được nhân chứng. Cũng có di tích lịch sử khi tìm hiểu nhân chứng lại có những ý kiến khác nhau, do thời gian lâu, trí nhớ giảm, các nhân chứng có khi hoạt động cùng liên quan đến sự kiện, nhưng lại thuộc tổ chức hay đơn vị tác chiến độc lập, nhất là những di tích liên quan đến hoạt động bí mật của những tổ chức cách mạng, kháng chiến. Do đó đòi hỏi khi thu thập tư liệu phải có sự phân tích khách quan khoa học đối với tư liệu được cung cấp để sử dụng khi viết lý lịch khoa học về di tích.

Việc lập bản vẽ khoanh vùng bảo vệ di tích là một phần trong hồ sơ xếp hạng di tích cũng gặp một số khó khăn. Qua một thời gian dài, khuôn viên di tích biến đổi nhiều so với thực trạng ban đầu, nên rất khó xác định đối với di tích ở khu vực chưa có bản đồ địa chính mới được xác lập. Việc tiến tới thống nhất khu vực bảo vệ của di tích thông qua lập biên bản làm cơ sở cho cơ quan chuyên môn xác lập bản vẽ khoanh vùng bảo vệ di tích cũng gặp khó khăn, vì liên quan đến nhiều cơ quan đơn vị, do phải phối hợp nhiều cơ quan nhưng mỗi cơ quan lại bận việc riêng khác nhau, nên khi tổ chức cuộc họp khoanh vùng bảo vệ di tích khó thống nhất được ngày giờ, không ít trường hợp đã thống nhất ngày giờ, nhưng một số cơ quan đơn vị do bận việc không cử được người tham dự, nên lại phải dời sang ngày khác.

Một khó khăn nữa là nhu cầu đẩy mạnh việc lập hồ sơ xếp hạng di tích để trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định xếp hạng, nhằm tạo cơ sở khoa học và cơ sở pháp lý cho việc bảo tồn phát huy giá trị di tích theo Luật Di sản văn hóa, nhưng đội ngũ cán bộ chuyên môn nghiệp vụ của Ban Quản lý Di tích và Danh lam thắng cảnh quá ít chưa đáp ứng được đòi hỏi đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ xếp hạng di tích.

Trên đây là một số thuận lợi cơ bản và một số khó khăn của việc lập hồ sơ xếp hạng di tích ở Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian qua, tin tưởng thời gian tới Thành phố sẽ có những giải pháp, cơ chế tạo thêm thuận lợi để việc lập hồ sơ xếp hạng di tích ở Thành phố Hồ Chí Minh sẽ được đẩy nhanh hơn nữa.



098

VIỆC BẢO VỆ DI TÍCH Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY CÓ NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN GÌ?

Hoạt động bảo vệ di tích là hoạt động nhằm bảo đảm cho di tích tránh bị xuống cấp hoặc bị hư hại do sự tác động của môi trường tự nhiên và xã hội, vấn đề này Thành phố Hồ Chí Minh đang gặp phải những khó khăn và có những thuận lợi là:

Trong thực tế nhiều di tích ở Thành phố Hồ Chí Minh đã và đang bị xuống cấp trầm trọng do sự tác động của thiên nhiên và cả sự tác động của con người. Nhiều di tích có niên đại cách nay hàng trăm năm, do tác động của khí hậu, thời tiết nên nhiều yếu tố kiến trúc đã bị hư hại, một phần là do sự tác động của môi trường, một phần do vật liệu cũng có tuổi thọ nhất định, như vật liệu gỗ. Nếu sự hư hại của di tích không được tu bổ, sửa chữa kịp thời thì sự hư hại ấy sẽ có ảnh hưởng dây chuyền làm cho di tích càng bị xuống cấp trầm trọng, thậm chí có thể bị hủy hoại hoàn toàn. Việc không kịp thời tu bổ sửa chữa những yếu tố bị xuống cấp dẫn đến hệ quả di tích bị xuống cấp nhanh và nhiều hơn, đòi hỏi phải có kinh phí lớn hơn để tu bổ, sửa chữa. Chúng ta đang đứng trước một khó khăn rất lớn để giải quyết những mâu thuẫn trên trước tình trạng ngày càng nhiều di tích bị xuống cấp cần tu bổ với kinh phí lớn

và khả năng đáp ứng. Yêu cầu khả năng đáp ứng là phải tu bổ sửa chữa kịp thời, đáp ứng đủ kinh phí, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người làm công tác tu bổ, sửa chữa. Thời gian qua chúng ta làm việc này còn chậm, cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ chưa đủ đáp ứng với công việc, dẫn đến tu bổ chỉ mang tính chống xuống cấp, sửa chữa, chắp vá, không đồng bộ, thậm chí có trường hợp làm giảm giá trị di tích. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là ngoài yếu tố con người (nhân sự) còn thiếu, còn yếu, mặt khác còn do quy trình, thủ tục thẩm định dự án tu bổ di tích đôi khi chậm, các định mức lập dự toán cho dự án tu bổ còn bất cập đối với loại công việc đặc thù của hoạt động tu bổ di tích. Do đó dẫn đến nhiều dự án tu bổ di tích không thực hiện được, không ít dự án khi phê duyệt để thực hiện lại chỉ có thể thực hiện được việc tu bổ mang tính sửa chữa, chắp vá tạm thời, không mang tính đồng bộ (vấn đề này đang được Bộ Văn hóa Thông tin quan tâm giải quyết).

Một khó khăn khác trong hoạt động bảo vệ di tích ở Thành phố Hồ Chí Minh là giải quyết tình trạng di tích bị xâm hại hay lấn chiếm do quá trình lịch sử để lại. Việc giải tỏa đòi hỏi kinh phí lớn, mặt khác khá nhiều trường hợp người bị giải tỏa lấn chiếm chưa nghiêm chỉnh chấp hành nhưng chưa có biện pháp chế tài và cưỡng chế cần thiết. Ban quản lý ở một số di tích đã tích cực chủ động vận động và đầu tư kinh phí để hỗ trợ lo chỗ ở cho người bị giải tỏa, nhưng do họ đòi hỏi quá đáng, trong khi đó sự hỗ trợ của chính quyền để giải quyết tình trạng này có nơi còn chưa được quan tâm đúng mức. Ngoài ra không ít trường hợp người trực tiếp quản lý, bảo vệ di tích đã cố tình sử dụng một số vị trí của di tích sai mục đích làm ảnh hưởng đến cảnh quan cũng như vệ sinh môi trường của di tích, tự ý xây dựng, sửa chữa không đảm bảo nguyên tắc khoa học làm cho di tích giảm giá trị.

Chủ trương xã hội hóa đối với việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích của Đảng và nhà nước ta là chủ trương lớn, phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Nhưng bên cạnh một số di tích được người quản lý, sử dụng di tích chăm lo bảo vệ, dành kinh phí trong khả năng để tu bổ, sửa chữa chống xuống cấp di tích, vẫn còn không ít di tích mặc dù nguồn thu được từ di tích khá lớn, có cả nguồn do bá tánh đóng góp, nhưng lại không chủ động dành phần kinh phí cần thiết, hợp lý để tu bổ, sửa chữa di tích, khi di tích bị xuống cấp lại yêu cầu nhà nước chi kinh phí tu bổ, sửa chữa.

Bảo vệ di tích ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay cũng còn gặp khó khăn trong việc giải quyết mâu thuẫn giữa bảo vệ, gìn giữ cảnh quan di tích với nhu cầu phát triển đô thị, bao gồm việc chỉnh trang nâng cấp đô thị hiện có và mở rộng đô thị (đô thị hóa). Mâu thuẫn giữa bảo vệ di sản lịch sử - văn hóa truyền thống với xu thế công nghiệp hóa, hiện đại hóa này cần phải có giải pháp đảm bảo tính khoa học.

Khó khăn trong việc bảo vệ di tích trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh còn phải kể đến khó khăn trong việc lập hồ sơ di tích đối với di tích lịch sử thời kỳ kháng chiến và cách mạng, vì việc lập hồ sơ xếp hạng di tích để di tích được xếp hạng nhằm tạo cơ sở pháp lý và cơ sở khoa học cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Khó khăn đối với việc lập lý lịch khoa học đối với loại hình di tích này là ở chỗ bởi nhiều sự kiện lịch sử và cả những chi tiết cần thiết liên quan đến sự kiện được xác lập đối với lý lịch khoa học của di tích rất cần có ý kiến, và cần được cung cấp tư liệu của nhân chứng lịch sử liên quan đến sự kiện, nhưng do hoàn cảnh khác nhau, nhiều người tuổi cao sức yếu đã qua đời, hoặc do điều kiện cuộc sống, nên đã di chuyển chỗ ở đi nơi khác, đến nay chưa xác định được.

Một số khó khăn trong hoạt động bảo vệ di tích trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như đã nêu trên là những khó khăn cơ bản nhất rất cần được khắc phục sớm, để di tích được bảo vệ tốt.

Những thuận lợi cơ bản trong hoạt động bảo vệ di tích ở Thành phố Hồ Chí Minh cũng như ở nhiều tỉnh thành khác là Luật Di sản văn hóa đã được ban hành và nghị định hướng dẫn thi hành của Chính phủ đã đi vào cuộc sống. Để hoạt động tu bổ, bảo quản, phục hồi di tích đảm bảo những nguyên tắc khoa học đã có quy chế Bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích được Bộ Văn hóa Thông tin ban hành, để có biện pháp chế tài và xử lý những hành động cố ý vi phạm làm ảnh hưởng đến di tích đã có Nghị định 31 của Chính phủ. Những văn bản pháp luật và quy phạm pháp luật được vận dụng tốt sẽ là cơ sở quan trọng trong hoạt động bảo vệ di tích trong phạm vi cả nước nói chung, ở Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

Một thuận lợi khác trong hoạt động bảo vệ di tích trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là sự quan tâm chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố và sự phân cấp cho quận, huyện chủ động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực bảo vệ di tích trong tu bổ, bảo quản di tích.

Bảo vệ di tích trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có một hệ thống tổ chức chặt chẽ từ Thành phố đến quận, huyện như Phòng Quản lý Di sản văn hóa, Ban Quản lý di tích Thành phố, các quận, huyện có các Phòng Văn hóa Thông tin, Trung tâm Văn hóa các quận, huyện trong việc quản lý nhà nước và hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ di tích trên địa bàn Thành phố.



099

NHỮNG CƠ QUAN ĐƠN VỊ TỔ CHỨC NÀO CÓ TRÁCH NHIỆM TRỰC TIẾP TRONG VIỆC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY?

Hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di tích của nước ta nói chung, hiện nay được điều chỉnh bởi Luật Di sản văn hóa đã được Quốc hội nước cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29. 6. 2001, có hiệu lực từ ngày 1. 1. 2002 và vận dụng Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11. 11. 2002 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa, Nghị định số 56/2006/NĐ-CP ngày 6. 6. 2006 của Chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động văn hóa thông tin, trong đó có mục về hành vi vi phạm di tích lịch sử văn hóa, hình thức và mức xử phạt, Quy chế Bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, được ban hành kèm theo Quyết định số 05/2003/QĐ-BVHTT ngày 6. 2. 2003 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin.

Căn cứ Luật Di sản văn hóa và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hóa ở Thành phố Hồ Chí Minh có những cơ quan, đơn vị tổ chức có trách nhiệm trực tiếp trong vấn đề này là:

Việc xếp hạng di tích để bảo tồn và phát huy giá trị, theo tinh thần điều 15 Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11. 11. 2002 của Chính phủ quy định về việc lập hồ sơ xếp hạng di tích, trong đó quy định Giám đốc Sở Văn hóa và Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện việc kiểm kê, phân loại di tích theo các tiêu chí quy định tại điều 28 Luật Di sản văn hóa. Căn cứ giá trị lịch sử - văn hóa, khoa học của di tích đã được kiểm kê, phân loại tại điều 14 của nghị định này, Giám đốc Sở Văn hóa và Thông tin chịu trách nhiệm chỉ đạo việc lập hồ sơ di tích trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét xếp hạng di tích, được quy định tại điều 31 của Luật Di sản văn hóa. Để thực hiện những nội dung này, ngành Văn hóa Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh được Giám đốc Sở Văn hóa và Thông tin chỉ đạo các đơn vị chuyên môn ngành dọc thuộc Sở về lĩnh vực bảo tồn gồm Ban Quản lý Di tích và Danh lam thắng cảnh Thành phố thuộc Sở, các Trung tâm Văn hóa hoặc Phòng Văn hóa Thông tin các quận, huyện phối hợp thực hiện lập hồ sơ xếp hạng di tích.

Theo tinh thần khoản a mục 1 điều 30 và mục 1 điều 31 của Luật Di sản văn hóa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền quyết định xếp hạng di tích cấp Thành phố và trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin quyết định xếp hạng di tích quốc gia trên địa bàn Thành phố (hồ sơ do Sở Văn hóa và Thông tin lập trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét). Để có cơ sở quyết định xếp hạng di tích cấp Thành phố và trình Bộ Văn hóa Thông tin xem xét xếp hạng di tích quốc gia ở Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố đã thành lập Hội đồng xét duyệt di tích của Thành phố làm tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

Hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích nhằm bảo tồn lâu dài và phát huy giá trị của di tích, căn cứ theo tinh thần điều 17 của Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11. 11. 2002 của Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm phê duyệt dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích cấp tỉnh theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thông tin, phê duyệt dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt thuộc nhóm B và nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, sau khi có văn bản thẩm định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin.

Đối với những công trình xây dựng có khả năng ảnh hưởng xấu đến di tích, theo tinh thần điều 18 của Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11. 11. 2002 của Chính phủ, Giám đốc Sở Văn hóa và Thông tin có trách nhiệm thẩm định dự án cải tạo, xây dựng các công trình nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích mà có ảnh hưởng xấu đối với di tích cấp Thành phố.

Đối với việc di tích cần tu sửa cấp thiết, theo tinh thần điều 11 của Quy chế tu bổ, tôn tạo và phục hồi di tích, Sở Văn hóa và Thông tin Thành phố chịu trách nhiệm thành lập và trực tiếp quản lý tu bổ, sửa chữa cấp thiết để lập báo cáo trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

Theo tinh thần Nghị định số 92/2002/NĐ-CP của Chính phủ, tại điều 49 thì Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm xây dựng quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn thành phố, tại điều 50 quy định Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện có trách nhiệm bảo vệ và phát huy giá trị di tích trong phạm vi địa phương, tổ chức ngăn chặn, bảo vệ, xử lý vi phạm, đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc xếp hạng và xây dựng kế hoạch bảo vệ, bảo quản, tu bổ và phát huy giá trị di tích, tại điều 51 quy định trách nhiệm

của Ủy ban nhân dân phường, xã tổ chức bảo vệ, bảo quản cấp thiết di tích, tiếp nhận những khai báo về di tích để chuyển lên cơ quan cấp trên, kiến nghị xếp hạng di tích, phòng ngừa và ngăn chặn kịp thời mọi hành động làm ảnh hưởng tới sự an toàn của di tích.

Tham gia hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh còn phải kể đến Phòng Quản lý Di sản văn hóa thuộc Sở Văn hóa và Thông tin, các Phòng Văn hóa Thông tin Ban quản lý di tích quận, huyện trên địa bàn Thành phố. Việc trực tiếp quản lý, bảo vệ, sử dụng để phát huy giá trị di tích ở Thành phố còn có các tổ chức như Ban Quản trị, Ban Trị sự tại các di tích đình, chùa, hội quán...

Một số cơ quan, đơn vị, nhân chứng lịch sử hoặc thân nhân của nhân chứng lịch sử đối với di tích lịch sử cách mạng cũng được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý, bảo vệ và phục vụ khách tham quan để phát huy giá trị di tích, như di tích Địa đạo Củ Chi do Bộ Chỉ huy Quân sự Thành phố quản lý, di tích Dinh Độc Lập do Ban Giám đốc Hội trường Thống Nhất thuộc Văn phòng II của Chính phủ quản lý... Những trường hợp trên là nét đặc thù trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa ở Thành phố Hồ Chí Minh.



100

XIN CHO BIẾT TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN QUẢN LÝ DI TÍCH VÀ DANH LAM THẮNG CẢNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Ban Quản lý di tích và danh lam thắng cảnh Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh số 315/QĐ-UB-NC ngày 1. 6. 1998 (gọi tắt là Ban Quản lý di tích và danh lam thắng cảnh), là đơn vị sự nghiệp, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước theo quy định. Về mặt tổ chức, Ban Quản lý di tích và danh lam thắng cảnh thành phố có một Trưởng ban phụ trách và có một Phó Trưởng ban giúp việc cho Trưởng ban. Biên chế và quỹ lương của Ban Quản lý di tích và danh lam thắng cảnh được Ủy ban nhân dân Thành phố giao chung trong tổng số biên chế sự nghiệp và quỹ lương của Sở Văn hóa và Thông tin thành phố. Hoạt động của Ban do sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Giám đốc Sở Văn hóa và Thông tin thành phố, định biên của Ban có biên chế là 13 người và 2 hợp đồng trong quỹ lương.

Ban Quản lý di tích và danh lam thắng cảnh thành phố có nhiệm vụ:

Trực tiếp quản lý các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố đã được Bộ Văn

hóa Thông tin ra Quyết định công nhận (sau này là Quyết định xếp hạng). Từ năm 2001 khi có Luật Di sản văn hóa và Nghị định 92/2002/NĐ-CP ngày 11. 11. 2002 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa, có thêm loại hình di tích cấp tỉnh, thành phố do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố ra Quyết định xếp hạng, do đó Ban Quản lý di tích và danh lam thắng cảnh thành phố có trách nhiệm quản lý các di tích được xếp hạng trên địa bàn thành phố gồm di tích quốc gia và di tích cấp thành phố. Tuy nhiên, khi Ban Quản lý di tích và danh lam thắng cảnh được thành lập, việc quản lý trực tiếp trên địa bàn thành phố đã định hình sự quản lý khá đa dạng như: các di tích thuộc dạng đình, lăng, miếu và hội quán do Ban Quản trị các cơ sở này trực tiếp quản lý, các di tích là ngôi chùa do Ban Trị sự ở chùa trực tiếp quản lý, loại hình di tích lịch sử khác thì do Trung tâm Văn hóa hoặc Phòng Văn hóa quận, huyện trực tiếp quản lý, sử dụng, phát huy giá trị di tích. Riêng đối với hai di tích như đình Độc Lập là do Văn phòng Chính phủ quản lý, di tích thuộc hệ thống địa đạo Củ chi do Bộ Chỉ huy quân sự thành phố quản lý. Do vậy, về thực chất từ khi Ban Quản lý di tích và danh lam thắng cảnh Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập đến nay về góc độ quản lý di tích, Ban chỉ làm nhiệm vụ tham mưu quản lý nhà nước cho Ban Giám đốc Sở Văn hóa và Thông tin về di tích trên địa bàn thành phố.

Ban Quản lý di tích và danh lam thắng cảnh còn có nhiệm vụ hướng dẫn các cấp, các ngành, các tổ chức, tập thể, cá nhân trên địa bàn thành phố trong việc giữ gìn, bảo quản tu bổ, tôn tạo và sử dụng di tích đúng theo quy định của Luật Di sản văn hóa, Chính phủ ra Nghị định 92/2002/NĐ-CP ngày 11. 11. 2002 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa với những quy định về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể

và di sản văn hóa phi vật thể, quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh ban hành kèm theo Quyết định số 05/2003/QĐ-BVHTT của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin ngày 6. 2. 2003, các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố. Nhiệm vụ quan trọng thuộc lĩnh vực hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của Ban Quản lý di tích và danh lam thắng cảnh đó là lập hồ sơ xếp hạng di tích trên địa bàn thành phố trình Giám đốc Sở Văn hóa và Thông tin để Sở Văn hóa và Thông tin trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền, quy định tại điều 30 và điều 31 của Luật Di sản văn hóa. Ban Quản lý di tích và danh lam thắng cảnh thành phố còn có nhiệm vụ phát hiện kịp thời những di tích bị xuống cấp để đề xuất việc tu bổ, chống xuống cấp, tu sửa cấp thiết di tích trên địa bàn thành phố; Tu sửa và nâng cấp những bia lịch sử do Sở Văn hóa và Thông tin thành phố đã dựng từ những năm trước đây.

Nhằm phát huy giá trị các di tích trên địa bàn thành phố, phục vụ khách tham quan trong nước và người nước ngoài, cũng như việc tuyên truyền và giáo dục về truyền thống yêu nước, tinh thần cách mạng của quân dân thành phố cho thế hệ trẻ của thành phố hôm nay và mai sau thông qua các di tích trên địa bàn thành phố, Ban Quản lý di tích và danh lam thắng cảnh thành phố đã thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn như:

Đối với di tích loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật đã hướng dẫn các tổ chức, đơn vị thực hiện đúng nguyên tắc tu bổ, tôn tạo, phục hồi di tích đúng nguyên tắc khoa học nhằm nâng cao giá trị của di tích.

Đối với di tích lịch sử, do đặc điểm lịch sử và tính đặc thù của loại hình di tích này, để di tích phát huy giá trị, Ban Quản lý di tích và danh lam thắng cảnh thành phố đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành nghiên cứu sưu tầm tư liệu, hiện vật và phục chế hiện vật

để trưng bày tại di tích, đây là giải pháp tốt nhất giúp cho di tích phát huy giá trị phục vụ khách tham quan. Các di tích lịch sử đã trở thành đối tượng quan tâm của nhiều khách tham quan người nước ngoài muốn tìm hiểu truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của quân dân thành phố qua các thời kỳ lịch sử, là một địa điểm giáo dục niềm tự hào về truyền thống yêu nước và tinh thần đấu tranh cách mạng của các thế hệ trước cho thế hệ trẻ ngày nay học tập và noi theo.

Để bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn thành phố, bên cạnh việc đẩy mạnh việc lập hồ sơ xếp hạng di tích nhằm bảo đảm cơ sở khoa học và cơ sở pháp lý cho việc bảo tồn phát huy giá trị di tích, hiện nay Ban Quản lý di tích và danh lam thắng cảnh thành phố đang xây dựng và triển khai Đề án nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị di tích giai đoạn 2006 đến năm 2020. Đặc biệt, để bảo tồn và phát huy giá trị di tích trên địa bàn thành phố mang tính chuyên sâu đáp ứng tính khoa học cao mà thực tiễn đang đòi hỏi, Ban Quản lý di tích và danh lam thắng cảnh thành phố đã xây dựng đề án chuyển đổi Ban thành "Trung tâm Bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh" gọi tắt là "Trung tâm Bảo tồn di tích Thành phố Hồ Chí Minh", đề án đang chờ các cơ quan thẩm quyền xem xét quyết định thành lập.

TÀI LIỆU VÀ SÁCH THAM KHẢO

- Thanh Giang: *Thành phố chúng ta*, NXB Tp.Hồ Chí Minh, năm 1980.
- Trần Hải Phụng (Chủ biên): *Lịch sử Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định (1954 – 1975)*, NXB Tp.Hồ Chí Minh, năm 1994.
- Trần Trọng Tân (Chủ biên): *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam – Thành phố Hồ Chí Minh*, tập I (1930 - 1954) Sơ khảo, NXB Tp.Hồ Chí Minh, năm 1995.
- Trần Giang: *Nam Kỳ Khởi Nghĩa 23 tháng 11 năm 1940*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 1966.
- *Địa chí Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh*, tập I, II, III, IV, NXB TP HCM năm 1998.
- *300 Câu hỏi 300 năm Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Tp.Hồ Chí Minh, báo Sài Gòn Giải Phóng, năm 1998.
- *Di tích Lịch sử Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh – Bảo tàng Cách mạng Thành phố Hồ Chí Minh,** NXB Trẻ, năm 1998.
- Đặng Văn Thắng, Vũ Quốc Hiền, Nguyễn Thị Hậu, Ngô Thế Phong, Nguyễn Kim Dung, Nguyễn Lân Cường: *Khảo cổ học tiền sử và sơ sử Thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ TP HCM, năm 1998.
- Phạm Đình Nhân: *Almanach những sự kiện lịch sử Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, năm 1999.
- Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Thành phố Hồ Chí Minh, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam - Thành phố Hồ Chí Minh, Viện Khoa học Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bảo tàng Cách mạng Thành phố Hồ Chí Minh: *Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc – Vai trò của nghiên cứu và giáo dục*, NXB Tp.Hồ Chí Minh, năm 1999.
- *Văn bia và câu đối tại Lăng Ông Bà Chiểu* - Lý Việt Dũng - *Nam Bộ nhân vật chí, Lê Văn Duyệt với vùng Nam Bộ* - Bản nguyệt san Xưa & Nay, NXB Trẻ, năm 2002.
- *25 năm bảo tồn và phát huy tác dụng di tích Lịch sử Cách mạng ở Thành phố Hồ Chí Minh* - Ban Quản lý Di tích Lịch sử - văn hóa và Danh lam thắng cảnh Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2000.

- Trần Nam Tiến: *100 sự kiện lịch sử Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh trong thế kỷ XX*, tạp chí Xưa & Nay, NXB Trẻ, năm 2001.
- *Hoành phi, bài vị ở Lăng Lê Văn Duyệt - Hải Đường - Nam Bộ nhân vật chí Lê Văn Duyệt với vùng đất Nam Bộ*, Bán nguyệt san Xưa & Nay, NXB Trẻ, năm 2002.
- *Di tích Lịch sử Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh – Một số cơ sở tín ngưỡng dân gian* - Ban Quản lý Di tích Lịch sử Văn hóa và Danh lam thắng cảnh Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2001.
- *Hồ sơ di tích lịch sử, di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia và cấp Thành phố* - Ban Quản lý Di tích Lịch sử Văn hóa và Danh lam thắng cảnh Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Luật Di sản văn hóa và Văn bản hướng dẫn thi hành*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, năm 2003.
- *Cổ vật (liễn đối, hoành phi, bài vị, văn bia, sắc phong) tại các di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia và cấp Thành phố* - Nguyễn Văn Đường - Ban Quản lý Di tích Lịch sử Văn hóa và Danh lam thắng cảnh Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện năm 2003, 2004, 2005.
- Hội Khoa học Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh - Khoa Lịch sử Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: *Hiệp định Paris về Việt Nam 30 năm nhìn lại (1973 – 2003)*, NXB Tổng hợp Tp.Hồ Chí Minh, năm 2003.
- Kỷ yếu tọa đàm khoa học: *Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử – văn hóa Dinh Độc Lập, Hội trường Thống Nhất*, năm 2003.
- Câu lạc bộ Truyền thống - Ban Liên hợp Quân sự - "Trại Davis" 823 ngày đêm, NXB Quân đội Nhân dân Việt Nam, năm 2005.
- *Tư liệu Hán – Nôm các di tích kiến trúc nghệ thuật tại Thành phố Hồ Chí Minh* - Ban Quản lý Di tích Lịch sử - văn hóa và Danh lam thắng cảnh Thành phố Hồ Chí Minh.
- Các hình ảnh trong quyển sách này là của Hải Đường và Ban Quản lý Di tích và Danh lam thắng cảnh Thành phố Hồ Chí Minh.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRẦN ĐÌNH VIỆT

ĐỖ THỊ PHẤN

Biên tập:

MINH CHÂU

Sửa bản in:

HOÀNG TÂN

Bìa:

ĐỖ TUẤN HUY

Vi tính:

KHÁNH CHI - CẨM HÀ - VĂN THÀNH

In 1000 cuốn, khổ 13,5x21,5cm tại Công ty Xuất nhập khẩu ngành in. Đóng xén tại Xưởng in và thành phẩm 93 Lê Quang Định Q.BT. Số đăng ký kế hoạch xuất bản 125-06/CXB/16-14/THTPHCM cấp ngày 20/2/2006. In xong và nộp lưu chiểu quý 2 năm 2007.



100 CÂU HỎI ĐÁP VỀ GIA ĐÌNH - SÀI GÒN TP. HỒ CHÍ MINH



NXB
TỔNG HỢP
TP. HCM

VHSG
NXB VĂN HÓA SÀI GÒN

Địa lý ở thành phố Nguyễn Đình Đầu

Khảo cổ học ở thành phố Lê Xuân Diệm

Nguyễn Thị Hậu, Nguyễn Thị Hoài Hương

Lịch sử thời kỳ trước 1802 Cao Tự Thanh

Lịch sử thời kỳ 1802 - 1875 Trần Thị Mai

Lịch sử thời kỳ 1862 - 1945 Nguyễn Nghị

Lịch sử thời kỳ 1945 - 1975 Hà Minh Hồng

Trần Nam Tiến, Lưu Văn Quyết, Hà Kim Phương

Một trăm sự kiện nổi bật ở thành phố thời gian 1975 - 2005

Trần Thanh Phương

Chiến dịch Hồ Chí Minh Hồ Sơn Đài, Trần Nam Tiến

Lịch sử Đảng bộ thành phố Phạm Văn Thắng

Di tích lịch sử - văn hóa ở thành phố

Phạm Hữu Mý, Nguyễn Văn Đường

Thủ công nghiệp ở thành phố Võ Công Nguyên

Kinh tế - đầu tư từ 1986 ở thành phố Nguyễn Hoài Bảo

Công nghiệp ở thành phố

Dương Thị Kiều Anh, Nguyễn Hoài Bảo, Phạm Hà

Ngoại thương ở thành phố

Nguyễn Hoài Bảo, Võ Tất Thắng

Phật giáo ở thành phố Trần Hồng Liên

Thiên chúa giáo ở thành phố Nguyễn Nghị

Khổng Thành Ngọc, Hoàng Minh Thức

Người Hoa ở thành phố Phan Thị Yến Tuyết

Người Chăm ở thành phố Phan Văn Döpf, Vương Hoàng Trù

Một trăm nhân vật nổi tiếng ở thành phố Nguyễn Thu Văn

Một trăm Việt kiều nói về thành phố

Nguyễn Việt Thuận, Thành Trung, Lam Điền, Tường Vân

Văn học Hán Nôm ở thành phố Nguyễn Khuê, Cao Tự Thanh

Văn học quốc ngữ trước 1945 ở thành phố Võ Văn Nhơn

Văn học thời kỳ 1945 - 1975 ở thành phố

Vũ Hạnh, Nguyễn Ngọc Phan

Văn học thời gian 1975 - 2005 ở thành phố Trần Thanh Giao

Báo chí ở thành phố Trương Ngọc Tường, Nguyễn Ngọc Phan

Sân khấu cải lương ở thành phố Nguyễn Thị Minh Ngọc, Đỗ Hương

Mỹ thuật ở thành phố Uyên Huy, Trương Phi Đức, Lê Bá Thanh

Âm nhạc ở thành phố Hoàng Hương

Kiến trúc ở thành phố Bạch Anh Tuấn

Điện ảnh ở thành phố Nguyễn Quân Bảo



Giá: 98.000đ